VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

PHẠM QUỐC BẢO * PHẠM DUY
NGUYỄN HUY CHƯƠNG
NGÔ NGUYÊN DŨNG
THẾ GIANG
NGHIÊM XUÂN HỒNG
VŨ QUỲNH HƯƠNG
TÔN NỮ NGỘ KHÊ
MINH KHÁNH * HOÀNG LIÊN
BÌNH NGUYÊN LỘC
MAI KIM NGỌC
NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÀN
ĐỊNH NGUYÊN * BẮC PHONG
ĐẶNG PHÙNG QUÂN
VŨ HUY QUANG * CUNG TIẾN
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG
NGUYỄN BÁ TRẠC * NGU YÊN

số 8,9 tháng 10/86

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

Văn Học: *Thư toà soạn, trang 1. Nhà văn Vũ khắc Khoan đã từ trần, trang 3.* * **Tạ chí Đại Trường** : *Một trú sở Việt của Thần linh, trang 5.* * **Nghiêm xuân Hồng** : *Bội tâm hành, thơ, trang 8.* **Bình Nguyên Lộc** : *Tìm hiểu truyện Kiều, trang 19.* * **Định Nguyên** : *Đợi em ta đợi đến bao giờ ?, thơ, trang 25.* * **Mai Kim Ngọc** : *Vợ chồng, truyện ngắn, trang 27.* * **Nguyễn huy Chương** : *Thơ, trang 65.* * **Phạm Quốc Bảo** : *Ngã rẽ, truyện ngắn, trang 67.* * **Đặng Phùng Quân** : *Sinh nhật, thơ, trang 83.* * **Cung Tiến** : *Hoà âm và âm nhạc Tây phương thế kỷ thứ 20, trang 84.* * **Minh Khánh** : *Thuyền, thơ trang 99.* * **Nguyễn đức Bạt Ngàn** : *Thơ, trang 100.* * **Vũ Quỳnh Hương** : *Miền vĩnh phúc, truyện, trang 101.* * **Nguyễn bá Trạc** : *Bản nháp vài trang tiểu thuyết của một người di cư nhức đầu vừa phải, tùy bút, trang 149.* * **Thế Giang** : *Chỗ nước đọng, truyện, trang 155.* * **Tôn nữ Ngộ Khê** : *Giọt lệ này, thơ, trang 159.* * **Thế Giang** : *Ba thằng cuội giời, truyện, trang 160.* * **Bắc Phong** : *Nhục nước, Ý thơ, trang 166.* * **Phạm Duy** : *Thời kỳ thành lập : Xu hướng nhạc hùng, trang 167.* * **Ngô Nguyên Dũng** : *Chia nhau những tờ thu phong, thơ, trang 172.* * **Vũ huy Quang** : *Trưa nắng, thưa các anh, tùy bút, trang 173.* * **Ngu Yên** : *Thuật ký pháp của thơ, trang 178.* * **Hoàng Liên** : *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký, trang 191.* * **Hộp thư toà soạn** : *Bài nhận được,Sách mới,trang 200.*

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove Cali, USA, 92 643. Phone : (714) 838 8432

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

Giá bán lẻ : US $ 4.00

NVPrinting (714) 897-3628

Thư toà soạn

Sau một tháng chấn chỉnh lại việc quản trị trong toà soạn, Văn Học số đôi 8 & 9 lại đến tay quí bạn, với chiều dày y như một cuốn sách trang nhã và có nội dung đa diện phong phú.

Cũng nhờ chiều dày cho phép của một số đôi, Văn Học có thể giới thiệu cùng một lúc với quí bạn ba nhà văn, mà theo nhận định của Văn Học, đã viết được những truyện ngắn thật độc đáo tại hải ngoại.

Đầu tiên là nhà văn Mai Kim Ngọc, *ở Villa Park, Nam Cali Hoa kỳ. Mặc dầu đây là truyện ngắn đầu tiên được cho đăng báo, Mai Kim Ngọc đã chứng tỏ cho thấy một tài năng vững vàng, một bút pháp tinh luyện, một lối ghi nhận đời sống tế nhị và lãng mạn. Tuy Mai Kim Ngọc viết về cái chết, từ truyện* Vợ Chồng *của tác giả toát ra một không khí êm ả, thơ mộng , trầm tĩnh, được rất nhiều mầu sắc Đông phương tuy nhân vật truyện là người Tây phương.*

Cũng lấy đề tài từ cái già, cái chết, Vũ Quỳnh Hương *đã viết được một truyện ngắn (có thể gọi là trung thiên hay truyện vừa cũng được) thật đặc sắc. Với* Miền Vĩnh Phúc, *nhà văn nữ hiện định cư tại San Jose Bắc Cali Hoa kỳ này đã trở thành một cây bút chuyên nghiệp, đủ bản lãnh đề cập tới những đề tài phức tạp, những tâm lý rắc rối, và quí hơn nữa, là đã tạo được một "khí hậu" riêng làm bản sắc cho mình.*

Nhà văn thứ ba Văn Học muốn giới thiệu là Thế Giang, *hiện định cư tại Tây Đức. Là một thanh niên sinh ra và lớn lên dưới chế độ cộng sản Bắc Việt, Thế Giang thấm thía hơn ai hết nỗi thống khổ ê chề của người dân dưới chế độ Hà nội. Sự đau khổ, và cả lòng căm thù, đều cô quánh lại, thành những nét sắc, bạo, và gọn. Đọc hai truyện* Vũng nước đọng, *và* Ba thằng cuội giời *trên Văn Học số này, bạn đọc sẽ thấy Thế Giang có lối viết chẳng khác nào lối viết của Lỗ Tấn hoặc Nam Cao.*

Văn Học Nghệ Thuật, và Văn Học gần hai năm qua đã hân hạnh đăng được những truyện ngắn có tầm vóc lớn lao như Em điên xõa tóc *của Kiệt Tấn,* Một buổi diễn kịch *của Nhật Tiến,* Tạp chủng *của Hồ trường An,* Bóng đêm cuối cùng *của Phan thị Trọng Tuyến...những truyện ngắn làm hãnh diện cho sự sáng tạo trong tự do ở hải ngoại.*

Giờ đây, Văn Học lại được hân hạnh giới thiệu cùng trên một số báo bốn truyện ngắn xuất sắc khác, chưa kể những bài khảo cứu công phu về âm nhạc , sử học, thi ca của Phạm Duy, Cung Tiến, Tạ Chí Đại Trường, Ngu Yên, và các mục thường xuyên .

Văn Học là diễn đàn giới thiệu phổ biến những sáng tác, nghiên cứu giá trị tại hải ngoại. Nhờ sự ưu ái ân cần của rất nhiều bạn đọc, nhất là trong một tháng tạm nghỉ để chấn chỉnh quản lý, ban chủ biên Văn Học tin rằng từ đây Văn Học sẽ càng ngày càng khởi sắc hơn, và đến tay bạn đọc đều đặn mỗi đầu tháng.

Văn Học

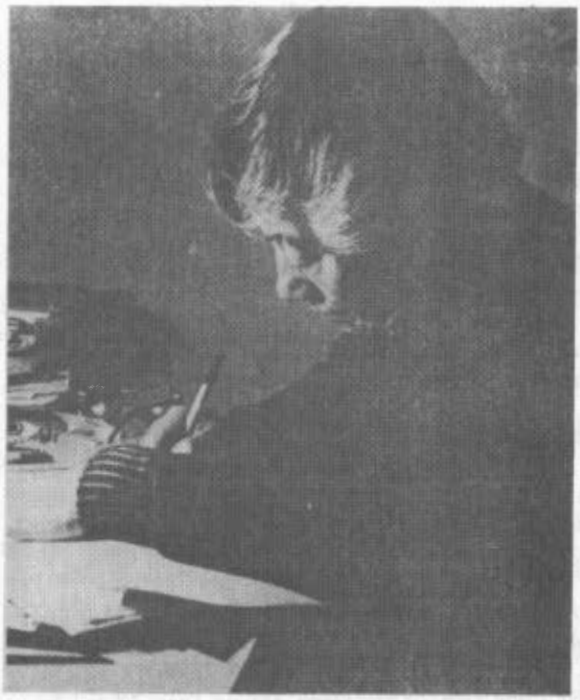

Chân dung nhà văn Vũ khắc Khoan.

Nhà văn Vũ Khắc Khoan đã từ trần

Nhà văn Vũ Khắc Khoan, tác giả những tác phẩm *Thần tháp rùa, Thành Cát Tư Hãn, Ngộ nhận, Mơ Hương cảng, Những người không chịu chết, Tìm hiểu sân khấu chèo, Ga xép*...vừa từ trần tại Minnesota Hoa kỳ ngày 13 tháng 9 năm 1986, hưởng thọ 70 tuổi.

Vũ Khắc Khoan là một nhà văn, một kịch tác gia hàng đầu của Việt Nam, đồng thời cũng là thành viên quan trọng của nhóm *Quan điểm*. Tập truyện ngắn *Thần*

tháp rùa của ông là một tác phẩm chống cộng sâu sắc, đồng thời đề cao tinh thần dấn thân của tầng lớp trí thức trước vận mệnh đau thương của dân tộc.

Nhưng đóng góp lớn lao nhất của nhà văn Vũ khắc Khoan cho văn học nghệ thuật tự do tại Việt Nam là kịch nghệ. Các vở kịch *Thành Cát Tư Hãn, Ngộ nhận, Những người không chịu chết* đã ảnh hưởng lớn lao đến giới sinh viên học sinh Việt Nam trước 1975, và được trình diễn nhiều lần trên sân khấu đại học cũng như trên vô tuyến truyền hình.

Nhà văn Vũ khắc Khoan cũng là chủ nhiệm của tạp chí *Vấn Đề*, một tạp chí nghiên cứu tư tưởng và sáng tác văn chương quan trọng .

Cái chết của nhà văn Vũ khắc Khoan là một mất mát lớn lao của văn học nghệ thuật Việt Nam.

Tất cả những người cầm bút hải ngoại đau xót báo tin buồn này cho quí bạn đọc. Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến, và cầu chúc cho linh hồn nhà văn Vũ khắc Khoan được thanh thoát nơi cõi Vĩnh Cửu.

Ô.B Võ Phiến, Mai Thảo, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Trần ngọc Ninh, Nguyễn đình Hoà, Phạm Duy, Nguyên Sa, Tạ Tỵ, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Đoàn Thêm, Cao Tiêu, Cung Tiến, Lê huy Oanh, Đỗ quí Toàn, Nhật Tiến, Lê tất Điều, Minh Đức Hoài Trinh, Túy Hồng, Viên Linh, Phạm công Thiện, Lôi Tam, Hoàng anh Tuấn, Duyên Anh, Hà huyền Chi, Huy Lực, Kiêm Thêm, Du Tử Lê, Nguyên Vũ, Trúc Chi, Đỗ tiến Đức, Linh Bảo, Hạ quốc Huy, Hoài điệp Tử, Nguyễn đức Bạt ngàn, Đặng Phùng Quân, Nguyễn văn Sâm, Tuấn Huy, Trần hoài Thư, Thi Vũ, Hà thúc Sinh, Phan lạc Tiếp, Vi Khuê, Thái tú Hạp, Luân Hoán, Nguyễn xuân Quang, Hoàng ngọc Ẩn, Đào trung Đạo, Trùng Dương, Hồ trường An, Phạm quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình, Nguyễn mộng Giác, Nguyễn xuân Hoàng, Nguyễn đức Lập, Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn tất Nhiên, Hoàng khởi Phong, Bùi vĩnh Phúc, Vũ huy Quang, Nguyễn bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ thắng Tiết...

Tạ Chí Đại Trường

Một trú sở Việt của Thần Linh Cái Đình Làng

Tên gọi một kiến trúc thờ cúng Việt đã được L. Cadière chỉ một cách khá xác định trong mức độ tổng quát như sau:

— *nhà thờ* là của gia đình;

— *đình* là nơi thờ thành hoàng đồng thời là nhà chung của làng xã;

— *miếu* dành cho các thần được thờ cúng đều đặn, liên tục;

— *đền, phủ* là nơi thờ cúng của Đạo giáo;

— *chùa* hay *am* là nơi thờ cúng của Phật giáo.

Tuy nhiên, L. Cadière cũng thấy rằng các định nghĩa trên chưa được xác đáng lắm vì các từ trên có thể tùy nơi mà áp dụng cho các cấu tạo kiến trúc khác nhau (1). Ông không nói chi tiết, nhưng chúng ta có thể thêm rằng từ *am* có thể là chùa nhỏ, nhưng cũng là để chỉ một dạng xuất phát từ khía cạnh hành đạo của Phật giáo, nơi thờ cúng hồn ma vô chủ: *am chúng sinh*. Trú sở thần linh của Đạo giáo ngày xưa có tên là *quán* và ở một vài nơi ngày nay được gọi là chùa như các chùa Minh sư ở Nam bộ hay chùa Trấn Vũ (Hà Nội), chùa Quan-đế...

Không nên lấy làm lạ về điều này. Gọi là Đạo giáo chẳng qua là muốn sử dụng một từ có sẵn của Trung Quốc nhưng có thể mở rộng ra để gọi là một hệ thống thần linh giáo, trong đó vài hình dạng ít có sự phân biệt với một Phật giáo tàn tạ giáo lí đã trở thành một đa thần giáo. Sự biến đổi của thế lực nắm quyền thờ cúng cũng làm phức tạp thêm các danh xưng vốn là từ vay mượn của Trung Quốc nhưng đã có một nội dung khác. Đó là trường hợp cái đình.

I- Những cách nhìn về cái đình làng

Khởi đầu việc nghiên cứu có hệ thống làng xã Việt Nam là do các viên chức cai trị người Pháp thực hiện từ khi họ chiếm lĩnh

thuộc địa này. Quân đội viễn chinh đã khuất phục được tầng lớp lãnh đạo bản xứ thì giới dân sự, hay các quân nhân làm việc hành chính, phải lo công việc tìm hiểu dân thuộc địa qua các cơ cấu căn bản là làng xã. Từ điều này dẫn họ đến cái đình làng mà một người đã thấy nó có nhiệm vụ phức tạp: làm nơi thờ thành hoàng, họp việc làng, nơi trú của khách lỡ độ đường và nhà hát.(2)

Nhưng các quan sát buổi đầu vẫn còn thuộc phần ngoại hình và khái quát dù rằng G. Goulet đã có nhiều ghi nhận hơn và muốn đi đến một giải thích việc thờ thành hoàng ở làng. (3) Theo ông, việc thờ cúng thành hoàng chỉ là sự tiếp nối ở cơ sở chính trị là làng xã của việc thờ cúng tổ tiên nơi các gia đình, thành phần của làng xã ấy. Thờ cúng tổ tiên là tượng trưng cho gia đình và sự truyền dòng của nó, còn thờ cúng thành hoàng tượng trưng cho làng xã và sự tồn tại liên tục của cơ sở này. Như vậy, tuy không thấy bàn đến vấn đề trú sở của thần, ta cũng dễ bị dắt đến việc cho rằng đình làng có từ rất xưa, từ lúc trong sử kí có xác nhận việc thành lập làng xã (và phường hội), theo G. Goulet.

Sinh hoạt của đình và làng còn có điểm phải giữ cách biệt với người ngoài làng, huống nữa là đối với người ngoại quốc. Cho nên, nghiên cứu về đình, nói về đình với nhiều chi tiết hơn, việc đó phải dành cho người Việt Nam, từ những nghiên cứu theo khuôn khổ đến những bài phóng sự, điều tra được vẻ mỉa mai, phản kháng một cơ chế truyền thống. Từ trong những bài viết ấy, có lúc ta gặp những giải thích về nguồn gốc của đình thật xa xưa, gắn liền với một định kiến về tính cách tự trị của làng xã như một đặc điểm của xã hội truyền thống Việt Nam.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Khoan (4) dừng lại ở phạm vi khảo tả, nhưng những người khác nhìn vào hình dạng trú sở của Thần đã khiến ta nghiêng về một nguồn gốc xa xưa của tục lệ. L. Bezacier cho đình có nguồn gốc phương nam (không phải là Trung Quốc), Nguyễn văn Huyên thấy đình Đắc Sở giống nhà của dân Minang Kabau (Sumatra) có liên hệ đến ngôi nhà trên các trống đồng Đông Sơn loại xưa nhất (5). Có thể nghĩ rằng, các lối thờ cúng quái dị với tục lệ "hèm" khiến ta dễ liên tưởng thêm rằng đây là một sự bảo lưu các tín ngưỡng có tự lâu đời đã gắn liền với nhau từ khởi thủy của tập hợp người Việt.

Trong một luận án luật, Vũ Quốc Thúc đã mở rộng vấn đề, giải thích tầm quan trọng của cái đình trong tính cách tự trị của làng xã, đặc điểm suốt phần lớn chiều dài lịch sử Việt. Theo ông, sự thờ cúng thành hoàng đặt cơ sở cho một chừng mực tổ chức của làng xã vốn được cai trị bằng truyền thống dưới quyền lực của làng xã, đặc điểm suốt phần lớn chiều dài lịch sử Việt. Theo ông, sự thờ cúng thành hoàng đặt cơ sở cho một chừng mực tổ chức của làng

xã vốn được cai trị bằng truyền thống dưới quyền lực của những người già (gérontocratie). Dân phải lập bàn thờ, bầu người chủ nghi lễ (người già nhất: tiên chỉ), sắp đặt thể thức cúng kiếng... Từ uy tín chủ lễ tôn giáo đó, hội đồng người già sẽ được công nhận giải quyết những vấn đề ngoại tín ngưỡng: giữ an ninh trong làng xã, thu xếp việc làng, hòa giải... Và nhà nước trung ương rốt lại phải công nhận tính cách tự trị đó, chỉ đem phủ lên trên hệ thống cai trị kì lão có sẵn một hệ thống phong kiến để đem làng xã vào phạm vi quyền uy của mình. Trú sở thành hoàng là cái đình cũng là "trú sở độc nhất ở mọi thời đại dành cho việc cai trị làng xã". Từ những trình bày đó, qua lối phân kì về sự phát triển kinh tế Việt Nam, ta suy đoán rằng ông cho cái đình xuất hiện trong thời Bắc thuộc, sớm nhất là sau "thời kì kinh tế nguyên thủy" chấm dứt với sự nổi dậy của hai bà Trưng. (6)

Như thế vẫn là không hợp với ý của Nguyễn văn Huyên, L. Bazacier muốn kéo nguồn gốc đình về một yếu tố văn minh Nam Á và điều này, trong hiện tại, trở thành một khẳng định khó lay chuyển.

Các ông Trần Quốc Vượng, Trịnh Cao Tưởng (7) trong khi khảo sát một trú sở của thần ở thôn Láng Hạ, phường Yên Lãng (Hà Nội) thấy nó mang các tên khác nhau đồng thời: đền Ứng Thiên, đền Hậu Thổ, đình Láng Hạ, đình Nhà Bà, còn cấu trúc thì mang đặc điểm của đền - đình - chùa. Tìm tòi, đối chiếu với các tài liệu lịch sử, các tác giả cho rằng nguyên gốc nó là một nơi thờ thần mẹ Đất, sau thành đền Hậu Thổ và đến thế kỉ XVI thì thành đình. Về ngôi đền này, ta sẽ bàn nơi khác, ở đây ta lưu ý đến căn cứ suy luận của tác giả một phần dựa trên lí do: trên thư tịch, đình có dấu vết xưa nhất là năm 1522, còn dấu vết vật chất thì có thời điểm chung chung là thế kỉ XVI, nghĩa là cũng cùng thời gian ghi lại của thư tịch, một lần.

Tuy nhiên, trong "Tổng kết tình hình thảo luận ở tiểu ban thời đại phong kiến" trong hội nghị 1982 đó, "các nhà nghiên cứu dân tộc học cho rằng việc chuyển hóa từ đền sang đình ở làng Láng Hạ... chỉ có thể coi như một trường hợp biệt lệ. Nguồn gốc *nhà công cộng* của đình vẫn chưa thể bác bỏ được". Nên nói thêm, hai tác giả trên cũng có nhắc đến loại nhà công cộng gốc của đình, tương tự như ngôi nhà *rông* còn lại ở Tây Nguyên ngày nay. Thực ra, nếu chịu khó suy nghĩ thì người ta có thể thấy trường hợp ở làng Láng Hạ đã xảy ra ở nhiều nơi khác. Ví dụ đền Phù Đổng cũng là đình làng này.(8) Nhưng việc bài bác nguồn gốc xa xưa của đình cũng không phải đợi đến nửa thế kỉ này mới gợi nên. Có điều người trình bày vấn đề lại đặt luận cứ vào một hình loại văn học, không đủ tính nghiêm túc cho các học giả khoa bảng lưu tâm.

Tập hợp bài viết "Tập án cái đình" của Ngô Tất Tố(9) xuất hiện trong một khung cảnh xã hội, chính trị của thuộc địa Đông Dương trước thế chiến II, lúc vấn đề nghèo khổ, lạc hậu của nông thôn miền Bắc được đưa ra mổ xẻ, tìm tòi nguyên nhân, nhân đó va chạm đến cả mối tin tưởng về sự tốt đẹp của cơ cấu làng xã truyền thống, cùng lúc với những đòi hỏi cách tân sôi nổi ở miền Bắc từ cuối những năm 20 qua thập kỉ 30. Làng xã phơi bày những xấu xa qua các tiểu thuyết tả thực, các bình luận, lời, tranh khôi hài, nhạo báng, các bài phóng sự, trong đó có "Tập án cái đình" và một tác phẩm khác cũng của Ngô Tất Tố: *Việc làng*.

Tuy lí lẽ của ông Ngô Tất Tố về lịch sử ngôi đình được đặt vào một phát biểu ở bàn rượu thịt, nhưng ta không thể bỏ qua được. Tác giả để một "túc nho" nói, có dẫn chứng "một quyển sách, quên mất tên" và có lẽ vì chỉ "nhớ mang máng" nên cho rằng chỉ hợp với chuyện văn chương nhàn đàm, không đủ cho đưa vào những khảo luận của chính ông, nhưng ta thấy đó vẫn là những dẫn chứng có một chừng mực căn cứ theo các tài liệu đáng tin để lại.(10)

Theo nhân vật của Ngô Tất Tố, hay theo chính ông, thì về mặt nguồn gốc theo sát ngữ nguyên, *đình* vốn đặt ra từ thời Tần, Hán, được xây cất trên đường các vùng hương thôn Trung Quốc, 5 dặm một cái nhỏ, 10 dặm một cái lớn, là cái quán làm nơi hành khách nghỉ chân và là chỗ cung ứng những cuộc đưa tiễn. Văn chương cổ điển Trung Quốc, Việt Nam đầy những chứng dẫn về điều này. Đình đi theo Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp... vào Việt Nam, nhưng tục thờ cúng ở đình là bắt đầu từ thời Lý, khi vua bắt buộc các đình trong dân gian phải dựng các tượng Phật để thờ. Đình còn dùng làm hành cung của vua, nên trong đình có sập ngự, có hoành biển: "Thiên tử vạn niên", "Vạn thọ vô cương", "Thánh cung vạn tuế".(11) Đến đây, một đoạn văn bị kiểm duyệt bỏ khiến ta không biết đình còn có công dụng gì nữa mà tác giả có câu kết luận "Cái đó mới thật vô ý thức".

Nhưng chuyện nghiêm túc vào lúc khởi thủy như thế thì không hợp với cảnh đang diễn ra trước mắt mọi người của thiên phóng sự. Lịch sử ngôi đình đi đến giai đoạn suy đồi vì một nhân vật lịch sử vì lí do chính trị đã thay đổi sinh hoạt làng xã. Vẫn theo Ngô Tất Tố, chính Trần Thủ Độ đã dùng đình làm chỗ ăn uống hội họp để thần dân quên ơn nhà Lý mà yên tâm phục vụ triều mới. Ông phong những kẻ có công với nhà Trần là thành hoàng lúc chết đi, đời đời được hưởng tế tự trong đình; ông đặt ra trật tự ngôi thứ chốn đình trung người có quan tước ngồi trên, ăn phần hơn, có quyền sai bảo người ở địa vị thấp kém. Lệ ăn uống sinh ra từ đấy... và cái đình gạch gỗ phải gánh chịu những điều tiếng về tệ nạn hào lí, về sinh hoạt sa đọa của làng xã, cái đình trở thành một biểu

tượng của một quá khứ xấu xa còn rơi rớt và ảnh hưởng đến trong hiện tại, cái đình cần phải đánh đổ: Hoàng Đạo đã ghi làm một trong MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM của thanh niên trước thế chiến II là *phá đình*, một việc sẽ được thực hiện sau tháng 8, 1945, không phải bởi các đồ đệ của Tự Lực Văn Đoàn.

Trở lại vấn đề lịch sử ngôi đình, các tác giả ngày nay tuy không thể xa rời cách giải thích chính thống, vẫn phải nói đến nhà rông, nhà sàn Đông Sơn, nhưng trong lãnh vực chuyên môn của mình, họ đã *dựa trên kiến trúc, điêu khắc của các ngôi đình còn lại, thuộc các thời đại khác nhau, nghĩa là dựa trên các chứng liệu cụ thể* để vẽ ra đường nét tiến triển của một dạng hình, kiểu thức, từ đó bàn đến những đổi thay liên quan đến tổ chức làng xã, điều mà nếu cứ dựa vào sự ràng buộc của định kiến, người ta dễ dẫn đến ý tưởng về sự trì chậm, bất động nữa, của xã hội xưa.(12)

Ngôi đình có lịch sử của nó, quả thực có sắc thái riêng biệt của một xuất hiện bản xứ, nhưng không phải là khởi điểm, hay gắn liền với khởi điểm của làng xã Việt Nam mà chỉ là một khâu giữa chừng trong dòng tiến triển của xã hội Việt Nam. Nó phải mang những dạng hình phức tạp của một cơ cấu thỏa hợp rồi từ tính chất biểu tượng của một lề lối thờ cúng lại làm nơi thu hút quây quần của sinh hoạt trong một tập hợp dân chúng và do đó phối hợp với những điều kiện lịch sử khác, tạo nên bản sắc cho tập hợp để người về sau có thể khẳng định về một sự tự trị của làng xã, về một tính chất "dân chủ" mang ý thức tự tôn, biện giải hơn là đúng với thực tại của xã hội Việt Nam.

II- "Tiểu sử" của Đình Làng

Chúng ta trở lại với chức năng đa dạng của ngôi đình, không để lóa mắt vì tính cách thiên trọng về một khía cạnh nào đó.

Chính sự đặt để ra yếu tố nào là quan trọng đã dẫn đến cách giải thích về nguồn gốc đình. Ví dụ khi nhìn vào chức năng thờ thần với yếu tố tôn giáo tràn ngập mà có người cho rằng cái đình là cỗi gốc sinh ra cơ chế xã hội làng xã và như thế, nó xuất hiện ngay từ buổi đầu tiên của tập hợp dân chúng dưới sự điều khiển của hệ thống kì lão. Cũng đi đến một kết luận tương tự nhưng gạt bỏ khía cạnh tôn giáo để nhìn vào những con người tập hợp ở một trú sở với mục đích giải quyết những vấn đề của cuộc sống, người ta coi đình là dạng của ngôi nhà làng mà hình ảnh còn lại do khoa dân tộc học đưa ra là ngôi nhà rông ở Tây Nguyên ngày nay.

Nhưng thực ra, nếu xét kĩ những xuất hiện nổi bật của một cơ chế thì thấy chúng chỉ phản ánh khía cạnh sinh hoạt đương thời thích ứng nhất với nhu cầu thời đại chứ chưa hẳn chúng đã có tầm mức quan trọng, ví dụ như trong hiện nay ngay từ buổi ban đầu

hay cả trong thời gian tiến triển dài của chúng. Và như thế những yếu tố phụ thuộc, thứ hạng trong hiện tại vốn có thể là to lớn hơn trong quá khứ khi cơ chế chưa chuyển biến theo một hướng khác. Ví dụ như ở đây, tính chất nhà trọ của ngôi đình tuy "chỉ được một vài tác giả chỉ ra"(13), nhưng rõ ràng đó là tàn dư của một chức năng quan trọng của nó trước kia, tàn dư cũng còn được chứng dẫn nơi khác, ở lời tục "ăn quán ngủ đình" được sử dụng với ý nghĩa giá trị thấp kém hợp với tính cách tàn dư nọ.

Cũng không nên quên vấn đề danh xưng. Tên thì chỉ có một, nhưng đình của một nơi tụ tán, của một cơ sở xây cất hưởng thụ quí phái hẳn là phải khác cái đình làng. Nhưng nơi thờ cúng thành hoàng của làng xã đã mang chữ đình thì hẳn phải có dính líu với cái đình xưa, và đồng thời với nó theo với chức năng đã tách biệt: đình trạm, đình quán, đình trọ là tình trạng tiền thân của đình làng và tiền sử, sơ sử của đình làng phải tìm trong sự tiến triển của công năng của đình trạm, đình quán.

Chữ "đình" đi vào đất Việt là theo chân các quan lại Trung Quốc đúng như bậc đại nho nào đó đã chỉ cho ông Ngô Tất Tố, không cần phải rõ rệt là Tích Quang, Nhâm Diên hoặc Sĩ Nhiếp. Nhưng các đình này chỉ làm nhiệm vụ chỗ trú chân của dân chúng, nơi hưởng thụ của quan quyền trước hết. Các vị thần không được thờ ở đây mà là ở trong các trú sở riêng biệt gọi là đền, miếu, từ... Tất nhiên là nói đến các vị thần được người cầm quyền công nhận, cho nên không loại trừ đình trạm ngay lúc đầu đã có một hình thức cúng bái nào đó về một vị thần ngẫu nhiên, về một con tinh, con ma quen thuộc của tầng lớp thấp. Mà ngay đối với tầng lớp cao, vẫn có một loại thần hạ đẳng trông coi đình quán: thổ công, thổ địa.

Hình thức đình (trạm, quán) vì có chức năng xã hội rõ rệt nên vẫn tồn tại khi một bộ phận của nó đã rẽ đường biến thành đình làng. Sẽ bàn sau về sự chuyển đổi này. Hình thức đình quán tồn tại ở thôn quê miền Bắc ít ra là trước 1945 là cái *nhà công quán*.(14) Đoạn khảo tả về sinh hoạt liên quan đến cái nhà này trong làng xã, đối với các tài liệu quá khứ còn lưu giữ. Công quán, mỗi thôn có một cái, làng to, mỗi xóm một cái, có dạng từ thấp kém là cất bằng tre nứa đến dạng cao cấp là bằng gạch ngói. Ban đêm đó là nơi tuần phu canh giữ, ban ngày làm chỗ cho dân làng hội họp khi có việc hay làm chỗ đi lại nghỉ ngơi, cũng gọi là điếm sở. Điếm sở trong làng thì có công nho dựng lên, quán ngoài đồng thì hoặc của công, hoặc của tư gia xuất tiền làm phúc.

Chỗ nào có người là có thần, hai mặt vô hình, hữu hình làm nên tính chất toàn vẹn của đời sống con người: "đất có thổ công, sông có hà bá". Quán có tế lễ mỗi năm vào đêm trừ tịch, đầu mùa xuân, ngày rằm, mùng một của ba tháng hè, có cúng thổ công, ma

âm hồn ('quan chúng sinh'). Một sinh hoạt kín vòng đủ làm cơ sở phát triển cho một đã bung ra to rộng hơn.

Tài liệu thư tịch ghi nhận chữ "đình" (trạm) xuất hiện vào đời Lý và Trần.(15) (Bậc túc nho của ông Ngô Tất Tố vì 'nhớ mang máng' nên có phần sai đúng lẫn lộn.) Sự việc ghi vào đầu đời Trần (1231), 5 năm sau khi chuyển đổi triều đại, cho ta biết rằng đình trạm dưới đời nhà Lý được lập ra dọc đường để người ta nghỉ chân, tránh mưa nắng. Tình trạng đình khá khang trang nếu ta vin vào chi tiết có vách trát vôi trắng. Trạm Hoài Viễn do Lý Thái Tổng lập (đầu năm 1045) chắc là bề thế hơn vì đây là nơi để đón tiếp sứ thần các nước. Bia chùa Linh Xứng (16) dựng năm 1126 tả: *"Kề sông có một đình nhỏ. Thường thường thuyền bè qua lại dừng đó nghỉ ngơi."* Nội dung đình trạm nói trong sử thật rõ rệt ở đây.

Cũng không nên vì chữ đình gốc Hán mà nghĩ rằng loại tổ chức này chỉ duy nhất có nguồn gốc Trung quốc. Một xã hội có tổ chức chính quyền đa diện ở tầm mức cao thì phải có hệ thống giao thông liên lạc, an sinh xã hội tương ứng. Cái đình này mang ý nghĩa Phật giáo, cũng sẽ (có căn bản từ nửa đầu thế kỉ XI) phát triển thành cái tha la của vương triều Angkor ở phía nam.(17) Nội dung Phật giáo của tổ chức đình trạm hợp với thời đại đó hơn là sự bắt chước từ một cơ cấu mang tính cách duy lí của Trung Quốc. Chứng dẫn về sau là sự chuyển tiếp sang hình thức khác ở đời Trần như sẽ thấy.

Tư liệu văn bia nữa chỉ cho ta một loại đình khác. Bia 'Phụng thánh phu nhân Lê thị mộ chí' (1173) nhắc đến 'một cái ao nằm ở xứ Đầu đình.(18) Nếu ta chú ý đến địa vị của Phụng thánh phu nhân (dòng dõi Lê Đại Hành, cháu Lê Long Đĩnh, nhất là vợ Lý Thần Tông) thì đây là một cái đình trạm có mục đích sử dụng cho tầng lớp cao hơn: đình nghỉ chân của vua chúa, một hành cung thuộc loại xây cất thật nhiều trong đời Lý mà kết cấu hẳn không khác nhiều với các đình trạm dọc đường khi ta nhìn vào tình trạng sống như một điền chủ theo sát ruộng đất của họ.(19) Cho nên, cái 'đình cũ' ở xã Nhân Mục năm 1522 Lê Chiêu Tông tránh Mạc Đăng Dung đến ở, rõ ràng là một hành cung cũ chứ không phải là cái đình làng như ông Trần Quốc Vượng xác định. Lê Chiêu Tông trong nhiều năm đã bỏ kinh thành trú ở dinh này, đường nọ và đến năm này (1522) vì chống Mạc mà lại phải chạy ra ngoài với cả một triều đình thì lưu lạc tấp vào một hành cung cũ hơn là một đình làng bỏ hoang.

Thế rồi, nhà Trần, hay đúng hơn Trần Thừa, cha Trần Thái Tông, đã đem lại một nội dung mới cho đình trạm: nhớ đến một dịp gặp gỡ thời hàn vi ở nơi nghỉ chân loại này, ông ra lệnh lập tượng Phật đặt thờ nơi ấy. Đình trạm trở thành một ngôi chùa

không có sư trụ trì. Thiếu hệ thống giáo sĩ, tượng Phật trở thành một thứ tượng thần nhưng vẫn có một địa vị cao hơn, nên đình trạm, bây giờ có thể gọi là *đình thờ Phật*, khi phát triển ra, có một lối thờ cúng được trông coi bởi những người thế tục: ông từ ở các đền khác bây giờ xuất hiện ở đây.

Ranh giới xếp nếp của chùa, đình làng, đình thờ Phật nổi lên trong hành trạng của một nhân vật ở thôn quê làm binh biến rốt cục để cho các quan thừa hưởng, dẫn đến sự thay đổi triều đại. Theo sử, Trần Cảo nổi lên ở *chùa* Quỳnh Lâm, quân lính đều cạo trọc đầu, chiếm kinh thành vào tháng 5 âm lịch (1516) chỉ được vài ngày, nhưng cũng xưng đế được và truyền ngôi cho con cũng có niên hiệu hẳn hòi. Ông không phải là một nhà sư vì chức Thuần mỹ điện giám của sử ghi lại không phải là một chức quan mà chỉ có thể hiểu nôm na là 'ông từ' của một cơ sở thờ cúng đậm nét Phật giáo ở quê hương ông là trang Dưỡng Châu. Tài liệu ngoại quốc(20) cho biết thêm một chi tiết: đó là ông quan đốt hương ở đình làng (*xã đường* thiêu hương quan). Nhưng Trần Cảo có dáng rõ rệt là một Phật tử trông coi một đình thờ Phật hơn là một đình thờ thần thành hoàng. Có lẽ vì hành trạng đó mà các nhà cổ tiền học ngày nay cho rằng đồng tiền *Phật pháp thông bảo* là của Trần Cảo đúc.(21) Cái đình thờ Phật của Trần Cảo là dấu hiệu cuối cùng biết được của một quyết định từ nửa đầu thế kỉ XIII của Trần Thừa. Đình của Trần Cảo nằm trong sự triển khai chính thống từ Trần Thừa tuy rằng thời gian đã kéo qua triều đại khác và nó cũng đã phải chịu những ràng buộc khác.

Quyết định 1231 lại mở đường cho một nhánh rẽ dẫn đến sự thành lập cái đình làng vào cuối thế kỉ XV, ứng hợp với một giai đoạn tổ chức xã hội chặt chẽ của triều Lê muốn ràng buộc những gì không nằm trong vòng tay của nhà nước. Đình thờ Phật tuy sau này tan biến vào chùa vì mang tính đồng dạng với nơi thờ cúng của Phật giáo, nhưng là một trung gian quan trọng giữa đình trạm và đình làng. Không có nó, ông thổ thần hay thổ công ở đình trạm chỉ có một địa vị khiêm tốn trong khuôn viên một kiến trúc thế tục, cho dù tính chất tập thể, công ước của đình trạm có nâng cao tính xã hội của loại thờ cúng này. Đình thờ Phật kéo đình trạm thờ thần theo, làm đậm thêm tính chất tôn giáo, thiêng liêng, tuy loại sau không đủ hàm súc tính cách lí thuyết to rộng, nhưng với ông thần địa phương chủ quản thì cũng đủ cho địa phương sùng bái. Cùng lúc, quan niệm thành hoàng của văn hóa Hán xuất hiện ở đất Việt từ thời Bắc thuộc, đến thời độc lập theo sự chấp nhận văn hóa của các chính quyền trung ương, lại lan rộng trong nước. Các ông thành hoàng trong tâm tưởng người dân đang tìm nơi trú ngụ.

III- Sự chuẩn nhận của Lê Thánh Tông và sự nở rộ của đình làng trong cái thế phân rã của Trung Ương đẩy mạnh vai trò tự trị của làng xã.

a- Từ đình của tư nhân đến đình của làng

Cái đình thờ Phật của Trần không lần nào xuất hiện nữa trong gần hai thế kỉ triều đại cai trị. Nhưng về phần tín ngưỡng đương thời, ta có thể nhắc lại một điều: trên cơ sở phát triển của thời Lý, đạo Phật Trần có được một thiền phái, Trúc Lâm Yên Tử , với các lãnh đạo, một phần cũng nhờ vào chế độ nhường ngôi khiến cho các thái thượng hoàng có thừa thì giờ cho Phật sự, trong khi nhà Lý đã cố gắng lập một thiền phái nhưng không thành công.

Có điều sự phát triển của Nho giáo mang lại một chút hoài nghi cho các vua đời sau xa lánh, nhất là khi Đạo giáo (thần giáo thì đúng hơn), len nhiều vào Phật đường làm giảm uy tín của các sư. Tư tưởng Đạo giáo tuy vẫn có từ trước nhưng lúc này xâm nhập mạnh vào cung đình. Đời Trần không thấy ghi một danh tăng ngoại quốc nào đến mà lại thấy có đạo sĩ đến truyền phép phù thủy (Hứa Tông Đạo, 1276), đạo sĩ yogi làm đến cả cha vợ vua.(22) Các vua Lý bị ép truyền ngôi thì vào *chùa* trong khi các vua Trần thì vào *quán!*

Sự pha trộn như thế là hẳn là đậm nét hơn ở tầng lớp dưới. **Việt điện u linh tập** và **Lĩnh nam trích quái** (23)đều của đời Trần là kết quả giao thoa của sự thần hóa Phật giáo (có căn bản từ trước) từ trên triều đình và sự phát triển thần giáo từ dưới dân chúng qua sự ghi nhận của các nho sĩ.

Những nét chính của thời đại như thế cho ta hiểu thực trạng của các đình thờ Phật, thờ thần trong giai đoạn tiền thân của đình. Chúng ta gặp một tờ lệnh năm Hồng Đức thứ 5 (1474) nói đến một tình tệ dính dáng đến phong tục, nhưng qua đó ta thấy được nguyên ủy phát sinh, sự điều hành cơ chế đình thờ theo sự phát triển tự phát đến lúc ấy:

Lệ lập hậu thần và hậu Phật

Dân gian, nhà giàu muốn mua chuộc cái danh, mà kẻ nghèo lại không xấu hổ việc đó, chỉ mong đợi riêng cho mình. Nhà giàu bỏ tiền ra làm đình, *kẻ có lòng nhân làm chùa để lấy công đức. Thế mà (người sau giữ việc hậu) không biết đến ơn, chỉ chăm chăm lừa người lấy của, chẳng bao lâu tình nhạt lễ bạc, quên cả khoán ước, sinh ra thói bạc ác, hoặc là làm cỗ bàn không như khoán lệ... Vậy con cháu nhà đặt hậu thần hay hậu Phật thấy kẻ sửa lễ làm hậu có trái lệ thì trình báo ngay nha môn, đòi lại tiền tài người trước đã làm hậu. Nếu không trả thì truy thu gấp đôi chứ không tha thứ.* (24)

Hai mươi hai năm sau, ta gặp tờ tâu của một viên quan cho ta

thấy chi tiết nhiều hơn về mặt động cơ làm đình rõ ràng có tính cách cá nhân, chứng tỏ rằng đình đến cuối thế kỉ XV là nơi thờ tự, cái gì chưa rõ, nhưng thuộc quyền quản trị của tư nhân chứ không phải là một cơ chế của làng xã:

Tôi trộm thấy dân gian trong thiên hạ, hoặc không tiền làm đình chùa, hoặc không tiền để nạp khoản công dịch, hoặc giết người mà bị đền mạng, hoặc vì phạm phép mà bị bồi thường, không muốn mất tiền riêng bèn bày mưu dụ dỗ để lấy tiền của người mà chi các khoản ấy. Mượn cớ dụ dỗ người lập tờ đoan, lập khoán để vừa lòng các nhà có của. Chẳng bao lâu hoặc làm bôi bác cỗ bàn, hoặc là bỏ mất cúng giỗ..(25)

Toàn văn cho ta thấy đương thời việc dụ dỗ người lập hậu đình (và chùa), trong đó có cả việc lập đình mới, là một "áp phe" ăn chắc, lúc nào cũng có khách hàng, nên mới có thể giải quyết được đủ thứ việc phức tạp và quan trọng của cá nhân như vậy. Tuy đoạn sau của tờ tâu có những chữ khiến ta nghi là trách nhiệm thuộc làng:

Từ nay, hễ làng nào có người trước đã làm hậu ở đình hay ở chùa thì phải phụng sự trước sau như nhất... (nếu bị xử trả lại tiền cho nhà kiện có bằng cớ không được thực hiện đúng giao ước thì) làng kia không được khiếu nại.

nhưng đó là trách nhiệm về sự quản lí một người dân trong làng, dù là dân có của, có thần thế, chứ không phải trách nhiệm về sự quản trị đình ở trong làng. Vai trò quản lí điền sản, con người trong phạm vi khu vực làng xã, đại diện cho trung ương ở địa phương là điều sẽ bàn sau. Ở đây, nếu nhận làng quản lí đình trong giai đoạn này thì sẽ mâu thuẫn với các bằng chứng dấu vết cá nhân làm chủ đình đã thấy trước, và mâu thuẫn với một lệnh của Lê Thánh Tông ra cùng năm.

Theo chứng dẫn 1474 trên, ta thấy con mắt phân biệt của kẻ cầm quyền đối với hai hạng người làm việc công ích. Xây chùa hay làm đình cũng là phải bỏ tiền ra để lo cho đời sau của người khác, cho phần tinh thần ở đời này, thế mà kẻ bỏ tiền làm đình chỉ được gọi là nhà giàu trống trơn (chưa kể cái ý miệt thị ẩn giấu bên trong), còn người xây chùa được gọi là bậc nhân, xây chùa là làm việc công đức, điều không thấy tán tụng ở việc lập đình. Như vậy, việc lập đình đối với con mắt của người đương thời là có giá trị thấp hơn việc lập chùa, tuy cả hai ít ra cũng cùng có một mục đích công ích. Nhưng nếu dùng trong phạm vi lí tưởng thì người lập đình vẫn mang một tinh thần từ bi bố thí của Phật giáo và một tập quán của đạo (nhận lập hậu), như vậy là cái đình thờ thần của cuối thế kỉ XV vẫn còn giữ được ý nghĩa tạo dựng của nó từ thế kỉ XI.

Đình có bằng chứng ít ra là ở nửa sau thế kỉ XV là một nơi thờ

cúng công cộng bình thường. Nhưng có lẽ vì sự hiện diện của các ngôi chùa nên đình thờ Phật ít phát triển, dễ nhập vào danh xưng chùa, nhất là khi người ra lệnh lập hình thức thờ cúng ấy là họ Trần không còn nữa. Các thần lớn đã có quốc tế, có nhà nước trung ương săn sóc, như vậy còn một khoảng trống cả địa lí lẫn trong tinh thần của người dân khiến cho các đình thần trong dân gian mọc lên nhiều.

Chúng ta không rõ bước đi vào đình của các thần linh có nguồn gốc thiên nhiên, phong tục nhưng cũng thấy được những nét khái quát. Sách **An Nam Chí***(26)* phần của thời thuộc Minh có ghi lại các hoạt động tín ngưỡng phồn thịnh ngoài vòng chuẩn nhận của triều đình:

Tục cũ của Giao Chỉ tôn trọng quỉ thần. Dâm từ rất nhiều. Người có mối lo, tai biến thì nhảy đồng, chạy thầy cúng tế, chỗ nào cũng tới. Ai cũng tin nghe thuyết lí của bọn này. Vì là đất mọi rợ, tục chung như vậy, không ai cho là quá...

Trong thống kê của **An Nam chí** với tổng số thờ tự là 861 nơi thì số lượng chùa nhiều nhất (469), nhưng hàng hai là miếu (252) còn quán đền (từ) thì ít thấy rõ (92/48). Sau khi thắng Minh, có cuộc tế thần các xứ trong nước (1437), nhưng trước đó hai năm, có lệnh cho đến cấp xã được *cúng* (thần) để trừ sâu hại lúa. Năm 1449 có lệnh làm đàn thờ cho ma vô tự, hẳn là am chúng sinh được hợp pháp hóa nếu không là được khai sinh từ đây; năm 1467 lại cúng thần để trừ sâu lúa. Các đình tư nhân hẳn phải chia sẻ sinh hoạt thờ cúng ấy qua các dâm thần đã được hợp pháp hóa, nâng cấp một phần.

Ở cuối thế kỉ XV không có dấu hiệu các thần ở đình tư nhân được phong, nhưng việc kết tụ tập tục đã mở đường cho những bước tiến triển sau. Chuyển dịch quan trọng là của năm 1496, có lẽ do chuẩn theo lời tâu đã nói cùng năm, *bắt buộc các làng chịu trách nhiệm về việc thờ cúng ở đình, nói cách khác là quản trị các đình từ trong tay tư nhân:*

Ta thấy trong nước nhiều người không đủ vốn dựng đình, không đủ tiền trả tô thuế, bèn đứng ra nhận tiền của người khác làm của riêng, nhận để nghị của người khác làm của riêng, nhận để nghị của người khác bằng khế ước rồi lần lữa giảm bớt cúng tế và thôi không cúng tế nữa. Từ nay, các xã phải trông coi việc thờ cúng ở đình... trước sau không được thay đổi.(27)

Đình từ nay trở thành một bộ phận của làng xã. Điều này phù hợp với những chứng tích trong hiện tại cho biết rằng ngôi đình cổ nhất là xây dựng từ thế kỉ XV.(28) Làng xã nắm lấy một cơ thể do trung ương ban cho, lại có nhiều phương tiện vật chất, quyền lực nên xây dựng được những ngôi đình bền vững hơn của tư nhân, có

sự chăm sóc liên tục nên lưu lại dấu vết đến ngày nay theo với đà xây cất đình càng ngày càng tăng từ thế kỉ XVI trở đi.

Nhưng ta cũng không nên quên rằng bước chuyển biến từ đình thờ Phật, thờ thần của tư nhân sang đình làng vẫn mang tính cách giằng co phức tạp và không phải được thực hiện ngay sau quyết định 1496 đó. Thời gian giằng co như thế tạo ra những hình thức bản lề mà ngày nay ta chỉ hình dung ra được một cách gián tiếp, dễ lẫn lộn với những hình thức có trước và những dạng về sau.

Thêm nữa, gọi là 'hình thức có trước' nhưng đình (trạm, quán) là cơ cấu có tác dụng đích thực cho cuộc sống xã hội nên vẫn tiếp tục tồn tại mãi về sau trong chức năng chuyên môn hóa của nó tuy có thể đổi thay tên gọi. Sự chuyển dịch theo hướng đi xuống từ trung ương đã đưa các đình trạm ở các cung đường lớn về các cung đường địa phương, xuống đến đơn vị hành chính thấp nhất với tên *đình quán* ở thế kỉ XVII*(29)* và tên *công quán* ngày nay. Một cơ cấu khác với chức năng chuyển dịch công văn phục vụ hành chính có tên *bưu đình* (của thế kỉ XVII) cũng có thể chứa khách trọ lỡ độ đường, nghĩa là chia sẻ chức năng của đình trạm.

Hành cung của vua vẫn gọi tên đình như chuyện năm 1522, trong thời kì đình làng đã có mặt theo lệnh trên vừa hơn một phần tư thế kỉ. Vì cơ cấu liên quan đến bực nhân chủ có vai trò tối thượng trong nước, các văn bản vẫn dùng chữ văn hoa là *hành cung* nên ta không theo dõi được những thay đổi của nó. Nhưng có vẻ cái tên *đình* nôm na vẫn còn được sử dụng cho đến nửa đầu thế kỉ XVIII, có thay đổi lần đầu năm 1736 khi chúa Trịnh không đặt hành cung ở một điểm gọi là đình mà ở một ngôi chùa (Sùng Nghiêm) và sau đó có tên các hành cung ở các chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Lạng Hòa, Tây Phương, Tử Trầm, chỉ bãi bỏ khi Trịnh Doanh lên (1740).(30)

Trong các loại đình gần cùng chức năng, hẳn hình dạng cung là thứ xây cất có qui mô, nhiều trang trí hơn cả. Ảnh hưởng của nó sẽ lan qua các đình khác, vì thế các nhà kiến trúc nhìn những ngôi đình làng của thế kỉ XV-XVI còn thấy ở đó kiểu cách trang trí của cung điện Lý — Trần.

Một số đình thờ Phật ("chùa" ngay trong cách gọi đương thời) sau lệnh 1496 có thể trên danh nghĩa thuộc về làng, nhưng quyền thao túng vẫn là của tư nhân như trường hợp Trần Cảo năm 1516 đã nói. Đình thờ Phật làng nắm được vào giai đoạn Phật giáo không còn là quốc giáo nữa thì sẽ trở thành một thứ chùa làng, phối hợp với các chùa của các hệ thống Phật giáo tan rã nhập vào làng khiến cho làng có các chùa thờ Phật đứng đầu là ông sư cũng được, ông từ cũng xong, hai chi tiết tổ chức hoán đổi cho nhau tùy

lúc, theo sự thăng trầm riêng biệt của các bên tương quan như ta còn thấy đến ngày nay.

Đình thờ Phật mang dấu vết của một tôn giáo toàn cầu nên khó cho một địa phương nhỏ như làng xã đồng hóa trong sinh hoạt địa phương. Có thể nào Trần Cảo nổi lên vì làng xã hay một chức quyền cao hơn muốn vin vào lệnh năm 1496 để cướp đoạt tài sản của ông xây dựng nên? Vì thế mà người ngoại quốc gọi là *xã đường thiêu hương quan* chứng tỏ ông đã chịu khuôn nắn trong lệnh cho có một chừng mực hình thức nào đó còn thực lực tài sản vẫn ở trong tay ông, khiến ông đủ sức nổi dậy khi thấy nó sắp vuột đi mất.

Sự kiện có điều mập mờ giữa một xã đường có dấu vết Phật giáo và đình làng, khiến ta ngờ rằng làng xã, hay những cường hào trong xã, muốn chiếm tài sản một đình thờ Phật thì phải hủy dấu vết Phật giáo đi. Và như thế đình thờ Phật có thể thành đình làng dù rằng đời sau không nói đến điều đó: làng An Lão huyện Bình Lục có 70 mẫu ruộng hậu của Thiên Cương đại tướng (?) đời Lý(31) là lấy từ ruộng hậu Phật (vì đời Lý chỉ có cơ chế hậu Phật) ắt đã được sang hậu thần bằng một cách tước đoạt nào đó.

Sự chuyển hướng từ đình thờ thần của tư nhân sang đình làng có vẻ thỏa thiếp hơn vì không mắc vào sự ràng buộc của uy thế tín lí của một tôn giáo như ta đã nói. Cho nên, có lẽ trong cùng thời gian Trần Cảo một viên giám sát ngự sử vẫn cúng cho xã Cung Kiệm (Hà Bắc) 12 mẫu ruộng và ao để làm hậu. Thời gian mà viên quan này xuất thân (tiến sĩ 1499) là sau lệnh 1496 và chuyện cúng hậu có thể là của thế kỉ XVI.(32)

Nhưng đình phát triển dưới uy lực của làng xã lại cũng đem cho làng xã một chỗ qui tụ riêng biệt phối hợp hai tính cách thế tục và thần linh ngày trước bị phân tán (một 'công đường' nào đó của xã quan và các đền chùa trong làng), nên rốt lại làng xã củng cố được vị thế riêng biệt của mình để về lâu về dài trong một khung cảnh rối loạn liên miên của quyền bính trung ương sẽ tạo thành một tính cách tự trị đặc biệt dưới mắt các nhà khảo cứu từ thế kỉ XIX đến nay.

(Còn tiếp một kỳ)

* *Phần chú thích sẽ đăng trọn từ đầu ở cuối bài, trong số Văn Học 10 ra ngày 1.11.1986.*

Nghiêm Xuân Hồng

Bội tâm hành

(Coeur multiple)

Người về bứt áng mây hồng
Dệt y trăm sắc ngại ngùng lòng ai
Tôi về mơ giấc mơ dài
Song-hồ-hư-ảnh-trăng-cài-sắc-không...

Người về bước nhỏ thong dong
Ngậm ngùi tình muộn vương lòng đỗ quyên
Tôi về mở sách u huyền
Mưa hoa lãng đãng mấy miền tịch dương

Người về nhặt nụ hướng dương
Tô thêm khoé mắt cô nường Huyền Âm
Tôi về khép cánh hư không
Bồ đoàn che khắp nửa vòng trần duyên...

Người về tiệc rượu đảo điên
Chê ly quá nhỏ, hài sen rót đầy
Tôi về tỉa nhánh trúc gầy
Đèn khuya rải bóng vơi đầy HOA NGHIÊM...

Người về lìa suối tịch nhiên
Chênh vênh gót ngọc đảo điên nụ cười
Tôi về gấp áng mây trời
Ôm-trăng-đổ-giấc-bên-đời-Tào-Khê...

Bình Nguyên Lộc

Tìm hiểu truyện Kiều

*T*ruyện Kiều của Nguyễn Du đã được lắm người mình phê bình chẳng những bằng bài báo, mà bằng cả sách dày nữa. Tác phẩm nầy đã được người ngoại quốc dịch ra tiếng Pháp và tiếng Anh, được cả một tổ chức lớn vào hàng quốc tế là UNESCO xuất bản vài bản dịch nữa.

Như thế, tôi có thể hiểu rằng thi phẩm đó, đã được hiểu tường tận. Nhưng riêng tôi thì cho đến nay, tóc sắp sửa có vẻ muốn trổ hoa râm rồi mà tôi hiểu chưa xong từng chữ. Nếu tôi kém thì chẳng có gì đáng lo, vì cứ tìm hiểu mãi thì có ngày sẽ hiểu được. Nhưng nếu vài người phê bình, vài dịch giả cũng chưa hiểu thấu đáo thì thật là phiền. Thế nên tôi thử trình ra vài điểm mà tôi chưa thấy được sự phân minh, để xem vị nào giải thích dứt khoát được thì sẽ tốt đẹp về sau cho hội phê bình sắp tới, cho chiến dịch phiên dịch sắp tới.

Trong bản chuyển Nôm ra Quốc-ngữ (sao không nói là Việt tự, lại nói Quốc-ngữ?) của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, thấy câu "Phong tình *có* lục còn truyền sử xanh". Thuở sách ra đời, có báo bắt bẻ rằng là nhà in in sai, hoặc Tản Đà chuyển sai, vì sách nào cũng chuyển ra là "Phong tình *cổ* lục" cả. Tản Đà có lên tiếng, nhận trách nhiệm về mình, chớ không ở nhà in. Theo thi hào núi Tản thì không bao giờ có cuốn sách cổ nào tên là *"Phong tình"* cả, và chữ Nôm thì "Có" và "Cổ" đều viết như nhau, vậy đó là *Có*, chớ không là *Cổ*. Sau đó, chẳng nghe ai nói gì nữa hết. Nếu tôi đọc báo không kỹ thì xin vị nào có theo dõi vụ *Cổ, Có,* nầy cho biết xem rốt cuộc phe *Có* thắng hay phe *Cổ* có lý, và có lý với bằng chứng cụ thể nào. Tôi thì hễ ngâm Kiều tới đó thì tôi ngập ngừng.

Nhưng mấy giòng trên đây là chuyện vặt, chỉ nói ra vậy thôi, chớ *Có* hay *Cổ* gì, cũng chẳng tăng hay giảm giá truyện Kiều.

Hai câu Kiều dưới đây đã bắt tôi tốn thì giờ khá nhiều:

Rắn thân về với triều đình
Hàng thần lơ-láo, phận mình ra sao.

Là người miền Nam, tôi chẳng biết "lơ-láo" là gì hết. Thế nên tôi tìm tự điển xuất bản ở Hà nội để tra hỏi tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức, xuất bản trước 1945, định nghĩa *lơ-láo: sượng sùng.*

Sượng sùng là gì, thì tôi đã biết, vì miền Nam cũng dùng *sượng sùng.* Mặc dầu vậy, tôi cũng cứ tra thêm ở tự điển ấy, vì biết đâu ở miền Bắc *sượng sùng* lại không mang thầm nghĩa thứ nhì. Nhưng không. Tự điển ấy định nghĩa *Sượng sùng* là *Bẽn lẽn.*

Thế nghĩa là ý tác giả truyện Kiều muốn nói rằng hễ đầu hàng thì sẽ mắc cở chăng? Chắc chắn là như vậy, bằng vào tự điển K.T.T.Đ.

Vì: Lơ láo: Sượng sùng. Sượng sùng: Bẽn lẽn: Mắc cở: Hổ thẹn.

Thì: Lơ-láo: Bẽn lẽn: Mắc cở.

Nếu thế thì cũng ổn, tại sao lại thắc mắc thêm. Nhưng nó không ổn lắm ở câu tám. Câu tám đã cho đối mặt hai bên, một bên thì lơ-láo, một bên, bên Từ Hải, còn do dự với câu tự hỏi: "Sẽ ra sao", trước thái độ lơ-láo của bên kia, chớ nếu đã biết mình sẽ bẽn-lẽn rồi thì đâu còn do dự nữa. Hễ dám làm lì, không ngại bẽn lẽn thì đầu hàng, bằng như không đủ can đảm mặt dạn mày dày thì cứ nhận quà của Hồ Tôn Hiến, không có vấn đề phân vân.

Sự kiện trong truyện thì rốt cuộc Từ Hải đầu hàng. Vậy phải chăng là Từ Hải là một tay mặt chai mày đá. Không thể được. Nguyễn Du đã trình diện một Từ Hải hào hùng, thì đấng trượng phu ấy đâu có mặt dạn mày dày được. Người hùng họ Từ không phải là tay lì-lợm, thì ông ấy không có mắc cở, không có bẽn lẽn gì hết và mắc-cở, bẽn lẽn là tình cảm của bên kia, bên đối đầu với Từ Hải, cái bên mà câu tám đã cho thấy, nhưng không ai thấy cả.

Người ta hiểu "Hàng thần" là "Quan đầu hàng", và như thế, không có hai bên, mà chỉ có Từ Hải đối mặt với chính mình thôi. Không hiểu lầm như thế là không được bởi không có kẻ thứ nhì nào mà "bẽn-lẽn", trừ Từ Hải. Không lẽ vua Tàu, hay các quan Tàu lại bẽn-lẽn trước sự đầu hàng đó? Chỉ có Từ Hải mới là phải mắc cở, phải hổ ngươi thôi chớ.

Ta tự hỏi trong câu tám, tác giả có đưa ra hai phe chăng, hay chỉ có một mình Từ Hải không mà thôi. Riêng tôi, tôi thấy rằng có đôi bên trực diện với nhau. Trên kia, tôi đã cố ý dịch sai *Thần* là *Quan,* vì mục đích riêng. Ở đây, xin dịch lại cho đúng. *Thần* là *Bề tôi.* Nếu chỉ có một mình Từ Hải thì quá vô lý. Từ Hải đâu có bao giờ xem mình là Bề tôi của vua Tàu. Cho đến phút chót, phút do dự, tự hỏi có nên đầu hàng hay không, Từ Hải cũng chưa xem mình là *Bề tôi* của vua Tàu. Nguyễn Du dùng chữ rất cẩn thận. Từ

Hải không có tâm trạng *Bề tôi* bao giờ thì danh từ kép "Bề tôi", hẳn tác giả dùng để trỏ ai đó, chớ không thể trỏ Từ Hải.

Tôi có phí thì giờ để hiểu câu thơ ấy đến mấy mươi năm chớ không phải ít. Về sau, tôi viết xong tập I của bộ *"Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam"* rồi thì tôi bắt đầu học rất nhiều ngôn ngữ để viết tập II mà cho tới nay, cũng chưa xuất bản. Những dân nào có sọ Mã Lai, đều bị tôi học ngôn ngữ cả. Dưới đây là về tiếng Mã Lai của hai nước Anh-Đô-Nê-Xia và Mã-Lai-Xia. Tôi chỉ học bằng tự điển thôi, chớ không có đi tới hai nước đó, vì thiếu phương tiện.

Lơ láo (không thấy sách có ghi thinh sắc) được dịch ra tiếng Anh là HEEDLESS. Người làm tự điển nầy là một người Anh, giáo sư đại học ở London.

HEEDLESS không có nghĩa là *Bẽn Lẽn, sượng sùng,* mà là *Lãnh đạm, Thờ ơ.*

Lơ láo nầy thì dân tộc Phù Nam nói là *Lơ Là*, và Nam Kỳ xưa đã vay mượn và còn dùng cho đến nay, cũng với cái nghĩa là *Thờ ơ, Lãnh đạm* (xin xem quyển *"Phát hiện bốn làng Phù Nam trong huyện Hàm Tân"* của Bình Nguyên Lộc).

Thế là có hai phe trong câu tám nầy, không còn chối cãi được nữa: một bên là Từ Hải, một bên là quan của vua Tàu "Bề tôi" ám chỉ đám quan lại ấy, chớ không trỏ Từ Hải.

Mà như thế thì *Hàng* lại mang nghĩa khác, chớ không phải là *Đầu hàng.* Nghĩa khác nầy là *Bọn, Nhóm, Phía,* thấy được trong *Hàng xóm, Hàng sĩ phu v.v..*

Hai câu thơ của Tiên Điền phải hiểu là *(Nếu ta) dấn thân vào với triều đình thì hàng bề tôi của vua sẽ thờ ơ (với ta và) thân phận nầy sẽ ra sao?*

Chắc cũng có người hiểu như tôi, chớ tôi không phải là người độc nhứt đã hiểu như thế. Nhưng những vị đã hiểu như tôi là nhờ ở cái gì thì tôi không rõ, riêng tôi, tôi nhờ may mắn hiểu được nghĩa thật đúng của *Lơ láo.* Nếu hiểu *Lơ-láo* theo tự điển của K.T.T.Đ. thì không thể nào thấy được là có hai đối tượng trong câu tám, hoặc có nhờ trực giác mà thoáng thấy, rồi thì cũng phải tự bác bỏ mình, vì *Bề tôi* của vua không làm sao mà là *Kẻ bẽn lẽn* được hết. Kẻ ấy phải là Từ Hải.

Tóm lại Từ Hải không bẽn lẽn, vì không có mặc cảm đầu hàng. Đấng anh hùng ấy thấy rằng đầu hàng là hợp lẽ, không phải là một thái độ đáng khinh.

Thế thì tự điển đã định nghĩa sai về *Lơ-láo* rồi vậy.

Các nhà ngôn ngữ học không hề chê trách một tự điển định nghĩa sai một từ cổ nào đó, vì họ thừa biết rằng y hệt thứ sinh vật và thực vật, ngôn ngữ cũng trải qua ba thời kỳ: Sinh-Lão-Tử. *Lơ-láo* là hình dung từ chưa chết hẳn, nhưng đang nằm trong giai

đoạn hấp hối. Trong giai đoạn nầy, loại từ ấy luôn luôn bị đa số dân chúng quên nghĩa đúng của nó. Cái thời hấp hối đó là thời ngay sau Tố Như.

Thời của ta là thời nó đã "Tử vong". Ngày nay, ta chỉ còn nói *Thờ-ơ, Lãnh-đạm* mà thôi. Miền Nam nói *Lơ-là* vì *Lơ-là*, đối với miền Nam thì còn mới toanh (Mới vay mượn của Phù Nam từ năm 1580 đây thôi).

*
* *

*B*ất kỳ dân tộc nào, cũng đã quên hằng vạn từ cổ của họ (theo luật ngôn ngữ học Swadesh) chớ không riêng ta. Sự quên ấy, không thể tránh được, và thường cũng chẳng ai tiếc những từ đã chết, vì một từ chết đi, thì có ngay một từ khác đồng nghĩa, thay cho. Nhưng cứ có một thứ người tìm hiểu cổ ngữ, vì nhiều mục đích khác nhau, mà mục đích mà thiên hạ thấy rõ là cần thiết, là để giải thích những từ tuy cổ, nhưng đã trót nằm trong văn chương truyền khẩu, hay văn chương viết ra chữ: ca-dao, bia đá cổ, tác phẩm xưa, đôi khi không xưa đáng kể, như truyện Kiều chẳng hạn.

Bản dịch truyện Kiều ra Pháp văn của giáo sư P. Schneider, do UNESCO xuất bản, tôi đã tặng bạn hữu khi lên đường sang đây, nên không còn nhớ ông ấy đã dịch *Lơ-láo* là gì. Nếu ông ấy dịch là *Indifférent* thì đúng, vì *Indifferent* của Pháp là NEEDLESS của Anh. Bằng như ông ấy dịch là *Avoir honte* thì sai và *Hàng*, ông ấy chắc đã dịch là CAPITULÉ, chớ không là *Rang* được. Hễ sai về *Lơ-láo* thì đương nhiên phải sai về *Hàng*.

Tôi nhớ có đọc một bài phê bình trong ấy tác giả cho là Từ Hải đã bị mặc cảm khi toan đầu hàng. Nếu nhìn nhận lối hiểu của tôi là đúng, thì Từ Hải chẳng có mặc cảm nào hết, ông chỉ không thích bị bề tôi của vua Tàu thờ-ơ với ông ta thôi.

Còn hằng trăm từ hấp-hối trong truyện Kiều, chớ không phải chỉ có một. Khi nào có thì giờ, tôi sẽ kê ra hết, để chúng ta cùng tìm hiểu. Để chấm dứt tạm ở đây, tôi xin trình thêm một từ mà tôi chưa hiểu cho rõ lắm:

Chiếc cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

Ghềnh là cái gì? Cũng cứ theo tự điển K.T.T.Đ. thì Ghềnh là Vũng sâu, có nước xoáy mạnh. Định nghĩa như thế là khá đúng. Nhưng tôi cứ hỏi ở sông nhỏ, có thể có ghềnh được chăng? Nước có xoáy mạnh, nghĩa là nước bị đá ngầm ngăn. Mà đá ngầm thì chỉ có ở sông to mà thôi. Sức to nầy, không bắt buộc phải to lắm, mà chỉ bằng con sông Đồng Nai thôi. Và quả ở sông Đồng Nai, có Ghềnh thật sự, nhưng ghềnh chỉ nằm từ chơn thác đổ xuống lối năm cây

số, tức lối ba miles thôi, xa hơn, không thể có được, vì đá ngầm ấy là những cái chân dư thừa của đá của cái thác. Cái ghềnh tiếng Tàu và tiếng Pháp nói sao thì tôi đã quên mất rồi, nhưng tiếng Anh thì nói là Whirlpool.

Nếu đó là ghềnh biển, thì sẽ không ai phải thắc mắc hết vì đá ngầm ở biển luôn luôn có, bất kỳ ở đâu, nhưng ghềnh ở sông thì phải xét lại. Chẳng hạn ở hai câu ca dao sau đây:

Chiều chiều ra đứng Ải Vân
Chim kêu ghềnh đá, gẫm thân thêm buồn.

Hai câu ca dao nầy khá cổ, cổ vào thời mà Hải-Vân-quan còn được gọi là Ải Vân. Dãy núi ngang chạy từ Trường Sơn ra tới Ải-Vân-quan rồi thì gặp ngay biển. Tại chơn Ải-Vân-quan có đá ngầm, nên ghềnh xuất hiện. Không có thắc mắc gì hết về các ghềnh ở chơn đèo phía Đông của Hải Vân.

Nhưng ghềnh ở quá gần mộ của Đạm Tiên thì lại khác. Ta xây mộ, có chịu ảnh hưởng của khoa địa lý Tàu, khoa nầy thì chịu ảnh hưởng của triết Tàu về thuyết âm dương. Ta xây mộ bằng đá, bằng bê-tông, bằng gạch gì, ta cũng chừa một khoảng trống trên đầu nấm mộ, cho rằng làm thế để âm dương được hòa hợp nhau. Và muốn cho âm dương được hòa hợp nhau, ta tránh không xây đáy đá, đáy bê tông hay đáy gạch cho lỗ huyệt, vì xây là dương xuống không được, mà âm lên cũng không được. Đó là nói chuyện xây. Nếu cứ để tự nhiên, như mộ đất, thì Á Đông tránh đất chứa đá ngầm. Phải chọn đất là đất trọn vẹn đất, cùng lắm họ chỉ dễ dãi cho lớp đất sét dưới lớp đất thường trên mặt thôi.

Cái dòng nước chảy qua nghĩa địa trong đó có mộ Đạm Tiên liệu có chứa đá ngầm dưới đáy của nó chăng? Ta nên biết rằng dưới thời Gia Tĩnh trào Minh, kỹ thuật của Tàu cho cho phép họ xây nổi những chiếc mồ dài trên một dòng sông lớn cỡ sông Đồng Nai là con sông rộng hàng thứ ba của nước Việt Nam, sau Cửu Long và Hồng Hà, trước sông Mã là sông rộng hạng tư. Vậy dòng nước ấy chỉ nhỏ thôi, và con sông con đó, không thể sâu lắm. Người Tàu lập nghĩa địa, ngoài khoa địa lý họ có dọ đất để tìm đá ngầm. Cuộc dọ dẫm nầy không tiến sâu lắm vào lòng đất, vì lười, vì kém tài chánh, nhưng dầu sao cũng có tiến đến cái nơi có thể là đáy của những con sông nhỏ cạn lòng. Thế thì làm thế nào để có ghềnh ở cái dòng nước nhỏ đó được? Lại còn một lý do nữa, để cho thấy rằng không thể có ghềnh. Như đã nói về ghềnh của sông Đồng Nai. Cách chơn thác hơn ba miles, không thể còn ghềnh. Người Tàu lại tránh trồng cây lớn ở nghĩa địa, sợ rễ cây to ăn vào các ngôi mộ, chọc thủng cái hòm (cái săng). Họ lại tránh tiếng động cho người chết, mà tiếng thác đổ thì lại nghe xa được ở nơi cách thác, hai ba mươi miles. Có người Tàu nào lập nghĩa địa gần thác đến thế

chăng?

Mặt khác, ta cũng khó lòng mà nghi ngờ Tố Như tả không đúng.

Vậy thì ghềnh phải mang thêm một nghĩa là Whirpool. Nếu ta cứ dịch là Whirlpool, người ngoại quốc đọc, rủi ro họ biết rõ cách thức lập nghĩa địa của Tàu, họ sẽ chê Nguyên Du tả không đúng thì hơi phiền cho văn chương ta.

*
* *

Cũng xin nói thêm về một chi tiết vụn vặt người miền Nam thường lẫn lộn Ghềnh và Gành. Gành là danh từ của Phù Nam mà Nam Kỳ xưa vay mượn, có nghĩa là cái Vịnh nhỏ. Cái vịnh lớn, Phù Nam nói là OCEO (GULF), và họ cũng thắc mắc hỏi sao cạnh nghĩa địa lại có cái vịnh. Đó là lầm lẫn danh từ, và thắc mắc ấy, không cần phải có lời giải đáp dài dòng.

B.N.L.

Tái bút: *Để tránh ngộ nhận, xin nói rõ rằng từ Việt Nam với từ của các dân tộc có gốc Mã Lai, ít có khi khá giống nhau như trường hợp Lơ-láo trên kia. Từ của dân tộc cũng có bị mòn mất vài nguyên âm, hai vần phụ âm.*

Thí dụ:		
Gốc tổ Mã Lai		
Ở Trung Á	*TAHAW*	*Giảm tốc độ*
Mã-Lai-Xia	*TAHAN*	*Đồng nghĩa*
Anh-Đô-Nê-Xia	*TAHAN*	*Đồng nghĩa*
Việt Nam	*... HĂM*	*Đồng nghĩa*
Phù Nam	*T—HĂN*	*Đồng nghĩa (Đọc là Thăn)*
Nam Kỳ vay Phù Nam	*T—HẮN*	*Đồng nghĩa (Đọc là Thắn)*

Phải biết hơi khá luật ngôn ngữ học một tí, mới nối kết các từ ấy lại với nhau được. Thí dụ VN nói Leo-lét, thì Anh-Đô-Nê-Xia nói Lit-Lit, vậy phải biết lối 20 ngôn ngữ mới nối kết Leo-lét và Lit-lit được, dĩ nhiên là cũng cứ cần thêm luật ngôn ngữ.

Định Nguyên

Đợi em ta đợi đến bao giờ ?

Gửi H P

1

Đợi em ta đợi đến bao giờ ?
Dâu biển mười năm như giấc mơ
Hờ hững thu tàn giăng cửa hẹp
Bàng hàng đông giá trắng trên thơ
Vắng tiếng em cười đêm trở giấc
Vang lời ta gọi sớm hư vô
Mây trắng về đâu ta nhắn gửi
Nhớ thương, thương nhớ mấy cho vừa.

2

Đợi em ta đợi đến bao giờ ?
Xứ lạ đêm nằm đếm tiếng mưa
Giọt vỡ hồn nghiêng cung nguyệt lạnh
Giọt tàn chiều xế bóng sao thưa
Giọt nhắn nhủ lời tâm sự cũ
Giọt thì thầm gọi ái ân xưa
Em có thương ta đừng đợi nữa
Cổ lai vong quốc mấy ai chờ ?

3

Đợi em ta đợi đến bao giờ ?
Tóc trắng cờ hàng, nước mắt khô
Đất khách sống mòn ta vất vưởng
Quê nhà cơm áo em bơ vơ
Ta đếm tháng ngày vài kỷ niệm
Em bòn hạnh phúc mấy tờ thư
Tháng lại qua đi năm lại đến
Đợi em, ta đợi đến bao giờ ?

4

Đợi em ta đợi đến bao giờ ?
Dòng nhớ điên cuồng chảy xuống thơ
Chữ sắc dao đâm hờn bật máu
Mực cay lệ nhỏ mắt hoen mờ
Tầm gửi kiếp này canh bạc lỡ
Trầu cau duyên cũ tiếng gà trưa
Thu sẽ phai tàn đông lại đến
Mai Xuân sang, xanh cỏ trên mồ

Định Nguyên

Mai Kim Ngọc

Vợ chồng

I

*N*hư một thông lệ đã ba năm nay, cứ hai chủ nhật là gia đình John Wright và gia đình Peter Anderson lại mời nhau ăn cơm tối. Sống trong khu phố này mà dân cư phần đông còn trẻ với con nhỏ học tiểu học hay mẫu giáo, hai cặp vợ chồng già trở nên thân thiết như ruột thịt. Từ sáng sớm, Mary đã bận rộn sửa soạn bữa cơm đãi khách. Hôm nay là kỷ niệm ba năm hai vợ chồng Wrights dọn về xóm này.

Chóng thật, vậy mà đã ba năm rồi. Hôm đó, phu khuân vác vừa xong việc ra về, thì có người bấm chuông. John ra mở cửa. Mary đang dở tay rỡ mấy thùng đồ trong phòng khách, bên những bàn ghế còn ngổn ngang chưa yên vị. Nàng châu mày vì công việc đang bừa bộn mà lại còn phải tiếp khách. Nàng cũng rất ghét gặp người lạ trong lúc quần áo lấm lem đầu bù tóc rối. Nhưng tiếng cười nói hồn nhiên từ ngoài vọng vào làm nàng chú ý. Tò mò, nàng theo John ra cửa. Có hai vợ chồng hàng xóm mới đến thăm. Họ khoảng độ trên dưới 60, nước da rám nắng như bánh mì nướng, dáng người vừa phải không ốm mà cũng không mập. Người chồng đi trước, tóc đã bạc nhiều, hai tay bưng một cái khay với cái bánh kem tròn to. Người vợ theo sau một bước, tay phải xách lẵng mây đựng đồ ăn với mấy chiếc bánh mì Pháp, đuôi bánh chòi ra ngoài. Tay trái bà ta cầm một bình nước chanh 1/2 gallon với độ nửa tá ly giấy xếp chồng lên nhau úp ngược trên miệng vòi. Mấy chiếc khăn ăn ca rô xanh trắng gấp gọn ghẽ nhét vào bên hông lẵng. Trông họ như một cặp vợ chồng già đi cắm trại. Mary liếc nhìn mặt bánh có hàng chữ viết nắn nót bằng kem hồng *"Thân mến chào mừng Mary và John"*. Thật là tọc mạch mà cũng thật là dễ thương. Chắc họ đã biết tên nàng và John qua người mối nhà.

Người chồng tươi cười tự giới thiệu:

"Tôi là Peter Anderson, còn đây là Jane vợ tôi. Chúng tôi là hàng xóm mới của ông bà. Xin lỗi không bắt tay được."

Vừa nói ông ta vừa nhìn khay bánh. John chưa kịp trả lời thì Peter đã nói tiếp:

"Chúng tôi chắc ông bà tối nay bếp nước chưa sẵn sàng. Có mấy món nhà tôi mới nấu, ông bà dùng tạm để khỏi đi tiệm..."

Câu chuyện cởi mở hồn nhiên từ phút đầu, và sáng hôm sau, họ trở lại giúp Mary và John xếp đặt nhà cửa. Đến lúc nghỉ trưa thì mọi người đã gọi nhau bằng tên tục, chuyện trò thân mật như bè bạn lâu năm. Nàng có thiện cảm với hai vợ chồng hàng xóm mới, tuy nhiên thấy có chút gì mơ hồ không hoàn toàn thoải mái về Jane. Lúc đó cũng như về sau, nàng không nghĩ Jane có tình ý gì, nhưng nói chung nàng không ưa đàn bà điệu bộ nhí nhảnh đa tình, nhất là sau một tuổi nào đó. Mấy năm sau khi hai người đã thân như chị em ruột thịt, cái khó chịu ban đầu với Jane thỉnh thoảng vẫn còn ám ảnh nàng. Nàng vẫn không ưa cái nhìn có đuôi của người nữ y tá già này. Có lẽ một phần vì những tiếng đồn về lối sống tương đối phóng túng của một số nữ điều dưỡng, mà có lẽ cũng vì John lộ vẻ thích thú mỗi khi trò chuyện với Jane, dù những câu chuyện thông thường không có gì đặc sắc. Có lẽ Jane như một số phụ nữ có khả năng thiên phú làm cho người đàn ông có cảm tưởng được săn sóc hay để ý một cách đặc biệt. Mary nghĩ thầm chắc phải chiều những bệnh nhân khó tính mãi rồi thành quen...

Vậy mà đã ba năm rồi, thời gian qua thiệt mau... Mary vừa lau chùi bộ muỗng nĩa bạc, vừa ôn lại những kỷ niệm mấy năm qua. Từ trưa, nàng đã ướp hai con thỏ rừng để nấu món civet. Nàng đã cẩn thận chọn từng nhánh tỏi từng củ hành từng lá thơm để trộn với nửa cốc dầu olive và muỗng nhỏ hồ tiêu xay to hạt, tất cả bí quyết gia vị để ướp thỏ. Món civet rất khó nấu. Khéo thì thành cao lương mỹ vị, mà vụng thì tanh lộn mật lộn mửa, ai mà nuốt nổi. Mary nghĩ thầm: "Hết steak loại roastbeef, hết roastbeef lại steak, sao mà không biết chán. Sống ở nông trại như vậy thì còn được, chớ dân thị tứ ít nhất cũng phải tỏ ra cầu kỳ một chút." Nghĩ xong, Mary thấy bối rối hối hận với Jane, người hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau; vả lại món steak hay roastbeef vừa chín tới còn hơi lòng đào của bạn, tuy tầm thường phổ thông, nhưng người ăn khó cũng phải khen ngon.

Tuy nhiên, Mary vẫn thích nấu những món cầu kỳ. Gia chánh nhập cảng từ Âu châu đối với nàng hầu như có khả năng đem lại chút gì quí tộc hay thanh cao cho bà chủ nhà. Nàng cao hứng nghĩ tới những món sở trường như cá bơn ướp sauce gừng, chim cút hoặc rán hoặc quay ăn với rau cresson, thịt bê lối bắc Ý Đại Lợi, tôm hấp kiểu Pháp ăn với Mayonaise nhà làm v.v..., và tất nhiên là

món thỏ nấu civet. Bỗng nhiên, nàng thấy bực mình với John. Không phải chàng không thưởng thức những món ăn ngon, nhưng John có một thái độ riễu cợt hay lúng túng mỗi khi thấy vợ dùng nữ công gia chánh làm đề tài câu chuyện. Nàng nghĩ là món ăn không phải chỉ ngon miệng là đủ, nhưng còn phải dùng được trong câu chuyện giao tế ở bàn ăn. Nàng nhớ đến những mẩu chuyện thích thú đã kể cho Peter và Jane nhân những dịp ăn uống đãi đằng, những mẩu chuyện vừa vui tai người nghe cũng như vui miệng người kể. Món mực ăn với bánh ngô nhắc tới miền bắc Ý Đại Lợi, món chim trĩ quay dùng với rau tươi và rượu vang trắng là nhập đề cho một chuyến đi chơi vùng Bavarre nơi một tiệm ăn mà khi xưa là lâu đài hoàng tộc. Con tôm hùm ngon miệng nhắc đến một buổi tối ở Venice đi gondole tới một tửu lầu lộng lẫy, mặt tiền nhìn ra bến sông. Rồi còn Paris, còn Athenes, còn Barcelona, còn Rio de Janeiro, với món thịt này hay món bánh nọ... Dư âm của một cuộc sống sang trọng vẫn còn sưởi ấm những bữa ăn đãi bạn tại nhà của hai vợ chồng Wrights.

Mary rất tự tin về nghệ thuật giao tế của nàng. Người khó tính có thể chê là hơi kiểu cách, nhưng nếu có kiểu cách cũng vẫn tế nhị, duyên dáng. Không, nàng không nghĩ là Jane và Peter có thể cho nàng là hợm hĩnh khoe khoang hay nặng nề lố bịch. Vậy mà John luôn luôn tỏ vẻ lúng túng hay khó chịu vì kiểu cách giao tế của nàng. Trăm lần đúng cả trăm. Hễ nàng đang vui miệng kể những chuyện như vậy là John làm bộ như bận rộn cắt một miếng thịt hơi cứng, hay đánh trống lảng nhờ người bên cạnh chuyển hộ dĩa bơ hay giỏ bánh mì, John chỉ thoải mái với những câu chuyện tầm thường như hoa giấy năm nay mất mùa không nở nhiều, hay hoa hồng bị nấm ăn. Chàng thích nhất là nghe chuyện Peter đi câu cá biển, hay những câu chuyện liên hệ đến đời sống bên miền Đông quê quán. Jane cũng gốc gác từ miền Đông nên mỗi khi câu chuyện trở về vùng Pennsylvania hay Tân Anh Cát Lợi, là John và bà hàng xóm trở nên hoàn toàn ý hợp tâm đầu. Những khi đó Mary thấy cả chồng lẫn bạn gái hoàn toàn lẩm cẩm. Thích miền Đông như vậy thì dọn sang California làm gì.

Tuy nhiên, một chuyện John thường nhắc lại mà không làm cho Mary khó chịu. Đó là những kỷ niệm liên hệ đến hồi nàng còn trẻ và đang là một vũ sinh đầy hứa hẹn. Chàng kiêu hãnh kể lại những phần thưởng làng, tỉnh, và vùng mà Mary đã thu đoạt được. Câu chuyện bao giờ cũng dẫn đến vụ Mary được vào bán kết trong kỳ thi tuyển của Vũ Đoàn New York. Đó là cao điểm của sự nghiệp vũ của nàng. Nàng đã không đi dự thi để ở nhà lấy chồng... Lập gia đình, Mary dứt khoát không dùng tới ballet nữa. Chỉ có John là không quên. Đôi vũ hài cuối cùng của nàng, John

cho đúc lại bằng đồng để bầy trên bàn giấy. Đôi giầy đồng đó theo John tới những nhiệm sở mới, những văn phòng mới mỗi ngày mỗi rộng rãi khang trang hơn, qua những lần thăng thưởng. Lúc về hưu dọn bàn giấy, John mang đôi giầy về nhà bầy trong phòng đọc sách. Mãi đến lần dọn đi California, đôi vũ hài mới bị thất lạc. Mấy chục năm qua, John như không chịu ghi nhận là đôi bàn chân Mary không còn bé nhỏ xinh xắn nữa. Thời gian cũng như chứng phong thấp đã cắt đứt những liên hệ có thể tưởng tượng được giữa đôi vũ hài và hai gót sen méo mó và đau nhức của vợ. Ngày xưa sao hai vợ chồng Mary gần gũi nhau đến thế.

Mary rán nghĩ sang chuyện khác. Nhưng sự trống trải hiện tại của vợ chồng vẫn trở lại ám ảnh nàng. Ai bảo vợ chồng già ý hợp tâm đầu là sai. Có trao đổi ý kiến gì nữa đâu mà còn có dịp bất đồng ý kiến. Những buổi tối, John đọc sách hay coi thể thao trên Ti Vi, còn Mary thì thêu thùa để giết thì giờ. Có những lần hai vợ chồng đi chơi bằng xe hơi. Du lịch cũng không hâm nóng được tình yêu đã nguội lạnh. Có những chuyến đi mà hai vợ chồng ngồi cả giờ không nói chuyện, mỗi người yên lặng với những ưu tư riêng, trước mặt là con đường xa lộ dài thẳng tắp chạy bất tận đến chân trời mù mịt, trống rỗng như những ngày tháng nhạt nhẽo của tuổi già. Giá có cháu thì ít nhất nàng còn có thể đan áo cho tụi nó. Nhưng con nàng còn độc thân mà lại ở xa nữa. Hay nàng đi thăm nó vài tuần. Nhưng rồi Mary lại đổi ý. Không phải là Tom không vui mừng khi mẹ tới thăm, nhưng nó có đời sống riêng của nó. Căn phố thuê của nó ở Manhattan chỉ có một phòng ngủ, bừa bộn sách vở. Trong tuần nó đi làm suốt ngày, tối mịt mới về, ăn uống qua loa rồi còn đi ngủ để hôm sau dậy sớm kịp chuyến xe điện ngầm. Ngày nghỉ, dẫn mẹ đi chơi là gián đoạn tất cả đời sống giao tế của nó. Nhiều khi còn có bạn gái ngủ lại đêm... Thật là bất tiện. Nàng mơ màng nghĩ đến hồi nó còn nhỏ, còn cần nàng từ bữa ăn cho đến tắm rửa.... Có lẽ tại quá nhàn rỗi. Chắc nàng sẽ tìm xem có cơ quan thiện nguyện nào trong tỉnh cần người tình nguyện. Nàng nghĩ bận rộn một chút thì đầu óc sẽ đâu vào đấy .Nhưng nàng vẫn thấy không ổn.

Gần đây John có gì lo ra, nhưng không nói với nàng. Chắc chắn không phải vì sinh kế. Những dự trữ và hưu bổng của John dư thừa để hai vợ chồng có thể sống một đời an nhàn và độc lập. Có lẽ tại trận cảm dai dẳng đã mấy tuần nay không chịu dứt hẳn. Mà sao không chịu đi khám bệnh. Mấy bữa nay nàng muốn giục chồng đi thăm bác sĩ nhưng lần lữa vẫn chưa làm. Đã từ lâu nàng quên mất cách thức săn sóc cho chồng mà không bị hiểu lầm là cằn nhằn hay dằn vặt. Hồi còn trẻ, mỗi lần John đau lặt vặt, sự săn sóc vợ chồng sao âu yếm và ân cần biết bao! Nàng ngạc nhiên là bây

giờ mà giục John đi khám bệnh, chàng khó chịu hơn là cảm động. Chua chát hơn nữa, sự khó chịu không phải hoàn toàn không có lý do. Công bình mà nói, có dằn vặt và có cần nhằn trong những lần nàng lưu ý đến sức khỏe của chồng: "Tại sao John lại để cho cảm lạnh? Tại sao tuổi này mà không chịu cẩn thận? Tại sao còn hút thuốc lá? Tại sao còn uống rượu? Cứ uống cà phê cho nhiều, rồi lại than không ngủ được. Tại sao hôm nọ thức khuya? Tại sao bữa kia dậy sớm?"

Khi cùng John mới bước vào đời sống vợ chồng, nàng mang theo bao nhiêu là ân ái yêu đương. Rồi mỗi chặng đường, mỗi khúc rẽ, mỗi khó khăn, nàng mất dần đi chút ít hành lý, cho đến bây giờ thì tay trắng. Mà mất bao giờ, mất ở đâu, nàng không thể nhớ lại rõ ràng...

Nhưng Mary cũng không nghĩ là John hoàn toàn vô tội và không trách nhiệm trong sự thay đổi đáng tiếc này. John đã không thông cảm với nàng lại còn trả đũa lại bằng thờ ơ lãnh đạm, để rồi thờ ơ lãnh đạm lại gây ra dằn vặt cần nhằn. Lâu dần, Mary không để ý đến thái độ khó chịu hay bất mãn cho John nữa. Thỉnh thoảng, sự khó chịu của John hình như còn làm nàng thích thú. Bất giác Mary rùng mình và cảm thấy nuối tiếc. Hồi mới lấy nhau, hai người thường đoán trước được những sở thích hay bực dọc của nhau. Cái tế nhị trong sự giao thiệp phu phụ ấy không biết đã mất đi tự hồi nào. Nhưng rồi Mary cũng nhún vai, tự chế diễu mình là chẻ sợi tóc làm đôi. Cuộc đời nào chẳng phải trưởng thành, đam mê nào chẳng phải mai một với thời gian. Chỉ có đàn ông, hay đúng hơn chỉ có John là về một vài phương diện không chịu chấp nhận sự việc này. Đàn ông như con nít, rất khó chiều, chỉ có khác là con nít thì phản ứng bằng sự ồn ào, còn đàn ông thì dùng lãnh đạm thờ ơ để trả đũa...

"Thế mà đã ba năm rồi, mau quá." Có tiếng John nói từ cửa bếp thông ra vườn. John đang mở cửa bước vào, trán lấm tấm mồ hôi, một chút bùn còn dính ở má, với vài ngọn cỏ mới xén vương trên tóc. Chàng vừa cắt cỏ và xén cây xong. Mary đang bầy hoa, ngẩng lên nhìn John rồi lại cúi xuống cắm nốt mấy bông hồng vàng vào chiếc bình pha lê giữa bàn. Đợi một vài giây không thấy vợ bắt chuyện, John bước vào bếp vặn nước lạnh uống. Chàng định chùi đôi dày tennis lấm bùn vào cái thảm gai ở cửa bếp thông sang phòng ăn để đi vào với vợ. Mary đã nhanh hơn chàng, lên tiếng:

"John, chùi chân rồi hãy sang phòng khách."

John không trả lời. Chàng tháo luôn giày, và đi đất về phía phòng tắm cuối hành lang. Chàng mở cửa định tắm, nhưng lại đổi ý. Phòng tắm đã được trang hoàng như một kiểu mẫu trong tạp chí *"Home Beautiful"*. Mấy cái khăn bông màu trứng gà mới nguyên,

góc có thêu ba chữ J.M.W. (John and Mary Wright) đã mắc trên cánh cửa bồn tắm tự bao giờ. Bánh xà phòng thơm mới bóc nằm xinh xắn trên chiếc dĩa sứ có vẽ hoa tím nhỏ. Một chậu hoa nhỏ cắm dăm bông hồng vàng và đỏ mới cắt ngoài vườn đặt trên bàn rửa mặt. Chàng nghĩ Jane và Peter không phải là khách lạ, không chờ đợi một sự đón tiếp kiểu cách. Nhưng Mary rất kỹ lưỡng về nghi lễ tiếp tân, ngay cả những bữa tiệc giản dị để thiết đãi bạn thân. Đúng theo chỉ dẫn của những sách trang hoàng nhà cửa hay *savoir vivre* của giới thượng trung lưu, Mary bao giờ cũng trang điểm phòng tắm ngoài hành lang như phòng khách vậy... John nhún vai đi sang phòng ngủ để dùng nhà tắm trong đó.

Nước bông sen lạnh ngắt chảy ào ào trên thân thể làm John tỉnh táo và khoan khoái. John rất thích tắm nước lạnh, một thói quen tập từ hồi nhỏ trong đoàn hướng đạo. Chàng tin là sự kích thích của nước lạnh đem lại cường tráng. Bỗng nhiên chàng đổi ý, vặn nước cho ấm hơn. Một chút ngứa ở cổ như muốn ho, nhắc đến trận cảm đã kéo dằng dai cả mấy tuần nay, tuy không nặng nhưng vẫn không chịu khỏi hẳn. Một ý nghĩ đen tối thoáng qua, nhưng John lại tự trấn tĩnh. Chắc chỉ cảm qua loa, dây dưa như vậy là tại chàng không chịu kiêng khem nghỉ ngơi. Tuần sau chàng sẽ đi bác sĩ. Và tuần sau với một toa thuốc mạnh, mọi việc sẽ đâu vào đấy... Rồi John vui vẻ nghĩ sang chuyện khác. Lát nữa ăn xong chàng sẽ rủ mọi người đi xem ciné, hoặc nếu trễ quá, cả bọn có thể dùng thẻ hội viên của Peter đi khiêu vũ ở câu lạc bộ sĩ quan hải quân. Lại còn hai chai rượu trắng của Đức mà chàng giấu mọi người hôm nay mới lấy ra dùng. Nước bông sen ấm áp vẫn chảy ào ào trên vai trên lưng chàng như mơn trớn đấm bóp cho từng thớ thịt. John khoan khoái, cái khoan khoái phủ tạng, sinh lý, trong khi thể xác nghỉ ngơi mà đầu óc không nghĩ chuyện gì quan trọng.

*
* *

Thế là ngày kỷ niệm ba năm dọn về California sắp sửa trôi qua. Ngày mai chàng sẽ bắt đầu năm thứ tư của đời sống nhàn hạ này. Duyệt qua sự việc đã xảy ra từ sáng đến giờ, chàng ngạc nhiên là bảng liệt kê hoàn toàn không có gì đáng chú ý. Buổi sáng ngủ dậy, ăn sáng như thường lệ với vợ. Hai vợ chồng già ngồi đối diện nhau, yên lặng chậm rãi hưởng hương vị của tách cà phê mới pha cũng như cái an nhàn thoải mái của một đêm nghỉ ngơi. Chàng rán nghĩ xem đã bàn những gì với vợ. Kỳ khôi chưa, ngoài việc nhờ nhau chuyển hộ bình sữa hay hũ đường, chàng không nhớ được một câu chuyện gì có nội dung đặc biệt. Cả hai người ngồi đối diện nhau ăn sáng, trong cái an nhàn của cuộc đời hưu trí. Vậy mà họ

hưởng cái an nhàn này một cách riêng rẽ... Nước bông sen vẫn ào ào chảy trên vai trên lưng. Rồi chàng rán nghĩ tiếp, vẫn không nhớ được chuyện gì quan trọng, kể từ lúc ăn điểm tâm đến giờ. Mary bận rộn sửa soạn bữa tiệc nhỏ, ủi mấy cái khăn bàn thêu, ướp hai con thỏ, cắm mấy bông hoa... Còn chàng thì xén lại vườn cỏ và mấy bụi cây sau nhà, một công việc thiệt ra không cần thiết, vì vừa mới làm ba bốn hôm trước. John không thích bảng liệt kê trống trải này. Chàng rán nghĩ đến tuần trước tháng trước. À may quá chàng tìm ra rồi. Tuần trước chàng và Mary đi chơi Bingo với Peter vàJane. Bingo là một thứ giải trí không đòi hỏi một trí tuệ sắc bén, thường được tổ chức ở những viện dưỡng lão, hay những nhà thương cho người tàn phế hay lãng trí. Cách chơi tựa như xổ số hoàn toàn may rủi. Phần thưởng thường là một vật dụng nhỏ như cái gương cái lược, bánh xà phòng, hay ít tiền lẻ. Nhưng rồi John lại đổi ý, Bingo không thể coi là một chuyện quan trọng được. Vậy là cả tháng qua, chàng đã không làm một việc gì đáng kể. Hai người chung nhà ở, chung giường ngủ, chung bàn ăn, mà sao chẳng có gì là chung nhau. Chàng và Mary như hai cây cau trồng gần nhau, mọc song song thẳng tắp dưới ánh nắng mặt trời, không cần trở nhau mà cũng không có gì trao đổi. Thậm chí cũng không ghét nhau nữa. John rùng mình khi nhận ra là Mary và chàng đã rẽ sang hai ngả tâm tư cách biệt. Mà tự bao giờ? Sự liên quan giữa chàng và vợ bây giờ hoàn toàn trống không, như cõi hư vô, như Niết Bàn... Ý niệm về Niết Bàn chàng chỉ gợi lên như để chơi chữ, mục đích khôi hài hơn là tư lự. Nhưng nó làm chàng liên tưởng đến một sự việc đáng kể mà chàng đã thực hiện được mấy tháng trước đây.

Hôm đó chàng vào thư viện tìm kinh Phật đọc, phần rảnh rỗi, phần tò mò vì mấy nhà sư Hara Krisna một hôm vừa nhảy múa vừa ca hát theo điệu thanh la não bạt, đã bao vây chàng ở một đường phố gần phi trường. Đây không phải là lần đầu tiên chàng tiếp xúc với giáo lý của đấng Chí tôn. Hồi thế chiến thứ hai khi phục vụ tại chiến trường Miến Điện, Nepal, chàng đã có dịp trò chuyện với những môn đệ của Phật. Hai giờ trong thư viện, tuy không tìm ra được gốc gác của môn phái Hara Krisna trong những dạng thức khác nhau của Phật giáo,chàng có dịp ôn lại những kỷ niệm ởÁ Châu, vùng đất huyền bí đã có hồi ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống nội tâm của chàng. Đạo Phật và văn hóa Đông phương đã gợi cho chàng những nét đặc biệt của tâm hồn nhân loại,và nhìn cuộc đời với những góc cạnh mà thuở niên thiếu ở Mỹ chàng không bao giờ nghĩ tới. Chỉ tiếc là khi hồi hương, quá bận rộn đối phó và mưu sinh, chàng đã không có dịp đào xới thêm. Tại sao không chia sẻ chuyện này với Mary? Triết lý của Phật làm cho

chàng khám phá ra cả một cuộc đời mới, hay đúng hơn một góc cạnh của cuộc đời mà chàng đã bỏ quên. Chắc Mary sẽ chống đối lúc đầu, nhưng chàng tin sẽ thuyết phục được nàng. Ít nhất còn có ý nghĩa hơn là ngày này qua ngày khác, sống mà như đã chết rồi, không còn chờ đợi trông mong, ngoài việc chuyền cho nhau bình sữa hay hũ đường buổi sáng trên bàn điểm tâm. Cao hứng chàng nghĩ sẽ cùng Mary trở lại Miến Điện, thăm lại những đền đài, những phố phường. Hay hơn nữa sang hẳn Ấn Độ để hành trình theo vết chân của đấng Chí tôn, và tập nhìn cuộc đời theo tầm mắt Ngài. Còn bao nhiêu chuyện để học, còn bao nhiêu chuyện để làm. Biết đâu trong thế giới ba ngàn, chàng chẳng tìm được một Niết Bàn nhỏ, trong đó Mary và chàng sẽ gần gũi hơn.

Thế là chàng tìm thấy đường sống, một đường sống ly kỳ, đầy sinh lực. Những năm tháng gần đây, chàng đã quá phí phạm tuổi trời, cam phận của người hưu trí ngồi chờ già chờ chết. John nghĩ đến Mary, và con đường sống mới cho cả hai vợ chồng.

Chắc Mary đã trang điểm sửa soạn xong. Không biết hôm nay nàng mặc áo gì. Chàng muốn chạy ra ôm vợ, chia sẻ với vợ những dự định mới của mình. Chàng sẽ viết sách, chàng sẽ làm thơ, và trong sáng tác, chàng sẽ để lại cho hậu thế những cái nhìn thấm nhuần triết học của đấng Chí tôn.

Bỗng John lại thấy ngứa ở cổ. Thật khó chịu, nhưng tuần tới, một toa thuốc cảm mạnh của bác sĩ Williamson, mọi việc sẽ đâu vào đấy. Chàng đang tính trở lại những suy nghĩ tích cực mới mẻ của mình. Nhưng lần này, cổ chàng ngứa một cách thôi thúc, không đè nén được. Không nhịn nổi, chàng ôm ngực ho. Có vị mặn mặn trong miệng. Như phản xạ, John nhổ nước miếng xuống sàn nhà tắm. Trong tranh tối tranh sáng, dường như có máu đỏ trên mấy miếng gạch bông. Chàng vội cúi xuống để nhìn cho kỹ, nhưng nước bông sen đã chảy trôi tất cả xuống cống... John ngưng tắm với chiếc khăn khô lau người. Chàng bước ra khỏi bồn tắm, tiến đến bàn rửa mặt. Chàng ngần ngừ giây lát rồi hắng giọng, và ho mạnh. Lại có vị mặn mặn trong miệng. John nhổ vào chiếc khăn tắm vừa dùng để lau người. Hai tia máu như hai sợi bún nhỏ dài chừng hơn phân tây, màu đỏ tươi rõ rệt tương phản với màu vải bông trắng. Ngẩng lên John chạm trán với chân dung của chính mình trong gương. Nét hoảng hốt phờ phạc trên bộ mặt quen thuộc làm chàng lúng túng quay đi chỗ khác. Chàng vặn bồn nước rửa mặt và gột cho phi tang hai sợi máu. Chiếc khăn bông đã trở lại màu trắng cũ, và John cảm thấy yên ổn hơn. Chàng bất giác nghĩ thầm:

"Vậy mà mình sắp 65 tuổi rồi, mau quá. Cảm một chút là ho ra máu."

Có tiếng Mary gọi vọng vào :

"John, khách đến rồi."

Bây giờ thì John hoàn toàn trấn tĩnh. Chàng chải lại mái tóc, và mặc quần áo ra tiếp bạn.

II

Ngồi vào bàn, John đã phục hồi được sự bình tĩnh thường lệ. Hai ly rượu khai vị pha đậm đã giúp chàng lên tinh thần. Hơi men làm mọi người lâng lâng vui vẻ, trong khi nhận xét của họ cũng cùn nhụt đi. Lúc chàng lấy hai chai rượu vang trắng ra, thì mọi người đều hoan hỉ tán thưởng. Như thường lệ, món civet của Mary hoàn toàn thành công. John lấy muỗng lớn tiếp thức ăn cho bạn, và ngạc nhiên là thấy tay chàng rất vững vàng và chính xác. Dưới ánh bạch lạp ấm cúng, thần sắc chàng có thay đổi chút ít chắc chẳng ai nhận thấy. Rượu ngon, đồ ăn khéo, tình bạn đầm ấm, John thấy lòng hồ hởi, và hai tia máu bám trên chiếc khăn bông trắng không còn ảnh hưởng mạnh mẽ như lúc đầu. Hồi còn nhỏ đánh nhau với bạn, chàng chảy máu cam còn nhiều gấp mấy lần như vậy...

Jane hơi say, đòi John kể chuyện viết văn ngày xưa của chàng. Tại sao chàng bắt đầu viết; và nhất là khi bắt đầu có tên tuổi, tại sao chàng lại đột nhiên buông bút; ai đã là Nàng Thơ gây cảm hứng cho chàng; bài thơ nào đầu tay; bài thơ nào chàng thích nhất... John vui vẻ đối đáp, và khi chàng sắp đọc bài thơ Jane khẩn khoản yêu cầu, thì chợt nhận ra là Mary và Peter đã không còn theo rõi câu chuyện văn bút này nữa. Mary đang kể sự tích món civet của nàng cho Peter nghe:

"Hôm ấy ở Paris..."

Tiếng Mary vang lên trong căn phòng nhỏ, không hẳn là la hét, nhưng rổn rảng, với một chút kiểu cách giả tạo. Jane quay lại nhìn bạn gái, câu chuyện lại trở về một đề tài chung. Và Mary kể tiếp câu chuyện du ký dí dỏm. Hôm ấy, khi đã mỏi cẳng tản bộ trên đại lộ Champs Elysés — chắc Peter còn nhớ, cái khoảng gần công trường Etoile ấy mà — John và nàng vào một tiệm ăn lịch sự, vừa để nghỉ chân vừa để ăn tối. Tuy lúc đó còn sớm, nhưng hai vợ chồng nghĩ cũng nên dùng bữa cho lợi thì giờ; lát sau họ còn đi tàu trên sông Seine để ngắm kinh thành về đêm. Không biết vì đói hay vì đầu bếp giỏi mà hôm đó nàng ăn rất ngon miệng. Rồi cao hứng, nàng đã làm được một chuyện hi hữu. Mary đã mua chuộc được người bồi để lấy cái Recette bí mật của món civet. Sau khi 100 quan trao tay, hắn đã dúi cho nàng một tờ giấy đầy chi tiết về cách nấu món ăn đặc biệt Pháp này. Về nhà, sau khi thêm bớt chút ít gia vị cho đúng sở thích riêng, Mary đã tạo được một món civet độc đáo. Nàng rất kiêu hãnh về bí quyết nấu nướng mới, cho đến một hôm,

John tặng nàng một cuốn gia chánh mà tình cờ thấy bán đại hạ giá ở một siêu thị trong tỉnh. Tất cả bí quyết của món civet được ghi chú rành mạch ở trang 52, chỉ có khác là bằng tiếng Anh nên lại càng dễ đọc. Thế là bồi Pháp hạ du khách Mỹ sát ván, cộng thêm với 100 quan chiến lợi phẩm. Và mọi người lại vui cười nhộn nhịp. Rồi họ lại trao đổi những giai thoại về sự sống sượng của tài xế và dân chúng Paris. Như để tóm tắt Peter nói:

"Nước Pháp cái gì cũng xấu. Chỉ trừ có đồ ăn và rượu là đáng kể. Người nào cũng bài Mỹ, trừ có mấy nữ du kích kháng chiến quân hồi đệ nhị thế chiến là dễ thương. Tôi có kinh nghiệm bản thân về việc này..." Và Peter lại giả vờ úp mở về những liên hệ tưởng tượng với phụ nữ địa phương trong những năm phục vụ tại chiến trường Normandie. Như thường lệ, Jane lại làm bộ ghen tuông cần nhằn.

Tình bạn đầm ấm vui vẻ, nhưng John vẫn không quên nổi trận cảm dai dẳng của mình. Tuy nhiên chắc không ai để ý đến vẻ lo ra của chàng. Peter vẫn hồn nhiên kể lại những mẩu chuyện khôi hài mua vui cho mọi người. Mary vẫn đóng vai bà chủ nhà duyên dáng tế nhị, lúc nào cũng tinh ý không để cho khách thiếu dù một hớp rượu, một mẩu bánh mì hay một thìa nước sốt. Nhưng dù tinh ý nàng vẫn chưa nhận được nỗi ưu tư của chồng. Chỉ có Jane, người nữ y tá hồi hưu là có linh cảm một cái gì bất thường. Lát sau, lúc John đang bị ám ảnh vì hai tia máu đỏ trên chiếc khăn bông thì bắt gặp Jane đang ái ngại nhìn trộm chàng. John hơi lúng túng vì Jane như định hỏi chàng chuyện gì. Nhưng may mắn thay Peter đã mở chai rượu thứ hai và đang vươn qua bàn để rót thêm cho mọi người. Rồi Peter đứng dậy nâng ly để chúc cho tình bạn được lâu bền mãi mãi. Mọi người nâng ly đứng dậy theo. Peter đã ngà ngà say, tuyên bố:

"Để kỷ niệm ba năm đã qua. Và để chúc mừng ba mươi năm gắp tới..."

Mọi người cụng ly, tiếng pha lê chạm nhau trong trẻo trong căn phòng ấm cúng.

*
* *

Nhưng John bỗng tỉnh rượu. Chàng thấy bàn tay phải tê tê như kiến bò. Rồi ngón tay trỏ và ngón tay cái đang cầm chân ly rượu bỗng giật nhẹ. May mắn cho chàng là mọi người đã ngồi xuống. Ngón tay trỏ lại giật, nhưng lần này mạnh hơn, và rượu sóng sánh trong ly. John sợ hãi tựa cánh tay trên mặt bàn, và đặt ly rượu xuống. Bàn tay cầm ly của chàng núp bóng bình hoa nên chắc chưa ai thấy. Mary đang ngước nhìn ánh bạch lạp lung linh ấm

cúng. Có lẽ nàng đang nghĩ đến *"Hôm ấy ở Paris..."*, hay đang mơ màng đến những bữa ăn kỷ niệm trong tương lai. Peter đang cẩn thận phết bơ trên mẩu bánh mì, lưỡi dao bạc lấp lánh ánh nến. Jane nhìn qua bàn như dò hỏi. John vô cùng hoảng sợ, nhưng rán trấn tĩnh. Chàng định giấu bàn tay xuống gầm bàn. Nhưng quá trễ, Cánh tay phải đã hoàn toàn thoát khỏi sự điều khiển của lý trí. Những động tác bệnh hoạn bây giờ đã lan sang cả năm ngón và cổ tay. Chàng sợ hãi nhìn bàn tay mình tự động bóp thả chiếc ly pha lê theo một nhịp điệu ma quái. Rượu chòng chành trong ly, như muốn vương vãi ra ngoài. Bây giờ thì tất cả mọi người nhìn về phía chàng: chân ly rượu bị đập xuống bàn theo nhịp tay run phát ra một điệu gõ kỳ dị. Bây giờ thì các động tác bệnh hoạn đã leo lên cánh tay và bả vai. Cánh tay bất thần co lại, lật đổ bình hoa và nâng cao ly rượu lên ngang tầm mắt mọi người. Tiếng cười nói đã im bặt từ lâu. Mọi người như bị thôi miên bởi bàn tay ma quái đang bóp thả chiếc ly pha lê mảnh dẻ. Nhịp bóp càng ngày càng mạnh và mau, sau cùng chiếc ly vỡ tan tành. Trong căn phòng yên lặng, tiếng pha lê vỡ vang lên như một bóng đèn vừa nổ.

"John, John, lạy Chúa. Ngừng tay, John. Anh làm gì vậy."

Máu lẫn rượu chảy chan hòa xuống khăn bàn trắng thêu, trong khi John tiếp tục bóp thả chiếc ly vỡ. Những mảnh pha lê vụn lạo xạo trong tay chàng. Mary lại hét lên:

"John, John... Chúa ơi, John, buông tay ra, Anh điên rồi..."

John vẫn tỉnh táo, chứng kiến tất cả mọi việc. Chàng thấy Mary phía bàn đối diện nhào tới định chụp tay chàng. Nhưng từ bên trái, Jane đã lanh trí hơn, chồm qua bàn ngăn bạn lại.

Đúng lúc đó, những động tác bệnh hoạn bỗng ngừng. Chàng cảm thấy như được giải thoát khỏi một ảnh hưởng ma quái, và phục hồi được sự kiểm soát cánh tay bệnh hoạn. Chàng duỗi ngón tay ra để mấy miếng pha lê vỡ rơi xuống bàn. Mary đã ngất xỉu, và Peter đang vòng tay qua vai để giữ nàng khỏi gục xuống bàn. Tất cả sự việc diễn ra khoảng một phút.

Jane chạy tới bật đèn điện lên. Bàn tay John đỏ lòm, và những vết đứt đang chảy máu. Khoảng giữa bàn ăn, chậu hoa đổ nằm ngang, nước cắm hoa lẫn với máu và rượu vang, làm ố từng mảng lớn trên khăn bàn trắng.

Peter và John nhìn Jane như chờ đợi sự giải thích. Peter buột miệng nói:

"Thật là quái đản..."

Hai người đàn ông thoáng nghĩ đến những chuyện ma quỷ huyền bí, thì Jane đã bình tĩnh lên tiếng:

"Không, đây là một loại kinh phong. John, chắc tay đau lắm. Peter, gọi xe hồng thập tự đi, tôi chạy về kiếm ít đồ cầm máu cho

John trong khi chờ đợi."

III

*J*ohn ở bệnh viện đã được một tuần. Trưa nay những kết quả thử nghiệm cuối cùng sẽ về, và chiều nay Mary và Jane sẽ đón chàng xuất viện. Định bệnh ngã ngũ sáng nay, nặng nề như một bản án tử hình: John bị một bệnh ung thư phổi với khả năng phát triển cấp tính. Một số tế bào ung thư đã theo mạch máu lên não và tạo thành một mụn ung thư thứ hai ở đây. Tuy còn nhỏ chưa gây nên chứng xuyên đầu thống, nhưng mụn nằm ở một vị trí đặc biệt tại một não thùy có phận sự kiểm soát cánh tay và bàn tay phải. Thỉnh thoảng não thùy bị kích thích và tạo ra những cơn kinh phong giới hạn như đã xảy ra hôm trước. Rượu là một kích thích tố quan trọng để gây ra những biến chứng như vậy. Tuy kinh phong có thể tạm thời kiểm soát bằng thuốc men, nhưng bệnh gốc vẫn tiến triển để tạo trong tương lai những biến chứng khác, và sau cùng sẽ giết bệnh nhân.

Còn hai giờ nữa thì Mary và Jane sẽ tới đón chàng về. John nhìn quanh phòng bệnh. Mấy chậu hoa tươi bày trước cửa sổ và trên chiếc tủ con kê đầu giường. Mấy tấm thiếp cài nghiêng ngửa trên những cành hoa, hay để dựa trên bàn. Chàng cầm một tấm thiếp lên tò mò ngắm nghía. Kỹ thuật ấn loát tinh vi, và nội dung trình bày nhẹ nhàng. Hơi quá nhẹ nhàng với bệnh tình của chàng. Có tấm vẽ một người có lẽ đi trượt tuyết về chân bị bó bột đang nằm trên giường. Trên chiếc chân bột có ai ký tên nhì nhằng và vẽ mấy quả tim nhỏ màu đỏ ra điều yêu thương lắm. Dưới đầu gối là hàng chữ viết nghiêng: *"Hẹn mùa tuyết năm sau, nhưng phải cẩn thận hơn."* Tất nhiên người tặng hoa, mua hoa bằng điện thoại nên chắc đã không có dịp đích thân chọn lựa tấm thiếp. Nhưng John thầm nghĩ, chắc có kiếm cũng không tìm thấy một tấm thiệp hoàn toàn thích hợp với chàng. Có ai lại in những thiếp hỏi thăm mà ghi nhận những nan y hay tình trạng tuyệt vọng của bệnh nhân. Thăm viếng là một phần của phép giao tế hằng ngày. Mà đã là phép giao tế hàng ngày thì không được quá rõ ràng quá trung thực. Bất giác John nghĩ đến hàng trăm cánh thiếp thăm bệnh in hệt hoặc tương tự, cho hàng trăm bệnh nhân khác nhau trong nhà thương này. Sinh lão bệnh tử là chuyện riêng, vậy mà mọi người vẫn phải chia sẻ những tấm thiếp đồng dạng, không tình cảm riêng tư, không linh hồn, như quân phục của binh sĩ trong một đồn lính.

Tất nhiên hoa là hoa, và có hoa, phòng bệnh cũng vui tươi hơn. Và chàng thầm cám ơn những bạn bè và Mary đã gửi hoa đến. Lần này nghĩ đến Mary, chàng cảm thấy những xúc động êm đềm mà đã lâu chàng không có. Chàng biết đã có thời gian Mary

cũng đồng ý với chàng về sự chống đối ảnh hưởng đồng hóa của xã hội trên đời sống riêng tư của con người. Quả thật, Mary đã chẳng giúp chàng sáng tác một bài thơ theo chiều hướng đó sao. John nhớ hồi đó chàng sắp cưới Mary. Cả hai còn trẻ, và cả hai cùng tin tưởng ở sự đặc thù của tình yêu đôi lứa. Trước họ không có ai yêu nhau như vậy, và sau họ cũng sẽ không có một cặp uyên ương tương tự. John làm bài thơ về một thanh niên tưởng tượng mà Mary đặt tên là Jonathan. Mary chọn tên này vì nó có một âm hưởng Thánh kinh, mà lại gần trùng với tên chàng. Cũng như John, Jonathan sắp cưới vợ. Và cũng như John, và Mary hồi ấy, hắn chống sự đồng hóa của kỹ nghệ đối với cá nhân, cũng như sự xen lấn của xã hội vào đời sống riêng tư. Hắn nhờ mẹ may cho vị hôn thê một bộ áo ngủ bằng lụa. Sự việc bình thường nhưng vô cùng ý nghĩa. Hôm hợp hôn, lúc động phòng khi cởi áo vợ, hắn khỏi phải thấy nhãn hiệu nhỏ của hãng "Sears & Roebuck Co" khâu ở phía sau áo lót. Trong lúc thân mật tuyệt đỉnh của tình yêu đôi lứa, hắn không muốn sự hiện diện của một công ty kỹ nghệ sản xuất từ máy cầy đến ống cống... Hồi đó Mary rất thích bài thơ này. Trong bữa tiệc tuần trước để kỷ niệm ba năm dọn về California, John đã kể sự tích bài thơ cho Jane nghe. John cũng kể cho Jane nghe những dự định đi thăm lại Miến Điện với vợ, với niềm lạc quan về cái sinh lực mới cho cuộc đời. Dưới ảnh hưởng của men rượu lâng lâng và tình bằng hữu đầm ấm, Jane lây cái lạc quan của chàng, và đòi chàng đọc to bài thơ đó để tặng lại Mary một lần nữa. Chỉ có điều là dự tính nhỏ đó phải bỏ dở vì Mary đã hướng câu chuyện về một đề tài khác.

"Hôm đó ở Paris... Mary sau khi đi bộ mỏi chân ở Champs Elysés chỗ gần công trường Etoile, đã được ăn một bữa civet ngon và lại còn học được cả bí quyết để nấu món này nữa..."

John thở dài, và ưu tư lại trở về với bệnh nan y của mình. Sáng nay, khi định bệnh xong, bác sĩ Williamson đã tới thăm chàng. Đây không phải là lần đầu tiên ông phải báo tin buồn cho một bệnh nhân. Tuy nhiên John có cảm tưởng ông đã xúc động thực sự, tuy bề ngoài vẫn bình tĩnh, cái xúc động của những người đã hiểu được những vấn đề nhân sự nấp sau những từ ngữ la-tin của nghề y. Khi bác sĩ Williamson tới thì chàng đang đứng nhìn ra cửa sổ ngắm mấy người y công cắt cỏ. Sau khi chào hỏi xã giao, John vào đề liền:

"Bác sĩ, kết quả thế nào?"

Người thầy thuốc già không trả lời ngay mà mời John ngồi xuống ghế. Bằng những lời ân cần nhưng không ủy mị, ông cho John biết về bệnh tình của chàng. John yên lặng hồi lâu rồi hỏi:

"Vậy thì trị liệu làm sao?"

Bằng một giọng chậm rãi, B.S. Williamson duyệt qua những phương pháp trị liệu hiện có. Như John đã đoán trước, hiện giờ chưa có phương thuốc có thể dứt nổi chứng nan y này. Tuy nhiên, bây giờ tiến bộ về y học đối với các bệnh ung thư rất nhanh chóng. Biết đâu những môn thuốc mới sẽ được công bố trong tương lai gần. John có thể chấp nhận hay từ chối những phương pháp trị liệu đề nghị, nhưng dù sao đi nữa, bao giờ John cần tới, ông vẫn sẵn sàng cộng tác. Ông sẽ tiếp tục theo dõi bệnh trạng của John và tùy cơ ứng biến với những biến chứng trong tương lai.

Không có mảy may thương hại trong lời nói. John chỉ nhận thấy sự ân cần của người với người, và sự chấp nhận những giới hạn của y khoa. Tất nhiên là có một chút hy vọng, nhưng hy vọng mà không dối trá.

Có tiếng Mary và Jane lao xao ở hành lang. Họ đã tới đón chàng. John nhìn lại căn phòng bệnh một lần cuối. Chàng có cảm tưởng là mình đã ở đây lâu lắm. Chỉ có một tuần mà cuộc đời của chàng hoàn toàn thay đổi. Chủ nhật trước chàng còn đầy những dự định, những kế hoạch cho tương lai. Còn bây giờ, bận tâm chính của chàng là sự chết...

Mary đẩy cánh cửa đã hé mở, và hai người đàn bà bước vào. John đón mắt vợ rán tươi cười. Mary cười trả, nụ cười héo hon, mắt nhìn vừa thương xót vừa lúng túng. Những biến chuyển tuần qua quá trọng đại. Nàng đã biết kết quả khám nghiệm từ lúc sáng. Tử biệt sinh ly sắp tới, mà nàng vẫn chưa sắp xếp đầu óc một cách ổn định để cư xử với tình thế mới. Sự bi ai đang xâm chiếm tâm hồn nàng. Mỉa mai thay, John thấy trong hai người, Mary lại cần được nâng đỡ an ủi nhiều nhất. Chàng cầm tay vợ khẽ nói:

"Mary, bác sĩ có cho anh biết rồi. Đừng buồn Mary, đến đâu hay đến đó..."

Trong đầu, John làm những bài tính toán rất mau, kiểm lại những dự trữ tài sản, quỹ tiết kiệm, quỹ hưu bổng, và yên chí rằng ít nhất tương lai vật chất của vợ cũng được bảo đảm.

Mary bỗng chớp mắt như rán kiềm soát sự xúc động. Rồi nàng nức nở khóc. John lấy khăn lau mắt cho vợ. Jane cũng rán an ủi bạn. Nàng dìu Mary xuống ghế, đi rót cho nàng một ly nước lạnh, rồi ngồi xuống bên. Jane để cho Mary tiếp tục sụt sùi, ngồi yên ôm bạn, nét mặt ân cần tận tụy. Khi cơn xúc động đã giảm, Jane mới nhẹ nhàng nói:

"Mary, tôi ngồi cạnh đây này. Chị em mình có nhau, Mary đừng sợ..."

John nhìn lại hai người đàn bà. Mary ngồi rũ rượi, mắt nhắm, đôi bờ vai còn nức nở. Còn Jane thì hơi ngả người sang bên cho bạn có chỗ tựa thoải mái, tay nàng vòng qua ôm vai Mary. Nhưng

đầu nàng vẫn thẳng, và nét mặt trong sáng bình thản. Có nét ân cần, nhưng không hốt hoảng bi ai. Không lúng túng vì cơn khóc bất thần của Mary cũng như định bệnh nan y của John, nàng như đã có sẵn kế hoạch từ trước để đối phó với hoàn cảnh này. Chàng nhìn Jane, nàng chịu mất John mà không lúng túng quay đi chỗ khác. Qua ánh mắt, Jane như đem lại cho chàng một quân bình, một niềm yên ổn. Nàng như thầm nhủ:

"John, tôi biết anh sắp chết, mà anh cũng biết vậy. Chỉ có những người hời hợt vô ý thức mới làm phiền anh lúc này với những lạc quan vu vơ hay hy vọng giả dối. Tôi biết anh nghĩ bây giờ không còn ai dám hứa hẹn gì. Nhưng riêng tôi, tôi vẫn hứa với anh một tình bạn trung thành, và tôi sẽ tận tâm săn sóc, khi anh cần đến tôi. Và tôi cũng hứa với anh một niềm thông cảm với những ưu tư của anh lúc anh sửa soạn về nước Chúa."

Bất giác John cười với người bạn gái đang an ủi vợ mình. Jane cũng cười lại, không phải là một nụ cười vui, nhưng ân cần và chia sẻ. Chỉ một người y tá lành nghề mới biết cười như vậy. Nhưng mơ hồ, John thấy có một chút gì đằm ấm hơn là một nụ cười y tá, mang lại một niềm êm ả mà bình thường người ta không có quyền chờ đợi trong hoàn cảnh này.

John nhìn lại bạn. Jane gọn ghẽ trong chiếc áo vải bông màu trắng có in những hoa hồng nhỏ màu vàng nhạt, có vài lá hồng màu lục non với những răng cưa tỉ mỉ. Tóc búi gọn lại đằng sau, môi thoa chút son mỏng; một chút bút chì trên mí mắt có những lông mi dài, và đôi mắt xanh. Khuôn mặt trang điểm không quá đáng mà cũng không suồng sã. Nàng ngồi thẳng, chân hơi duỗi ra phía trước. Vạt áo xuống thấp hơn đầu gối một chút, để lộ đôi bắp chân thon với đôi cổ chân gọn gàng. Toàn thể, nàng như hiện thân của sự tươi mát lành mạnh. Jane trông trẻ hơn tuổi, chỉ có vài nếp da cổ và những nét nhăn ở đuôi mắt là nhắc đến tuổi già của người nữ y tá hưu trí. Chàng biết cả Jane lẫn chàng không bao giờ nghĩ đến phạm điều răn thứ chín hay điều răn thứ sáu. Nhưng chàng cũng biết giữa hai người có một liên hệ, tuy không diễn ra thành lời, nhưng nặng hơn tình bè bạn thuần túy. John thấy bớt đơn độc trong những ngày cuối của cuộc đời.

Mary đã bình tĩnh trở lại. Nàng sốc lại cổ áo, phủi mấy nếp nhăn trên vạt áo, và mở ví sửa lại những vết son phấn đã bị nước mắt làm nhòe nhoẹt. John kiếm việc làm để bớt ngượng ngùng. Chàng cúi xuống buộc lại dây giầy. Sau cùng họ ra về. John đi giữa hai người đàn bà, tay xách chiếc va li nhỏ. Mary muốn xách hộ chàng, nhưng John trấn an nàng là việc đó không cần thiết. Tới xe, Jane mở thùng xe cho John cất vali. Rồi thản nhiên, nàng đưa chìa khóa cho John và leo vào ghế sau ngồi. Nàng nhường ghế trước

bên tài xế cho Mary. Jane vẫn đối đãi John như thường lệ, không có gì săn sóc quá đáng. Mary ngồi bên chồng yên lặng suy nghĩ, nàng hoàn toàn lúng túng với hoàn cảnh mới. Cùng một ý với vợ, John nghĩ đến những tuần những tháng sắp tới. Không biết Mary sẽ phản ứng làm sao với những lo lắng, những áp lực của cuộc sống bên người chồng sắp chết vì bạo bệnh. Sau cùng John lên tiếng:

"Mary đừng lo lắng thái quá. Anh đã có một ý niệm rõ ràng sau khi nói chuyện với bác sĩ lúc sáng. Chúng mình sẽ dựa vào nhau trong những ngày tháng tới. Jane là y tá, em quên rồi sao. Jane sẽ không cảm phiền mà chỉ dẫn cho em những việc phải làm. Vả lại bác sĩ Williamson sẽ tiếp tục săn sóc anh... Tuần tới, anh sẽ đi thu xếp công việc cho gọn ghẽ để em có thể làm được một mình. Những việc nào em chưa quen làm, anh sẽ chỉ dẫn em. Mình còn nhiều thì giờ lắm."

Nói xong, John ngạc nhiên là mình có thể bàn về cái chết một cách bình thản như vậy. Mary đáp lời, giọng nàng còn vỡ:

"John yên chí, em sẽ học Jane cách điều dưỡng để chăm sóc cho anh. Cốt nhất phải giữ tinh thần cao... Khoa học bây giờ đưa người lên cung trăng còn được mà... Biết đâu nay mai chả có một phát minh quan trọng. Biết đâu giờ này năm sau tụi mình lại không được đi du lịch với nhau..."

Yên lặng bao trùm mọi người. Chính Mary cũng nhận thấy những lời nói của mình lạc lõng trong hoàn cảnh hiện tại. Sự lạc quan gắng gượng nghe như mỉa mai. Mary tự trách mình vụng về, và cảm thấy hổ thẹn với Jane. Nàng thèm muốn cái kinh nghiệm điều dưỡng của bạn. Mà cũng ganh tị với sự thành công của bạn trong khi săn sóc John. Tuần lễ vừa qua, khi John đang còn xao động mãnh liệt với hoàn cảnh mới, chỉ có Jane là đem lại sự yên ổn cho chàng. John trông chờ những lần Jane tới thăm viếng. Sự hiện diện của nàng đem lại cho John một niềm thư thái mà Mary không thể thực hiện được. Mary duyệt lại xem có gì khả nghi giữa hai người để rồi lại hổ thẹn vì lòng ghen tuông quá đáng cũng như sự vô ơn của mình.

IV

*V*ề đến nhà, John khoan khoái đẩy cửa bước vào. Chàng nhìn những đồ vật quen thuộc, cảm thấy như mình vừa đi xa về. Ngày đầu tiên ở nhà bình lặng trôi qua. Hôm đó John đi ngủ sớm. Sáng hôm sau chàng thức giấc, thấy trong người hoàn toàn khỏe khoắn. Mary đã dậy từ trước, và có mùi cà phê mới pha từ bếp đưa lên. John tắm rửa rồi ăn bữa điểm tâm ngon lành. Chàng thấy mình hoàn toàn bình thường và muốn làm một việc gì bình thường. Chàng nghĩ đến làm vườn và nói với vợ:

"Một tuần nay không vận động, tù túng quá, Anh ra vườn kiếm chuyện gì làm cho khuây khỏa đây."

John thấy bệnh tật đã bắt đầu ảnh hưởng đến đời sống. Làm vườn mà cũng phải giải thích với vợ, một sự giải thích không bao giờ cần thiết trong quá khứ. Mary nhìn chồng dò xét:

"Cũng là một ý kiến hay. Luôn tiện anh trồng luôn cây đào đi, để lâu trong chậu chắc nó chết mất." Rồi như nghĩ lại, Mary nói tiếp:

"Tay anh còn đau không? Đừng làm quá sức nhé."

John trấn an vợ:

"Mấy chỗ tay đứt đã ăn da non rồi, không sao đâu."

Chàng bắt đầu bằng việc cắt cỏ. John nghĩ thầm, cỏ Bermuda là phải cắt hàng tuần mới đẹp. Tuần tới, mọi việc lắng đọng một chút, chàng sẽ thu xếp mấy vụ tiền nong cho ngăn nắp để đề phòng bất trắc... Còn bây giờ, chàng chỉ muốn làm một việc gì chân tay, đổ chút mồ hôi, rồi uống một ly bia lạnh... Ờ, chàng sẽ gọi Peter qua uống và nói chuyện cho vui. Bác sĩ vẫn cho chàng uống bia mà, tất nhiên là với điều kiện điều độ.

John đẩy máy cắt cỏ theo những đường thẳng hàng. Những ngọn cỏ mới cắt bị máy ném rào rào vào thùng hứng bằng thiếc ở phía trên. Mùi cỏ mới cắt hăng hăng như kích thích giác quan chàng. Những chi tiết tầm thường của đời sống hàng ngày bây giờ trở thành những thú vui quý báu. Đâu đây, có ai đang sửa lại hàng rào gỗ, tiếng cưa và tiếng đóng đinh vang lại như những âm thanh thân mật. Mấy bụi hồng ven vườn cỏ đầy nụ non, hứa hẹn một mùa hoa lộng lẫy. Vài ngọn hoa leo ven dậu mọc chòi ra ngoài, chưa có chỗ bám nên còn đong đưa trong gió, những búp lá non màu xanh nhạt đầu cành bụ bẫm căng nhựa. Xung quanh chàng cảnh vật đầy sức sống. Chàng tiện tay cúi xuống nhổ một cụm cỏ dại ngoài tầm lưỡi hái của máy cắt cỏ. Một vài bông hoa nhỏ màu tím nhạt còn bám trên cọng cỏ, những cánh hoa dại mảnh dẻ rơi tơi tả xuống đất. John nhớ đến những hoa cỏ dại của một thời xa xưa khi cuộc sống còn trẻ lắm. Hồi đó chàng khoảng độ tám chín tuổi sống với cha mẹ trong một tỉnh nhỏ bên Pennsylvania. Có cô bé láng giềng kém chàng ba tuổi tên là Alyce. Hai gia đình thân nhau, và cha mẹ chàng thỉnh thoảng rủ gia đình Alyce cuối tuần về căn nhà gỗ để nghỉ mát của gia đình tại vùng quê. Ngôi nhà gỗ xây gần một chiếc hồ rộng, một bên là mấy rặng núi xanh, và một bên là nội cỏ bát ngát đến tận chân trời. Hai đứa trẻ thường vui đùa chạy nhảy tung tăng trong cỏ dại cao gần đầu gối. Khi đã mệt chúng thường đi tìm bắt mấy con rùa đất, hay kiếm hoa dại hái về từng bó cho mẹ. Chàng nhớ hoa dại thường thường giản dị. Phần nhiều lá cánh đơn. Họa hoằn lắm mới có một bông cánh kép như

cẩm chướng hay anh đào. Hoa hồng dại cũng vậy, bông nhỏ với bảy tám cánh hoa hoặc trắng hoặc phớt hồng, dáng dấp gần gũi với bông trà hơn là bông hồng nhà đã được chọn lọc đời này qua đời khác. Nhưng với trí tưởng tượng của trẻ con, hoa dại là cả một kho tàng vô giá, nhất là nhìn gần trong tư thế nằm hay quỳ trên cỏ. Có bông tương tự như hoa cúc hay hoa hướng dương, với cành hoa vàng chói và nhị mầu cam hay đỏ đậm, nhưng kích thước thu nhỏ lại như một chiếc khuy áo. Có những bông mầu hồng nhạt hay thiên thanh, đài hoa khum khum như những cái chuông nhỏ treo từng chùm dưới những cọng cong cong và mảnh khảnh. Lại có những bông như hoa kèn, năm cánh hoa dính với nhau phía dưới xòe ra như cái loa của máy hát cổ. Trong lòng hoa, năm cọng nhị màu đen có lông măng, cong cong như nhị hoa phượng với túi phấn nhỏ như hạt gạo dính ở phía cuối. Tất cả hoa dại đều không có tên tuổi, chỉ trừ một bông mà Alyce và chàng đã đặt tên cho. Đó là một bông cúc dại cánh đơn màu vàng cỡ đồng 25 xu. Nhị hoa hơi quá khổ và đen như một chấm tròn bằng than tàu. Cả hai đứa trẻ thích bông hoa này nhất và một hôm chơi trò vợ chồng, đã nhận hoa làm con. Hôm đó Alyce lấy cái khăn tắm quấn lại và nhét dưới bụng giả vờ làm bà mẹ có bầu. Xong xuôi cô bé nằm lăn trên cỏ, làm bộ đau đớn và tuyên bố đã đến kỳ sinh nở. Rồi như ảo thuật, cô bé luồn bàn tay dưới cánh tay áo rộng, kéo từ nách ra một bông cúc dại, miệng oe oe vờ khóc để bắt chước tiếng chào đời của trẻ sơ sinh. Bông hoa đã nghiễm nhiên thành một hài nhi, không những được nuôi dưỡng trong thai, mà còn được ra đời bằng nách mẹ. Alyce lấy một cái lá to bản cỡ lòng bàn tay người lớn, bẻ cong thành một cái nôi và đặt bông hoa bé bỏng vào trong. Cô bé còn xé một miếng khăn giấy nhỏ buộc tréo ngang cuống hoa giả vờ làm tã. Bây giờ sinh nở xong chỉ còn việc đón em bé về nhà. John khuỳnh hai cánh tay như lái một chiếc xe tưởng tượng để đón vợ con từ bệnh viện về. Đặt nôi xuống, Alyce làm bộ nũng nịu:

"Honey, Anh đặt tên con đi. Con gái mình đẹp nhất xóm."

Hai đứa bé tinh nghịch châu đầu vào nhau nhìn bông hoa nhỏ bé đặt giữa chiếc lá bẻ cong. Chiếc hoa cúc dại nằm nghiêng trong chiếc nôi tưởng tượng, vòng nhị quá khổ đen láy và tinh thần như mất một em bé gái đang ngước lên nhìn bố mẹ. Alyce lại liến thoắng:

"Coi kìa, con mình tóc vàng mà mắt lại đen. Cả thế giới không có ai có tóc này và mắt này. Mắt nó to và đen như than tàu..."

Cao hứng John nói:

"Anh nghĩ ra rồi cưng, mình đặt tên nó là con Suzan, Black Eyed Suzan. Đúng là con Suzan mắt đen."

Alyce cười tít, vỗ tay :

"Đúng rồi, Black Eyed Suzan, tên đẹp lắm, tên đẹp lắm."

Thế là bông hoa dại có tên. Tuy nhiên tên này chỉ có John và Alyce biết. Không sách thảo mộc học nào ghi chú về sự ra đời của cô bé Black Eyed Suzan. Với những người ít lưu tâm đến hoa cỏ nói chung, bông cúc dại với vòng nhị đen quá khổ vẫn không tên tuổi, hoang dại trong những nội cỏ miền Đông.

Bây giờ chỉ còn John nhớ đến tên hoa, *"đứa con gái đầu lòng của chàng"*. Còn Alyce đã quên những kỷ niệm này từ lâu, hoặc có nhớ cũng không cho đó là quan trọng nữa. Chàng biết chắc như vậy, vì Alyce chính là tên gọi ở nhà của vợ chàng, Mary Alyce Spencer. Lớn lên, không biết vì sao, Mary bỏ tên đó. Alyce chỉ còn là chữ A, viết tắt như một chữ đệm không đáng nhắc đến.

"Mary A. Wright" John bất giác lẩm nhẩm tên vợ. Không, người đàn bà này không còn bận tâm đến cái vui hồn nhiên của cuộc đời nữa, và những nội cỏ đầy hoa dại chỉ nhắc đến một thủa thiếu thời quê mùa, gần như thiếu thốn của một gia đình hạ trung lưu. Bây giờ Mary bận bịu với những kỷ niệm huy hoàng hơn.

"Hôm đó ở Paris sau khi mời chân tản bộ ở đại lộ Champs Elysés, khoảng gần công trường Etoile ấy mà..."

John thở dài. Vườn cỏ cắt gần xong, chàng đẩy máy xén cỏ một lần cuối cùng dọc theo vườn hồng, và tắt máy. Tay áo sơ mi dài vướng víu cản trở khi chàng tìm cách tháo cái thùng hứng để đổ cỏ vụn vào bao rác. John xắn tay, và nhận thấy mình vẫn còn đeo cái vòng plastic của bệnh viện để ghi chú lý lịch bệnh nhân. Không sẵn kính, John đưa vòng nhựa lên nheo mắt rán đọc:

"John R. Wright. #3356456. Apr. 23, 1920....."

Khoảng trống sau ngày sinh trên miếng nhựa làm chàng liên tưởng đến lời ghi chú trên tấm mộ bia của những người sắp chết. John định vứt cái vòng tay vào bao cỏ vụn, nhưng lại đổi ý kiến nhét nó vào túi quần. Uể oải chàng trồng nốt cây đào vào chỗ đã chọn lựa từ trước hôm đi nhà thương. Khi mùa xuân tới hoa đào nở, ngồi ở phòng khách có thể thưởng thức được hoa. Đất mềm dễ đào, và chỉ chốc lát cây đào đã được yên vị. Chàng đổ thêm nước vào gốc mới, rồi rửa tay sửa soạn vào nhà. Cây đào khá lớn, cao độ hai sải tay, chắc một hai năm nữa sẽ ra hoa. Nhưng trong đầu chàng, cái vòng tay plastic phảng phất giống tấm bia mộ gợi nên những ý nghĩ đen tối. Việc trồng cây mới dự tính tuần trước, mà bây giờ đã trở thành lạc lõng mỉa mai. Chàng biết mình không còn ở trên cõi đời này khi cây đào khai hoa kết quả...

Có tiếng Mary gọi vọng từ trong nhà làm gián đoạn những ý nghĩ bi ai của chàng:

"John, có thư từ Pennsylvania; nhà bán được rồi, chắc độ hai tháng nữa thì họ chồng tiền..."

John thở dài nhẹ nhõm. Ít nhất cũng có một tin vui trong ngày. Căn nhà cũ của chàng bên miền Đông bỏ không từ ba năm nay bây giờ đã có người mua. Rồi nghĩ đến những thủ tục giấy tờ phải làm cũng như văn tự với chủ mới và khế ước với ngân hàng, như phản xạ John cảm thấy một năng lực mới để sẵn sàng hoàn tất công việc trước mắt. Thói quen giải quyết những vấn đề lớn nhỏ đã làm chàng tạm thời quên những sầu muộn về bệnh tình chết chóc. John chùi tay vào ống quần, rồi vào nhà để nghiên cứu những văn kiện người mối nhà bên miền Đông mới gửi sang.

V

*H*ai tháng sau, triệu chứng của bệnh ung thư với biến chứng ở não đã rõ rệt. John mất ký trông thấy, quần áo trở nên rộng thùng thình. Sau cùng chàng cũng phải mua hai bộ mới nhỏ hơn mấy số để trông cho đỡ tiều tụy. Chàng vẫn còn tỉnh táo và vẫn lo lắng giấy tờ sổ sách liên hệ đến việc thu xếp tài sản. Một ít cổ phần thị trường chứng khoán phải thanh toán, quỹ hưu bổng, bảo hiểm nhân mạng, và tờ di chúc... Tuy nhiên, những công việc chân tay như làm vườn, tỉa hoa, cắt cỏ v.v... chàng chỉ làm lấy lệ để giải trí, phần còn lại có người đến giúp hàng tuần.

Những cơn nhức đầu bây giờ xảy ra gần như thường xuyên. Thuốc men chỉ đỡ một phần. Chứng kinh phong không tái phát, nhưng cả Mary lẫn Jane bắt đầu lo lắng. Có những thay đổi trong cách cư xử của John, tuy không rõ rệt, nhưng khá thường xuyên. Nhiều lúc chàng như người đãng trí. Có khi đang nửa câu chuyện, đôi mắt chàng bỗng thẫn thờ xa vắng trong một vài giây đồng hồ, để rồi trở lại hoàn toàn bình thường. Có điều là chàng không ghi nhận được những sự việc xảy ra trong những giây bất thường đó. Câu người ta hỏi phải lập lại chàng mới trả lời; nếu chàng đang trình bày một ý kiến, thì khi tiếp nối lại câu chuyện hai phần đầu đuôi không ăn khớp với nhau. Có hôm chàng ra bưu điện hay ngân hàng lo công việc, nhưng trở về trễ hơn thường lệ, nét mặt bơ phờ và xa vắng như người mộng du. Nhưng sau một vài giờ nghỉ ngơi, chàng lại trở lại bình thường.

Rồi một hôm John lấy xe đi từ sáng. Đến trưa chàng không về dùng cơm. Đến một giờ chiều, Mary sốt ruột gọi sang bên nhà Andersons thì được biết John không có ở đó. Nàng muốn nói chuyện với Jane, nhưng Jane có việc ra phố cũng không có nhà. Mary một mình nghĩ ra muôn ngàn bất trắc có thể xảy ra cho chồng. Nàng gọi cảnh sát xa lộ, nhưng cũng không có một tai nạn nào liên can đến John. Khoảng bốn giờ, Jane về nhà và vội chạy sang thăm Mary. Hai chị em đang bàn hết giải pháp này đến giải pháp nọ, thì John lái xe trở về. John bước vào nhà, tới thẳng chỗ

hai người đàn bà đang ngồi và đột ngột hỏi:

"Mary, sáng nay anh rời nhà lúc mấy giờ?"

Ngạc nhiên, Mary trả lời:

"Khoảng tám giờ, nhưng anh đi đâu đến bây giờ mới về? Mà sao không gọi điện thoại."

John không trả lời, hỏi tiếp:

"Thế anh có nói là đi đâu không?"

"Không, anh chỉ nói là đi có việc. Nhưng mà sao anh lại hỏi lạ vậy. Đi đâu thì anh phải biết, chớ còn..."

Thấy John như muốn nói, Jane liền đưa tay ngắt lời Mary. John nhìn Jane, rồi lại nhìn vợ. Sau cùng chàng chậm rãi nói:

"Hồi này anh hay quên một cách kỳ lạ lắm. Hôm nay khoảng độ hai giờ, anh bỗng như mới ngủ thức dậy, chỉ có điều là thức dậy trước quầy bán vé của hãng hàng không Eastern Airlines ở phi trường Los Angeles. Anh không nhớ đã tới đây hồi nào. Người bán vé tưởng anh đăng trí hỏi lại là anh muốn đi Pennsylvania nữa không? Kỳ lạ, anh đâu có dự tính đi về miền Đông làm gì. Mà không biết anh lên phi trường hồi nào. Mà tới phi trường bằng phương tiện nào. Anh tính gọi điện thoại cho em, nhưng trong lúc đó không thể nào nhớ được số điện thoại nhà. Sau khi lục soát các túi anh mới thấy cái phiếu gửi xe. Hoàn toàn như một cơn mộng du. Chắc mai anh phải đi thăm bác sĩ."

Đúng như Jane phỏng đoán, bác sĩ Williamson cho biết là mụn ung thư trên óc không những đã tái phát mà còn lan rộng ra nữa. Bây giờ nó lan sang một vùng mới của não thùy, có nhiệm vụ kế hoạch những chương trình hành động có tổng hợp. Khi lên cơn, người bệnh thi hành những động tác có hệ thống tổ chức thành những công việc khá phức tạp đầy tình tiết mà tri giác không hề biết. Biến chứng biểu lộ giống như một cơn mộng du. Từ nay trở đi John không được tự do ra ngoài phố một mình nữa. Hơn nữa, chỉ trừ khi ngủ chàng cần phải có người liên tục canh bệnh để phòng những bất trắc nguy hiểm có thể xảy ra.

Nhân một lúc vắng mặt John, Mary hỏi bác sĩ Williamson:

"John còn sống được bao nhiêu lâu nữa?"

Hỏi xong, Mary ngượng ngùng cúi đầu mân mê vạt áo. Bác sĩ không trả lời ngay. Tuy không nhìn, nhưng Mary cũng biết là đang bị quan sát. Chắc ông ta đang lựa câu trả lời. Cũng có lẽ ông ta đang tìm hiểu câu nàng hỏi, để xem trong đó bao nhiêu là xót thương và bao nhiêu là mỏi mòn vì nuôi bệnh. Không biết người bác sĩ già thấy gì trong nàng, vì thực ra chính nàng cũng không phân tích nổi những tình cảm trái ngược trong tâm hồn mình nữa. Sau cùng bác sĩ Williamson chậm rãi nói:

"Riêng trường hợp John tôi không thể biết đích xác được.

Nói chung chung, bệnh tình như vậy thì độ vài tuần tới vài tháng. Chỉ có điều là những ngày tháng cuối cùng rất đau đớn, đòi hỏi nhiều can đảm chịu đựng của người bệnh cũng như người nuôi bệnh. Với con mắt người thầy thuốc, tôi nghĩ để John nằm lại bệnh viện trong khu những người... không còn cứu vãn được là một điều nên nghĩ đến. Thuốc men cũng như vậy, mà ít nhất Mary còn được nghỉ ngơi giữa những giờ thăm bệnh... Nếu để John ở nhà, Mary sẽ phải gánh tất cả những gian khổ một mình. Mà thời gian này, nhu cầu của John rất nhiều, về tinh thần cũng như điều dưỡng, tôi sợ Mary không kham nổi."

Nghe bác sĩ nhắc đến những nhu cầu tinh thần và vật chất của chồng, Mary cảm thấy một thay đổi quan trọng trong tâm tư. Bây giờ thì Mary hoàn toàn nhất quyết. Không, nàng không thể để cho John chết một mình trong đau đớn giữa những người xa lạ. Nàng ngẩng lên nhìn bác sĩ Williamson và chậm rãi nói:

"John sẽ chết ở nhà. Tôi sẽ săn sóc cho John cho đến khi Chúa gọi anh ấy."

Bác sĩ Williamson thoáng tỏ vẻ ngạc nhiên. Quen biết với gia đình này đã mấy năm nay, ông ta không tưởng tượng được Mary trong phận sự y tá của một bệnh nhân đang hấp hối trong đau đớn tàn bạo của bệnh ung thư thời kỳ chót. Nhưng lời tuyên bố của nàng gọn gàng rành mạch, không để lại một nghi vấn gì để bàn cãi. Bác sĩ Williamson nhìn lại Mary một lần nữa rồi đồng ý:

"Như vậy thì tốt nhất cho bệnh nhân. Nhưng bất cứ lúc nào Mary cần tôi chuyện gì, xin đừng ngại. Mai kia tôi sẽ đến thăm và bàn với Jane về những kế hoạch để giúp Mary tổ chức việc điều dưỡng ở nhà."

Mary cũng ngạc nhiên về quyết định của mình, từ ngày John đau ốm, có một cái gì đang sống lại trong tâm hồn nàng. Nó nảy nở dần dần trong mấy tuần lễ qua, và vùng dậy hôm nay khi bác sĩ nhắc đến những nhu cầu của chồng trong lúc hấp hối. Nàng thấy một nguồn năng lực mới chưa bao giờ ngờ đến. Có lẽ sự tàn phế đau thương bất lực của John đã vô tình gợi lên trong tâm hồn nàng một cái ước muốn rất đàn bà, tuy bình nhật tiềm tàng, nhưng lúc cần có thể mãnh liệt như một bản năng. Cái ước muốn được giúp đỡ che chở cho người yêu. Trong đầu nàng, hơn bốn mươi năm chung sống vợ chồng hiện ra như một cuốn phim quay nhanh. Quả thật chưa bao giờ John thật sự cần nàng. Tất cả những quyết định quan trọng cho đời chàng cũng như cho gia đình, John đã làm một mình và đã thành công. Và trong bốn chục năm đó, nàng như một bánh xe thừa, không bao giờ phải chạm đất để chia sẻ gánh nặng. Nàng chỉ được đóng vai tô điểm cho cuộc đời. Những thăng trầm của gia đình hoàn toàn tùy thuộc vào những cố gắng kế hoạch hay

mưu tính của John, trong văn phòng tại xí nghiệp, trong phòng làm việc ở nhà, trong những chuyến đi thương lượng cho công ty ở những thủ đô xa lạ. Bổn phận của nàng vỏn vẹn chỉ còn những chuyện lặt vặt như trang hoàng nhà cửa, hay đi theo John trong những chuyến đi du lịch hay công cán tại những nơi nổi tiếng trên thế giới, lượm lặt những kỷ vật đắt tiền hay lạ mắt để làm đầu đề câu chuyện cho những hôm tiệc tùng tiếp tân.

Nhưng bây giờ John cần nàng. Không có nàng, những ngày cuối của John sẽ hoàn toàn đen tối. Không, nàng sẽ sát cánh cùng John khi chàng sửa soạn trở về nước Chúa. Và sự sát cánh này có một ý nghĩa đặc biệt cho đời sống vợ chồng, cũng như cuộc sống của chính nàng.

VI

*T*ừ hôm đi bệnh viện lần thứ hai, cơn bệnh biến chuyển nhanh chóng. Một tuần sau, John bị tê liệt nửa người bên phải. Xương sống lưng cũng bị ung thư tàn phá và tạo nên những cơn đau tàn bạo. Trung tâm thần kinh bàn tọa bị ung thư phá hủy, và John hoàn toàn mất kiểm soát về sự bài tiết. Tiểu tiện cũng như đại tiện đều cần người giúp đỡ, và vệ sinh tối thiểu cũng khó thực hiện. Bác sĩ Williamson và Jane thiết lập một hệ thống hứng nước tiểu bằng ống nhựa dẫn vào một túi ny lông, cứ tám tiếng lại thay một lần. Còn đại tiện thì John phải mặc tã như trẻ em sơ sinh vậy. Mặc dầu những cố gắng vệ sinh tối đa, căn phòng vẫn nặng nùi cồn sát trùng, mùi tiêu tiểu, mùi người bệnh. Theo lời bác sĩ và Jane khuyên nhủ, Mary dọn sang phòng bên để ít nhất khi mệt mỏi còn có thể có những phút tĩnh mặc.

Thời khóa biểu của Mary là 12 giờ một ngày phục dịch bên phòng John, vừa làm y công vừa làm y tá, Jane canh bệnh giúp Mary khoảng 6 tiếng một ngày. Còn lại 6 tiếng, John ngủ một mình. Có chiếc chuông điện mới lắp ở đầu giường để John gọi khi cấp bách. Lúc nào không săn sóc bệnh nhân, Mary rán chợp mắt vài giờ hay làm công việc lặt vặt trong ngày.

Chưa bao giờ Mary thấy bệnh tật ốm đau chết chóc xấu xí như vậy. Những kinh nghiệm cũ của nàng về sinh lão bệnh tử thật hời hợt. Trước kia cái chết chỉ gợi cho nàng những nhà đòn đầy hoa, với thi hài kẻ mãn phần đã được tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo đẹp đẽ, có khi còn được đánh phấn thoa son nữa. Nằm trên đệm satin trong một cỗ quan bằng gỗ khóa đồng đánh bóng còn mở nắp, người chết trông thư thái an nhàn. Bà con bè bạn quần áo chỉnh tề, nét mặt trang nghiêm kính cẩn bước qua chiêm ngưỡng dung nhan người thân một lần cuối, có người bỏ lại cỗ quan một bông cẩm chướng nay một đóa hồng hàm tiếu cọng dài. Nàng nhớ

những lần hạ huyệt thường thường dưới một lùm cây bóng mát trong nghĩa địa, gia đình hay bằng hữu đứng xếp hàng bên ngôi mộ mới đào, lắng nghe một linh mục đọc điếu văn nhắc lại những kỷ niệm nhẹ nhàng hay những thành tích đáng kể của người đã mãn phần. Cho đến bây giờ cái chết đối với nàng thơm tho sạch sẽ như chăn đệm mới để lót quan tài. Cái bi ai trừu tượng như một quan điểm triết học chung chung về kiếp người.

Không có những bình nước tiểu phải đổ, không có những tã dơ phải thay, không có những tấm thân lở lói vì nằm một chỗ quá lâu ngày máu mủ có khi lẫn lộn với phân hay nước tiểu. Cũng không có những cơn đau như chẻ xương lóc thịt, và những giấc ngủ nặng nề đầy ác mộng với mồ hôi trộm đầm đìa.

Một hôm, bác sĩ Williamson đến thăm. Hốt hoảng vì nét mặt tiều tụy của Mary, ông ta đã nhắc lại chuyện đưa John vào bệnh viện. John bây giờ mê nhiều hơn tỉnh, đâu có phân biệt được ở nhà hay ở bệnh viện... Hơn nữa những cơn đau bây giờ quá thường xuyên, nửa đêm cũng phải chích thuốc morphine, sự săn sóc đã trở nên vô cùng vất vả. Nhưng Mary đã quyết: John sẽ chết ở nhà.

Những tuần lễ đầu tiên sau khi John bị liệt giường vì bán thân bất toại, nàng tưởng đã phải bỏ cuộc. Những vất vả thể xác quá cơ cực mà những xót xa tinh thần còn trăm lần nặng nề hơn. Những tuần ấy John còn hoàn toàn tỉnh táo, và ghi nhận rõ ràng tình trạng phế thải bất lực của mình. Mỗi lần thay tã hay lắp ống cho John tiểu tiện, nàng sợ nhất là nét mặt của chàng, trong đó sự nhục nhã lẫn lộn với ngượng ngùng xấu hổ. Nước mắt lưng tròng, đã bao lần Mary phải cố gắng nuốt xuống những xót thương sầu tủi khi thấy John của nàng, người nam nhi khí phách bây giờ trở thành một thể xác lở lói bệnh hoạn, lệ thuộc vào người khác từ muỗng cháo tới viên thuốc. Lại còn những cơn đau mà nàng phải chứng kiến, khi John cắn răng để khỏi la hét, đôi bàn tay nắm chặt, những bắp thịt quai hàm gồng lên và cứng lại một cách thảm thương dưới làn da mặt nhăn nhúm võ vàng.

Có những hôm như quá mệt mỏi, nàng nhìn cái điện thoại đầu giường ngủ với một cám dỗ mãnh liệt. Nàng chỉ việc gọi bác sĩ Williamson, là mọi thử thách, mọi lam lũ nhọc nhằn sẽ tự động chấm dứt. Xe hồng thập tự sẽ đến đón John vào bệnh viện, và Mary sẽ ngủ một giấc cho đến sáng. Không, nàng sẽ ngủ cho đến trưa hôm sau, một giấc ngủ không bị gián đoạn bởi tiếng rên xiết hay những nhu cầu cấp bách của chồng. Khi đã no giấc ngủ, nàng sẽ dậy ăn sáng trễ. Không có bình nước tiểu phải đổ, tã dơ phải thay, và mụn lở lói trên lưng chồng phải rửa và băng bó. Nàng sẽ pha một bồn nước tắm vừa nóng với dầu thơm và sà phòng bọt để ngâm mình và tận hưởng trong một vài giờ cái xa xỉ của sự nghỉ

ngơi. Và nàng sẽ trang điểm và lên nhà thương thăm chồng, ngồi với John một vài giờ đồng hồ, mang cho chàng ít hoa và ít sách báo.

VII

Nhưng nàng đã không bỏ cuộc. Cắn răng chịu đựng, Mary mơ hồ như cảm thấy trong cái cố gắng để săn sóc chồng có cái gì vô cùng quan trọng cho cả nàng lẫn John. Nàng như linh cảm thấy chỉ rán thêm một chút gian khổ nữa nàng sẽ tới được miền đất hứa với một phần thưởng vô cùng quý giá chờ nàng.

Cái phần thưởng đó đã đến với nàng sau một bữa thức trắng đêm. Hôm đó cơn đau của John bắt đầu hành hạ chàng từ sau bữa cơm chiều. Vẫn cái đau chẻ xương lóc thịt dọc theo tủy xương sống lưng. Hai bên thái dương chàng nhức nhối như bị kìm kẹp. Cả bàn tọa của chàng như bị xiết chặt trong một vòng đinh ốc khổng lồ. Mary chích morphine cho chồng, và John mê đi, trốn chạy sự dày vò của bệnh hoạn trong giấc ngủ nhân tạo. Những mụn lở ở lưng và mông đã nhiễm trùng và cơ thể chàng nóng như một lò lửa. Lát sau chứng kinh phong trở lại, lần đầu tiên kể từ khi khám phá ra bệnh. Toàn thân John co quắp dẫy dụa như người bị điện giật. John trong mê sảng đạp chăn mền đổ tung xuống đất. Ống dẫn nước tiểu tuột ra và vương vãi trên đệm. Cơn kinh phong vẫn tiếp diễn càng ngày càng nặng hơn. Những vết răng cắn trên lưỡi bắt đầu chảy máu xuống gối. Giờ này, Jane chắc đã ngủ say. Mà nàng không giám bỏ John để chạy xuống bếp gọi điện thoại. Thu hết can đảm, Mary nhớ lại lời Jane dặn và lấy thuốc trị kinh phong chích cho John. Năm phút sau, năm phút dài dằng dặc, John ngưng giật. Cơn kinh phong chấm dứt và chàng tiếp tục thiếp đi trong giấc ngủ. Mary vào nhà tắm lấy chăn nệm và quần áo mới thay cho John. Một giờ sau, khi John đã khô ráo sạch sẽ thì Mary mệt như lả đi. Nàng ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Nhưng Mary mới chợp mắt thì tiếng rên xiết của chồng lại đánh thức nàng dậy. John rán xoay mình trên đệm để tìm một tư thế bớt đau. Mary để tay lên trán chồng, thấy thân nhiệt vẫn hừng hừng như lò lửa. Nàng lấy thuốc cho John uống, rồi chườm nước đá lên đầu chàng. John vẫn oằn oại vì đau đớn. Nàng nhìn đồng hồ: còn hơn một giờ nữa mới đến giờ chích thuốc. Nhưng không thể chịu nổi nữa, chàng nhìn Mary như van lơn. Nàng hiểu ý. Bất tuân lời dặn của bác sĩ nàng lấy morphine chích thêm cho chồng.

Mary ngồi bên giường nhìn chồng trong cơn mê, giấc ngủ vất vả nặng nề. Nàng biết đau đớn vẫn còn theo đuổi chồng trong giấc ngủ. Từng hồi,John lại ú ớ mê sảng, hai bàn tay nắm chặt, những bắp thịt ở hàm gồng lên, và mồ hôi trộm lại đổ ra đầm đìa. Mary

thần kinh căng thẳng, chăm chú quan sát chồng, chia sẻ từng nhịp thở, từng nét nhăn của người chồng đang hấp hối. Nàng đau chung với chồng và tâm hồn nàng khắc khoải theo dõi từng thăng trầm của cơn bệnh. Nàng cảm thấy như cùng chồng trong một con thuyền nhỏ giữa bão tố, mà những cơn đau đớn dày vò của bệnh hoạn là những trận cuồng phong. Sự chia sẻ hoàn toàn và thắm thiết.

Gần sáng thì John bắt đầu ngủ yên. Mary cũng ngả người trên ghế bành giải lao. Bão tố đã qua rồi, cả nàng cùng John được phép nghỉ nơi giây lát. Họ đã vượt qua được những ngọn sóng cao nhất và có quyền chờ đợi một chút yên ổn, dù là tạm thời.

Nét mặt John thư thái, và hơi thở trở nên đều hòa. Bên ngoài trời gần sáng, màu hồng nhạt pha chút màu xám xuất hiện trên chân trời phía đông, ngang đỉnh mấy ngọn cây. Trong phòng hoàn toàn yên lặng, chỉ có tiếng rù rì nho nhỏ của máy lọc dưỡng khí, và tiếng thở đều hoà của John. .Nàng luồn tay dưới chăn tìm bàn tay chồng. John vẫn ngủ ngon, nhưng như phản xạ, chàng khẽ nắm tay vợ. Đã lâu lắm John không nắm tay nàng như vậy.

Nàng đã sống một đêm với chồng, một đêm dài và vô cùng thân mật. Nàng đã nghĩ đến John từng giây từng phút trong suốt mười tiếng đồng hồ qua. Tất cả hướng về John, để săn sóc, để giải phóng cho chàng khỏi kìm kẹp của cơn đau. Nàng ngạc nhiên một cách sung sướng là nàng có thể vị tha như vậy, lấy vất vả lao lực của chính mình để mua được sự an nghỉ cho chồng. Mà nàng cũng sung sướng ngạc nhiên thấy mình có nhiều quyền hạn, nhiều bổn phận trên đời, và hành động của nàng tối quan trọng cho sự an vui của người khác. Nàng thấy tràn trề sinh lực, và nhận lãnh cái gánh nặng của nghĩa vợ chồng một cách kiêu hãnh và sung sướng.

John vẫn thiêm thiếp ngủ như để phục hồi lại sự mệt nhọc của những cơn ác mộng vừa qua. Nàng yên lặng ngắm chồng. Tấm thân bị bạo bệnh tàn phá đã gầy ốm một cách thảm hại dưới làn chăn mỏng. Nhưng khuôn mặt John hoàn toàn thư thái, thư thái như một bầu trời quang đãng sau phong ba. Mary biết John sắp chết. Cái thư thái này nàng chỉ thấy trên mặt những người sắp mãn phần, đã trả lại cho cuộc đời những dấu vết nhọc nhằn của thân thể. Nhưng Mary không thấy bi ai trong lòng. Dần dà tự bao giờ, nàng đã chấp nhận sự sống chết. Ở tuổi John, có chết cũng không thể gọi là yểu mệnh được...

Bất giác nàng nghĩ đến một bộ mặt thư thái của John gần bốn mươi năm về trước, buổi sáng sau đêm tân hôn. Hôm đó nàng dậy trước John, và chàng cũng ngủ ngon và an lành như bây giờ. Hồi đó, cuộc sống còn trẻ lắm, nhân thế chưa kịp để lại nhọc nhằn trên mặt chàng.

Rồi bất giác, nàng thấy sự giống nhau giữa đêm tân hôn với đêm hấp hối vừa qua. Chưa bao giờ nàng sống gần gũi với John như hai đêm đó. Liên hệ không thể nào còn mật thiết hơn nữa, bao gồm từ tâm hồn đến phủ tạng... .Không còn chuyện gì ở ngoại giới đáng lưu ý nữa, nàng và John là trung tâm của vũ trụ, sống vì nhau, sống cho nhau, trong hạnh phúc cũng như thương đau...

Kỷ niệm đêm tân hôn làm Mary nhớ lại bài thơ về Jonathan với bộ áo ngủ của vợ mới cưới do mẹ chàng tự tay mang tặng. Và nàng cũng nhớ đến cái áo ngủ của chính mình hôm tân hôn cũng nhà may, như một cảm hứng từ bài thơ của chàng. Trong lòng dào dạt yêu đương, Mary nghẹn ngào muốn khóc. Và nàng nhớ lại những kỷ niệm thơ ấu bên miền Đông khi John và Mary lớn lên như hai trẻ hàng xóm, những hôm hai gia đình đi cắm trại, những nội cỏ đầy hoa, với bông cúc dại "Black Eyed Suzan".

Cả những chuyện mà từ trước đến nay nàng muốn lẩn tránh cũng lần lượt hiện ra. Nàng nhớ đến lần John giải ngũ sau thế chiến thứ hai từ Miến Điện trở về. Tình yêu tạm thời gián đoạn vì chiến tranh, đến khi chắp nối lại còn đậm đà hơn xưa. Tuy nhiên, sự thay đổi của John làm nàng mơ hồ sợ hãi. Từ những miền xa vắng huyền bí của phương Đông, John đã mang về những nét mới lạ trong tâm hồn cũng như văn chương.

Tuy John thành công rực rỡ với những văn thơ ấy, nhưng cả tâm hồn lẫn văn nghiệp của John làm nàng lo sợ.

John tả những nội cỏ bao la ven những triền đồi chân núi Hy Mã Lạp Sơn sau một trận giao tranh, khi tiếng súng cuối cùng đã ngưng. Thiên nhiên như vô tình với cảnh binh đao xương máu của nhân loại. Trời vẫn xanh biếc với những cụm mây trắng. Chim sơn ca vẫn hót trong cánh đồng cỏ dại và gió hiu hiu thổi như mang cái mát từ những khối băng sơn gần xa. Hoa dại nở đầy đồng cho đến tận đỉnh đồi. Có những bông a phiến dại, hoa bằng bàn tay, cánh hoa mảnh dẻ như lụa và mịn như da mặt trinh nữ. Hoa nở tưng bừng phô trương màu sắc. Có bông vàng lộng lẫy, có bông màu thiên thanh, có bông màu trắng... và có bông màu đỏ tươi như máu, lẫn lộn với những vết thương trên ngực trên lưng của những tử sĩ đang nằm la liệt trong cỏ dại.

John tả những ngôi đền hoang vắng trong rừng già Népal mà chàng tạm dừng chân một chiều hành quân, với những môn đệ của một đạo huyền bí ngày đêm tụng niệm chiêm ngưỡng về ý nghĩa của cuộc đời và sự đọa đày của chúng sinh. John kể lại việc hạnh ngộ một nhà sư khổ hạnh tại một ngôi chùa mà chàng lạc đến sau một trận đánh cam go. Vị sư già ngồi sẵn ở cổng chùa đợi chàng. Trước sự ngạc nhiên, người chỉ ôn tồn nhắc đến nối tiền duyên với chàng trong một nghiệp chướng trước.

John cũng tả cái dũng kỳ lạ của những người lính Nhật bại trận làm lễ Harakiri để tạ tội với Thiên hoàng. Những người Samourai của thế kỷ thứ hai mươi, ngồi nghiêm chỉnh hướng về Đông Kinh, tự phanh thây bằng kiếm bén trên mặt còn nụ cười mãn nguyện. John không lưu tâm nhiều đến sự trung thành của họ, nhưng chàng mê say tìm hiểu và cố gắng mô tả những nét tâm hồn xa lạ, những cảm quan vừa bén nhậy vừa tàn nhẫn đến phũ phàng, khi mà khoái lạc đã lẫn lộn cùng đau đớn tột độ của nghi lễ Harakiri.

John đã làm cho nàng sợ hãi. Một mặt, John vẫn là John của thuở nào, sẵn sàng hội nhập với đời sống trung lưu của một thị trấn nhỏ vùng Đông Mỹ. Một mặt khác, chàng đã thay đổi, mang thêm những nét huyền bí và xa vắng. Tâm hồn chàng như du lịch ở những tinh cầu khác mỗi khi chàng nhớ lại những kỷ niệm phục vụ tại chiến trường Á châu.

Vậy mà ảnh hưởng của những suy tư xa lạ ấy lại đem tới cho sáng tác của chàng một nét độc đáo, mới mẻ mà mọi người đang chờ đợi. Và ngược lại, thành công về sự nghiệp văn bút lại như khuyến khích chàng trở về những chân trời xa lạ đó.

Nàng thấy văn chương của chàng lạ và đẹp, nhưng là cái đẹp của một tình địch. Và trong tiềm thức, nàng đã nhất định tranh đấu. Cuộc đời đã giúp nàng rất nhiều trong sự tranh đấu này. Những nhu cầu vật chất hàng ngày, nhất là sau khi nàng sanh con đòi hỏi những cung ứng mà văn nghiệp chàng không hoặc chưa đem lại được. Lương nhà giáo không cho phép John, với vợ và một con, có thể thư thả tìm hứng để viết văn. Thế rồi John kiếm thêm việc bán thời gian tại một ngân hàng. Dần dà chàng bỏ luôn dậy học và làm hẳn cho ngân hàng. Thông minh, John rất thành công trong nghề mới. Và sau những thăng tiến dồn dập, chàng đã đạt được những chức vị quan trọng có ảnh hưởng quốc gia hay quốc tế. Đời sống hoàn toàn thay đổi. Hai vợ chồng có dịp du lịch thăm viếng những thủ đô danh tiếng trên thế giới, hoặc nhân dịp công cán hoặc thuần túy giải trí. Cuộc đời dồn dập và John say mê đối phó với những thử thách của nghề nghiệp. Và chàng sao nhãng văn chương, thỉnh thoảng có cầm bút lại nhưng không bao giờ nghĩ đến chuyện xuất bản.

Nhưng Mary không hoàn toàn thắng trận. Nàng đã cướp được John từ văn bút thì lại mất John cho thế giới tiền tệ ngân hàng. Tuy nhiên sự mất mát này dễ chấp nhận, vì nó là thông lệ của xã hội xung quanh. Mary tìm được rất nhiều giải trí và an ủi từ những người vợ của các đồng nghiệp của chồng. Năm này qua năm khác, Mary sinh hoạt bình thường như vợ một người kinh doanh thành công. Công việc nhạt nhẽo, bận rộn phù phiếm,

không bao giờ đòi hỏi cố gắng, hy sinh hay suy nghĩ. Tuy nhiên, nàng không nhận thấy cái trống trải của cuộc đời mình cho đến khi John về hưu và dọn về cái khu phố mà dân chúng phần đông còn con nhỏ học mẫu giáo hay tiểu học. Thỉnh thoảng, John nhớ lại những tham vọng dở dang về văn nghiệp, hay những kỷ niệm xa xôi hồi phục vụ tại Á Đông. Nhưng Mary bao giờ cũng lái câu chuyện về phía khác. Cái sợ ban đầu của nàng với vùng văn hóa xa lạ ấy vẫn còn tiềm tàng trong người. Mãi cho đến bây giờ, gặp lại John trong cái đau thương hấp hối của chứng bệnh nan y, Mary mới có dịp nhìn vào những góc cạnh đặc biệt của tâm hồn. Những hôm canh bệnh, Mary lấy những tác phẩm của John ngồi đọc. Nàng ngạc nhiên là không phải những ưu tư nào của John cũng huyền bí xa lạ. Mà ngay cả những ý niệm trước kia nàng coi là xa lạ một cách đe dọa, bây giờ bỗng trở nên ít nhiều quen thuộc. Mấy tháng gần đây, ngày ngày chia sẻ cái đau đớn của John trên giường bệnh, Mary thoáng thấy những nét mới trong chính tâm hồn nàng, những nét có chút gì phảng phất liên hệ với cái trừu tượng mà John mang về từ những chân trời xa lạ huyền bí...

Nàng thấy xót xa chồng một cách đặc biệt. John bao giờ cũng áy náy vì Mary đã không có dịp được phát triển hoàn toàn. Còn nàng đã quả quyết từ lâu dùng những mưu tính rất đàn bà tuy thụ động nhưng rất hiệu nghiệm để lái John xa rời những điều chàng mê thích. John cho là nàng đã hy sinh cái may mắn để trở thành đệ nhất đào nương Vũ Đoàn New York cho hạnh phục gia đình. Thật ra Mary nghĩ cái quyết định đó không hẳn là một hy sinh bồng bột mà dựa trên những tính toán kỹ càng. Nàng biết hy vọng vượt qua được bán kết rồi chung kết rất mỏng manh. Mà từ đó đến chỗ nổi tiếng lại là chuyện khác. Vả lại dự thi ở New York đòi hỏi cả tháng ăn ở ròng rã, một tốn kém mà cha mẹ nàng không kham nổi. Ngoài ra, lúc đó John đã sắp thành công, và nếu để John viết lách độ một năm nữa thì nàng sẽ hoàn toàn mất John cho sự nghiệp văn chương. Không, nàng không nghĩ là hy sinh.

Cái hy sinh của John mới thật là cao quý. Mary biết chàng viết với tất cả linh hồn. Tất nhiên khi đổi nghề, chàng đã thành công trong thương trường, nhưng cái thành công đó như kết quả phải có của một người thông minh mà chịu khó làm việc. Nó thành công như một hôn nhân sắp xếp, còn mối tình đầu của John bao giờ cũng là văn chương.

John vẫn ngủ yên, nét mặt thư thái thanh bình. Rồi trong mơ, chàng mỉm cười. Mary tò mò không biết John đã mê chuyện gì. Nàng muốn nghĩ John đang mơ tới chiếc áo ngủ mà anh chàng Jonathan nhờ mẹ may cho vị hôn thê, hay là con bé Suzan mắt đen, hay là vũ hài bằng đồng... Nàng muốn hôn John, nhưng lại sợ đánh

thức chồng dậy. Không, John cứ việc nằm mơ nữa đi. Tâm hồn như nửa tỉnh nửa mê vì mệt mỏi và thiếu ngủ, Mary tưởng tượng như cùng John đang về thăm những sườn đồi ven chân núi Hy Mã Lạp Sơn la liệt những xác tử sĩ với những vết đạn trên ngực trên lưng nở hoa máu đỏ thắm lẫn lộn với những bông á phiện dại cùng màu. John cũng dẫn nàng về tìm lại nhà sư trong ngôi chùa hoang phế giữa rừng già Miến Điện. Karma, hay tiền duyên sẽ cho hai người tái ngộ một lần nữa... Và nàng còn theo John trở lại căn lều tư lệnh bỏ hoang của một chiến trận xưa cũ, để kính cẩn sửa soạn tang lễ cho người sĩ quan bại trận năm trước đã mổ bụng để tạ tội với Thiên hoàng.

Nàng không còn sợ cái xa lạ huyền bí trong tâm hồn John nữa. Đêm qua, nàng đã thấy một chân lý mới. Trong cái đớn đau, chết chóc, cuộc đời vẫn nở hoa. Tất cả những giác quan cùng cảm giác của con người chỉ khác nhau trong cường độ bình thường của đời sống hàng ngày. Nếu thật tình yêu nhau, thật tình chia sẻ với nhau như John với nàng trong đêm qua, lo âu hay an nhàn, sầu muộn hay hồ hởi, khoái lạc hay đớn đau, khi nâng đến tột đỉnh sẽ không còn phân biệt nữa mà hòa lẫn trong một niềm thông cảm tuyệt vời. Linh hồn của cả John lẫn nàng như thoát xác tay cầm tay nhìn lại hai cuộc đời được gắn bó với nhau như keo sơn bằng tất cả rung động của cảm quan ở một trình độ tột cùng.

Mary thấy chóng mặt vì những ý nghĩ bất thường của mình. Thể xác rã rời thần kinh căng thẳng trong mười tiếng liên tiếp đã tạo những nhận định lệch lạc trong tâm hồn nàng. Nàng thấy mình nhẹ như một chiếc lá chơi vơi trong những trận gió trái ngược của linh hồn. Một mặt nàng rán trở về cái không gian ba chiều vững vàng an ninh của đời sống hàng ngày để ra khỏi cái xoáy nước tâm hồn kỳ lạ này. Nhưng một mặt khác nàng vẫn muốn buông thả, để tận hưởng những cảm giác chưa bao giờ thấy, những viễn ảnh, hoàn toàn mới lạ trong đó có sự sống, sự chết, khoái lạc, đau đớn, Thượng đế và Thiên đường.

Lúc nãy nàng so sánh đêm qua với đêm tân hôn. Nhưng bây giờ nàng thấy sự việc rõ hơn. Không, đêm hôm qua đầy đủ hơn đêm tân hôn nhiều. Nghĩ cho cùng cái chia sẻ từ phủ tạng đến tâm hồn của đêm tân hôn đâu có thấm gì với những giờ phút vừa qua giữa John với nàng. Trong đêm tân hôn, cả John và nàng ngụp lặn trong đam mê và say đắm. Cả hai người cùng bận rộn nhận đón cái hạnh phúc ê hề của cuộc sống, chìm nổi trong mê ly mà không còn dịp sống với nhau bằng tấm tư. Đêm tân hôn, bên cạnh hạnh phúc trước mặt, nàng vẫn còn sợ hãi về tương lai. Bên cạnh cái con người đáng yêu mà nàng say mê vẫn còn tiềm ẩn một kẻ xa lạ với những ưu tư mang về từ chết chóc chiến tranh và huyền bí của

những chân trời xa lạ.

Đêm qua John hoàn toàn của nàng, từ người doanh thương cả quyết và thành công cho đến nhà văn với những ưu tư, khúc mắc.

Thể xác rã rời vì mệt nhọc chồng chất từ mấy tuần nay, nhưng tinh thần nàng lâng lâng sảng khoái như đang lên đồng. Nàng thấy như có một hệ thống giác quan mới với khả năng siêu hình để đi sâu vào tâm hồn người yêu đang thiu thiu ngủ.

Chim chóc ngoài vườn đã thức giấc và tíu tít trên những ngọn cây. John cựa mình và thức giấc. Nàng biết John sẽ rất tỉnh táo sáng nay. Người sắp chết bao giờ cũng tỉnh táo, món quà cuối cùng của Thượng đế cho người sắp trở lại nước Chúa. Chàng mở mắt nhìn Mary và mỉm cười, nụ cười nhẹ nhàng. Mary nhìn chồng và hỏi:

"Anh vừa nằm mơ phải không?"

John nhìn nàng hiền từ, khẽ gật đầu:

"Anh nằm mơ tìm lại được đôi vũ hài của Mary. Anh thấy đôi giầy đồng xinh xắn nằm bên con đường xe lửa xuyên lục địa, bên cạnh những mảnh thùng gỗ vỡ nát."

Mary mỉm cười nhìn chồng và nói:

"Em còn biết anh còn nằm mơ thấy cái áo ngủ của mẹ cho em hôm cưới nữa."

John yên lặng nhìn vợ, bàn tay chưa bị tê liệt của chàng vẫn còn nắm tay Mary.

Sau cùng John nói:

"Anh biết rồi, đêm qua tụi mình có những giấc mơ chung..."

Giây lát sau Mary hỏi John:

"Đói không, em dọn điểm tâm cho anh ăn."

John lắc đầu từ chối, và Mary cũng không ép. Lát sau Mary lại hỏi chồng:

"Em chích thuốc Morphine cho anh nhé?"

John mỉm cười nhưng vẫn lắc đầu. Yên lặng một lát John lại nói:

"Anh hết đau từ đêm qua. Em đã gọi điện thoại cho Tom chưa?"

Mary gật đầu.

"Tội nghiệp thằng Tom, từ khi anh đau nó bay đi bay về tất cả bốn lần rồi. Anh có cho nó xem tất cả những giấy tờ quan trọng. Tất cả những công việc phải làm anh cũng đã cho em hay mấy tuần qua. Anh có viết một bản tóm tắt những dặn dò quan trọng để trong ngăn kéo bàn giấy cùng chỗ với bản chúc thư. Tom nó cũng có một bản sao tài liệu anh để trong ngăn kéo rất đầy đủ. Anh biết hôm nay anh sẽ đi..."

Mary lấy tay để lên môi John. Nàng không phủ nhận sự thật, nhưng cũng không muốn nghĩ đến sự chia tay. Lát sau, Mary lại hỏi chồng:

"Em lau mình cho anh nhé."

"Hôm nay thư thả đã, lát nữa anh sẽ nhờ Jane việc đó. Một lần cuối cùng, Jane không phiền đâu..."

Mary nhìn John giây lát, rồi nói:

"John, chiều em chuyện này nhé, một lần cuối cùng thôi. Ở với em thêm vài giờ nữa đi. Jane sắp sang thay em trông nom anh. Em có việc quan trọng lắm phải ra phố. Đợi em về rồi hãy đi."

John mỉm cười nhè nhẹ gật đầu. Lát sau chàng khẽ nói:

"Cho anh xấp giấy và cây bút chì, anh có chuyện muốn viết."

Mary làm theo lời John. Lát sau, chàng thấy vô cùng mỏi mệt rồi ngủ thiếp đi, xấp giấy còn để trên bụng với cây bút chì mới gọt. Có tiếng Jane gõ cửa.

Mary nhè nhẹ ra đón bạn. Rồi nàng trang điểm vội vã và lấy xe ra đi.

Đường phố còn vắng thỉnh thoảng mới có bóng xe qua lại, đèn pha còn để sáng. Mary lên xa lộ và lái ra phía ngoại ô về phía đông thành phố. Nàng tính nhẩm vừa đi vừa về chắc độ hai tiếng. Nàng biết thế nào cũng kịp. Ra khỏi thành phố chừng ba chục dặm thì trời đã sáng rõ. Xa xa nàng nhận ra con hương lộ quen thuộc dẫn tới mấy ngọn đồi của khu lâm viên tiểu bang với những cây sồi già mọc chen chúc dọc theo những thung lũng. Nàng đưa xe vào hành lang bên phải rồi ra khỏi xa lộ. Nàng nhìn đồng hồ, mỉm cười tự như thế nào cũng về kịp...

VIII

Lúc Mary trở về thì Jane đang ở trong phòng với bệnh nhân. John đã thức nhưng nhắm mắt mệt mỏi. Jane đứng dậy nhường chỗ cho Mary ngồi. Nàng đỡ bó hoa tươi trong tay Mary và cắm vào bình bông ở đầu giường. John mắt vẫn nhắm, thều thào hỏi vợ:

"Tom chắc nó về không kịp."

Mary tính nhẩm rồi trả lời:

"Em gọi nó lúc bẩy giờ tối hôm qua, bên đó vị chi là mười giờ. Nếu nó lấy kịp chuyến bay đêm thì chắc độ một hai giờ nữa sẽ tới đây."

Yên lặng một lúc, John nói tiếp:

"Chắc anh đợi nó không được đâu. Anh thấy vô cùng mệt mỏi."

Nói xong John ôm ngực ho rũ rượi. Cơn ho mệt nhọc kéo dài như bất tận, trong khi da mặt chàng trở nên tím bầm. Mary đỡ

John ngồi dậy vuốt lưng chàng, và Jane vặn lớn ống dưỡng khí rồi đưa tay bắt mạch bệnh nhân. Sau cùng cơn ho ngừng. John mở mắt nhìn Mary và Jane. Rồi như ngạc nhiên chàng dụi mắt nhìn lại bình hoa, nụ cười nở trên môi:

"Black Eyed Suzan, Em kiếm ở đâu vậy?"

"Em lấy trộm ở lâm viên tiểu bang. Sáng nay Em chợt nhớ hoa này mọc dại ở đó nhiều lắm... Nhưng John nằm nghỉ đi."

Nàng đặt John xuống gối. Mắt chàng bắt đầu đục dần. Ngẩng lên, Mary thấy Jane vẫn bắt mạch John, nét mặt nghiêm trọng, khẽ lắc đầu. Rồi như phản xạ nghề nghiệp, Jane buông cổ tay John và nói bằng một giọng gẫy gọn và dõng dạc:

"Mary giúp tôi. Hô hấp nhân tạo."

Trái với thường lệ, Mary không tuân theo lời Jane trong việc điều dưỡng. Nàng vẫn ôm đầu John vào lòng, và bình tĩnh nói:

"Không cần thiết, Jane. Để cho John đi."

Như chợt tỉnh, Jane khẽ nói:

"Mary nói đúng."

Jane đứng tần ngần một vài giây đồng hồ rồi nói:

"Vĩnh biệt John."

Rồi nàng lặng lẽ lui ra để Mary một mình với John trong phòng bệnh.

Jane ra nhà bếp lấy phone gọi cho bác sĩ Williamson để thu xếp thủ tục khai tử với đô thành. Rồi nàng gọi về nhà cho chồng dặn chồng liên lạc với nhà đòn để sửa soạn khâm liệm tử thi. Sau cùng Jane trở lại phòng bệnh. Mary vẫn ngồi ở đầu giường, để đầu John gối trên đùi nàng, nét mặt xa vắng. Jane tìm trong tủ thuốc, lấy một viên thuốc an thần rót một ly nước lạnh và đặt cả thuốc và nước bên bạn:

"Mary uống chút thuốc an thần. Tôi để đây cho Mary nhé."

Mary máy móc trả lời:

"Cám ơn."

Jane lặng lẽ lui ra. Nàng pha một tách cà phê đậm, rồi ngồi xuống bàn bếp vừa uống vừa suy nghĩ. Nàng không ngờ John đi mau như vậy. Giá ở bệnh viện thì John không chết hôm nay. Cơn ho quá lâu đã cắt đứt sự tiếp tế dưỡng khí cho cơ thể, và làm quả tim sai nhịp rồi ngừng đập. Nếu ở bệnh viện, chỉ cần chích một mũi thuốc hay bấm một nút điện là nàng đã cứu được John. Ít nhất tạm thời kéo dài được đời sống của chàng thêm ít ngày hay ít tuần nữa. Nhưng để làm gì... Nàng hoàn toàn đồng ý với Mary.

Bên ngoài mặt trời đã lên cao. Mấy cây hướng dương John trồng dịp cuối xuân bây giờ đã nở hoa. Mấy bông hoa vàng nhị đỏ to như những đĩa tây nhởn nhơ dưới ánh nắng. Jane sực nhớ đến bài văn cuối cùng John vừa viết. Lúc thay Mary canh bệnh Jane

thấy John hí hoáy viết trên một xấp giấy đặt trên đùi. Jane hỏi viết gì thì John trả lời là chàng vừa nằm mơ thấy sự tích hoa hướng dương. Tình tiết trong giấc mơ khá kỳ lạ nên chàng định ghi lại cho vui. Viết xong John đưa cho Jane và dặn lát nữa đưa cho Mary cùng đọc. Jane ngạc nhiên là không phải một bài thơ như thường lệ mà là một câu chuyện ngụ ngôn bằng văn xuôi về sự tích bông hoa mặt trời. Câu chuyện đại để ngày xưa có một người thờ phụng mặt trời, vì anh ta nghĩ vừng thái dương là nguồn gốc của tạo vật và cung cấp năng lượng cho mọi sự sống. Chính mặt trời đã hút nước từ đại dương thành băng tuyết trên trên đỉnh núi để rồi chảy xuống thành suối thành nguồn tưới mát ruộng đồng, tạo ra cây cỏ, và từ cây cỏ tạo ra muôn vật. Thảo mộc đơm hoa kết trái, nhựa cây tôi luyện thành bột thành đường, hươu nai chạy tung tăng trên nội cỏ, chim hót líu lo trong lùm cây, tất cả đều là năng lượng vay mượn của mặt trời. Nguồn gốc từ mặt trời còn in rõ trong hình hài và màu sắc của muôn hoa. Đài hoa nào cũng tròn như vừng thái dương, và cánh hoa là phản ảnh của những tia nắng. Cả đến sắc hoa muôn màu chẳng qua cũng chỉ là vay mượn từ quang phổ của mặt trời. Rồi một hôm mê say đến cuồng dại, anh chàng ra sa mạc ngắm mặt trời, bông hoa tuyệt đỉnh của tạo vật. Anh đứng sững trên cát bỏng nhìn thẳng vào vừng thái dương, để được thấy cùng một lúc cái hình hài tổng hợp của tất cả hạ giới, để tận hưởng trong một cường độ tuyệt đỉnh tất cả những thanh sắc tuyệt vời của tạo vật. Trong khi đôi mắt thể xác bị đốt mù, anh ta vẫn thấy bằng đôi mắt của tâm khảm những núi tuyết hùng vĩ, những ruộng đồng xanh mượt, những hươu nai tung tăng chạy trong nội cỏ, với muôn hoa tròn trịa như mặt trời mà mỗi cánh hoa là một tia nắng, và mỗi màu hoa là một thành phần của quang phổ mặt trời. Và đến khi kiệt lực, anh ngã xuống cát bỏng của sa mạc, đôi mắt tan rữa, mà tâm hồn vẫn còn ào ạt xô bồ ghi nhận được trong cùng một lúc, tất cả vẻ đẹp mãnh liệt huy hoàng của tạo vật. Đau đớn cực kỳ của thể xác lẫn lộn với khoái lạc tuyệt vời của cảm quan... Mấy mùa hè sau, ở chỗ anh ta chết, cây hướng dương mọc lên.

Lần đầu tiên Jane thấy không thoải mái về văn bút của John. Nàng chưa bao giờ thấy John sáng tác như vậy. Nàng nghiêng đầu suy nghĩ, lắng nghe trong tâm hồn mà vẫn không tìm thấy chút gì gần gũi với bài văn cuối cùng của bạn. Có cái gì tàn bạo trong những lời trối trăn này, tàn bạo với chính mình, tàn bạo với cảm quan của người đọc, tàn bạo với những bạn thân của chàng. Bỗng Jane thấy thông cảm với Mary. Có lẽ đây là cái góc cạnh của John mà Mary đã sợ hãi trốn tránh trong những năm qua. Nhưng nàng lại thấy mình quá khắt khe với John khi nhớ tới những cơn đau mà John đã trải qua trong những ngày hấp hối. Rồi Jane cũng liên

tưởng đến ba năm đầy bí mật mà John đã phục vụ trong chiến trường Miến Điện, những vị tu sĩ huyền bí ẩn náu trong rừng già với cái nhìn siêu hình, và nhất là những người võ sĩ đạo của một văn hóa xa lạ lấy kiếm bén mổ bụng tạ tội với Thiên hoàng của họ trong những ngày cuối cùng của thế chiến thứ hai...

Có tiếng động ở đầu hành lang. Jane ngửng lên và thấy Mary đang tiến tới phía nàng. Mary mắt sưng đỏ nhưng không còn khóc nữa. Nàng lững thững bước tới cơn xúc động còn rõ rệt trên tấm hình hài mảnh khảnh. Jane định giấu bài văn của John đi, nhưng Mary đã nhìn thấy hai tờ giấy đầy bút tích của chồng. Máy móc Jane đưa bài văn cuối cùng của John cho bạn:

"Mary, John dặn đưa cho chị đọc."

Mary cầm đọc qua một lần, vội vã như nuốt từng lời từng chữ. Jane quan sát Mary như chờ xem phản ứng của bạn. Nhưng Mary chỉ bình tĩnh ngồi xuống ghế và đọc lại một lần nữa. Rồi nhắm mắt và ngả người ra sau, nàng ấp mấy tờ giấy rời vào ngực mình.

IX

Mary thức giấc một mình trong căn nhà trống trải. Thế là John đã được chôn cất một tuần lễ rồi. Căn nhà hoàn toàn yên lặng. Không có cả tiếng máy lọc dưỡng khí rù rì nữa. Chỉ có tiếng thời gian lặng lẽ trôi qua theo nhịp tích tắc của chiếc đồng hồ quả lắc ở hành lang. Bên ngoài mặt trời đã lên cao. Bóng mấy cành bông giấy ngoài vườn chiếu vào bức màn cửa khẽ đu đưa với gió. Mary thấy hoàn toàn trơ trọi. Nàng nghĩ đến Tom, đứa con trai độc nhất của nàng với John. Nó đã trở lại New York ngày sau đám tang. Nó có mời Mary dọn sang với nó cho có mẹ có con. Nhưng nàng đã từ chối. Cuộc đời nàng hoàn toàn thuộc về John. Trong quá khứ cũng như hiện tại. Không bao giờ nàng sẽ rời căn nhà đầy kỷ niệm này. Nàng không cảm thấy bi ai tang tóc. John ra đi không phải như một người mệnh yểu. Và John đã thành công trong thời gian ở hạ giới này. Suốt mấy chục năm trời chung sống, John đã không để nàng túng thiếu, và chính nàng cũng chưa bao giờ phải nếm cảnh đói rách. Chỉ có những khắc khoải tinh thần, nhưng nàng tin là John và nàng đã giải tỏa được tất cả những u uẩn, ngăn cách có hồi đã tạm thời chia rẽ hai người. John từ giã cuộc đời trong tay nàng với chùm hoa Black eyed Suzan mới hái còn ướt sương mai. Và John đã sáng tác bài văn cuối cùng của chàng, để trả lại cho đời những khắc khoải cuối cùng của những năm gian khổ trong những vùng xa lạ.

Nàng chỉ thấy cô độc, ít nhất là trong một thời gian nữa cho đến ngày đến lượt nàng cũng về nước Chúa với John. Trong lúc

này nàng cảm thấy cần bạn thân bên cạnh, một người bạn mà nàng có thể tin cậy...

Mary bỗng châu mày khó chịu khi nghĩ đến Jane. Nhiều chuyện xảy ra làm nàng thắc mắc về bạn. Ngay hôm sau đám tang của John, nàng đã được văn phòng nhà đòn cho biết là ngân phiếu nàng ký để trang trải đám tang đã không còn tiền bảo chứng. Quả là một chuyện bất ngờ, vì nàng đinh ninh là số tiền bán nhà hơn năm chục ngàn đồng chưa kịp chuyển sang quỹ tiết kiệm quá thừa thãi để cung ứng cho ngân phiếu nàng ký. Ngân hàng cho biết là khoảng hai tháng trước khi mất, John đã rút gần hết món tiền đó ra chỉ để lại một số lượng tối thiểu để tạm dùng trong tháng. Không ai biết John sử dụng món tiền thế nào. John tuy quen biết nhiều, nhưng thực ra chỉ giao thiệp thân thiết với Peter và Jane. Không nhẽ... Nhưng nếu không phải là Jane hay Peter thì còn ai vào đây nữa. Tom quả quyết là John không có nói đến món tiền này trong những lần bàn việc với con trai. Thật là bí mật. Jane biết Mary thỉnh thoảng có lưu tâm đến tình bạn giữa nàng và John nên cũng không tự nhiên từ hôm đám tang, và cũng ít qua chơi. Nhưng tại sao không cảm thấy không tự nhiên từ trước. Tại sao lại đợi đến bây giờ mới cảm thấy lúng túng. Mà nếu có liên hệ tiền nong, thì chắc gì khi còn sống lại không có những liên hệ khác...

Món tiền tuy lớn nhưng thật ra không ảnh hưởng tức thì đến đời sống vật chất của nàng. Hưu bổng, bảo hiểm sinh mạng, quỹ dự trù đủ thừa để bảo đảm một cuộc đời sung túc cho Mary, nhưng mà ai lấy món tiền này. Trời ơi, nàng cần tình bạn của Jane biết bao. Nghĩ đến những tuần những tháng vừa qua, Jane đối với nàng còn tốt hơn chị em ruột thịt. Làm sao có thể có lại người bạn như vậy. Còn Peter nữa, đã mấy năm nay đối đãi với nàng như người anh ruột... Hôm đầu tiên nàng dọn đến xóm này, cái bánh kem, cái lẳng picnic đầy đồ ăn với những chiếc khăn ca rô xanh trắng nhét bên hông...

Lạy Chúa, làm sao cho nàng một giải thích. Nàng không muốn báo cảnh sát, vì nếu John cho Jane món tiền ấy, thì nàng cũng không lấy lại được, trừ khi kiện tụng linh tinh...

Lạy Chúa cho nàng một lối ra trọn vẹn.

Tiếng chuông điện thoại reng làm gián đoạn những ý nghĩ trong đầu Mary. Ai gọi bây giờ nhỉ? Chắc thằng Tom. Cầm điện thoại Mary ngạc nhiên khi nghe thấy tiếng Jane:

"Mary, Jane đây này. Tôi sang bây giờ được không? Về vụ mất tiền ở ngân hàng ấy mà."

Mary yên lặng vài giây rồi lạnh lùng trả lời:

"Tất nhiên. Sang chơi đi. Tôi thức dậy rồi."

Trong khi chờ đợi bạn, Mary suy nghĩ. Hay là Jane ân hận

nên sắp qua thú nhận việc John cho nàng tiền.

Mary ra mở cửa cho bạn. Jane vào thẳng đề:

"Mary có nhớ là vào thời gian John lấy món tiền đó ra anh ấy không tỉnh phải không? Tôi vừa tính ra đêm qua. Ngày anh ấy lấy tiền ra chỉ trước hôm đi lạc ở phi trường độ ba bữa. Có thể John lấy món tiền đó ra trong một cơn mộng du mà không nhớ. Vấn đề bây giờ là anh ấy cho ai và để đâu. Ngoài thằng Tom ra thì không còn ai khác tụi mình. Mary có nhớ mấy hôm ấy anh ấy mặc bộ quần áo nào không?"

"Không Jane, nhưng rất dễ suy ra. Vì sau khi mất mấy chục kí, John chỉ dùng có hai bộ quần áo mới mua."

Jane nhìn bạn:

"Chị chưa cho ai quần áo của anh ấy chứ."

"Chưa. Nhưng một bộ thì mặc cho John hôm nhập quan.

Hai người đàn bà vào tủ áo của John lục soát. Quả như tiên đoán, lục đến túi áo ngực phía trong thì Jane tìm thấy một phong thư chưa dán tem, ngoài bì có nét bút run rẩy của John gửi cho một người đàn bà. Jane lúng túng rồi đưa cho Mary. Mary sững người giây lâu rồi xé phong bì. Bên trong một tấm ngân phiếu năm mươi ngàn đồng cho Alyce Spencer kèm theo một lá thư nhỏ. Jane nhìn qua vai bạn, rồi buộc miệng hỏi:

"Alyce Spencer, nghe quen quen, ai vậy chị?"

Nước mắt lưng tròng, Mary nghẹn ngào không trả lời, đưa lá thư nhỏ cho Jane đọc.

Alyce cưng:

Anh vừa thu xếp lộ phí để Alyce lên New York dự thi. Anh chắc thế nào Alyce cũng thành công. Bao giờ thành đệ nhất đào nương thì trả lại anh. Chúc Alyce may mắn.

Thân mến:

John R. Wright.

P.S. Tới New York điện thoại cho anh.

Đọc xong lá thư, Jane nhìn Mary rồi khẽ hỏi:

"Alyce là chị hả?"

Mary khẽ gật đầu.

Jane ranh mãnh nói:

"John yêu chị dữ hả? Mê sảng vì bệnh mà vẫn còn nhớ đến chị."

Trước sự ngạc nhiên của Jane, Mary ôm bạn hôn. Nước mắt cùng son phấn nhoè nhoẹt dính sang má nàng. Mary thấy vừa hạnh phúc may mắn mà vừa hối hận. Chút nữa thì nàng mất John. Mà cũng chút nữa thì nàng mất luôn cả Jane. Nếu nàng đã không nhất quyết giữ John ở nhà trong những ngày tháng cuối thì bây giờ nàng sẽ ân hận đến đâu. Hai tháng trước khi chết, nàng đã trở

thành người hoàn toàn xa lạ với John. Tất cả cuộc đời vợ chồng, John chỉ nhớ được đoạn đầu, những năm hạnh phúc với Alyce Spencer. Còn hơn bốn mươi năm chung sống về sau đã không để lại một kỷ niệm nhỏ nhoi trong tâm khảm chàng. Sự thất bại của nàng sẽ hoàn toàn và thảm hại, nếu trong những giờ phút chót John và nàng đã không tìm lại được nhau. Bây giờ nàng mới hiểu được cái cảm giác lâng lâng hồ hởi sau cái đêm cuối cùng nàng sống với John. Còn Jane nữa. Làm sao nàng có thể nghi cho bạn những chuyện như vậy.

Bất giác, Mary thấy như muốn đền đáp lại cho người bạn mà mình đã ngờ oan. Nàng nghĩ đến tặng Peter và Jane món tiền mới tìm thấy. Nhưng nàng lại đổi ý, vì biết chắc là Jane sẽ không nhận. Hai người không giàu có, nhưng cũng không có nhu cầu gì. Và họ rất tự trọng... Jane kéo Mary ra khỏi tủ quần áo:

"Đi rửa mặt đi bà. Cả tuần nay không chịu ra ngoài không tốt đâu. Thay đồ rồi hai chị em mình ra biển ăn trưa. Chắc John cũng muốn Alyce vui vẻ."

Mary theo bạn ra phòng khách.

Jane đề nghị là ít bữa nữa, hai chị em sẽ sưu tầm những tác phẩm đã đăng cũng như chưa đăng của John đóng lại thành một tập lớn rồi xuất bản. Chắc John sẽ hài lòng lắm.

Mary lại thấy sự săn sóc của bạn gái đối với John hơi quá đặc biệt. Nàng vẫn biết là giữa hai người chưa có gì xúc phạm đến điều răn thứ sáu hay điều răn thứ chín, nhưng...

Rồi bất giác, Nàng lại ôm bạn hôn. Giây sau, Mary hai tay bưng mặt bạn bắt nhìn thẳng mặt mình. Nửa thân mến nửa đùa cợt, Mary hỏi:

"Jane ơi, mình không ghen đâu. Nhưng nói thật mình nghe đi. Có bao giờ bà yêu thầm ông John nhà tôi không?"...

Mai Kim Ngọc
Villa Park, June 1986

Nguyễn Huy Chương

Tự hỏi

Tôi còn đây hay tôi nơi đâu ?
Sao hồn tôi nặng chĩu ưu sầu
Chân chưa đi lòng nghe viễn xứ
Ngày qua ngày buồn bay lên cao

Còn ngồi đây hồn đã ngàn xa
Tình mới trao ngỡ tình đã già
Chút nắng hắt hiu như là nhớ
Chút gió bâng khuâng như tình ca...

Qua đêm

Trời mưa bong bóng phập phồng
Đèn chao, gió tạt, đêm ròng rã đêm
Tiếng mưa thánh thót giọt mềm
Chợt nghe gà gáy, biết đêm sắp tàn
Ngoài sân lá rụng, mưa tan
Đưa chân tìm dép, ừ tàn một đêm

Chút suy nghĩ khi nhìn hạt nẩy mầm

Thời gian : Đám lá mục, chồng
Hạt tôi sao vẫn cam lòng nằm đây ?
Nắng qua mưa đến từng ngày
Tôi nghe tôi vẫn chưa trầy lớp da
Ngóng chờ từng cơn mưa qua
Cứ nghe bức sốt như là máu sôi
Loanh quanh tôi chỉ gặp tôi
Co thân nằm dưới lá bởi thêm lên

Biệt ly

Gửi anh một cõi lòng xưa
Kịp theo con nước sông mưa buổi nào
Gửi anh bàn tay vẫy chào
Ừ, thôi tống biệt, lời nào thốt đây ?
Im nghe mặt sóng khói dầy
Tiếng reo tí tách một ngày rất xa

Kính mời

Vườn lòng phong kín
Bao năm im lìm
Tưởng hồn đã chín
Giữa ngàn tiếng chim
Một chiều cuối năm
Sầu tôi nghiêng bóng
Người đến âm thầm
Làm rơi hạt mộng
Nửa khuya thức giấc
Nghe lòng ngỡ ngàng
Nghe lòng chất ngất
Giữa mùa xuân sang
Hạt đã nẩy mầm
Lòng tôi trăm nhánh
Đón người trăm năm
Vui đời ấm lạnh
Người hỡ như lạ
Người hỡ như quen
Vườn lòng tôi đó
Mời người đặt chân

Phạm Quốc Bảo

Ngã Rẽ

Cô gái có tên là Vi Vân, hiện giờ 21 tuổi. Giản dị và vui tươi. Cô đang học tương đối khá trong năm thứ ba ngành hóa của một đại học địa phương thuộc hệ thống U.C.

Nhưng cách đây chừng năm năm, lúc mới 16 tuổi, Vi Vân đã trở thành đàn bà vào đúng mùa Xuân năm đó.

Vùng này đông người Việt định cư thế mà chung cư gia đình Vi Vân ở cũng xen lẫn với những gia đình người gốc Mễ, Căm Bốt, Thái, Armenian... cả Mỹ đen, Mỹ trắng nữa.

Ngay từ sáng sớm vừa tỏ mặt người, tiếng trẻ con đã vang động trong sân khu chung cư. Thét gọi, đùa nghịch, cười và khóc, bằng đủ mọi ngôn ngữ. Líu lo, líu ríu, lắp bắp, bập bẹ. Tất cả những tiếng động đó lồng vào nhau, trộn lẫn với nhau, liên tục đập vào khắp mặt tường nhà, dội lại rồi bật tung ra không gian, len lỏi vào các kẽ ngách cửa đánh thức dậy bất cứ ai còn muốn dìm sâu mình trong giấc ngủ.

Nhìn ra qua khung cửa sổ, người ta chứng kiến một quang cảnh hỗn độn đến rối mắt. Những cái đầu từ trọc lóc, ghẻ lở đến lơ thơ hay bù xù tóc. Tóc đen nhánh, nâu, vàng hay trắng. Tóc đâm tua tủa như lông nhím, xuội lơ phất phơ lòa xòa, từng cuộn từng lọn mấp mô như sóng hay quăn tít xoắn vào nhau sát da đầu.

Có đứa đi skateboard lăn đùng đùng trên nền xi măng rồi đâm xầm vào tường nhà hay lạng qua lạng lại, điệu nghệ điêu luyện. Có đứa chạy xe đạp như điên như khùng vòng quanh sân, miệng rú lên làm mô tô hay rống lớn như còi xe hơi. Có đứa nhảy tòm xuống hồ bơi giữa sân, tưởng tắm hóa ra cu cậu đã vội ngoi lên ngay, leo khỏi hàng rào sắt cản để đuổi theo phá bọn con gái hay vẩy nước vào những chú bé đang chập chững tập đi cạnh đó.

Đám con gái xem ra tập thể hơn nhưng lại ưa nói nhiều quá. Chúng luôn luôn ra lệnh, sắp đặt, cãi cọ và rít rắm với nhau. Chỗ này một nhóm ngắt hoa lá, bầy cỗ bàn giả. Nơi kia mấy cô nhỏ đang nhẩy dây chí chóe hay rúc rích chơi trò đi trốn đi tìm. Chẳng

góc sân nào là không có cảnh giằng co níu kéo đang xảy ra, trong giọng cười và tiếng rít hét với nhau...

Đột nhiên, mấy tiếng đàn bà đủ mọi ngôn ngữ hò ới vọng ra, san sát đan vào nhau. Lũ trẻ tản lạc chạy vào các khung cửa nhà. Rồi chỉ một lát sau, chúng lại ùa ra, chúm chụm từng nhúm, chen nhau tranh bước trên khúc sân rộng thênh thang. Đứa đeo cặp sau lưng, đứa cắp sách vở trong tay. Miệng chúng đang nhồm nhoàm nhai thức ăn sáng. Trên mép chúng còn đọng giọt sữa tươi trắng đục hay dính mẩu cheese vàng nhạt, vết mứt dâu tím trong. Chúng vẫn cứ cãi nhau, xô đẩy nhau nhưng cùng hướng bước ra khỏi khu chung cư, đi sang ngôi trường tiểu học ở phía xế chếch bên kia con đường nhỏ.

Trên sân tự nhiên vắng bặt đi. Người ta bắt đầu nghe được vài tiếng bập bẹ bi bô của mấy đứa bò lê bò la trước những cửa nhà. Một chú bé nào chập chững bước nhưng mất thăng bằng ngã ngồi xuống và miệng gào lên, kéo theo nhiều tiếng trẻ sơ sinh ọ ẹ chợt thức giấc hay lích khích đòi mẹ, ỉ ì rỉ rả khóc ở những căn khác trong chung cư.

Bầu không khí quanh đây trầm hẳn xuống, rười rượi. Vừa sáng ra mà không khác gì giấc trưa vắng.

Chỉ đến giờ phút này, người ta mới thỉnh thoảng nghe thấy tiếng đàn ông ồm ồm xen kẽ với tiếng đàn bà lanh lảnh. Rồi rải rác vài người một, những người lớn bước ra khỏi nhà. Đôi giầy lao động nặng chịch, chiếc quần jean bạc và bắt đầu xút những viền chỉ, cái áo sậm màu, một tay xách phần cơm trưa, tay kia vắt sẵn chiếc áo khoác và cầm xâu chìa khóa đủ loại. Họ có thể là đàn ông hay đàn bà. Họ có thể khác biệt nhau về màu da, đầu tóc, giầy dép, quần áo mặc. Nhưng đã ra khỏi nhà tất cả họ đều im lặng đến mức độ câm nín, lầm lũi bước. Ngoài sân chỉ vang tiếng giầy dép của họ, cho đến khi họ khuất bóng. Họ tiết kiệm đến cả những câu chào hỏi thông thường giữa hàng xóm láng giềng với nhau. Có thể sự khác biệt còn quá lớn lao và sâu xa về sinh hoạt và ngôn ngữ đã ngăn cách họ. Có thể vì mối ưu tư về công việc sắp tới đang trĩu nặng trong lòng họ. Và cũng có thể vì nhiều lý do khác nữa, chưa ai thấu hiểu nổi cho họ.

Họa hoằn lắm, với giọng người trong nhà léo nhéo vọng ra và đuổi riết theo, miệng họ mới bật lên vài tiếng đáp lại cộc lốc. Như trường hợp hết sức bất đắc dĩ họ phải trả lời.

Và đến buổi chiều, tự ba tới năm giờ, đôi khi sâu hơn nữa vào buổi tối, họ lại trở về. Lúc đó, ngoài sân đã vang lừng tiếng trẻ đủ mọi loại mọi kiểu, như buổi sáng sớm nhưng dài hơi và liên tục bất tận. Họ trở về nhà vào cuối ngày, cũng vẫn im lặng lầm lũi. Đa số họ vẻ mặt đượm nhiều nét mệt mỏi, dáng điệu rõ rệt rã rời thiểu não.

Cũng có người dịu dàng, nghiêng mình xuống nghịch với một đứa nhỏ. Cũng có người vùng cười ha hả, vung chân đá quả bóng vào đám trẻ đang chạy chơi. Nhưng thường thì họ cung tay bợp tai liền đứa nào vô ý đâm xầm vào họ hay xách cổ một đứa khác đang bò lê la bẩn thỉu, phát vào đít nó liền hồi rồi bế thốc nó vào nhà.

Riêng cuối tuần, từ chiều thứ sáu tới khuya chủ nhật, một khung cảnh náo nhiệt tột độ thường xuyên diễn ra. Những giỏ quần áo dơ đợi giặt xếp hàng dài giữa sân thản nhiên trước mọi thứ tiếng động xô bồ của bọn trẻ đùa nghịch. Có những căn đóng cửa im lìm vắng lặng suốt mà cũng có những cánh cửa mở toang hoác, tất cả những tiếng động trong nhà trọn vẹn đổ ra hòa với tiếng động ngoài sân, cho đến quá nửa khuya. Băng nhạc ti vi, ăn nhậu cười nói. Tiếng nào tiếng nấy như ganh đua nhau đều được phát ra lớn quá cỡ lớn.

Suốt dẫy khu chung cư này, hiếm tuần nào lại không có một đêm truy lùng trộm cắp. Những chiếc xe cảnh sát rú còi vang động, lập lòe đèn xanh đỏ và quét những tia đèn rọi loang loáng vào các ngõ ngách ở nhà để xe hay từng góc tối sân. Tiếng chân tò mò của người lớn rầm rập. Tiếng trẻ gọi nhau, cười nói vui thích ồn ào những hiếu kỳ lẫn năng động.

Cũng chung cư này hầu như chẳng tuần nào thiếu vụ vợ chồng cãi lộn xô xát. Giọng đàn bà the thé quấn chặt lấy âm ồm ồm của đàn ông.Điểm vào thêm là tiếng trẻ lớn la hoảng, nhỏ khóc ré lên bần bặt. Rồi bàn ghế khua động mạnh, bát đĩa rơi vỡ loảng xoảng.Thường thì người tống ra khỏi nhà là đàn bà. Bà ta đứng giữa sân ngỏng cổ thét vọng vào và vừa líu lo nói, vừa khua chân múa tay phân bua. Các căn bên cạnh có người vén màn cửa sổ ngó ra coi, có người bước đến tụ lại từng nhóm đôi ba người xì xô xì xào bàn tán. Trẻ con được dịp túm tới xem, vỗ tay reo hò từng chập. Nhưng tối dần về khuya, mức xô xát bao giờ cũng giảm cả về nhịp độ lẫn cường độ, tiếng đối đáp qua lại lơi dần và chìm lìm trong đêm...Để sáng hôm sau, người ta vẫn thấy người vợ, mặc dù khuôn mặt có mấy vết còn tím bầm, đang tíu tít với đám con. Và người chồng cũng tiếp tục ra khỏi nhà, im lặng lầm lũi băng qua sân đi làm. Cùng lắm là anh ta ngập ngừng nở nụ cười gượng gạo trong ngượng ngùng, khi chạm mặt người hàng xóm cũng vừa bước ra sân.

*

Vào một buổi sáng sớm, theo tiếng trẻ mỗi lúc một lớn từ ngoài sân vọng vào, Vi Vân dần dần tỉnh giấc. Nằm yên dưới làn chăn mỏng, cô đảo mắt nhìn quanh phòng một lượt. Tủ quần áo

bên trái, chiếc bàn học cạnh khung cửa sổ, kệ sách và một hàng giầy dép bên phải, giường bên kia của chị Vi Khanh: chăn gối đã ngay ngắn tự lúc nào, rồi đến cuối cùng là cái kệ bàn ngủ đặt giữa giường Vi Khanh với Vi Vân. Tất cả đều thứ tự gọn ghẽ nhưng cũng có vẻ thản nhiên đến lạnh lùng, trong bầu không khí vắng lặng êm ả của buổi sáng này.

Vi Vân bắt đầu nhớ rằng hôm nay thứ bảy, mình không phải đi học. Và, cô nhớ tiếp, chị Vi Khanh sáng dậy thật sớm đi chơi Las Vegas với bạn bè tới chiều mai chủ nhật mới về. Tối qua chị ấy đã khoe như vậy.

Vi Vân nén tiếng thở dài trong lồng ngực. Khuôn mặt Vi Khanh rạng rỡ đầy ứ nét thỏa mãn vui thú lung linh trong ánh đèn ngủ tối qua hiện rõ trước mắt cô nhưng đang lùi ra xa, xa mãi... và nhòa tan, như làn khói sương mong manh không có thực nào.

Chỉ trên hai năm trước, khi còn ở Việt Nam, mái hiên cạnh nhà được trổ ra thành một quán nhỏ. Mẹ đứng pha cà phê, Vi Vân phụ rửa ly tách và dọn dẹp. Vi Khanh chuyên bưng nước và tiếp đón. Thế nhưng chính riêng một mình chị ấy đã khiến quán lúc nào cũng đông chật những khách. Rồi từ đó, nhiều mối lợi không ngờ nảy sinh thêm nữa. Nhờ vậy, chẳng những gia đình sống không chật vật mà mẹ cứ ba tháng còn có tiền đi thăm nuôi bố ở trại tù miền bắc. Và cả anh Vi Tuấn cũng được bao che khỏi những đợt bắt nghĩa vụ quân sự.

Hồi đó hầu như chả thiếu đêm nào hai chị em Khanh-Vân không nằm cạnh nhau rù rì tâm sự đến quá khuya cả. Dù hơn em ba tuổi, Vi Khanh nói chuyện với Vi Vân như hai bạn gái thắm thiết tâm tình. Hai chị em khuyên nhủ lẫn nhau cố gắng cam khổ nhịn nhục, chia sẻ những nỗi đau buồn tủi phận riêng và cũng thổ lộ cho nhau nghe những mơ ước tươi đẹp vẽ vời của tương lai. Rồi những giọt nước mắt âm thầm trong đêm vắng chưa kịp khô trên má, chị em đã chìm sâu vào giấc thiếp ngủ.

Tuân theo lời hối thúc của bố, mẹ đã đưa cả bốn đứa con vượt biển ra đi và thành công. Sang được tới bên này, mới học Anh ngữ bổ túc ở College chưa đầy một tháng, Vi Khanh đã gấp rút chuyển sang một lớp huấn nghệ rồi tám tháng sau mãn khóa cô ra đi làm ngay.

Vi Khanh trưởng thành, hiện thân là một thiếu nữ nẩy nở trọn vẹn. Nàng vẫn sinh hoạt bình thường trong gia đình. Nghĩa là đều đặn đóng góp vào ngân quỹ chi tiêu chung và quà cáp gửi về cho bố còn kẹt lại ở quê nhà. Nàng vẫn ngủ chung phòng với Vi Vân và thỉnh thoảng vẫn tâm sự với em gái... Tuy nhiên, lối sống mỗi ngày một khác và nội dung càng lúc càng đổi mới của tâm sự ở Vi Khanh đã khiến cho Vi Vân nhận ra chị ngày một xa cách với mình thêm.

Như hai tuần nghỉ lễ Giáng Sinh bắc cầu sang Tết tây vừa qua. Anh Vi Tuấn với nhóc tì Vi Tú đi học hay chơi đâu không biết về đến nhà là ru rú trong phòng, nhạc với sách không thôi. Chỉ có bữa ăn mới thấy hai "đấng" xuất hiện. Họ là con trai xưa nay bao giờ chả thế, nói làm gì. Nhưng chị Vi Khanh là con gái mà còn quá hơn nhiều, đến độ suốt hai tuần không ngày nào chị ở nhà được trên hai tiếng và cứ tới khuya mới trở về. Tiệc này tiếp đến buổi khiêu vũ nọ, picnic lại nối sang tới sinh nhật khác. Mấy người bạn đến đón chị có anh đi giày vải màu đen sản xuất tại Trung Cộng, có chị mặc quần áo vải bố rộng thùng thình như đồ mượn của bọn đô vật. Cũng có anh nhuộm tóc đỏ hoe, đầu còn chải dựng tua tủa ra giống bọn nhảy múa trong mấy băng video nhạc giật gân động kinh. Dáng dấp ấy đầy rẫy trong bọn học sinh trên trường Vi Vân học. Mặc dù đã quen mắt nhìn rồi nhưng cô vẫn thấy lạ khi họ lại là bạn của chị Vi Khanh mình...

Vi Vân rùng mình tuột khỏi giường, đi vào buồng tắm.

*

Ngoài phòng khách rõ mồn một giọng cười khanh khách của woodpecker trong chương trình phim hoạt họa ti vi. Trên chiếc trường kỷ đối diện máy truyền hình, Vi Tú đang nằm nghiêng người tay chống một bên má, chăm chú theo dõi. Thỉnh thoảng nó khẽ bật vài âm cười ngắn trong cổ họng.

Lẳng lặng quay sang mở tủ lạnh, rót sữa tươi ra cốc, cầm mấy miếng sandwiches kẹp thịt nguội, thêm thỏi phô mai đầu bò và ngồi vào bàn ăn, Vi Vân uể oải lơ đãng nhai một mình.

Hồi mới sang, cô cũng thích xem loại phim hoạt họa này lắm chứ. Nào những Scooby-Doo, Tom and Jerry, hay những Bugs Bunny và Pink Panther... nhưng sau dần quen, Vi Vân thấy nụ cười không dễ dãi quá như vậy được. Hơn nữa, nội dung đơn giản và trí tưởng tượng trong những loại phim hoạt họa này lại vung vít đến quá lố, thành ra riễu dở, làm phai nhạt đi nét vẽ tài tình và khả năng sáng tạo của nhóm họa sĩ thực hiện. Vi Vân chợt liên tưởng tới những phim hoạt họa được xem từ hồi còn nhỏ xíu. Nào Bambi, Peter Pan... và "Bạch Tuyết với bảy chú lùn". Xem ra cô vẫn mê loại phim vẽ dàn dựng theo lối của Walt Disney hơn...

Chợt nghe tiếng rú lên đầy thích thú của Vi Tú lẫn vào đám âm thanh chát chúa hét la, Vi Vân nhíu mày quay lại ngó. Vi Tú đã chồm dậy từ hồi nào, đầu lắc lư. Trong màn ảnh ti vi hiện ra khuôn mặt đen với bộ tóc xoắn tít lòa xòa lộn xộn, những giọt mồ hôi đọng trên làn da nhám, đôi mắt nhắm tít lại và cái miệng ngoạc ra, lợi đỏ bao quanh hàm răng trắng phếch. Từ đó phát ra tiếng hát như thét lên. Rồi đèn rọi quét qua một cặp trai gái mặc bộ áo bó sát

vào người như lõa thể, họ đang quấn quít lấy nhau như đôi rắn trong vũ điệu giựt giựt kích động đến loạn cuồng.

Nhìn thấy màn ảnh ti vi như vậy, Vi Vân tự đoán thầm: "Lại Soul Train. Nếu không, ít ra cũng là chương trình Solid Gold". Tự nhiên cảm thấy mệt mỏi, cô đứng dậy cầm theo ly sữa tươi và đi về phòng, đóng cửa lại.

Nhắm mắt, đứng dựa lưng vào cánh cửa trong chốc lát, Vi Vân nghe bầu không gian tĩnh mịch lan dần và trùm kín lấy mình. Tâm tư dịu lại, cô từ từ mở mắt ra.

Sách vở học và làm bài tối qua còn để lộn xộn trên bàn. Tự nhiên trong lòng Vi Vân lại dấy lên một cảm giác buồn ngây ngây chán chán.Và hình ảnh mẹ đồng thời hiện ra trước mắt.

Bước tới giường, đặt ly sữa trên bàn ngủ, Vi Vân ngả mình ra và bật người nằm úp mặt xuống gối. "Mẹ... mẹ...", cô gọi thầm nhưng nghe âm vọng tiếng mình chới với, mất hút trong khoảng không sâu mịt mùng mà khuôn mặt mẹ vẫn lặng lờ cúi xuống, bất động và vô hồn như một khuôn tượng đá buốt giá.Vi Vân cảm thấy tim mình nhói đau, giữa tiếng kêu cứu tuyệt vọng của mình.

Mẹ. Còn đâu những nét dịu dàng tươi tắn, những nụ cười rạng rỡ trong như pha lê, ngày xưa... Khi bố ra đi tù cải tạo, một lần đi không trở lại, mẹ cứ ủ dột và héo úa dần theo những đồ đạc vật dụng rời khỏi căn nhà êm ấm cũ. Khi quán cóc cà phê trước cửa mở, chị Vi Khanh bỗng nhiên bung ra thành một đóa hoa ngọt ngào hương sắc và nhí nhảnh đón đưa, mẹ lại càng nép mình vào âm thầm nhận chịu, và khô cằn đi dần.Sang được đến bên này, mẹ còn sống câm nín hơn nữa. Nhận chân nấu bếp cho mấy nhà hàng Việt trong vùng, kể cả thứ bảy lẫn chủ nhật, suốt tuần mẹ ra đi từ sáng đến tối mịt mới về. Mẹ như một chiếc bóng lãng đãng vật vờ.

Lần lãnh lương đầu tiên chị Vi Khanh đưa về trao cho mẹ. Trước sự hiện diện đông đủ chị em trong nhà, Vi Khanh hớn hở và hãnh diện ra mặt. Chị ân cần trân trọng đặt tiền vào tận tay mẹ. Im lặng như một pho tượng, mẹ nhìn sững xấp tiền trong tay mà không một biểu lộ nào. Vui mừng, buồn tủi hay tức giận? Không ai trong chị em Vi Khanh thấy được điều gì ở mẹ lúc đó.

Rồi thời gian qua, nỗi mừng rỡ tíu tít kia nhạt dần, Vi Khanh đóng góp vào ngân quỹ gia đình mỗi lúc một ít hơn và hờ hững hơn. Có lần là một phong bì dán kín để gửi mẹ cẩn thận. Nhưng cũng có lần tiền Vi Khanh để trên bàn phấn vội vã đến độ vung vãi cả xuống thảm nền nhà. Trong khi đó, Vi Tuấn và Vi Tú xin tiền tiêu ở mẹ cũng thường xuyên và tự nhiên như mẹ chỉ là cái két trữ tiền của họ vậy.

Trước những thái độ đó của con cái, mẹ chẳng hề có một phản ứng nào cả. Một lời chỉ dạy, một ý khuyên nhủ, một câu trách móc

nhẹ nhàng? Tuyệt nhiên không.

Và cơm nước, giặt giũ, dọn dẹp... quà tiền đều đặn gửi về cho bố, chẳng có việc nào là không qua tay mẹ nhưng mẹ làm trong âm thầm, cam nín, một mình.

Có nhiều lần Vi Vân tìm đến mẹ để thổ lộ những than phiền, mục đích vừa để an ủi và cũng muốn chia sẻ với mẹ nhưng bà chỉ yên lặng ngồi nghe, không một lời đáp lại.

Có những đêm muốn tâm sự, Vi Vân mò sang phòng mẹ nhưng chỉ chứng kiến được cảnh tượng mẹ nằm bất động trên giường, đôi mắt vẫn mở lớn long lanh trong bóng đêm tĩnh mịch. Mẹ như đã xa vắng, mãi đâu đâu, từ lâu rồi...

*

Vi Vân vùng người khỏi giường, bước lại gần cửa sổ. Từ ngoài, một làn gió nhẹ se se thoảng qua khung cửa lướt vào mơn man như mời gọi. Khu vườn hoa bên kia con đường đang bừng lên mầu xanh ửng vàng chấp chới lung linh. Sau hàng cây cao bên lề đường lấp ló những cụm lá tươi nõn rung rinh dưới nắng vàng trong vắt. Cạnh đó mấy chiếc ghế đá trống vắng tĩnh mịch một vẻ bình yên. Vào sâu hơn nữa, một chiếc hồ nhỏ, thấp thoáng mấy con vịt Tàu nhởn nhơ bơi... Quang cảnh công viên kia đã bao lần quyến rũ Vi Vân. Không phải chỉ đứng trong cửa sổ nhìn sang mà có những lần về học, Vi Vân đã qua bên kia đường tha thẩn trên bãi cỏ giữa hàng cây cao, thả hồn tự do mơ mộng vẩn vơ...

Nhưng lần này như một cuốn hút đã thành tự nhiên, Vi Vân vớ nhanh mấy cuốn sách ra khỏi nhà, khỏi miếng sân chung cư ồn ào hỗn độn của lũ nhóc họp bạn đùa nghịch triền miên. Bỏ lại đằng sau lưng dãy chung cư vẫn lao xao như cái chợ trời Mễ cuối tuần, Vi Vân qua đường.

Bước chân vào bãi cỏ cạnh hàng cây cao cô đã thấy niềm thích thú dấy lên trong lòng. Mấy cánh bướm đang chập chờn giữa những cụm lá xanh non như ngọc thạch. Chẳng còn cưỡng lại được nữa, Vi Vân chạy ùa vào công viên. Từ cánh bướm vàng chấm đỏ rực rỡ, sang cánh bướm trắng mầu sữa có chấm đen ở chóp cánh, đến cánh bướm xanh pha tím biêng biếc. Vi Vân mải mê đuổi bắt. Tiếng "ồ" ngạc nhiên, giọng cười khúc khích thú vị... cho đến khi những giọt mồ hôi lấm tấm bên tóc mai. Vi Vân ngồi lại bên hồ với đám vịt Tầu, con đen cổ vòng trắng con trắng vểnh đuôi nâu, nhởn nhơ bơi lội. Mặt hồ gợn lăn tăn khoảng khoát như toát ra hơi gió vuốt ve những giọt mồ hôi khô dần trên má. Chọn một ghế đá trắng vân lục có ba bề lùm cây bao bọc, Vi Vân giở sách ra đọc. Chỉ trong chốc lát cô đã chìm sâu vào tình tiết lôi cuốn và linh hoạt vui tươi của câu chuyện. Những hàng chữ in ban đầu đã hòa

tan vào khung cảnh tuổi thơ của Mark Twain. Từ những tinh nghịch bên hàng giậu gỗ, Tom Sawyer một cậu bé da trắng đã cùng cậu bé khác da đen Huckleberry Finn phiêu lưu thám hiểm hang động, và con tàu quạt nước dọc dòng sông Mississippi mà Vi Vân đã được thấy một lần trong khu Disneyland...

Chẳng biết bao lâu sau:

— Ồ. Con Thiên Nga nào lạc đến đây?

Giọng nói nổi lên, giữa tiếng động lao xao của dòng xe cộ ngoài đường kia, đủ làm Vi Vân rời khỏi thế giới phiêu lưu trong sách chứ không khiến cô phải giật mình. Niềm thú vị chợt đến, Vi Vân nhủ thầm: "Gần như giọng lưỡi của cái anh chàng Minh lớp 12 vậy". Đồng thời cô cảm thấy chiếc robe lụa màu ngà đang mơn man trên đùi do làn gió thoảng từ mặt hồ lan tới luồn dưới đôi chân.

Không đọc sách tiếp được nữa, Vi Vân cũng không cảm thấy khó chịu gì, và cô vẫn chưa chịu ngửng mặt lên.

— Hay là cô bé đang ngủ trong rừng?

Câu này khiến Vi Vân lại nhớ đến thằng John cùng lớp thường trêu cô mỗi khi họp bạn ngoài bãi cỏ sân trường. Bất giác cô tủm tỉm cười.

— Xem cô bé có thực ngủ không nào.

Tiếng gót giầy lạo xạo trên sỏi lối đi... rồi hai ống quần jean xanh bạc phủ ngoài đôi giầy đen hiện ra trên nền cỏ và dừng lại trước mặt Vi Vân. Một bàn tay nâng cằm cô lên một cách nhẹ nhàng, tự nhiên.

Trước mắt Vi Vân, khuôn mặt thanh niên trắng khá sáng sủa hơi ghé nghiêng nhìn. Không lộ vẻ chăm chú đến độ dò hỏi mà chắc chắn là chẳng thờ ơ lơ đãng. Trong thoáng chốc, đôi lông mày không đậm nhưng rõ nét khiến quầng dưới đôi mắt sâu và cặp môi dầy mà đỏ sậm lại, hai gò má trắng phơn phớt xanh.

— Anh tên Trường.

— Rồi sao?

Anh ta cúi mặt xuống, đầu lắc lư. Mái tóc đen hơi rối nhưng quả được cắt tỉa rất khéo ở sau gáy. Khi khuôn mặt ngửng lên lại thì chân phải anh ta đã gác lên mặt ghế đá và khuỷu tay phải chống ngay lên đầu gối. Hóa ra anh ta cúi xuống để lựa thế đứng chứ không phải vừa lắc đầu.

Chẳng có nụ cười nào trên môi nhưng khuôn mặt vẫn tươi tắn, dễ ưa.

— Em chưa cho biết tên.

Giọng nói dễ dàng như không, như từ câu đầu anh ta đã nói cho đến sau này. Và Vi Vân vẫn chưa cảm thấy một chút gì khác lạ, dù là khó chịu hoặc thích thú nào.Có điều cô biết rõ rệt: người

thanh niên này lớn tuổi hơn thằng John cùng lớp lẫn anh chàng Minh trên lớp 12 và không giống một ai từ trước đến nay cô đã gặp.

— Thôi được. Anh cứ gọi em là cô bé ngủ trong rừng vậy. Bằng lòng chứ?

Vi Vân gật đầu mà đôi mắt vẫn ghếch nhìn vào mặt chàng trai. Không lộ vẻ gì như chưa bị bối rối bao giờ, anh ta ngó xuống vài quyển sách trong lòng Vi Vân rồi lại quay sang cuốn truyện cô đang mở trên tay, miệng hỏi tiếp:

— Cô bé thích đọc lắm sao?

— Không nhiều lắm.

— Thế em có rảnh không?

— Lúc này?

— Phải.

— Không.

— Em đọc sách đi.

Vừa dứt câu, chàng trai thả chân xuống và quay lưng bỏ đi.

— Ngày mai anh sẽ đến. Cũng khoảng giờ này.

Giọng nói rớt lại sau, anh ta không ngoái cổ lui một lần nào nữa mà cứ thế bước đi. Ra đến đường, chàng trai leo lên chiếc Mazda 300 ZX màu đen bóng. Mái tóc đen và khuôn mặt trắng bệch dưới ánh nắng từ khung cửa trần xe rọi xuống nhưng anh ta vẫn chẳng hề nhìn vào lại công viên. Chiếc xe lăn bánh và trong thoáng chốc phóng vút đi mất hút hình bóng sau hàng cây.

Chỉ lúc ấy trong lòng Vi Vân mới bắt đầu dấy lên một chút xao động. Và không tình cờ, nỗi lưu luyến nảy sinh mỗi lúc một rõ nét khiến Vi Vân không sao đọc tiếp cuốn truyện. Những hàng chữ in trước mặt cô nhảy múa rồi nhòe nhoẹt để hiện ra bóng chàng trai lững thững quay lưng đi. Khuôn mặt anh ta không có gì đặc biệt, giọng nói anh ta cũng chả quyến rũ lắm. Và cả những câu đối đáp nữa, bình thường, cụt ngủn...

Thế mà sáng hôm sau, Vi Vân hết cưỡng nổi ý định trở ra lại vườn hoa. Không cầm theo sách truyện, cô tha thẩn quanh hồ. Đám vịt Tàu trắng khoang đen hay nâu viền cổ trắng vẫn bơi qua bơi lại, thỉnh thoảng kêu quạc quạc vô duyên một cách thản nhiên, đáng chán. Làn gió thoảng từ mặt hồ lên mất hẳn ý vị khoảng khoát mà chỉ khiến Vi Vân cảm thấy hắt hiu trong quạnh quẽ. Mấy cánh bướm sặc sỡ nhởn nhơ chập chờn trong bóng râm mát hay quanh quẩn giữa những bụi cây, không đủ cuốn theo bước chân đuổi bắt của cô. Ngay cả đám lá non xanh mướt ửng sắc vàng tươi đang lay động nhẹ nhõm trong những lùm cỏ kia chẳng còn đưa đến một sức sống ngùn ngụt vươn cao lên của thanh xuân phơi phới nữa, Vi Vân thấy như chúng đang có vẻ đầy tự mãn mà trêu

ngươi riễu cợt cô...

Chàng trai đã có mặt tự bao giờ. Anh ta đứng kiểu hôm qua nhưng lần này chân trái ghếch lên mặt ghế đá mà tay phải chống nạnh ngang hông còn tay trái bám vào thành ghế, mặt ghếch nhìn. Nhận ra anh ta, Vi Vân vẫn ngồi yên trên bệ bờ hồ. Cô đang lắng nghe tự lòng mình dâng lên chút xôn xao.

Chàng trai thả chân xuống, thong thả đi lại.

— Thiên nga ngự trị bên hồ vắng.

Nói vậy không hiểu anh ta buột miệng một câu nhủ thầm hay là lời tán dương nhạt nhẽo. Nhưng quả hôm nay Vi Vân mặc chiếc áo trắng.Cô không lưu tâm đến lời lẽ đối đáp gì mà cô chỉ thấy sự hiện diện của chàng trai cũng đủ an ủi nỗi trống vắng rồi.

Anh ta ghé ngồi cạnh Vi Vân.

— Sao? Không bận nữa chứ?

Vi Vân lắc đầu nhẹ.

— Hôm nay anh có dự tính. Nắng đẹp thế này mà ra bãi biển ăn kem, vui đùa thì nhất. Sau đó sẽ dẫn về giới thiệu với lũ bạn anh. Tụi nó chắc phải thích em lắm. Chịu không?

Vẫn im lặng, Vi Vân dửng dưng: Ăn kem và đùa nghịch ngoài bãi biển chả xa lạ gì với cô. Còn bạn bè của anh ta bất quá như bọn cùng trường cùng lớp cô vậy thôi. Nhưng bây giờ chẳng lẽ cô ngồi lại vườn hoa mãi, chẳng lẽ cô lại trở về căn nhà buồn bã kia sao...

— Nào, mình đi.

Chàng trai đứng dậy và kéo tay Vi Vân lên theo. Họ bước bên nhau ra khỏi công viên. Chiếc xe hơi thể thao đen bóng chồm tới phóng vụt đi trên đường.

*

Tối hôm ấy chủ nhật, bữa cơm quần tụ cả gia đình. Bà mẹ, về chín giờ duy nhất sớm trong tuần, nhóp nhép chậm rãi nhai cơm trong lặng lẽ. Vi Tú vẫn như lệ thường, bưng tô cơm đến sát ti vi, vừa ăn vừa coi. Vi Khanh và Vi Tuấn bao giờ cũng ồn ào hơn cả. Họ cười nói, vung tay diễn tả. Họ đang tranh nhau kể thú vui hai ngày vừa qua: một là đánh bạc và coi shows trên Las Vegas. Một là trại sinh hoạt ngoài trời... Đến lúc Vi Khanh ra điều sành nghề, giải thích về nghệ thuật chơi bài cẩu thì Vi Tuấn gạt phắt đi:

— Bài bạc hay ho gì! Sao chẳng chọn những giải trí thanh nhã lành mạnh như cắm trại, tắm biển. Hoặc tham gia vào các hoạt động hữu ích cuối tuần như cứu trợ, gây quỹ hay văn nghệ cứu trẻ đói bên Phi Châu...

Vi Khanh quắc mắt lên hét to:

— Rởm. Rởm! Đừng đạo đức giả lên mặt thầy đời. Lúc mình đói rã bụng ra đấy, có ai cứu giúp cho không. Hay là tự phải tìm đường

sống còn lấy.

— Cũng lại giọng đó.

Tự nhiên Vi Tuấn bớt gay gắt lại. Nhưng Vi Khanh vẫn tiếp tục xỉa xói, coi mòi còn có vẻ chì chiết cay cú thêm nữa:

— Giọng nào?... Không có giọng này thì chưa chắc nên cơm cháo gì đâu... Mà còn bố tù đầy đấy. Sao chẳng cứu đi.

Đột nhiên có đôi đũa rơi mạnh xuống mặt bàn ăn. Vi Khanh Vi Tuấn ngưng ngang và nhìn sang bên cạnh. Vi Vân bỏ lại bát cơm còn nguyên, chạy vọt vào trong buồng. Họ đều ngạc nhiên.

Thường cứ xảy ra chuyện cải vã, bao giờ Vi Vân cũng lên tiếng ủng hộ lập trường của Vi Tuấn mà tấn công mình nhưng với lời lẽ nhẹ nhàng để can gián. Tại sao hôm nay nó lại tỏ thái độ kỳ lạ vậy?...Hay vì mình đã đề cập đến bố. Nghĩ thầm, Vi Khanh chợt cảm thấy hối hận, gượng gạo và tiếp miếng cơm.

Bữa cơm tự nhiên chìm vào lặng lẽ. Vi Tuấn còn có vẻ tức tối, bưng chén lại ngồi vừa ăn vừa xem Tivi với Vi Tú. Trên bàn chỉ còn lại mẹ và Vi Khanh.

Tưởng câu chuyện lời qua tiếng lại đó rồi sẽ loãng nhạt theo thời gian. Nhưng không. Tối thứ hai đi làm về, Vi Khanh vẫn thấy Vi Vân nằm lỳ trên giường. Hỏi Vi Tú mới biết Vi Vân bỏ cơm chiều và cũng không đi học.

Vào lại phòng thấy Vi Vân nằm bất động quay mặt khuất vách phía trong. Nhẹ nhàng đến bên, Vi Khanh đặt tay lên trán em thăm dò. Bình thường, không nóng cũng không lạnh và chẳng có mồ hôi.

— Em làm sao thế?

Không thấy trả lời, Vi Khanh ghé sát xuống mới nhìn rõ mặt em gái mình trong bóng tối nhờ nhờ của căn phòng. Vi Vân mắt vẫn mở nhưng đứng im bất động. Giật mình nàng sờ tay vào ngực em. Người vẫn nóng, tim vẫn đập.

Hoảng hốt, Vi Khanh ôm chầm lấy em và bật khóc, hét gọi Vi Tuấn.

Vi Vân được đưa vào bệnh viện cấp cứu.

Đến 11 giờ đêm khi Vi Tuấn chở mẹ vào, Vi Vân vừa được lấy máu xong và nhân viên trực đang đo tim cho cô. Vi Khanh thì ở ngoài phòng hành chánh lo thủ tục nhập viện.

Bà cụ đòi ở lại săn sóc Vi Vân. Dặn dò kỹ lưỡng xong, Vi Khanh và Vi Tuấn về nhà.

Sáng sớm hôm sau, ba chị em vào thăm. Bà cụ cho biết Vi Vân vẫn thế: Chẳng biết có ngủ hay không, đôi mắt vẫn mở bất động. Thể xác vẫn sống mà hồn phách bay bổng đâu đâu.

Chiều hôm ấy, Vi Khanh từ chối mọi hẹn hò mời mọc của bạn bè. Trước khi tan sở, nàng gọi điện thoại về nhà. Vi Tú cho biết

chưa có tin tức gì. Nàng lái xe thẳng đến bệnh viện.

Vi Vân đã được uống thuốc an thần và ngủ rồi nhưng các bác sĩ chuyên môn vẫn chưa biết cô bị bệnh gì. Vi Vân thiêm thiếp trên giường bệnh, khuôn mặt nhợt nhạt giữa màu trắng và ngọn đèn ống tỏa ra thứ ánh sáng xanh xao. Đứng lặng nhìn em, Vi Khanh khóc lặng lẽ dạt dào...

Bà cụ không chịu cho thay phiên, Vi Khanh đành quay về nhà. Và trước sự ngạc nhiên của hai đứa em trai, nàng lẳng lặng vào bếp nấu cơm, xào rau, nấu canh. Ăn uống và dọn dẹp xong xuôi, nàng vào phòng.

Tắm ra, cái mát mẻ không xoa dịu được nỗi buồn bã và ân hận trong lòng, Vi Khanh ngần ngại đứng giữa phòng. Trong ánh đèn ngủ vàng nhẹ, chiếc giường của Vi Vân kê sát trong vách đầy vẻ nhỏ nhoi tội nghiệp. Nàng bước lại gần, nhẹ nhàng sờ lên chiếc gối rồi ngả mình nằm xuống. Vi Khanh nghe như vẫn còn hơi ấm của em tỏa ra quanh mình...

Vùng trở dậy, và lần đầu tiên kể từ lâu lắm rồi, Vi Khanh tiến lại bàn bật đèn sáng lên. Lục ra một quyển vở còn mới nguyên, nàng bắt đầu viết.

*

Cả tuần sau bác sĩ vẫn chưa tìm ra bệnh trạng của Vi Vân. Cô chẳng thèm mở miệng nói một lời nào, cứ như người mất hồn. Tuy nhiên cô đã chịu ăn mà không còn mửa ra nữa. Được ngủ li bì vì thuốc an thần nên cô xem ra sắc diện đã hồng hào lại phần nào. Bệnh viện đành phải cho cô tạm về nhà, mỗi ba ngày lên khám một lần.

Tuần nữa đến lượt bà cụ bị cúm nặng. Vi Khanh tính lấy phép nghỉ thường niên ở nhà săn sóc cho cả mẹ lẫn em gái. Nhưng bà cụ nhất định không nghe.

— Mẹ đã nghỉ. Con cũng chẳng chịu đi làm nữa thì lấy tiền đâu tiêu pha cho cả nhà, tiền đâu lo thuốc men bệnh viện cho em Vân.

— Khổ quá. Con nghỉ phép thường niên có lương mà mẹ.

— Phải rồi. Nhưng ngày nghỉ được chọn trước từ đầu năm, con đã tiêu hết rồi. Bây giờ đột nhiên con xin nghỉ bù vào thường niên năm tới. Đúng lúc này việc làm đang xuống, lỡ họ vin cớ đuổi sở, có phải lâm nguy cho nhà mình không... Hai nữa, mẹ ốm nhưng còn cố lo công việc nhà được... Đừng nghỉ ngang như thế. Con mà mất sở bây giờ là hỏng cả.

Vào một buổi trưa, bà cụ nằm ngủ mê mệt. Tiếng kêu ú ớ của mẹ từ phòng bên vọng sang, bất giác Vi Vân sực tỉnh nghe thấy. Tiếng ú ớ của một người đang chới với trong cơn mơ gọi cứu.

Tự nhiên, Vi Vân trở dậy lần bước đi.Cô mới ra đến cửa phòng thì giọng ú ớ trong mơ của bà cụ chấm dứt bằng tiếng trở mình và ho khúng khắng. Vi Vân dừng chân lại nghe ngóng. Lát sau bà cụ lại ngủ yên tĩnh.

An tâm, Vi Vân định quay vào giường nhưng thấy đầu óc choáng váng và bước đi không thật.Cô buột tay vịn ở tủ áo, ngã ngồi xuống giữa phòng. Nhắm mắt lại mà vẫn có cảm giác quay cuồng, cô nhoài người quờ quạng tay nắm được cái chân bàn. Thế là từ từ cô lê lại gần và nhổm lên ngả người vào ghế, đầu gục xuống mặt bàn thở dốc.

Một lúc lâu, làn gió nhẹ từ cửa sổ len thoảng vào mơn man vuốt ve trên da mặt Vi Vân. Hơi thở dịu dần và cô bắt đầu tỉnh táo.

Thử cất đầu lên vẫn thấy còn hơi ngây ngất nhưng Vi Vân lại nhìn ra cuốn vở hồi nãy mình quơ tay hất rơi từ góc bàn xuống, nó đang nằm tênh hênh mở ra trên mặt thảm sàn với những hàng chữ chi chít. Định thần ngó kỹ lại, cô nhận ra đó là nét chữ chị mình viết.

Tò mò, Vi Vân nhặt cuốn vở lên giở lại từ trang đầu:

"14 tháng 03-1981

Sao bây giờ lòng tôi đầy những ân hận da diết. Vừa rồi nếu tôi không giở giọng đay nghiến độc ác ra thì em gái tôi đâu đến nỗi đau đớn mà phải ngã bệnh trầm kha như vậy. Mong nó sớm trở lại bình thường, để tôi khỏi bị dày vò dằn vặt. Tôi xin nguyện từ nay dứt khoát dẹp bỏ ám ảnh cũ.

Thực ra lâu nay quả tôi ấm ức mãi trong lòng về cái quyết định ấy. Tôi vẫn cho rằng mọi người trong gia đình mãi mãi bất công đối với sự hy sinh của tôi, với số phận hẩm hiu của tôi. Mặc dù từ ngày đó, mẹ cứ dần dần lún sâu vào còm cõi và câm nín (Mẹ ơi, có phải mẹ đã biết rõ chuyện ấy rồi?)

Còn lũ em tôi, hằng ngày thấy chúng nó nhởn nhơ phơn phởn ăn rồi học. Ban đầu tôi chỉ tủi thân và tự an ủi: mình là chị lớn, phải nên gánh lấy thiệt thòi thay cho các em. Nhưng về sau càng chứng kiến cảnh các em tôi vô tư sống, tôi lại càng băn khoăn: Đã chắc gì cái quyết định của tôi hồi ấy là hoàn toàn đúng? Và tôi lẩn thẩn tự trách: Gia đình, nhất là mấy đứa em, không hẳn chỉ nhờ vào sự hy sinh của tôi như một phương cách duy nhất để thoát khỏi cơn bĩ cực? Ai bảo tôi đã tự nguyện nhận lấy khổ nhục!

Rồi tôi như khám phá ra mình đã vô lý, thậm vô lý.

Hồi đó, bố đi tù cải tạo bần bặt tin tức. Ở nhà vốn liếng đã hết từ lâu, đồ đạc và mọi thứ thiết dụng cũng hao hụt gần hết mà từ mẹ đến thằng út Vi Tú, không ai có việc gì làm để khả dĩ kiếm ra một bữa đạm bạc cho năm miệng ăn. Phong trào mở hàng quán đã khiến cả nhà cố gắng dựng lên một túp lều bán cà phê nhưng cũng

lết lết từng ngày, bữa đói bữa không. Thế mà bọn phường khóm luôn đến quấy rầy đe dọa dẹp tiệm. Trong khi đó chỉ một mình Sáu Niên, bí thư quận, cứ âm thầm dai dẳng tới ngồi đồng ở quán hằng buổi.

Lúc đầu tôi đâu biết nhưng sau để ý, tôi thử nhiều lần: Có mặt hắn là tôi nhất định không thèm bưng cà phê ra, dặn Vi Vân nói tôi đi vắng, bảo mẹ là tôi bị bệnh... Và cuối cùng, nhìn thấy đôi mắt hắn sáng rỡ khi tôi xuất hiện, tôi hiểu...

Tôi thấu hiểu lòng hắn hơn nữa vì hắn chỉ lúng túng ngượng ngập trước mặt tôi, đối với riêng tôi mà thôi.

Một ngày kia, Sáu Niên rụt rè đưa cho tôi lá thư bố viết về. Lá thư chỉ là tờ giấy học trò xé làm đôi, bố từ một trại tù cải tạo miền tây bắc Bắc Việt viết về vẻn vẹn vài câu thăm hỏi như muốn ám chỉ cho gia đình biết là bố hãy còn sống, và kết luận bằng một toa kê khai những món quà cần gửi gấp cho bố. Tính nhẩm sơ qua, muốn mua đủ các món đó thì phải có món tiền trị giá một lượng vàng là ít.

Mẹ đọc xong lặng lẽ rót nước sôi vào ấm trà để tôi bưng ra cho khách. Biết làm sao hơn khi lợi tức mỗi ngày của quán cà phê chưa đủ tạo một bữa cơm no cho gia đình?

Một tuần rồi hai tuần lễ, mẹ vẫn chỉ lặng lẽ câm nín. Đến một buổi, uống cà phê xong trước khi ra về, Sáu Niên ân cần trao cho mẹ một phong bì dán kín bảo đưa lại tôi. Mở ra, tôi và mẹ đều sững sờ: Hai lá vàng in gợn hình trái núi óng ánh.

Sau cơn kinh ngạc, mẹ vẫn vúi đầu, lẳng lặng bỏ đi. Chỉ còn lại mình tôi ngẩn ngơ suy nghĩ.

Cả cái quận này có người dân nào mà không biết là Sáu Niên đã có vợ con chính thức đoàng hoàng. Chuyện này đổ bể ra ngoài thì hậu quả tai hại vô lường...

Qua một đêm trằn trọc, hai đêm, ba đêm rồi bốn đêm, ngày thứ năm, tôi tìm cách gặp riêng Sáu Niên:

— Đưa phong bì đó, ông ngụ ý gì?

— Tôi... chỉ là món quà tặng cô...

Hắn lắp bắp trả lời. Tôi thản nhiên tiếp:

— Tôi chỉ nhận khi tiền trao cháo múc.

Kể từ ngày ấy, tôi..."

Vi Vân không đọc tiếp được nữa, mắt cô đã nhòa lệ hồi nào không hay. Cô loạng choạng đứng lên... nhưng nghĩ sao, cô thận trọng xếp lại cuốn vở và đặt đúng vị trí trên bàn.

Quay sang giường mình, Vi Vân nằm vật ra. Nước mắt âm thầm cứ liên tiếp ứa trào những giọt lăn qua má. Và cùng lúc cô càng cảm thấy tâm thần bình tĩnh lại.

*

Tháng sau, Vi Vân đã hồi phục, bác sĩ vẫn cho nghỉ thêm tuần nữa tịnh dưỡng.

Một buổi trưa, ở nhà riêng mình vắng lặng, Vi Vân tay cầm cuốn truyện lững thững tản bộ qua công viên bên kia đường.Ngồi xuống ghế đá, giữa bầu không gian êm ả và thoáng mát của cỏ cây, Vi Vân giở sách ra và lại chìm ngay vào cuộc phiêu lưu của nhân vật Olivier do Charles Dickens viết...

Chẳng rõ bao lâu, một giọng nói nổi lên:

— A. Cô bé đây rồi!

Vi Vân ngửng lên thấy chàng trai đang hăm hở bước tới gần, chiếc xe hơi thể thao đen bóng vẫn đậu ngoài lề đường kia.

Đến trước mặt Vi Vân, anh ta dừng lại, hai tay chống nạnh và đầu hơi nghiêng sang một bên. Cặp lông mày vẫn đen rõ, cộng với hai quầng mắt và một bên mép hơi nhếch lên, trông nửa láu lỉnh nửa dí dỏm:

— Cả tháng rồi chưa gặp lại em.

Như chẳng để ý đến nụ cười không hở môi của Vi Vân sau khi nghe câu nói trên, anh ta chặc lưỡi và lắc nhẹ đầu:

— Lại đọc sách.

— Rồi sao?

Hết sức tự nhiên làm theo ý mình, chàng trai sà xuống ngồi cạnh Vi Vân. Giọng nói của anh ta nhẹ lại mơn trớn:

— Chắc em không bận chứ?

— Bận.

— Ồ. Thế chẳng phải em đang đợi anh sao?

— Không.

— Lần trước mình đã vui chơi với nhau. Ăn, uống, hút, hít... Cùng lũ bạn anh, tụi mình đã hứng thú, vui vầy thỏa thích. Em quên rồi à?

— Nhớ chứ.

— Vậy mình đi.

Nói xong, chàng trai đứng dậy và luôn tiện kéo tay Vi Vân nhưng cô đã giằng ra. Khựng lại, anh ta thoáng ngạc nhiên. Quay sang vẫn thấy nụ cười trên môi Vi Vân tươi tắn, anh ta yên trí:

— Kỳ này anh cho em thấy chúng ta có đủ mọi thứ. Tiền, kim cương hay xe hơi. Em muốn lấy gì tuỳ thích.

Vi Vân chậm rãi lắc đầu nhưng với nụ cười nở trên môi, thái độ cô có gì không ổn.

— Anh không tin.

Hai khóe miệng nhếch lên khiến đôi mắt như dài ra và hai quầng mắt như đậm sâu thêm, chàng trai nhỏ giọng thủ thỉ:

— Chả lẽ em không thích hút, hít và làm tình với anh như bữa trước.

"Bốp" một tiếng. Chàng trai giật mình ngã ngồi giữa nền sỏi lối đi. Đưa bàn tay trái lên sờ má, anh ta kinh ngạc, tròn mắt nhìn sững.

Trên miệng nụ cười biến mất tự hồi nào, đôi lông mày nhíu lại khiến cái nhìn của Vi Vân lộ vẻ giận dữ pha lẫn nghiêm khắc.

Một lúc im lặng trôi qua. Từ mặt hồ làn gió nhẹ thoảng tới.

Khuôn mặt Vi Vân bình thường lại. Nhưng hai người vẫn nhìn nhau... Chàng trai từ từ đứng dậy.

— Em làm sao thế?

Giọng anh ta êm dịu vuốt ve.Vi Vân lắc đầu.

— Không buồn anh chứ?

Cúi xuống nhặt chiếc giày của mình, Vi Vân gằn rõ từng tiếng nói:

— Anh đi đi. Vui chơi với lũ bạn anh và đừng trở lại đây nữa.

Ngoẹo đầu, chàng trai đưa hai tay ra phân trần:

— Em không thích thì thôi. Việc gì...

Vụt đứng lên, Vi Vân vung chiếc giày và bước tới:

— Rời khỏi đây ngay!

— Được. Được rồi... Đi thì đi...

Chàng trai lắp bắp nói và lùi dần. Tới một quãng xa, anh ta mới dám quay lưng bỏ ra xe một nước.

Rõi theo chiếc xe hơi thể thao đen bóng phóng đi mất hút, Vi Vân thở ra một hơi dài.

Thả chiếc giày xuống, nhặt cuốn sách lên Vi Vân ngồi lại ghế đá. Cô nhìn quanh: Đàn vịt Tầu, trắng khoang đen hay nâu viền cổ trắng, vẫn nhởn nhơ bơi lội. Đám lá xanh nõn vẫn ửng vàng lung linh dưới vạt nắng trưa và hơi gió thoảng lan khoảng khoát.

Nghiêng đầu trên cuốn sách đã mở ra sẵn sàng, Vi Vân tiếp tục đọc truyện.

Phạm Quốc Bảo

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU
Diplomate, American Board of Ophthalmology
Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens
Làm việc theo hẹn
Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm
9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683
(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)
(714) 531-9401

Đặng Phùng Quân

Sinh nhật

Em hãy thắp nụ hôn đầu sinh nhật
Khi vũng đời còn lầy lội đơn côi
Mặt trăng sầu giăng toả kín tuổi tôi
Thời sáng ký, ngày võ vàng mộng mị

Khung kỷ niệm đuổi xua tuần ẩn mật
Xiêm y ngời em ngủ giữa cô liêu
Thân hoá thạch trên đền đài hữu thể
Viết cho nàng trang sách mới tình yêu

Hãy quên hãy quên chiều qua bóng tối
Xác thịt nhiệm mầu đậu xuống hồn em
Giọt sương nhũ kết thành lăng tưởng mộ
Ngỡ một vùng trời bia đá gọi tên

Thuở cung kiếm vạch ngang sơn hà đó
Lịch sử đời chia như chuyện mây mưa
Vai tóc xõa lời thề nguyền tống biệt
Có kẻ lên đường, có kẻ tiễn đưa

Em hãy thắp nụ hôn đầu sinh nhật
Viết trở về nguồn hoang phế kiếp xưa
Khung kỷ niệm ôm vòng tay siêu việt
Không, một lần không —
hư vô bất tuyệt.

Tháng 8.86.

Cung Tiến

*Hòa âm và âm nhạc Tây phương thế kỷ XX—(kỳ một)**

5

Nếu quan niệm không gian âm nhạc như không gian Newton, chỉ có ba chiều, thì hòa âm là chiều thứ ba, ngoài giai điệu và nhịp tiết: giai điệu là mặt nổi của một khúc nhạc, được nhịp tiết đẩy tới trong thời gian; còn hòa âm là mặt chìm, là chiều sâu, chuyển động theo nhịp của chính nó (thường gọi là nhịp hòa âm). Trong âm nhạc Tây phương thế kỷ XX, hòa âm cũng đã có những thay đổi vô cùng cơ bản so với các thế kỷ trước.

Được dịch từ các chữ Tây phương, có gốc Hy-Lạp là *harmonia* (33), hòa âm như ta hiểu ngày nay thường mang định nghĩa kỹ thuật này: cách phối hợp những nốt nhạc cho phát ra cùng một lúc để tạo những "âm hưởng dọc", *vertical sonorities,* và liên tiếp trong thời gian để tạo bước diễn tiến của những âm hưởng đó. Hòa âm cũng còn mang một định nghĩa nội hàm, là: hệ thống những nguyên tắc qui định, hướng dẫn cách phối hợp các nốt nhạc theo chiều dọc, và khai triển các tập hợp âm thanh đó theo chiều ngang, đặc biệt là hệ thống "hòa âm có chủ âm", *tonal harmony* (còn gọi là "hòa âm có chức năng", *functional harmony),* của thời Cổ điển/Lãng mạn Âu châu. Ở đây, khi xét đến quá trình tiến hóa của hòa âm Tây phương, tôi muốn trở về nghĩa hẹp này của từ đó. Nhưng trước khi bàn đến hòa âm hiện đại, và để nhận diện được rõ hơn những thay đổi cơ bản của nó, thiết tưởng ta cũng nên làm

---

** Bài này được khai triển thêm, tiếp theo loạt bài có nhan đề chung " Chất liệu và kỹ thuật tạo thanh mới trong âm nhạc Tây phương hiện đại", đã được đăng trên Văn Học Nghệ Thuật, bộ mới, số 5 (tháng 9.1985), số 6(10.1985) và số 8,9 (12.1985,1.1986), tiền thân của tạp chí này.*

một "flashback" dưới đây, để phác họa quan niệm đa thanh *(polyphony)* nói chung, và nguồn gốc của hòa âm Tây phương nói riêng.

Đa thanh — Dị thanh

Đa thanh và hòa âm — trong nghĩa thật rộng, thật "ngoại diên" của từ ngữ — không hề là đặc quyền của Tây phương trung cổ hay hiện đại: đó là một nhận định đã được nhắc đi lặp lại nhiều lần kể từ khi cuốn sách cổ điển của Curt Sachs, nhà nhạc sử và dân-tộc nhạc-học tiền bối (1881-1959), được xuất bản đã gần nửa thế kỷ nay, *Khởi nguyên của âm nhạc trong đời thượng cổ Đông và Tây* (34). Bằng những biện cứ hùng hồn dựa trên dẫn chứng nhạc hay tài liệu và hình ảnh lịch sử liên quan đến công trình tạo nhạc âm của những nền văn minh cổ đại Đông phương và Tây phương, kể cả những "chứng liệu sống" là các dân tộc "bán khai" hiện nay tại Phi châu và các quần đảo Thái bình dương, ông kết luận: "Không một lục địa nào, không một quần đảo nào lại thiếu vắng những hình thái sơ đẳng của (nhạc) đa thanh" (35).

Hiện tượng đồng thời *(simultaneity)* của âm thanh thì đầy rẫy trong thiên nhiên, và hẳn đã được quan sát và nhận thức từ buổi bình minh của nhân loại. Hãy đưa trí tưởng tượng về một buổi sáng Việt nam "thơ mộng" nơi đồng dã, lúc chim thức giấc líu lo, láy rền, tiếng ong bay đi kiếm nhụy hoa làm mật, đồng thời vẳng lại từ phía xa nào đó tiếng suối thì thầm reo, và rừng cây vi vút gió, lá xào xạc dưới chân thú rừng... Kịp đến khi đã ổn cư, thì bức họa đồng quê Việt nam bằng âm thanh đó lại điểm thêm những tiếng tát nước, đập lúa, giã gạo, và những tiếng sáo mục đồng, tiếng hò kéo gỗ, chèo ghe, những tiếng hát quay tơ, dệt vải... Rồi trai gái tỏ tình trong những khúc "hát lượn" miền Bắc, "hát huê tình" miền Nam: tiếng của người con trai cất lên trước, của người con gái cất lên sau, và một tình cờ thần tiên nào đó khiến hai tiếng hát ấy bắt gặp nhau ở trên không, đan lồng vào nhau, hòa hợp với nhau, giao thoa nhau ở một khoảnh khắc nào trong không gian âm nhạc: có thể kể đó là trạng thái "song thanh" *(diaphonia)* đầu tiên, đơn sơ mà tình tứ nhất, của loài người vậy.

Tôi còn nghĩ đến những khúc hò mái đoản và hò mái trường nghe trên sông nước miền Nam ta: trong lúc giọng hò của "cái kể" chưa dứt, thì giọng hò của "con xô" đã cất lên để *cố tình lồng vào giọng trước,* khiến tạo nên, trong khoảnh khắc, ở các phách nhịp cuối mỗi "lớp mái" và đầu "lớp trống", các chùm âm hai nốt nhạc kề má nhau ở quãng hai, có khi ở quãng ba hay sáu, và có khi ở quãng bốn hay năm, như thí dụ 29 dưới đây (36):

Thí dụ 29: HÒ MÁI ĐOẢN BẾN TRE — Theo Lư Nhất Vũ và Lê Giang

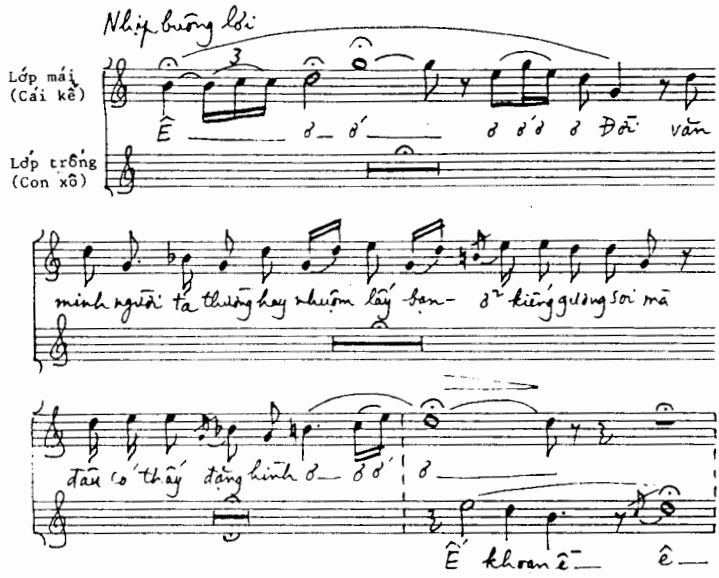

Nếu theo định nghĩa "dị thanh" *(heterophony)* của Curt Sachs, là "mọi loại biểu diễn (nhạc) có bè, phó mặc cho truyền thống và tùy ứng: (một thứ) đối-điểm tức-hứng thay vì được tác-tạo" (37) — nghĩa là thể nhạc trong đó những phối hợp chiều dọc kết tụ tình cờ khi các người biểu diễn có ý định hát, hay tấu, cùng một giai điệu của một khúc nhạc nhưng lại không theo đồng âm *(unison),* và đôi khi cũng không hoàn toàn theo đúng giai điệu ấy, mà còn thêm thắt, tô điểm một vài nốt —, thì nhạc dị thanh cổ truyền của ta cũng đã được thể hiện trong thanh-nhạc cũng như khí-nhạc. Thanh-nhạc, qua những khúc dân ca nhiều bè của các đồng bào thiểu số (Thái, Mèo); khí-nhạc, qua những tấu khúc cho các ban đại nhạc, nhã nhạc, ngũ tuyệt, v.v..., với nhiều nhạc khí khác nhau, đủ loại: từ phong-/ huyền-/ bì- đến bản-thanh (38). Các giai điệu trong khí-nhạc dị thanh này cũng được "đồng bộ hóa", dù không được viết xuống: ở các phách mạnh thì tấu hoặc đồng âm hoặc quãng tám, ở các phách yếu thì tấu bất cứ nốt nào trong thang âm điệu thức *(modal scale)* được sử dụng lúc ấy.

Những biểu thị đa thanh khác của Việt Nam là hát đúm, hát giặm, hát đối *(antiphonal), hát đuổi, bắt (canon).* Mặc dù không hội đủ một số đặc tính và yếu tố nào đó để có được tư cách một định nghĩa chặt chẽ Tây phương, và nói thế có thể làm phật lòng

một số nhà mô phạm khó tính, nhưng chúng chính là một thứ "đối điểm" vậy. Cũng "đối điểm" như những khúc hợp xướng nhiều bè của các dân tộc Thái bình dương hay Phi châu. Thí dụ sau đây, trích đoạn mở đầu một khúc *canon* hai giọng nữ, với hai giọng nam phụ họa bằng một "âm nền kép" *(double pedal points)* do quãng năm lập thành, của thổ dân đảo Flores ở Mã-lai-á (39), cho thấy một phối hợp tinh xảo "bất ngờ" (thí dụ 30):

Thí dụ 30: HỢP XƯỚNG CỦA ĐẢO FLORES (Mã-lai) Theo Jaap Kunst

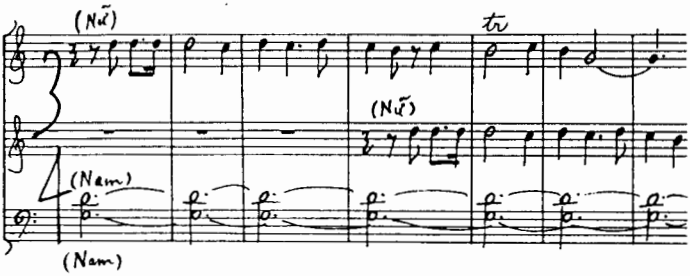

Tóm lại, mặc dù ý thức về đa thanh và dị thanh của các dân tộc ngoài Tây Âu đã không đưa họ tới được chiều thứ ba trong không âm gian âm nhạc, và dường như không tạo được một bối cảnh, một không khí xúc cảm riêng biệt, nhưng cũng đã khiến họ sử dụng một số những kỹ thuật "đối điểm" thô sơ, cũng như những thuận âm tự nhiên nhất và phổ biến nhất của loài người là quãng tám, bốn, và năm. Thế nhưng, nếu như các loại âm nhạc đa/dị thanh vừa nói lướt ở trên đã dường như chỉ được biểu diễn một cách tùy ứng và không được ghi chép lại, thì nhạc đa thanh Tây phương là thể loại duy nhất trên thế giới đã được quan niệm và thực hành một cách có ý thức, hình thành trên cơ sở "khoa học" (40), và được ghi chép xuống để mỗi ngày mỗi tránh được tính cách tùy ứng hay ngẫu hứng.

Quan niệm về đa thanh và về công trình ghi chép, cả tiếng nhạc lẫn cách thức tiết tấu, đã là hai diễn tiến song song, ăn khớp với nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Quả vậy, hai hiện tượng có ý nghĩa lớn nhất trong suốt cả lịch sử âm nhạc Tây phương đã là: sự phát triển chậm chạp, dò dẫm qua sáu thế kỷ (X đến XVI), được một hệ thống ký âm có khả năng và uyển chuyển như ta thấy ngày nay (41), và kỹ thuật soạn nhạc nhiều giọng hay bè, với những tương quan chiều ngang cũng như chiều dọc được đưa từ tình trạng lỏng lẻo, tùy ứng và ngẫu hứng nhất ở thế kỷ X và XI, cho đến khi được hệ thống hóa với những qui luật đối điểm vô cùng chặt chẽ và phức tạp ở thế kỷ XVI — "Thời Hoàng Kim" của nhạc đa thanh Âu châu.

Tuy nhiên, ý thức về tác dụng của những âm hưởng dọc, lối *nghĩ* và *viết* dọc (làm diễn tiến những cột hợp âm) đã chỉ đến sau nhiều thế kỷ dò dẫm, và là hậu quả của ý thức về âm hưởng ngang, của lối nghĩ và viết ngang (chuyển động của những hàng giai điệu chồng lớp lên nhau). Rõ hơn, hòa âm như ta hiểu ngày nay chỉ trở nên một thực tế khi: (a) nó đã lấy hợp âm *(chord)* thay thế Quãng *(interval)* làm yếu tố kiến trúc; (b) hợp âm bộ ba *(triad)* đã thành hình và được coi là hợp âm quan trọng hơn cả; (c) điệu trưởng/thứ *(major/minor modes)* đã thắng thế các điệu trung cổ *(medieval modes);* và (d) "điệu thức", *modality,* đã nhường vai trò chỉ đạo cho "chủ âm thức", *tonality,* trong quá trình sản xuất nhạc âm. Để soi sáng bốn sự việc có tác dụng tương hỗ này, dưới đây là một sơ phác rất "chấm phá" về bước diễn tiến của nhạc đa thanh và hòa âm Tây phương.

Bình ca — Đối điểm

Nhạc nghệ thuật Tây Âu (để phân biệt với nhạc dân gian, hay dân ca) xuất phát từ hai nguồn chính: nhạc đạo, và nhạc đời. Cả hai đều có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của hệ thống hòa âm Tây phương.

Dòng sông cuốn tới nhiều phù sa màu mỡ nhất cho lý thuyết nhạc đa thanh Tây Âu sau này là nhạc đạo, mang tên "bình ca", *plainchants,* của Giáo hội Cơ-đốc La-tinh. Thoát thai từ nhạc tụng niệm hêbrơ thời Cổ đại (từ Jêruxalem và Xyria) và từ những ca khúc dân gian sau này tại các địa phương dưới ảnh hưởng của Giáo hội miền Tây, bởi những tác giả vô danh, bình ca được nảy nở từ những năm sớm nhất của kỷ nguyên công lịch, mỗi năm mỗi rực rỡ, và bừng rộ vào thế kỷ VII ("Thời Hoàng Kim" của bình ca), và, do một sắc lệnh năm 1903 của Giáo hoàng Pius X, đã trở thành nhạc phụng vụ chính thức, đến nay vẫn còn nghe thấy trong các tu viện và giáo đường Thiên chúa giáo (42).

Đó là những mẩu đơn điệu ngắn, duy cho giọng hát nam — tuyệt đối không nhạc đệm và tuyệt đối không giọng nữ —, có âm vực hay phạm vi cao độ *(ambitus)* rất giới hạn trên thanh âm — nói chung, lối quãng tám —, và, như tên gọi gợi ý, có chuyển động rất bằng phẳng, bình lặng, tạo một không khí dường như không xúc cảm: lên xuống phần lớn theo từng bậc, hoặc quãng ba, quãng tư, và mang nhịp tiết rất tự do, có đơn vị thời khoảng duy nhất (nghĩa là không có nốt dài, nốt ngắn). Chức năng của bình ca là lấy tiếng nhạc chuyên chở văn bản của nghi lễ giáo đường La-mã — ca tụng Chúa *(Psalms, Hymns),* cầu nguyện Chúa *(Prayers),* hay đọc Phúc âm —, vì như thế văn bản ấy nghe trang nghiêm hơn là nếu chỉ dùng tiếng nói trơn, "phàm trần" (43).

Bình ca đã được hát theo "điệu" nào, thang âm nào? Hay đúng hơn, câu hỏi phải đặt ngược lại: "Thang âm trừu tượng/ lý thuyết nào thích hợp với những khúc bình ca cụ thể, đã có trong thực tế?" (bởi lẽ nguyên tắc cơ bản trong sự phát triển âm nhạc, của bất cứ nền văn hóa nào, nguyên thủy cũng là: ca nhạc có trước, lý thuyết đến sau). Để phân loại những mẫu đơn điệu truyền khẩu có nhiều nguồn gốc khác nhau, từ Cận đông đến Địa Trung Hải, mang nhiều làn nét giai điệu khác nhau đó, các tu sĩ/ lý thuyết gia trong các thế kỷ IX-XI đã xếp chúng vào một hệ thống khép kín gồm tám "điệu", *modes,* thường gọi là "điệu thức Giáo hội" hay "nhà thờ"; *Ecclesiastical/ Church modes.* Chúng thuộc loại các âm giai Tây phương bảy nốt, *heptatonic,* cũng gọi là âm giai nguyên, *diatonic,* nghĩa là thang âm mà quãng tám của bất cứ một nốt nào trong đó (hay khoảng cách cao độ âm thanh giữa một nốt nhạc có tần số x và một nốt khác có tần số $2x$, hay ngược lại) cũng phải gồm có năm nguyên cung và hai bán cung — như đã sắp xếp trên những phím trắng của đàn pianô. Hệ thống thang âm trung cổ này là kết quả của một tổng hợp giữa (a) những đặc tính giai điệu của chính kho tàng bình ca đa dạng, đa nguyên, đã nói; (b) lý thuyết về "tám loại điệu hát", *oktòèchos,* của Giáo hội Thiên chúa miền Đông bắt nguồn từ văn hóa Byzantin; và (c) mô thức "tứ huyền", hay những chuỗi-bốn-âm, *tetrachords,* xây thành thang âm hai-quãng-tám của Cổ Hy-lạp (44).

Dù nguyên ủy thế nào chăng nữa (45) thì khúc bình ca nào cũng đã được "nhốt" vào một trong tám điệu trung cổ sau đây, tùy theo "kết âm", *finalis* (nghĩa là âm chấm dứt thông thường của khúc hát) và tùy theo "âm vực", *ambitus,* của nó (thí dụ 31):

Thí dụ 31: TÁM ĐIỆU NHÀ THỜ TRUNG CỔ

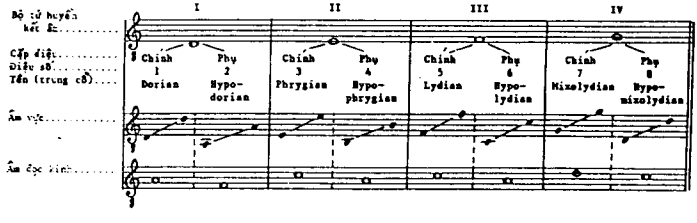

(Thí dụ trên còn cho thấy vị trí của "âm đọc kinh", *Psalm tone/ tenor,* của mỗi điệu. Đôi khi, trong một khúc bình ca, âm này được lặp lại nhiều lần, khiến người nghe có cảm tưởng như nó là âm kết, nên còn có tên là "đồng kết âm", *confinalis.* Các sách nhạc sử cũng gọi nó là "âm át", *dominant.* Cũng đừng nhầm nó với âm át trong hệ thống hòa âm sau này của thế kỷ XVIII-XIX, sẽ bàn đến sau, là bậc thứ năm của mỗi thang âm trưởng/thứ).

Thế rồi, để tăng thêm nữa phần trọng thể cho các buổi lễ, nhất là vào các dịp *"lễ trọng"* như Giáng sinh, Phục sinh, ca trưởng *(cantor)* của các tu viện thời Trung cổ chẳng những đã tự ý thêm thắt cả lời mới lẫn nhạc mới (gọi là *trope,* "ca chuyển bản", và *sequence,* "ca tiếp liên") vào kho bình ca tiêu chuẩn của phụng vụ, mà còn "tô điểm, trang trí" các đơn điệu bình ca có sẵn, làm cho chúng nghe "giòn" hơn, có âm hưởng hơn, bằng cách soạn thêm một hay nhiều bè *để hát đồng thời với khúc bình ca ấy:* đây chính là lúc phôi thai của nhạc đa thanh *được viết xuống* của Tây phương vậy. Chứng tích sớm nhất của nó, nhạc đa thanh, được ghi trong một tài liệu viết tay hiện có, *Musica Enchirias,* "Âm nhạc chỉ nam" (46). Đây là cuốn sách ghi chép lại (47) cách soạn một *organum,* "khúc hát bè", nghĩa là phối hợp một đơn điệu bình ca có sẵn, coi đó là "giọng chính", *vox organalis.* Đơn giản nhất và cũng sớm nhất (khoảng 850) là hát hai giọng song song, nốt-đối-nốt, chuyển động đồng nhịp, giọng chính nằm trên, cách giọng bè một quãng năm hay bốn dưới (cả hai phải là "quãng đúng"). Một hay cả hai bè có thể được khuếch đại bằng một/hai giọng khác nữa ở quãng tám, lập thành hợp xướng khúc ba/bốn bè. Thí dụ 32 sau đây, hát bè quãng bốn, được lấy ra từ *Enchirias:*

Thí dụ 32: HÁT BÈ QUÃNG BỐN THEO "MUSICA ENCHIRIAS"

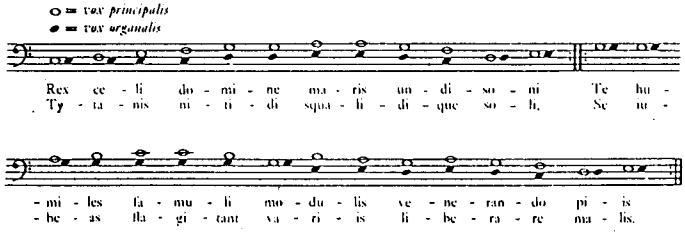

(Hỡi Chúa trên trời, Chúa của biển gầm,
Của mặt trời sáng, và của đất hoang,
Bầy tôi hèn mọn của Ngài, khi thờ phượng
Ngài bằng những khúc ca sùng kính,
Khẩn cầu Ngài giải thoát họ khỏi muôn vàn bất hạnh.)

(Thí dụ trên là kiểu hát bè quãng bốn tự do, vì hai giọng song ca không hoàn toàn theo chuyển động song song từ đầu đến cuối).

Từ đó đến thế kỷ XV, nhạc đa thanh sớm này liên tục trải qua nhiều chặng tiến hóa, lột xác, biến thể, và cải danh. Chẳng hạn, giọng chính về sau được cho nằm dưới và đổi tên là "giọng ngân",

tenor, vì là giọng phải hát ngân dài, hay giữ lâu, từng nốt của khúc bình ca có sẵn, được coi là nền tảng cho (các) giọng bè được xây (từng lớp) ở trên đó. Nếu giọng bè này được bện thành một vòng hoa giai điệu mới để choàng lên khúc bình ca nghi lễ kia (theo kiểu hát chuỗi-đối-nốt) thì thể loại này được đặt tên là "hát bè hoa mỹ", *florid organum*, còn gọi là "hát bè theo chuỗi luyến láy", *melismatic organum*, đặc biệt là khi văn bản của khúc tình ca là các công thức xưng tụng Chúa, như *Alleluia*, "Hãy ngợi ca Yêhôva", hoặc *Benidicamus Domino*, "Hãy chúc tụng Chúa" thí dụ (33) :

Thí dụ 33: HÁT BÈ HOA MỸ
(Theo bản viết tay "Calixtinus",
trong tu viện Compostela, Tây-ban-nha,
giữa thế kỷ XII)

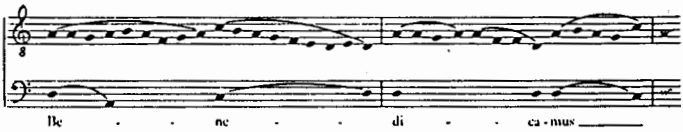

Còn nếu giọng bè ở trên lại vẫn hát đối nhau từng nốt (hoặc có thể chuỗi-đối-chuỗi) với giọng ngân nga khúc bình ca ở dưới, nhưng không theo các quãng song song cố định bốn/năm/tám như hồi đầu nữa mà dùng nhiều quãng biến đổi khác như hai/ba/sáu..., và theo các kiểu chuyển động *(motions)* khác nhau như "không cân xứng", "ngược chiều", và "đồng dạng" (48), thì kiểu hát bè này được gọi là "ca đối điệu", *discantus (discant/déchant)*, vì giọng phụ hát đối lại từng nốt đồng thời với giọng chính hát ca khúc *(cantus)*.

Thế rồi, để đồng bộ hóa các bè hợp xướng đặng khi cùng hát khỏi "so le", nhạc có nhịp *(musica mensurata)* đã ra đời khoảng cuối thế kỷ XII, cùng với cách ký âm (của Franco de Cologne) cho thấy rõ thời khoảng ngắn, dài nhất định của nốt nhạc. Mới đầu nhịp đó duy đã chỉ là nhịp ba *(ternary rhythm/meter)* do đóng góp lý thuyết của trường phái Notre Dame de Paris với Léonin (hậu bán t.k. XII) và Pérotin (1160-1220), hai đại diện chính của phong trào "Nghệ thuật cổ", *Ars antique*, sau được bổ túc thêm nhịp hai *(binary)* bởi trường phái "Nghệ thuật mới", *Ars nova*, cũng ở Pháp, với Jean de Muris (chết kh. 1351) và Philippe de Vitry (1291-1361).

Tất cả những phát triển vừa nói trên đây — hát bè hoa mỹ, *discantus*, chuyển động độc lập của các bè hợp xướng, sử dụng các quãng ngoài quãng thuận, và sự ra đời của nhịp thước cũng như trường canh *(measure)* — đã là những gạch vữa để xây dựng một kiến trúc âm thanh mới của nhạc đa thanh Tây phương từ thế kỷ

XIV đến XVI: "nhạc đối điểm", *contrapunctus* (chữ tắt của *punctus contra punctum*, "điểm-đối-điểm"), cũng gọi là "nốt-đối-nốt", *nota contra notam*. Thoát thai từ thể loại *discantus* nói trên, đó là kỹ thuật soạn hợp xướng, mới đầu hai, sau ba, bốn bè hay nhiều hơn (thí dụ tám bè cho một ban hợp xướng kép) theo một hệ thống qui luật mỗi ngày một chặt chẽ. Các đặc tính chủ yếu của đối điểm là: các bè hợp xướng phải được soạn cách nào để khi hát lên nghe như các giai điệu riêng biệt, độc lập với nhau về chuyển động chiều ngang, nhưng lại có quan hệ nhất định với nhau ở chiều dọc, đặc biệt là phải cho thấy rõ tương phản giữa các "thuận âm hoàn toàn" *(perfect consonances,* là các quãng đồng âm, bốn, năm, và tám) và các "thuận âm bất toàn" *(imperfect consonances,* quãng ba và sáu). Nếu đơn giản hóa tối đa, thì kỹ thuật soạn đối điểm hồi đầu có thể tóm tắt như sau: lấy một giai điệu có sẵn nào đó, thí dụ một khúc bình ca, chọn một loại nhịp nào đó, rồi viết thêm một, hai, hay ba bè ở trên và dưới giai điệu đó, kế tiếp từ bè nọ đến bè kia (cho nên gọi là "đối điểm kế tiếp", *successive counter-point); ở* lúc mở đầu và chấm dứt khúc hợp xướng thì mỗi giọng bè phải lập với giọng chính (giai điệu) những quãng thuận âm hoàn toàn, còn ở giữa thì cho các thuận âm hoàn toàn, bất toàn, và (đôi khi) nghịch âm xen kẽ với nhau. Kỹ thuật đối điểm đơn sơ này về sau được các nhà soạn nhạc biến hóa tinh xảo hơn, và được các nhà lý thuyết thời Phục hưng ở Ý như Joannes Tinctoris (kh. 1435-1511), Franchino Gafori (1451-1522), Pietro Aron (kh. 1470-1545), và nhất là Gioseffo Zarlino (1517-1590), hệ thống hóa thành một nghệ thuật đa thanh vô cùng phức tạp, với những kỹ thuật đặc biệt như "phỏng mẫu", *imitation;* nhiều loại hát "đuổi, bắt", *canons;* và *fuga,* là loại nhạc đối điểm phỏng mẫu tối hậu và viên mãn nhất, được J.S. Bach (1685-1759) đưa đến chỗ tuyệt đỉnh của nghệ thuật đa thanh, vô tiền khoáng hậu trong lịch sử âm nhạc Tây phương.

Cung Tiến

***(Kỳ tới:** Hai sắc hoa bi hoan — Hợp âm "Ba Ngôi" — Hòa âm và đối điểm trong nhạc Tây phương hiện đại).*

Ghi Chú

(33) *Tưởng cũng nên mở một ngoặc ở đây để lưu ý người đọc rằng quan niệm về "hòa âm" trong các nền văn minh lớn thời xưa đã không liên hệ gì đến nghệ thuật hòa âm như ta sắp định nghĩa, mà đã dính liền với một vũ trụ luận thô sơ, theo đó thì vũ trụ không phải là hỗn mang, mà có trật tự, có "hòa hợp". Sự hòa hợp này được phản ánh trong âm nhạc. Ta đều biết nhạc và lễ đã được coi trọng thế nào tại Cổ Trung hoa. Tính "thần diệu" và khả năng "điều hòa" của nhạc trong màng lưới quan hệ giữa bộ ba Thiên—Địa—Nhân đã được Tư-mã Thiên (163-85 tr.CN) nhắc đến nhiều trong* Sử ký: *nhạc tương ứng với Trời, lễ tương ứng với Đất; "đại nhạc" có thể tạo được sự hài hòa giữa Trời và Đất, và do đó giữa Người với Người và với muôn vật, v.v...*

Tại Cổ Hy-lạp, cũng như Trung cổ Âu châu sau này, "hòa âm học", harmonics, *được coi là một môn khoa học vật lý nghiên cứu âm thanh, và cùng với hình học, số học, và thiên văn (tạo thành "Tứ đạo",* Quadrivium) *là bốn môn toán học bắt buộc trong giáo dục, và cộng với ngữ pháp, luận lý, và tu từ học (gọi là "Tam đạo",* Trivium) *để làm thành bảy môn "khoa học nhân văn". Pythagoras (thế kỷ VI tr.CN) đã dùng nó để tìm hiểu thế giới hiện tượng, nhất là thế giới thiên văn, được "tiết lộ" qua những sự kiện âm học và biểu diễn bằng những tỷ lệ số học đơn giản. Theo ông và trường phái ông (mà ảnh hưởng còn kéo dài tới thời Trung cổ Thiên chúa giáo), nếu những thiên thể chuyển động đều đặn, "hòa hợp", có trật tự như thế, thì ắt chúng đã phải chịu sự chi phối của cùng một qui luật chi phối âm thanh, là luật mà ta có thể quan sát và mô tả bằng thí nghiệm và suy luận toán học, nhất là các quãng lập thành các thuận âm* (consonances) *như quãng tám, năm, và bốn (tỷ lệ 1:2, 2:3, và 3:4) (coi thêm chú thích 40 dưới đây). Hơn nữa, các tỷ lệ này mang các chữ số đầu của bộ đếm, là các số nguyên nhỏ, và lại nằm trong "bộ bốn"* (tetraktys) *nổi tiếng, tạo thành cấp số cộng đầu tiên là 1, 2, 3, 4! Bốn con số này mang những tương quan số học mà người xưa cho là "kỳ diệu" (như 1/2: 2/4; 3-2: 2-1; 1-3: 2-2; và 1-2-3-4: 10, nghĩa là trở lại đơn vị), và chính con số "4" cũng là con số "huyền diệu" nữa (cũng như với Trung quốc thời xưa), như: bốn cạnh hình vuông; bốn mùa; bốn hướng; bốn tính tốt là công bình — thận trọng — chịu đựng — điều độ; bốn nguyên tố là đất — nước — không khí — lửa (so với các bộ bốn của Trung hoa: tứ giác; tứ thời; tứ phương, tứ đức là hiếu—để—trung—tín, hay công—dung-ngôn—hạnh; và tứ duy là lễ—nghĩa—liêm-sỉ; nhưng... ngũ hành là kim—mộc—thủy—hỏa—thổ), v.v. Cho nên không phải tình cờ mà hệ thống thang âm lý thuyết của Cổ Hy-lạp đã được xây trên "tứ huyền", hay chuỗi-bốn-âm* (tetrachord) *của*

Pythagoras, đi từ cao xuống thấp, lập thành phạm vi của quãng bốn đúng, là nguyên cung — nguyên cung — bán cung; và bốn chuỗi như vậy tạo nên thang âm hai-quãng-tám phân-biệt, gọi là "Đại hệ thống toàn hảo": la—sol—fa—mi/mi—ré—do—si//la—sol—fa—mi/mi—ré—do—si. *Như ta sẽ thấy trong bài này, thang âm này đã là căn bản lý thuyết cho các điệu nhà thờ Trung cổ Âu châu, và từ đó cho nghệ thuật hòa âm Tây phương trong suốt năm thế kỷ nay. Về liên hệ giữa những con số và âm nhạc, nhất là luật về âm tiết* (accents), *coi lập luận của Thánh Augustine (354-430) trong* St. Augustine's De Musica: A Synopsis *của W.F. Jackson Knight (Hyperion Press, Inc., Westport, Conn., 1979). Về hệ thống thang âm của Cổ Hy-lạp, coi Curt Sachs, sách dẫn ở chú thích 34 dưới đây, tr. 222-238.*

(34) The Rise of Music in Ancient World, East and West *(W.W. Norton & Co., New York, 1943).*

(35) *Sách dẫn trên, tr. 48.*

(36) *Thí dụ này được trích đoạn từ hai khúc hò Bến Tre, do cặp Lư Nhất Vũ và Lê Giang sưu tầm và ký âm, trong* Tìm hiểu dân ca Nam bộ *(Saigon, 1983), tr. 32-42.*

(37) The Wellsprings of Music *(Martinus Nijhoff, The Hague, 1961), tr. 191. "Đối-điểm tức-hứng", hay* contrappunto alla mente, *là lối hát bè ứng khẩu; còn "tác-tạo",* res facta, *là khi các bè đều được soạn và viết ra. (Thuật ngữ của thời Trung cổ và Phục hưng).*

(38) *Tạm dịch từ các chữ* aerophones/chordophones/membranophones/ *và* idiophones. *Thuộc loại thứ nhất, của ta, là những nhạc cụ thổi, như sáo, địch, kèn; thuộc loại hai, là những đàn dây, như độc huyền, tam huyền, đàn nguyệt, tỳ bà, tranh, nhị...; loại ba, gồm những nhạc cụ mà tác-nhân tạo-âm là da thú phơi khô và căng thẳng, như bồng, trống nhạc, trống cơm, tiểu cổ, đại cổ...; và loại chót, gồm những nhạc cụ làm bằng chất đàn hồi (kim khí, gỗ) tự nó có thể tạo âm, như sênh, sênh tiền, chuông, chiêng, la, chũm chọe, v.v. (Lối phân loại tổng quát này, hiện đã được hầu hết trong giới văn học và nhạc-sử học thừa nhận, đã do Curt Sachs với E.M. von Hornbostel thiết lập từ năm 1914. Xin coi Curt Sachs,* The History of Musical Instruments, *W.W. Norton: New York, 1940, tr. 454-467).*

(39) *Theo C.Sachs,* The Rise..., *sđd, tr.51. Ngoài ra, có thể coi thêm các khúc song thanh ở Đại dương châu, Tân Ghi-nê, Phi châu, v.v., do Marius Schneider sưu tầm và ký âm trong "Primitive Music",* The New Oxford History of Music, I: Ancient and Oriental Music *(Oxford University Press, London, 1957), tr.61-62,*

các thí dụ nhạc số 135, 136, 137, 154, và 165. Riêng về nhạc đa/dị thanh, ngay cả đối điểm (chuyển động biệt lập giữa hai hay ba giai điệu khác nhau) của Phi châu xích đạo, xin coi tập sưu tầm, ký âm, và khảo cứu công phu của một nữ môn đệ của Sachs, là Rose Brandel, The Music of Central Africa: An Ethnomusicological Study *(Martinus Nijhoff, The Hague, 1973), tr. 83-92).*

(40) *Mặc dù, như ta biết, phổ biến nhất cho tới ngày nay trong các nền âm nhạc ngoài quĩ đạo Tây phương, vẫn là mô hình này: đơn điệu/độc thanh* (monody/monophony), *hoặc có sự phụ họa giữ nhịp của các nhạc cụ gõ như trống, mõ, chuông..., hay các nhạc cụ khác đồng tấu đơn điệu đó, gọi là dị thanh, hoặc xướng/tấu đồng thanh* (homophony, *nghĩa là nhiều giọng hát hay tấu một "bè"), nhưng chẳng phải vì các âm nhạc đó đã thiếu căn bản khoa học. Trên bình diện thuần lý thuyết, gạt sang bên những lý do về mỹ quan, để đi tìm một trật tự trong vũ trụ âm thanh, phương thức phát sinh các "nốt con" từ một "nốt cái", do một sợi dây căng thẳng hay một ống khí phát ra, bằng phép số học đơn giản (thí dụ tỷ lệ 2/1 là quãng tám, 3/2 là quãng năm, 4/3 là quãng bốn, 5/4 và 6/5 là quãng ba trưởng và thứ, v.v.), đã là phương pháp chung cho các nền văn minh lớn của thế giới. Ở Hy-lạp có Pythagoras là người đầu tiên quan sát được những quan hệ số học đó giữa các âm phát ra từ một sợi dây căng thẳng trên một hộp phát âm. Ở Trung quốc, Lã Bất-vi viết trong* Lã thị xuân thu *(kh. 239 tr.CN) đã nói đến "âm luật" trong "cổ nhạc" của Trung quốc tiền sử, dưới thời Hoàng-đế (kh. 2697-1597 tr. CN), với lý thuyết phát sinh âm thanh từ một ống trúc, bằng phép số học tương tự, để tới được thang âm năm nốt cơ bản của nhạc Trung hoa:* cung, thương, giốc, chủy, vũ, *tương đương với* fa, sol, la, do, ré. *Tới đời Chu (kh. 1027-256 tr. CN) hai nốt nhạc nửa cung được thêm vào thang âm này là* "biến chủy" *và* "biến cung", *nghĩa là thấp hơn nốt* chủy *và nốt* cung *một nửa cung, tương đương với nốt* si *và* mi, *để lập thành thang âm bảy nốt, giống như của Tây phương. Hơn nữa, dưới triều Minh (1368-1628), Chu Tải-dục (th.k.XVI) biên soạn bộ* Nhạc luật toàn thư, *được coi có lẽ là tác phẩm lý thuyết đầy đủ nhất của Trung quốc, trong đó ông Hoàng yêu nhạc này đã còn đề nghị một hệ thống* mười hai bán cung điều hòa, *và đề nghị đó được chính thức công nhận năm 1596, hơn một thế kỷ trước khi Werckmeister (1645-1706) đề nghị một thang âm tương tự, vào khoảng 1700, tại Âu châu.*

Trên nền tảng khoa học đó, một hệ thống nhạc đa thanh và hòa âm tinh vi, phức tạp, ắt đã có thể được phát triển, ít nhất trên lý thuyết. Thế nhưng, như ta biết, âm nhạc Hy-lạp cũng như Trung-hoa, trong suốt quá trình văn minh cổ, chủ yếu vẫn là đơn

điệu hoặc đồng thanh, cho dù có đến một trăm giọng hát hay một trăm nhạc cụ để xướng/tấu. Cho nên, có thể kết luận rằng những dữ kiện âm học trong thiên nhiên, dù đã được khám phá bằng khoa học, chỉ tạo những điều kiện cần cho đa thanh hay cho hòa âm: điều kiện đủ vẫn là ý thức về mỹ quan. Về lược sử âm nhạc Trung hoa, coi L. Picken, "The Music of Far Eastern Asia", trong The New Oxford History of Music, *I, sđd ở chú thích 39; Ma Hiao-tsiun, "La musique Chinoise", trong* Histoire de la Musique, *I (sđd, Pléiade); và C. Sachs, sđd ở chú thích 34, Phần Ba, tr. 103-153.*

(41) *Đúng hơn, sở dĩ hệ thống ký âm của Tây phương được hoàn chỉnh như ta thấy ngày nay (mặc dù cũng vẫn chỉ tương đối thôi, vì hiện vẫn còn đang tiếp tục diễn biến do nhu cầu tạo thanh mới của thế kỷ XX) là bởi nó đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, và đến từ nhiều nguồn gốc, từ trên 3.000 năm nay. (Theo D. Wulstan, công trình ký âm đích thực và sớm nhất được tìm thấy ở Xyria, kể từ 1300 trước công nguyên: coi bài viết về âm nhạc Cổ Hy-lạp của I. Henderson và D. Wulstan trong F. W. Sternfeld, chủ biên,* Music from the Middle Ages to the Renaissance, *Praeger, New York, 1973, tr. 27). Hết sức tổng quát, công trình ký âm đã phát nguyên từ những nhu cầu tương tự với ngữ học, nghĩa là dùng ký hiệu viết ra để ghi lại cách phát âm tiếng nói, cách chấm câu; nhưng với âm nhạc lại còn do ở nhiều đòi hỏi khác nữa, như ghi cao độ âm thanh tuyệt đối cũng như tương đối, ghi thời khoảng phát âm dài/ngắn, ghi lối ngắt giọng, lấy hơi, ghi lối nhấn mạnh/yếu, "đồng bộ hóa" những chuyển động đồng thời của các giọng/bè được xướng hay tấu, v.v. Về lịch sử tiến hóa của các hệ thống ký âm cũng như sự hình thành của nhạc đa thanh Tây phương từ Thời Trung cổ đến Phục hưng, coi John Caldwell,* Medieval Music *(Indiana University Press, Bloomington, 1978, và Lloyd Ultan,* Music Theory: Problems and Practices inthe Middle Ages and Renaissance *(University of Minnesota Press, Minneapolis, 1977). Xưa hơn nữa, như các lối ký âm dùng mẫu tự Hy-lạp, hay dùng các dấu chấm và gạch ngang (gọi là* notation ekphonétique) của các Giáo hội Chính thống vùng Cận Đông như ở Xyria, Byzantin, Nga, v.v., coi các bài đóng góp trong The New Oxford History of Music, II: Early Medieval Music up to 1300 *(Oxford University Press, London, 1955), Ch. I đến III.*

(42) *Kể từ thời Giáo hoàng Gregory I (tại vị 590-604) cho đến cuối thế kỷ IX, có khoảng 3000 khúc bình ca đã được sưu tầm, hệ thống hóa, thống nhất hóa, và phân loại theo văn bản và nghi thức của đạo Cơ-đốc. Đến thế kỷ XVI thì chúng bị nhạc đa thanh làm lu mờ, và sau đó bị xao lãng và suy tàn. Hồi cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này chúng lại được các tu sĩ dòng Benedictine ở tu viện St.*

Pierre de Solesmes (Pháp) khôi phục, nghiên cứu, chấn chỉnh, và xuất bản thành một số sách như Graduale, Antiphonale, *và* Liber Usualis, *tạm dịch lần lượt là "Đáp Ca", "Đối Ca", và "Kinh Thường dụng". Năm 1903, Giáo hoàng Pius X (tại vị 1903-1914) một người yêu nhạc và ý thức được khả năng truyền cảm (và... truyền đạo) của bình ca, đã đích thân ra lệnh khôi phục lại những khúc hát truyền thống đó và dùng chúng trong các lễ nghi Cơ-đốc, đến ngày nay. Về bình ca nói chung — một đề tài thật quyến rũ — coi đóng góp của bà Solange Corbin trong F.W. Sternfeld, sđd, và hai chương khá đầy đủ của Caldwell, sđd. Muốn nghiên cứu sâu hơn, có thể đọc Willi Apel,* Gregorian Chant *(Indiana U.P., Bloomington, 1958) và S. Corbin,* L'Eglise à la conquête de sa musique *(Paris, 1960). Về công trình khôi phục bình ca của các tu sĩ ở Solesmes và những cải cách trong nhạc đạo của Pius X, coi Robert F. Hayburn,* Papal Legislation on Sacred Music: 95A.D. to 1977 A.D. *(The Liturgical Press, Collegeville, Minnesota, 1979), Ch. 8 đến 11.*

(43) *Ngay nếu có dùng tiếng nói trơn thì cũng cần phải xướng bằng một "giọng tụng kinh", gọi là* cantillation, *một hiện tượng chung cho lễ nghi của mọi tôn giáo, không riêng gì đạo Cơ-đốc. Riêng hát bình ca, người ta phân biệt được ba kiểu, mỗi kiểu mang một vị trí và ý nghĩa riêng biệt trong toàn bộ nghi lễ Công giáo: hát "theo vần chữ",* Syllabic style *(mỗi vần chữ của lời ca hát bằng một nốt nhạc duy nhất), hát "theo nhóm luyến âm",* group/pneumatic style *(mỗi vần được hát bằng một nhóm từ hai đến bốn nốt nhạc, với một "hơi",* pneuma), *và hát "theo chuỗi luyến âm",* melismatic style *(mỗi vần được hát bằng một chuỗi gồm từ 10 đến 20 nốt nhạc, tất nhiên phải ngắt ra thành nhiều hơi). Kiểu nói chót này, về sau, từ thế kỷ XIII trở đi, đưa đến kiểu hát "nguyên âm hóa",* vocalise *và "kiểu hát sắc màu",* coloratura, *rất "thời thượng" trong nhạc đời khắp Tây Âu. Và, như sẽ thấy tiếp theo trong bài này, các kiểu hát này sẽ làm khuôn mẫu cho lối hát bè của nhạc đa thanh và đối điểm.*

(44) *Đúng hơn, mô thức bốn bộ tứ huyền làm thành thang âm hai-quãng-tám của Cổ Hy-lạp đã được biến đổi: thay vì thang âm này được kể từ âm cao nhất trở xuống (từ á xuống* A), *và thay vì cấu trúc của mỗi chuỗi-bốn-âm là cung—cung—bán cung (cũng kể từ trên xuống), thì mô thức bốn bộ tứ huyền trung cổ được kể từ âm thấp nhất trở lên (từ* A *lên á), và cấu trúc chuỗi-bốn-âm là cung — bán cung — cung (xin coi lại chú thích 33). Đây cũng là lý do đưa đến sự lẫn lộn giữa hai hệ thống tên gọi, như Dorian, Phrygian, v.v., của Cổ Hy-lạp và Trung cổ (xin coi chú thích 45).*

(45) *Về lý thuyết điệu thức trung cổ, một đề tài khá phức tạp, có rất nhiều thư liệu, nhưng có thể coi đề mục "Mode", II, trong* The New Grove Dictionary of Music and Musicians, *Tập 12, tr. 378-397. Rất tóm lược, thì các tu sĩ đạo Thiên chúa thời trung cổ đã lấy chuỗi-bốn-âm nằm trong khoảng âm trung bình của giọng hát là* D—E—F—G, *và đặt tên là "bộ tứ huyền kết âm",* tetrachordum finalium *(vì những khúc bình ca thường kết về, hay chấm dứt ở, một trong bốn nốt đó), để lập thành bốn cặp điệu, mỗi cặp gồm một điệu "chính,* authentic, *và một điệu "phụ",* plagal, *thấp hơn điệu chính một quãng bốn đúng.*

Về tính chủ âm trong bình ca, xin coi W.Apel, sđd, tr. 33 và tiếp theo. Riêng về tên gọi các điệu trung cổ (đừng lầm với cùng tên dùng trong hệ thống điệu Cổ Hy-lạp) và về sự lẫn lộn giữa hai hệ thống tên gọi, xin coi Gustave Reese, Music in the Middle Ages *(W.W. Norton, New York, 1940), Ch. 6, nhất là từ trang 153.*

(46) *Được biên soạn khoảng năm 895, và tác giả có thể là một lý thuyết gia người Pháp, tên Ogier (Ch. 940), cuốn sách này cho đến nay vẫn được ghi là* Musica Enchiridias *trong nhiều sách nhạc sử. Coi bản dịch, từ tiếng La-tinh, mới đây của Léonie Rosentiel;* Anonymous, Music Handbook (Musica Enchiridias) *(Colorado College Music Press, Colorado Springs, 1976). Chung quanh tranh luận về nhan đề cùng tác giả cuốn sách nhỏ nhưng quan trọng này, coi Jacques Chailley,* 40,000 Years of Music, *dịch từ Pháp ngữ bởi R. Myers (Da Capo Press, New York, 1975), tr.70, cước chú 1.*

(47) *Nó chỉ là một công trình có tính cách giáo khoa, sao chép lại và hệ thống hóa phương pháp hát hợp xướng đã được tiến hóa ít nhất từ 50 năm trước đó, có lẽ theo kiểu tùy ứng* (extemporisation) *và truyền khẩu, và đang thịnh hành lúc bấy giờ. Coi nhận định của Hugo Riemann được trích dẫn trong G. Reese, sđd ở chú thích số 45, tr. 258 và cước chú 35. Tưởng cũng nên nhớ rằng thực hiện lối hát nhạc đạo đa thanh này, trong thời Trung cổ sớm, chỉ là một số nhỏ biết chữ và được luyện kỹ về nhạc, như ca trưởng và đội hợp xướng nhà thờ* (schola). *Còn phần lớn giáo dân đều mù chữ và tất nhiên "mù nhạc", chỉ biết hát truyền khẩu theo công thức đáp ca đơn sơ.*

(48) *Trong nhạc đa thanh nói chung, bất luận ở thời gian hay không gian nào, có bốn lối chuyển động chính giữa các bè: "song song",* parallel, *nếu các bè chuyển động đồng thời với nhau theo quãng cố định; "không cân xứng",* oblique, *nếu một bè ở nguyên tại chỗ, kéo dài hay lặp lại một cao độ âm thanh, trong khi các bè khác thay đổi cao độ; "ngược chiều",* contrary, *nếu một bè đi lên, một bè khác đi xuống, và ngược lại; và "đồng dạng",* similar, *nếu*

các bè cùng lên hay cùng xuống, nhưng không theo một quãng nào cố định.

(còn nữa)

Minh Khánh

Thuyền

Cơn sóng mù đưa chuỗi ngày bất tận
Ta long đong nghe nước mặn chân trời
Tình khô cạn như đá mòn dưới nguyệt
Chút mùa xanh bay mãi bọt chia phôi

Một ngày quên khói nghiêng trời bến hạn
Ta điêu linh quay lại phố vàng mưa
Đời rách áo nỗi ngậm ngùi vườn thúy
Cổng phù dung người khép kín hương xưa

Đường sông cũ mây che hồn lảo đảo
Lời bể dâu ta ngậm giữa môi tươi
Như bướm dại mịt mùng đôi cánh bão
Ta vô danh ôm chút mộng luân hồi

Lửa tà dương - tiếng đàn rơi cõi tạnh
Ngày mênh mông tình rướm lệ sông dài
Em có biết rượu sầu như thơ lạnh
Ta mơ hồ đau một kiếp không phai.

Sài gòn Mùa Thu 1973

Nguyễn đức Bạt ngàn

Ra biển

hồn xanh còn nhớ mãi
tự buổi thủy triều lên
tóc rừng đêm biếng chải
rượu hải hồ chưa quên

Không hết

hạ tràn bờ bãi vắng
dấu chân nào hôm xưa
mưa chiều hoen ố nắng
nặng câu hò ai đưa

Dưới rừng dừa Bồng sơn

gió động cành thanh tịnh
kiếp giang hồ lãng du
ta một đời vô định
ơi phương xa mịt mù

Vũ Quỳnh Hương

Miền vĩnh phúc

*T*ừ phía cuối dãy hành lang bên trái, khoảng từ các phòng 130 đến 135 đột nhiên vang lên một loạt tiếng động nặng nề, không phải thứ tiếng động chát chúa của kim loại rơi hay sắc nhọn của đồ vật đổ vỡ mà là một thứ tiếng nặng trầm tựa như tiếng một thân cây đổ gục ngoài vườn một đêm khuya nào đó, thứ tiếng động chỉ có thể nhận ra được giữa cái thinh lặng chập chờn đe dọa của đêm khuya như đêm ở nơi này; tiếp theo sau là một loạt tiếng động rổn rảng của đồ vật nho nhỏ rơi xuống đất. Chi nhận ra được tiếng cái khay thức ăn bỏ quên từ buổi chiều chưa dọn, mấy cái ly nhựa ở trên mặt bàn rơi xuống, tiếng cái bô nhựa và cái thau rửa mặt từ trong ngăn tủ rơi ra và cuối cùng là tiếng chiếc xe lăn đổ ầm xuống nghe rợn người giữa những tiếng rên rỉ yếu ớt đứt quãng. Chi buông vội các phiếu kết quả thử nghiệm máu và nước tiểu mà phòng Lab vừa gửi tới hồi chiều, ngước lên gọi:

– Marta, Marta... Chạy xuống coi có chuyện gì vậy?

Không có tiếng trả lời. Marta, Felisa và mấy con bé Nurse's Aides vừa được chọn vào làm có lẽ đã trốn vào Recreation Room hay một xó xỉnh nào đó để ngủ gục rồi. Chi lắc đầu xô ghế đứng dậy, Henrietta cũng đứng bật dậy bước theo nàng, ngáp dài không cần che miệng, cũng không cần ngăn tiếng ngái ngủ nhừa nhựa đang kéo ra từ cổ họng như tiếng một sợi dây đàn cũ:

– Tao cá với mày là mụ Sylvia lại mò xuống giường một mình rồi ngã đây. Oh, mụ ấy mà què luôn cả cái chân kia nữa thì tụi mình khổ, cái thân không dưới 200 pounds đó...

Chi không trả lời, lắc đầu chạy xô vào phòng 132 để thấy quả nhiên là Sylvia đang nằm co quắp dưới đất, cánh tay còn cử động được bíu lấy thành giường, nửa thân mình tê liệt bên trái như bị đè hẳn dưới sức nặng kinh khủng của chính thân mụ. Tất cả đồ đạc trên đầu chiếc tủ đều rơi hết xuống đất cùng với chăn mền khăn gối trên giường cũng bị lôi xuống theo đà kéo của tấm thân vĩ đại.

Chiếc gối rơi úp trên mặt mụ chỉ chừa một con mắt trông như đứa trẻ nghịch ngợm chơi trò giấu mặt. Chi giở chiếc gối ra, Sylvia cố ngước đầu lên nhìn nàng, đôi mắt như mắt một con vật khổ sở, tròng mắt màu xám tro, đục ngầu điểm những tia máu đỏ. Sylvia quờ quạng cánh tay phải, chạm vào vũng nước tiểu xâm xấp ướt chung quanh mà có lẽ mụ đã tiểu ra trong lúc sợ hãi, mụ rụt tay về, nhìn xuống chiếc bụng cao hơn tầm mắt rồi ngước lên nhìn Chi như muốn phân bua, muốn bày giải, muốn khóc than. Sylvia bị cấm khẩu và liệt hết nửa thân mình bên trái, chân bên phải mụ có thể gượng chống xuống đất được mỗi khi người ta đỡ mụ từ giường ra xe lăn hay từ xe lăn trở về giường, còn cánh tay phải thì không làm gì được hơn là để vùng vẫy mỗi khi phải thay băng, phải chích, phải uống thuốc, để cầm chặt lấy muỗng nĩa trong giờ ăn như sợ ai giành mất phần và rồi lóng cóng làm đổ hết thức ăn xuống áo; và cuối cùng để bíu lấy cánh tay Chi mà hôn lấy hôn để mỗi khi Chi cúi xuống ôm khuôn mặt khổ sở của mụ cười hỏi hôm nay mụ có khỏe không. Tuy không nói được, không làm gì lấy một mình được nhưng Sylvia còn rất tỉnh táo, mụ không điên cũng không lãng trí chút nào và mụ bày tỏ tình cảm với một mức độ thiết tha đến nỗi những ngày đầu thấy mụ, Chi đã phải rớt nước mắt vì xót thương. Nhưng không được bao lâu, những giọt nước mắt xót thương rất non trẻ ấy khô cạn đi rất nhanh rồi biến mất hẳn vì những cơn đau, những câu chuyện, những cảnh đời làm buồn lòng như vậy hay buồn hơn thế nữa đã tiếp tục xảy ra, tiếp tục kéo dài, không phải một ngày một giờ mà là hàng tháng hàng năm, hàng chục năm ở đây. Cuối cùng chỉ còn lại những động tác rất nghề nghiệp, những lời lẽ rất máy móc rất bổn phận và một điều gì tựa như một tình yêu dày vò, một cơn đau trầm thống cứ đè nặng lên tâm hồn Chi từng đêm từng đêm. Những đêm dài đong đưa giữa giờ khắc thinh lặng đe dọa, những tiếng rên la ngắt quãng những cơn mê sảng chập chờn những biểu đồ bệnh trạng kẻ lên xuống như bay với giữa núi cao vực sâu. Đêm như một sợi dây cao su co dãn từng hồi giữa hai đầu cái sống và cái chết.

Henrietta và Chi xốc nách Sylvia dậy, đặt mụ lên giường, nó nắm lấy chiếc mũi nhọn xinh xắn của mụ -- điểm duy nhất không bị thời gian tàn phá trên gương mặt nhăn nhúm ấy — xoáy từng chữ một:

— Thôi nghe mẹ, ngủ yên giùm con nghe, đêm nay ngã như vậy là đủ rồi nghe.

Không nói và cũng không nghe được, nhưng được đền bù lại là rất nhạy cảm trong việc đọc cảm xúc trên khuôn mặt người đối diện, Sylvia mím chặt môi nhìn Henrietta rồi đưa mắt sang Chi, con mắt ánh lên tia giận hờn. Chi vờ hét lên:

— Henrie, đi ra ngay! Đừng phá Sylvia yêu quí của tao mày.

Henrietta ngúng nguẩy đôi mông bước ra, đứng tựa cửa thò đầu vào:

— OK, thì đi, vui vẻ gì mà đứng đây với mẹ con mụ, chán chết. Nhưng nhớ là có té nữa thì đừng có gọi tới tao nghe.

Sylvia quơ tay muốn víu lấy vai Chi, miệng ú ớ một tràng âm thanh nghe như tiếng cười dòn. Không nói được nữa, mụ có một thứ ngôn ngữ đặc biệt để bày tỏ mọi trạng thái tình cảm hỉ nộ ái ố, một thứ ngôn ngữ của trẻ con tập nói hay của loài người vào thời kỳ hoang sơ của lịch sử nhân loại khi mà người, muông thú và đất trời còn rất gần gũi nhau. Chi gỡ tay Sylvia ra, cúi xuống xem lại nửa thân hình bên trái mụ, thấy cái té ngã tuy ồn ào những không để lại dấu vết trầm trọng nào ngoài một vệt xước dài bên cạnh sườn khi mụ ngã trượt qua góc nhọn của chiếc tủ nhỏ kê đầu giường, may hơn nữa là chiếc xe lăn cũng đã không đổ xuống người mụ. Mạch mụ cũng đã dần dần đập bình thường trở lại. Chi thở ra nhẹ nhõm, cởi chiếc áo ngủ đẫm nước tiểu của mụ ra, mở tủ áo để lại thất vọng nhớ ra rằng đã lâu lắm rồi, thân nhân Sylvia không vào thăm, cũng chẳng gửi thêm quần áo vật dụng cần thiết, ngăn tủ chỉ còn trơ mấy chiếc áo đầm bạc màu và hai chiếc áo len mỏng không đủ ấm cho mùa đông. Chi mặc cho mụ áo ngủ của bệnh viện, lựa một chiếc *posey* mới. Với Sylvia nàng cũng không thể buộc chặt *posey* vì các đầu mối dây không đủ dài so với thân hình kềnh càng của mụ, và riêng đêm nay thì Chi biết chắc rằng mụ sẽ không dám tự trở dậy một lần nào nữa. Xong xuôi, thấy tay Sylvia lạnh ngắt, Chi đắp thêm cho mụ một tấm chăn nữa phủ kín đến cổ, kéo hai bên mép chăn chận xuống dưới nệm để mụ không rút tay ra được. Sau đó, theo thói quen, Chi cúi xuống ghé tai mụ, nói khẽ: *"Goodnight, Sylvia."* Hai tay bị chận dưới tấm chăn không quơ múa được nhưng mắt Sylvia ráo hoảnh, cơn ngủ biến mất theo cái ngã nặng nề, miệng mụ bập bẹ liên hồi, hai thớ thịt chảy xệ hai bên má cử động theo cặp môi khô nẻ cùng với hai cánh mũi xinh xắn phập phồng. Mụ thèm nói như trẻ con ngứa răng thèm cắn, như con người từ thời man dã đã thèm thấy đồng loại. Chi liếc nhìn đồng hồ để yên tâm rằng chưa đến giờ thăm bệnh kế tiếp rồi lại cúi ôm lấy mặt Sylvia, vuốt những sợi tóc trắng rũ bết xuống trán mụ, tự hỏi mình một lần nữa về cái tình yêu buồn rầu, về nỗi thương xót chua chát cứ trào dâng lên trong lòng mỗi khi nàng cuối xuống ấp trong hai bàn tay mình cái khuôn mặt biểu tượng của nỗi đau khổ lặng thầm ấy. Cái khuôn mặt dúm đó vì sự tàn phá của thời gian, bàng hoàng giữa những cơn trở giấc nửa khuya, cái khuôn mặt như một bức tượng chân dung bị nắn quá tay, tương phản một cách tàn nhẫn với khuôn mặt trẻ đẹp tươi

cười của Sylvia trong những bức ảnh cũ treo kín trên tường, chung quanh đầu giường. Đối với Chi thì những bức ảnh xinh đẹp vang dội tiếng cười ròn rã thanh tân của quá khứ ấy chỉ làm tăng thêm nỗi tuyệt vọng cho những thinh âm khờ dại buồn rầu của thứ ngôn ngữ bập bẹ phát ra từ cổ họng Sylvia bây giờ. Thường xuyên tự cảm thấy khá lố bịch, Chi vẫn không ngăn được mình ghé sát xuống khuôn mặt dúm dó ấy và đối đáp lại với mụ, một cách hết sức ân cần và dịu ngọt, cũng bằng thứ ngôn ngữ riêng biệt ấy của mụ. Những lúc ấy, đôi mắt xám nhỏ của Sylvia sáng ánh lên những tia sáng kỳ lạ, tựa như ngọn nến tàn bừng lên những tia lửa cuối. Những tia sáng ấy, ở mức độ cuối cùng của lòng tuyệt vọng, như lóe lên cái vẻ mãn nguyện vì đã chiến đấu cùng cái chết cho đến giờ khắc sau cùng. Chỉ nghĩ đến đây, nghĩ đến hơn mười năm dài mà Sylvia đã sống ở đây, để chờ đợi cái chết, Chi lại nghe ruột gan mình thắt lại. Không hiểu từ lúc nào, Chi cứ tin chắc rằng nếu nàng cứ sống mãi và già nua đi mãi ở xứ sở này, và luân lý đạo đức Việt Nam không thoát ra khỏi được vòng quay nghiệt ngã của xã hội, nàng cũng phải đi qua cánh cửa của cái chết bằng hàng chục năm dài chờ đợi ở *Nursing Home* như thế này, chắc chắn nàng sẽ không bập bẹ những thanh âm khờ dại buồn rầu như Sylvia, mắt nàng cũng sẽ không ánh lên những tia sáng tuyệt vọng như Sylvia. Không hẳn chỉ vì ánh mắt Đông phương tự nó kiêu hãnh và buồn rầu hơn ánh mắt Tây phương mà vì trước hết, nàng sẽ không cho phép mình sống một thời kỳ *Second-Childhood* dài lâu như thế.

Chi cứ nghĩ, cứ nghĩ... những đêm thâu, những giờ khắc giam mình làm việc ở đây cứ xui khiến Chi nghĩ mải miết về cái chết cho đến một lúc nàng cảm thấy chính mình cũng đã già nua đi một cách tuyệt vọng và thảm thiết. Chính nàng đang nghiêng mình xuống cõi chết, chính nàng đang ôm lấy những khuôn mặt xác chết gọi tên chúng như gọi tên những cơn mộng dữ chập chờn giữa vô số những cơn mộng chưa thành khác giữa đời. Đôi khi Chi thấy Sylvia giống hệt như con búp bê mà nàng đã chơi từ thuở nhỏ cho đến những năm đầu trung học cũng còn chơi, khi mà con búp bê đã rách mướp, mái tóc óng đã biến thành vàng xỉn tả tơi mà nàng vẫn còn thương tiếc vì nàng đã ôm ấp thủ thỉ với nó qua suốt thời thơ dại, săn sóc yêu thương nó, tin tưởng nó hiểu mình và trò chuyện với nó những câu chuyện mà chỉ có nàng và nó chia xẻ cùng nhau. Có điều Sylvia là một con búp bê kềnh càng quá, một con búp bê mà nàng không thể đỡ đứng dậy một mình, lại càng không thể bồng bế trên tay. Đôi khi Chi thấy bất nhẫn với cái ý tưởng so sánh một con người với một thứ đồ chơi trẻ nhỏ như thế, nhưng mà, ôi thật ra, Chi đã yêu con búp bê cũ ấy như yêu một con người và tình yêu mà nàng dành cho Sylvia ngày nay cũng trần nhân tính biết

bao nhiêu. Dường như, trong một cõi tinh tuyền nhất của lòng Chi, hai thứ tình yêu ấy chỉ khác nhau ở chỗ tình yêu ngày xưa đưa nàng đến biết bao nhiêu thiên đường huyền náo, biết bao nhiêu cánh cửa huyền diệu mở ra cuộc đời hoa mộng trước mặt còn tình yêu bây giờ đẩy nàng hết từ địa ngục này xuống địa ngục kia, đẩy tới cánh cửa tận cùng, cánh cửa mở ra những cánh đồng xương cốt, những cây cầu đi qua sông mê, nơi những người yêu thương và những người thù oán nhau chờ đợi nhau đền trả những món nợ dương trần. Cái trò chơi thiên đàng địa ngục hai bên ngày xưa, kỳ diệu thay, bày suốt từ trí nhớ xa lắc lơ trên những vòm tay tuổi nhỏ bắc cầu cho nhau qua cửa thiên đường vẫn còn ngân nga những hồi chuông vọng tới miền chập chùng mộ chí của lòng nàng hôm nay.

*
* *

*H*enrietta bỏ đi qua phòng bên cạnh từ bao giờ, tiếng nó càu nhàu mụ Anna cứ đạp hết mền gối xuống chân giường, dỗ dành mụ Sarah khóc rên rỉ như trẻ con, đe dọa mụ Cindy cứ cầm cứng hàm răng giả không cho đem ngâm thuốc: "Hey, Cindy, mụ mà cứ cầm chặt hàm răng suốt đêm như thế thì sáng mai nó sẽ dính luôn vào tay mụ cho coi, và rồi người ta sẽ phải đút thức ăn vào... tay mụ chứ không phải vào miệng nữa đâu. Ôi trời ơi..." Không nghe mụ Cindy nói gì nữa, rồi tiếng mở cửa, tiếng nước vặn trong toilet, có lẽ Henrietta đã giành được hàm răng giả đem rửa. Sau đó là tiếng cửa đóng khẽ, rồi tiếng chân Henrietta trở lại, vẫn thấy Chi lúi cúi bên giường Sylvia, nó kêu lên:

— Thôi đủ rồi Chi, mày đừng có tập thêm cho mụ cái thói quen đòi hỏi vòi vĩnh quá nhiều như vậy. Shift ban ngày tụi nó không có thì giờ mà nói chuyện lăng nhăng với mụ như mày đâu. Đứa nào nằm yên rồi thì thôi, đi!

Henrietta có cái giọng khỏe, trầm, ngân dài như giọng những tên ca sĩ da đen, tiếng nó vang vang suốt những dãy hành lang thinh lặng. Và cũng giống như bất cứ ca sĩ da đen nào, nó có giọng hát khao khao nghe rất buồn, rất nức nở trong đêm khuya. Chi bước ra khỏi phòng theo nó, vẫy tay chào Sylvia vẫn cố dõi mắt theo nàng, nhăn mặt:

— Mày có điều chỉnh âm thanh mày lại một chút được không Henrie, đừng có đánh thức hết bệnh nhân dậy chứ.

Henrietta nhún vai:

— Giọng tao chứ đâu phải giọng lão Monpavio đâu mà mày khéo lo. Và, cũng đừng có quên là đêm nay trăng đầy đó nghe, chỉ chừng nửa giờ nữa thôi, khi trăng lên là cả cái nhà mồ này sẽ ầm ĩ

lên hết cho coi.

Một đêm khuya, từ chiếc Ti Vi bỏ quên không tắt ở một giường bệnh nào đó đang chiếu lại cuốn phim Romeo & Juliet với cảnh Romeo và Juliet vừa gục chết bên nhau trong nhà mồ của giòng họ Juliet, Grace bước vào trông thấy vụt thở dài: "Thì ở đây cũng có khác gì một thứ nhà mồ đâu. Có khác chăng là có rất nhiều Romeo và Juliet nằm đợi chết, và họ đợi lâu quá, lâu đến nỗi họ không còn yêu nhau nữa và không còn nhận ra nhau nữa." Henrietta vớ được câu ấy của Grace, huýt sáo khen hay, mày nói thật đúng ý tao, và từ đó cứ luôn miệng nhắc đến cái nhà mồ làm Grace cuối cùng phải gắt lên vì thật là không hay nếu cái kiểu ví von ấy bị thân nhân người bệnh nghe được. Chi thì không biểu đồng tình vì sợ Henrietta làm già phát ngôn bừa bãi hơn nữa, nhưng thâm tâm nàng cũng không thấy có danh từ nào chính xác và gợi cảm hơn để gọi cái nơi chốn buồn thảm mênh mông này. Cái nơi mà người ta vào không phải để chữa những căn bệnh trầm kha, để hi vọng ngày hôm sau trở lại với cuộc đời mà là nơi để đợi chết, đợi một cái chết không định ngày giờ nhưng rõ ràng, giản dị và hiển nhiên hết sức. *Cái nơi mà người ta có thể bước đi vào, chống nạng chống gậy đi vào hay ngồi trên xe lăn vào những lúc ra thì chắc chắn sẽ chỉ được đẩy ra, cái đầu đẩy ra trước, trùm khăn sạch sẽ không ngó ai;* vẫn lời lẽ của Henrietta. Nó nhắc đến trăng làm Chi mới sực nhớ tới vẻ đẹp của vầng trăng tỏ lồng lộng trên suốt những con đường lái xe đến đây lúc nãy, rồi lại sực nhớ thêm rằng nhà chẳng có quyển lịch nào in kèm Âm lịch cả, cứ nhìn trăng khuyết trăng tròn mà đoán ngày tháng đầy vơi như người sống trên hoang đảo mãi rồi mỗi khi đến tuần trăng, mỗi khi nhìn lại cái ánh sáng trải lụa vàng tràn dãi khắp đêm thâu nàng lại cảm thấy lòng mình hao hụt đi thêm một chút, như một bãi sông mà phù sa đắp không đủ với những cơn sóng lở, cứ mòn vẹt đi dần, xơ xác đi dần, chết rũ dần hết mọi chồi non. Thêm vào đó, cứ mỗi lần tuần trăng tới ở đây, nhìn những biến chứng kỳ lạ của bệnh nhân dưới ảnh hưởng trăng đầy Chi cũng thấy dường như châu thân mình lên cơn đau nhức, cũng y như những tế bào già nua được đánh thức dậy định kỳ để trăn trở giữa đêm trăng. Nàng nhớ đến căn bệnh, những câu thơ rờn rợn của họ Hàn: *"Maria linh hồn tôi ớn lạnh. Run như run thần tử thấy long nhan. Run như run hơi thở chạm tơ vàng.**
Không ai muốn bị chia giờ trực vào những đêm trăng đầy cả. Thoạt đầu Chi tình nguyện nhận những đêm ấy, nàng tự giải thích và chế riễu mình, *cứ tìm những lối đoạn trường mà đi.* Nhưng sau đó thì Chi biết rằng những đêm trăng rợn những người bệnh già nua mất trí ở đây không giúp nàng chia xẻ được với họ nỗi đau khổ của những cơn đau đớn cuối đời, cũng không làm cho tâm hồn

nàng phong phú hơn mà chỉ làm mất mát đi của nàng những mộng ước êm đềm lãng mạn của một vầng trăng đương thì. Chi đã tự hỏi, mình có nên tiếp tục ở lại đây nữa hay không. Nàng quay nhìn Henrietta, nhìn đôi môi tô màu son kỳ quặc vừa nhắc đến trăng của nàng:

– Ừ, Henrie, mày nói tao mới nhớ, lúc nãy đi trên xa lộ 280 thấy trăng cứ chạy theo sau xe, chạy vòng vòng trước mặt, chạy lửng lơ trên đầu... tao muốn lái xe đi luôn quá...

Henrietta quay lại nhìn chăm vào mặt Chi một cách thú vị. Chi chậm rãi nói tiếp:.

– Nhưng tao nhớ lại là cũng chẳng biết đi đâu nữa nên lại bèn... đi đến đây như thường lệ vậy.

Làm như không quan tâm tới câu Chi vừa nói tiếp, Henrietta nheo mắt:

– Mày làm ơn lập lại cái câu kia cho tao nghe chút coi, Chi, câu trước kìa.

Chi chận đầu nó:

– Câu nào? Ôi trời, Henrie, bộ mày cũng sắp sửa... điếc mất rồi sao?

– Còn lâu, mày đừng quên là tao mới có 22 tuổi à, mày muốn thấy tao điếc mày phải đợi chừng... 50 năm nữa kia. Nhưng lúc đó thì tao chỉ điếc như Linda thôi, còn mày thì vừa câm như Sylvia, vừa mù như Monpavio, lại vừa... cởi áo đi khơi khơi như Katrina nữa... Ha ha...

Nó nhào tới ôm lấy Chi, đầu cổ người ngợm nó nồng nặc mùi thuốc lá lẫn với mùi Chewing gum, Chi vùng ra:

– Henrie, Henrie. Đêm nay chưa có ai lên cơn, mày đừng có lên cơn trước tụi nó nghe, và cũng đừng có quên là mày nặng hơn tao tới 50 pounds đó nghe.

Henrietta buông Chi ra, ném mình xuống ghế, khoa tay đẩy hết đám hồ sơ bệnh lý mà nó và Chi đang viết dở vào một góc:

– Ờ xin lỗi, tao quên, tại mày vừa nói một câu hợp ý tao quá, người Việt nam chịu khó làm lụng như tụi mày mà lâu lâu cũng nói muốn bỏ sở lái xe đi chơi luôn thì thật lạ biết mấy...

Chợt thấy vẻ mặt Chi thay đổi, Henrietta ngưng bặt sợ nàng phật lòng điều gì đó. Nó vốn đã có đôi chút kinh nghiệm trước những phản ứng bất thường của cái mà nó gọi là lòng tự ái dân tộc cực đoan của Chi. Nó huyên thuyên nói luôn:

— Hồi nãy, khoảng 9 giờ thằng Dick gọi tao, nó rủ tao đi Santa Cruz chơi sáng mai về. Tao muốn lấy Sick leave để đi với nó quá, nhưng kẹt cái tháng này tao sick đủ rồi sick nữa thì phiền lắm.. Từ chối nó thì cũng tiếc...

Chi bật cười :

— Mày tiếc là tiếc một đêm trăng ở biển hay mày tiếc thằng Dick?

Henrietta nhún vai:

— Tao tiếc mấy con tôm hùm. Tao không đi thì nó cũng rủ con khác đi chứ nó đâu nằm nhà vì tao đâu. Mà mỗi lần ăn được của cái thằng keo kiệt ấy một bữa sea food thật đã biết mấy...

Henrietta chép miệng ngon lành như thể những con tôm tươi đỏ đang nằm co trước mặt nó. Không ngạc nhiên lắm trước câu trả lời của Henrietta nhưng Chi vẫn cứ rũ ra cười, đôi khi nàng thấy thèm được sống với một tấm lòng hiểu đời như nó. Một cuộc đời ồn ào và dễ dãi pha chút ngu muội, dễ say mê và dễ chán chường vì có khá nhiều thứ để say mê rồi chán chường. Một mẫu con gái Mỹ điển hình. Thời của Brooke Shields... *Thời của chúng ta. Áo trắng sân trường. Mộng ngoài cửa lớp*... Chi chợt nhắm nghiền mắt, lắc lắc đầu liên tiếp như để sắp xếp lại mớ trí nhớ đang bắt đầu lộn ngược. Như người ta lắc lắc một cái chai để trộn thuốc cho đều. Henrietta khựng lại nhìn nàng:

— Mày làm sao vậy Chi?

Chi mở mắt nhìn đôi môi loáng mọng của nó:

— Có gì đâu, tao đang tưởng tượng tới mấy con tôm hùm của mày đây mà... Nhưng mày thử ngó lại miệng mày đi Henrie, coi khôi hài không chịu được.

Henrietta nhún vai cười, mở tủ lấy sắc tay ra tô lại son. Nó ngậm ngậm hai cánh môi, không hiểu để son chạy cho đều hay để chép miệng lần nữa:

— Bây giờ chui vào đây ngồi tao lại thấy là mình điên quá.

— Bộ mày mới thấy là mày điên đêm nay thôi sao?

— Hừ, tao biết lâu rồi chứ, nhưng thường đêm thì cũng quên đi, như người ta ngủ mê vậy mà, chỉ những đêm trăng đầy như đêm nay tao mới sực nhớ lại thôi. Oh, nhưng mày thì cũng đâu có điên kém gì tao đâu mà bắt bẻ...

Henrietta ngưng bặt khi thấy bóng bà Beth thoăn thoắt bước ra từ cánh cửa thang máy cuối hành lang vừa mở. Nhà Beth ở gần đây, và thói quen nghề nghiệp làm bà ta thức dậy vào khoảng 2, 3 giờ sáng nên gần như mỗi đêm, dù không có chuyện gì cần thiết, Beth vẫn cứ lái xe đến đây, đi rảo quanh một vòng rồi mới có thể về nhà ngủ lại. Henrietta bảo bà ta thật điên, đang ngủ chăn êm nệm ấm lại trở dậy thay quần áo, mò đến gửi cái mùi lạnh lẽo khó tả ở Nursing Home rồi về nhà ngủ tiếp. Hoặc là bà ta điên, hoặc chồng bà ta điên, hoặc tình duyên hai người đến hồi lỏng lẻo nên Beth mới đến đây hàng đêm như vậy. Với Henrietta thì bất cứ ai có mặt ở đây đều cũng có thể là điên, kể cả chính nó, và luận điệu nó có lý đủ để không ai có thể cãi lại được.

Beth là một người đàn bà có đôi mông vĩ đại nhưng cũng nghề nghiệp đã làm cho dáng đi bà ta nhanh nhẹn và dịu dàng gần như đám con gái, tuy vậy Henrietta vẫn đe dọa, trong những lúc bà ta vui vẻ, rằng tuy bây giờ thì đã hơi trễ nhưng cũng không phải là trễ quá để lo *diet*, nếu không thì đến khi về già, phải vào Nursing Home, bà ta sẽ phải nằm hai giường, có hai y tá túc trực, khi chết phải có một cái quan tài lớn gấp đôi và dĩ nhiên là mọi chi phí sẽ phải trả gấp đôi, thật là kinh khủng... Beth cười rung rinh cả bàn ghế: "Tao không cần, tiền tao làm ra bây giờ đủ để trả gấp đôi gấp ba cho chi phí cảnh già mai sau của tao mà. Tao chỉ cần một điều, trong mấy con nhỏ y tá sẽ săn sóc tao, đừng có đứa nào là mày thôi! "Ngoài ra, Beth còn có một cái tật khá rườm rà nữa là luôn luôn đeo ống nghe trên cổ, ngay cả trong những lúc không cần thiết nhất, không phải vì bệnh nhân mà vì chính bà ta. Không quan tâm tới vấn đề thẩm mỹ nhưng bị ám ảnh bởi cái chết của cha mẹ bà ta đều bị bệnh áp huyết cao, Beth đo áp lực máu của mình thường xuyên. Henrietta nói rằng Beth nghiền nghe cái tiếng đập rì rầm của những trái tim người qua ống nghe, và mỗi ngày nếu không nghe được ít nhất chừng mười trái tim đập, bà ta sẽ ăn không ngon ngủ không yên. Đó là luận điệu của Henrietta, còn Beth thì rõ ràng là rất dễ bần thần mỗi khi nhận ra được một chút thay đổi rất nhỏ trong nhịp đập của trái tim tội nghiệp của bà ta. Rồi như không tin ở chính mình, Beth nhờ hết người này đến người kia đo lại hộ. Bị chế riễu là méo mó nghề nghiệp, Beth phân trần, mỗi người phải chịu một thứ *Stress* riêng chứ, tao cũng đâu phải là thánh đâu. Chi vẫn tự hỏi, không biết Beth có đeo ống nghe trong lúc ngủ để kiểm soát áp lực máu mỗi khi choàng dậy vì những cơn ác mộng không, nhưng có điều ai cũng biết là bà ta không rời nó cả trong khi lái xe, trước khi rời khỏi nhà và sau khi ra khỏi bệnh viện. Điều này thì Beth tâm sự là có từ thuở bà ta chưa ra trường, vì giận hờn tên boyfriend, bà ta đã nhấn ga 90 dặm/giờ. Bị chận lại, Beth giải thích là phải đến bệnh viện vì một trường hợp khẩn cấp. Người cảnh sát nhìn chiếc áo khoác trắng và cái ống nghe còn trên cổ Beth để bà ta đi mà không hỏi đến giấy tờ sau khi ân cần dặn thêm: "Cẩn thận nghe, tôi muốn cô đến bệnh viện là để chữa bệnh chứ không phải để được chữa bệnh đâu." Hoàn hồn vì nhận ra mình có thể đã gây ra tai nạn khủng khiếp, lại còn thoát khỏi rắc rối với cảnh sát, từ đó, phải có cái ống nghe, chứ không phải dây nịch an toàn, mới đem lại cho Beth cảm giác an toàn trên xa lộ, và sau đó là cảm giác an toàn trước những căn bệnh đang ngập ngừng chờ đợi ở ngoài ngưỡng cửa, khi tuổi già cứ tiếp tục, ngày một tiến tới gần hơn.

Beth bước vào Nurse's Station, nhìn quanh một lượt bằng đôi mắt sắc sảo:

— Có gì lạ không các cô?

Henrietta trả lời ngay:

— Chưa có gì hết Beth, chúng tôi đang ngạc nhiên đây.

Beth lườm Henrietta:

— Ở, cứ ngồi yên đó mà đợi đi.

Beth nhìn đồng hồ, kéo màn nhìn ra cửa sổ, phía những ngọn đèn sáng lạnh của tiệm 7-Eleven bên kia ngã tư rồi quay vào:

— Phía này không thấy trăng đâu cả. Tôi có cảm tưởng như đêm nay đồng hồ đi chậm hơn mọi đêm vậy...

Henrietta cười ha hả:

— Không chậm đâu Beth, hôm nay bà đo áp lực máu chưa?

Beth lườm Henrietta lần nữa, những nếp nhăn ở đuôi mắt kéo dài ra như đuôi một con cá nhỏ:

— Lo lấy cái thân cô đó. Hôm nay Julie và Sandy trực bên Station 3 phải không?

Henrietta khoát tay:

— Không Beth, hôm nay Grace trực thay cho Julie, nó cũng giống như con Chi vậy, hay làm thay cho thiên hạ lắm. Còn con Sandy thì tôi mới thấy nó ở dưới Laundry Room.

Beth ngạc nhiên:

— Nó làm gì dưới đó vậy?

Henrietta cười:

— Nó bỏ giặt cái áo khoác của nó. Có bệnh nhân mới chuyển về nào đó ói trào từ ngực xuống chân nó...

Beth nhíu mày:

— Ai vậy? 327 phải không?

— Có lẽ. Tôi không rõ, Beth...

Beth thoăn thoắt bước ra, đến ngưỡng cửa r hư sực nhớ ra điều gì, quay vào nói tiếp:

— Các cô nhớ nhắc chừng tụi Aides kiểm soát lại các giường bệnh lần nữa đi, trăng lên cao rồi đấy. Hôm nay sao tôi thấy mọi sự yên tĩnh một cách đáng ngờ...

Henrietta nói với ra:

— Yên tâm đi Beth, tôi ở đây hết mấy chục mùa trăng rồi mà.

Bây giờ thì Beth trừng mắt lên :

— Cô có lường được hết các biến chứng có thể xảy ra không? Chỉ cần một bệnh nhân thoát ra đường được là chúng ta cũng đủ mệt rồi. Cẩn thận trước thì hơn. Và, phải tự mình đi kiểm soát các cửa ra vào nữa, nhất là các cửa mở ra đường lớn...

Beth chưa dứt lời, từ hành lang phía trái, lối dẫn ra Station 3 vọng lại những tiếng la hét theo một nhịp ngắt quãng quen thuộc của Katrina ... *"Tao không cột mày... — Sau mày cột tao... — Tao... ao... — Ta... ao... không cột... mày... — Sao... ao mày cột*

ta... ao..." Lẫn giữa các quãng ngắt là những tiếng khò khè đưa lên từ cuống họng giống như tiếng gù gù của một con mèo được khuếch đại qua một cái loa rè. Những tiếng hét không nhỏ dần đi rồi chìm vào giấc ngủ như lệ thường đêm mà càng lúc càng lớn hơn, các quãng ngắt thu ngắn hơn, rồi tiếng Grace kêu lên:

— Henrie. Chi. Đến đây mau lên...

Henrietta và Chi chạy ùa sang Station 3. Một cảnh tượng không thể nín cười đang bày ra trước cửa phòng Katrina, ngay giữa lối đi. Katrina không hiểu bằng cách nào đã đẩy nguyên cả giường mụ ra trước cửa phòng, bao nhiêu chăn mền khăn gối cuộn tròn thành một đống lớn ở cuối chân giường, cả chiếc áo ngủ của mụ cũng quấn lẫn trong đống chăn ấy. Và dĩ nhiên như thế có nghĩa là mụ không còn một mảnh vải nào trên người ngoài đôi slipper dưới chân, là thứ mà mụ không bao giờ chịu rời ra, kể cả lúc đi tắm lẫn lúc lên giường ngủ. Mụ đứng lom khom trên giường, cố vùng vẫy khỏi Grace. Cũng không hiểu bằng cách nào, mụ đã lấy được tấm biển nhỏ "*Alzheimer's Care Unit*" vẫn để trên Nurse's Station, và mụ đang dùng nó như một thứ vũ khí để chống lại Grace. Grace thì giống như một chàng võ sĩ da trắng đang đấu một cách tuyệt vọng với một chàng da đen khỏe mạnh và dai sức hơn mình, một chân nó đứng giữ thế, một chân quỳ trên giường, vừa dỗ dành vừa cố ghì Katrina xuống bằng sức mạnh của cả đôi cánh tay lẫn sức nặng của thân hình nó. Nhưng thân hình mảnh mai của Grace thì không đủ để hạ nổi sức mạnh lạ thường của Katrina trong những đêm trở cơn như đêm nay và những lời dỗ dành đối với mụ lúc này cũng hoàn toàn vô ích. Henrietta nhanh nhẹn tụt giầy nhảy lên giường, hai tay choàng vai Katrina kéo xuống trong khi Grace và Chi đứng hai bên khóa chân tay mụ. Hạ được tay võ sĩ hạng nặng rồi cũng chưa phải hết việc, sau đó là phần mặc áo và đặc mụ nằm yên trên giường. Grace giữ chân còn Chi giữ tay mụ để Henrietta, nhanh nhẹn và khỏe nhất, chụp chiếc áo ngủ, rồi chiếc posey qua đầu mụ. Đến đây thì điệp khúc ngắt quãng của Katrina thay đổi... "*Tao... ao... không... — Không bắt mày... mặc... áo... áo... — ... Sao mày bắt tao mặc... áo... áo...*" Chỉ để vừa cho mụ thở, Grace kéo chặt các mối posey quấn vào hai bên thành giường đoạn nằm hẳn xuống gầm giường để buộc các đầu mối vào nhau, vòng qua tấm nệm. Khi Katrina lên cơn, phải dùng tới kiểu cột hơi có vẻ dã man và đi rất xa nguyên tắc như thế mới có thể giữ mụ nằm yên trên giường vì mụ có tài gỡ được tất cả các mối giây buộc hai bên thành giường rồi ngồi dậy vung tay ném chiếc posey vào góc phòng, và lúc đó thì mụ có thể ném tất cả những thứ ở chung quanh tầm tay mụ. Xong xuôi, Henrietta vừa thở hào hển vừa bò ra cười hỏi Grace:

— Mày làm sao mà để mụ biểu diễn vũ khỏa thân ngay giữa cửa vậy Grace? May mà mụ ta chưa đẩy cả giường ra ngoài đường chứ không thì cả cái thành phố này đã thức dậy hết mà coi rồi.

Đêm lạnh ngắt mà những giọt mồ hôi lấm tấm hai bên thái dương Grace, rịn xuống những chân tóc vàng mịn, nó phân bua:

— Tao đâu biết, đã dặn con Elsa từ sớm là phải coi chừng mụ cẩn thận. Tao vừa đem thuốc tới định cho mụ uống thì mụ đã ra tới cửa đứng múa rồi.

— Vậy là phải quá mà, với những *nhân vật quan trọng* như Katrina này thì mày phải tự check lại chứ đâu phải chỉ dặn tụi Aides không thôi là đủ. Có chuyện gì xảy ra, chẳng hạn như mụ chạy ra đường bị xe đụng thì trách nhiệm lại đổ lên đầu mày chứ đâu phải con Elsa.

Grace liếc Henrietta bằng cái kiểu liếc mà Beth vẫn dành cho Henrietta:

— Em biết, thưa chị Henrietta, em biết, bài học về trách nhiệm em vẫn thuộc. Tại vì đêm nay con Sandy bận với bệnh nhân mới của nó, một mình tao ở Nurse's Station, quay qua quay lại đủ thứ việc rồi quên bẵng đi...

Henrietta đập đập xoa bóp hai cánh tay, ra bộ ngao ngán thở dài:

— Hừ quên, quên... Nếu không có tao... Ai bảo y tá không cần phải học võ đâu. Không có đẳng cấp như tao thì đêm nay sao hạ nổi mụ.

Grace co chân lên vuốt vuốt đôi *panty hose* đã bị Katrina cào rách xoạc một đường dài trong lúc giằng co, thở ra não nuột:

— Tao thề tao sẽ không thèm sống lâu đâu. Tao thích chết đẹp hơn là sống già. Sống thêm nữa để mà điên như Katrina thì thẹn chết được.

Henrietta chẩu môi:

— Để coi, bây giờ thì mày nói vậy nhưng đến lúc già đi thì mày sẽ lại thấy tiếc đời, thấy thèm sống như lúc trẻ thèm yêu vậy... Và nếu mày đã điên như Katrina này thì còn biết gì đâu, cũng còn đẹp đẽ gì nữa đâu mà thẹn. Nhưng em ơi, cứ tin tao đi, mày mà cứ chui ra chui vào mấy cái Nursing Home này thì mày sẽ không phải sống lâu đâu. Mày sẽ chết vào khoảng... à à... coi nào, khoảng 50 tuổi như bà hoàng Grace vậy nhé. OK? Lúc đó thì mày cũng vẫn còn khá đẹp, với điều kiện là phải chịu khó nhịn ăn chứ đừng để quá khổ như bà Beth vậy. Ngoài thằng chồng mày ra sẽ còn biết bao nhiêu là người đến nhỏ lệ tiếc thương, biết bao nhiêu là hoa hồng trên mộ... Ô đẹp biết mấy, ngậm cười nơi chín suối nhé!

Biết Grace lãng mạn nên Henrietta vẫn cứ thêu dệt đủ mọi thứ chuyện trời trăng mây nước ra để chọc cho khuây khỏa những đêm

dài, cũng như nó vẫn kể chuyện ma để dọa Sandy yếu bóng vía, còn Chi thì dấu kín cả cái lãng mạn lẫn cái yếu đuối để Henrietta không thể bước được vào thế giới rất *Việt Nam* của nàng nên nó để Chi được yên thân mà cười góp trước những câu chuyện của nó. Dù vậy, thỉnh thoảng Henrietta cũng nói được những câu khá hay ho, chẳng hạn như nó tuyên bố, tất cả chúng ta đều là những kẻ cao cả thầm lặng, vì nếu không cao cả, không yêu nghề thì không ai có thể ở lại nơi này quá một đêm. Chỉ khác là mỗi người có một cách, một lý do yêu khác nhau mà thôi, thí dụ như con Grace yêu nghề chỉ vì hồi High School nó lỡ đọc phải cái truyện *Doctor Jivago*. "Còn mày thì mày yêu ai, Henrie?" Grace hất mặt. "Tao hả? Tao yêu...Katrina". Đêm nay Henrietta lại lập lại câu ấy. Nó vừa nói yêu Katrina theo cái điệp khúc có quãng ngắt của mụ, tựa như Chi nói chuyện với Sylvia bằng thứ ngôn ngữ bập bẹ, vừa chận thêm gối kín mít quanh giường Katrina. Không vùng vẫy được nữa, Katrina vẫn cố trườn mình lên một chút, đưa đầu lên cao khỏi chiếc gối, giương đôi mắt điên dại lên nhìn cả ba, miệng rì rầm những điệp khúc đang đến hồi nhỏ dần nhỏ dần của mụ. Henrietta rót cho mụ một ly nước lạnh để trên bàn, sát tầm tay mụ:

— Để mụ giải khát chút, Katrina, đêm nay mụ hát hơi nhiều rồi.

Grace kêu lên:

— Mày cho mụ uống rồi cất ly đi Henrie, để đó mụ hất đổ hết đấy.

— Mày cho mụ uống đi, mụ không ưa tao đâu. Rồi cho mụ uống thuốc luôn đi. Lúc nãy mày cho mụ uống *Navane* chưa?...

Katrina ngoan ngoãn uống ừng ực từng ngụm nước như một đứa trẻ khát sữa sau cơn khóc dỗi. Uống xong mụ đẩy cái ly ra, cầm lấy tay Grace:

— Thank...you... — Thank... y... oú... oú...

Chi phì cười nhìn cái miệng rụng trơ hết răng nói líu ríu của mụ. Giọng mụ có lúc nghe eo éo như tiếng một con mèo, có lúc lại cà kíu cà kíu như tiếng một con ngỗng. Henrietta nhăn nhó:

— Coi điên điên vậy mà cũng còn lịch sự gớm. Vật lộn cho chán chê rồi đi cám ơn.

Katrina không cựa quậy, cũng không rì rầm gì nữa, mụ chắp hai bàn tay lại, gối sau gáy, mắt nhìn thẳng lên trần nhà như bắt đầu suy nghĩ xa xôi gì đó. Với kiểu gối tay như thế, mụ có cái vẻ trầm tư của một triết gia đang suy nghĩ về lẽ khổ đau của kiếp con người. Rõ ràng hơn nữa. Chi thấy mụ giống hệt như *Simone de Beauvoir* trong một bức ảnh mà Chi đã phóng lớn treo trước bàn học vào những năm trước năm 75, cái thuở mà cô bé Chi mới chập chững nhìn vào thế giới văn chương cũng như nhìn vào cả cuộc đời

bằng đôi mắt của một cô bé *Alice* nhìn vào thế giới lạ kỳ. Thật khá khôi hài khi dẫn trí nhớ đi từ một mụ già điên đến một nhà tư tưởng, dù cả hai cùng là đàn bà và cùng sống già như nhau, nhưng đây là một sự giống nhau rất rõ ràng, rất sắc nét chứ không phải chỉ là một sự liên tưởng tới giọng con mèo hay giọng con ngỗng như Henrietta vẫn nói, có lẽ trong đầu mày có cả một vườn bách thú hả Chi. Cũng có đêm, với cái vẻ trầm tư rất *de Beauvoir* đó, không chịu thay áo quần, không chịu lên giường ngủ, cũng không cho tắt đèn, Katrina ngồi ở chiếc ghế bành kê sát cửa sổ, hai tay khoanh trước ngực. Cứ như thế mụ ngồi yên lặng suốt đêm, mắt đăm đăm nhìn ra cửa sổ. Đó là một đêm không trăng sao và sương mù dầy đặc, những ngọn đèn đường phía xa ngoài hàng cây chung quanh viện soi ánh sáng yếu ớt thành những vòng tròn giữa bầu sương mù như vòm hào quang trên đầu những thiên thần nhỏ trong những bức tranh mùa Đông. Grace, Julie và rồi cả bà Beth thay nhau vào tắt đèn, dỗ mụ lên giường ngủ, mụ rên lên một cách sầu thảm: *"Để tao... yên.. ên... — Để... ta... ao yê... ên... — Tao cần... ánh sá... áng...*

Không thể cho mụ uống thêm thuốc ngủ, và hai roomates của mụ, mụ Trudy và mụ Joanna cũng đã đi vào giai đoạn cuối của *Alzheimer's Disease* thỉnh thoảng chỉ cựa mình mở mắt ngó trừng trừng ngây dại rồi lại vùi đầu ngủ tiếp không than phiền gì nên cuối cùng Katrina được để ngồi yên trong ánh sáng chói gắt của cả ba ngọn đèn phòng cùng bật, mắt đăm đăm nhìn ra ngoài bầu trời đêm đặc quánh sương mù. Đêm ấy trực bên Station 2 nhưng chốc một Chi lại chạy sang nhìn mụ, nhìn cái vẻ trầm tư kỳ lạ bất ngờ ấy. Chi cố tưởng tượng ra những thay đổi của từng tế bào não, từng vùng trí nhớ trở về, từng hình ảnh cũ đang gõ cửa. Những hình ảnh giống như những con rối hay những bóng ma trơi của cả quãng đời dài đặc đang kéo về nhảy múa trong cái mịt mờ của trí nhớ đã đen kịt sương mù, thảng hoặc vở ra những đốm sáng như những vòm hào quang trên đầu các thiên thần nhỏ trong tranh vẽ đêm mùa đông. Những đốm sáng vở ra, vở ra, bộ óc già chết như một chiếc hộp đậy kín vở ra... *Tao cần... sá... áng... — Tao cần ánh... sáng...* — Katrina là loại lãng trí hiền, chỉ lên cơn định kỳ vào những đêm trăng, thỉnh thoảng vào những đêm thời tiết đổi, ngoài ra bình thường mụ không phá phách gì, sức khỏe mụ cũng được tạm coi là khá. Chân mụ còn khỏe mạnh đi đứng vững vàng không run rẩy, không cần tới xe lăn nên mụ thích được thả tự do cho lần mò đi khắp từ hành lang này sang hành lang khác, miệng líu ríu những điệp khúc quen thuộc với tất cả mọi người và không với ai cả. Mụ

có thể tự đi vào toilet một mình khi cần, không đợi ai dẫn dắt hay nhắc nhở, nhưng sau đó thì phải có người vào lôi mụ ra vì mụ thường lấy cớ phải rửa tay sau khi tiêu tiểu để mở nước xối xả rồi kéo cuộc giấy lau tay xuống bịt lấy vòi nước. Những lúc không có ai để ý, mụ đã xổ hết tất cả các cuộn giấy có sẵn trong toilet ra cho cái trò nghịch nước của mụ. Không rõ vì lý do thầm kín nào, mụ thường lần mò xuống dãy phòng đàn ông, đứng ngẩn ngơ từng hồi từ phòng này sang phòng khác rồi đến đúng giường lão Roger, rờ rẫm hai chân lão, có khi tốc hết chăn mền lão ra, miệng ú ớ vui mừng như gặp lại được người yêu cũ. Roger thì lại là một lão già tỉnh táo, bị phỏng toàn thân trong một vụ cháy tám năm về trước. Lão nằm bẹp trên giường gần như suốt ngày, từ chối một cách cương quyết mọi khuyên nhủ ngồi dậy đi đứng luyện tập tay chân, một phần vì cái *Catheter* đeo lằng nhằng bên mình, một phần vì cái mặc cảm triền miên không muốn ai trông thấy bộ mặt và những phần thân thể mà quần áo không che dấu hết để lộ ra những dấu vết phỏng khủng khiếp. Lão nổi giận quả quyết rằng lão không quen biết nợ nần gì với Katrina bao giờ và hét lên khi thấy bóng mụ lảng vảng ngoài cửa, dù bình thường lão câm nín như một bóng ma không muốn gặp gỡ người trần. Roger đặc biệt yêu mến Chi, lão biết những giờ Chi sẽ vào thăm lão mỗi đêm để kéo giây bật sáng ngọn đèn đầu giường mỗi khi nàng bước vào: *"Hi, sweetheart."* để Chi đến bên hỏi thăm lão, đặt tay lên trán lão, kéo lại tấm chăn, sửa lại chiếc gối, rót đầy ly nước cho lão uống thuốc, những điều lặt vặt cần thiết mà Chi biết rõ ý nghĩa của nó và nàng làm với tất cả nỗi buồn rầu dịu dàng như thể nàng đang phải làm cho chính mình. Những điều cần thiết không hẳn chỉ vì tấm chăn lão rơi, chiếc gối lão lệch hay ly nước lão cạn mà là để thỏa mãn cái nhu cầu muôn thuở của con người, cái nhu cầu càng về cuối đời càng đau đớn thiết tha là muốn được an ủi, được chăm nom săn sóc yêu thương. Sau đó thì lão lại tự tay tắt đèn nhắm mắt ngủ lại sau khi nắm tay Chi, thì thầm: *"Goodnight, sweetheart."* và miệng còn hé cười, cái nụ cười êm hóa ra buồn rầu trên khuôn mặt sần sùi dúm dó. Đêm nào phiền hà lắm lão mới than phiền, hoặc một vùng *bed sores* nào đó mới thấy sau lưng làm lão nhức nhối, hoặc lão Hills rên rỉ, lão Monpavio lải nhải từ đầu hôm làm lão không ngủ được, hoặc Laundry Room ban sáng để lộn đâu mất của lão chiếc quần tây, hoặc có khi, đêm nay Chi mặc áo mới phải không Chi?

Phải mất một thời gian khá lâu Chi mới làm quen được với khuôn mặt kinh dị của lão, làm quen được với chữ *sweetheart* thốt ra từ đôi môi hơi kéo xệch qua một bên vì một đường may dài bên mép trái, làm quen được với một điều dường như là một tình yêu vô vọng và vĩnh cửu đối với một hình bóng nào đó đến từ những

năm tháng thanh xuân của cuộc đời lão. Lâu dần Chi cũng đem lòng ân cần với lão hơn với các lão già khác, và dĩ nhiên, hơn là với lão Monpavio, và rồi cũng phải giải thích với con mắt soi mói của Henrietta, với cái người yêu mến mình thì tự nhiên là mình cũng phải yêu mến lại, không nhiều thì ít chứ, dễ hiểu thôi mà Henrie. Một đêm Chi giật mình hốt hoảng vì đèn phòng lão bật sáng và tiếng lão hét dữ dội vọng lên. Katrina đã lần đến bên giường, tốc hết chăn mền đắp trên người lão ra và mò mẫm thế nào nắm được sợi dây dẫn với cái *Catheter* kéo mạnh. Sợi dây tuột ra, nước tiểu chảy tung tóe trên chăn nệm. Roger hét lên giận dữ và đau đớn, lão chồm dậy chụp lấy cổ tay Katrina nghiến răng vặn bằng hết sức bình sinh. Lúc Chi chạy vào thì lão đã xô được Katrina ngã ngồi xuống đất, mụ ôm lấy cổ tay kêu khóc ầm ĩ... *Tao... ao thương nó...* — *Sa... ao nó không thương tao... ao...* — Vừa hốt hoảng lại vừa buồn cười, Chi đẩy mụ ra cho Henrietta và Grace dẫn đi, mụ cứ ôm lấy cổ tay mà kêu khóc ầm ĩ hàng giờ sau đó. Cái điệp khúc trầm bổng ai oán như một người bị tình phụ vọng giữa đêm khuya nghe não nề da diết. Lão Roger thì làm Chi bận bịu gần hết đêm đó, không hẳn vì đau mà vì cơn giận dữ kích động, lão lên cơn sốt từ khoảng 3 giờ sáng đến chiều hôm sau mới hạ. Lão lập đi lập lại rằng Katrina mà còn mò đến phòng lão lần nữa, lão sẽ giết mụ. Chi bật cười, vỗ về:

— Lão nên tha thứ cho Katrina, Rogie ạ, vì mụ thương lão mà. Đừng có giận dữ quá với người đàn bà đã nặng lòng vì mình chứ.

Roger nhún vai:

— Nhưng tao không muốn thấy mặt nó, tao không muốn nó thương tao. Tao không muốn nó.. tao muốn... mày thôi... Chi...

Chi khẽ lùi lại một bước:

— Ồ sao lão lại không thương Katrina được? Lão chê mụ già hả? Rồi tôi cũng sẽ già vậy, có ai trẻ mãi được đâu. Đến lúc đó biết đâu trông tôi sẽ còn tệ hơn cả Katrina nữa thì sao?

— Không đâu Chi, không bao giờ đâu, Chi sẽ không bao giờ xấu xí vô duyên như Katrina đâu, và tao cũng sẽ không bao giờ được thấy mày già đi đâu... Tao sắp chết rồi. Tao sẽ mang theo hình ảnh trẻ đẹp dịu dàng của mày ngày hôm nay cho đến khi tao chết, cũng như tao vẫn nhớ hình ảnh của người vợ đầu tiên chết lúc vừa 20 tuổi của tao. Hồi đó tao mới có 24 tuổi. Tao chỉ gặp nó có một lần là yêu ngay. Nó nhỏ bé, dịu dàng và dễ thương như mày bây giờ... Chi...

Dù yêu mến Roger, dù vẫn tự nhủ mình có bổn phận phải an ủi lão, Chi vẫn không thể nấn ná lại bên giường lão lâu hơn những khi lão bắt đầu kể lể. Cả thực tại, cả dĩ vãng, cả cuộc đời Roger

không có mặt ở đây, trong cái không gian màu trắng tinh sạch lạnh lẽo vây phủ bốn bề này mà là có mặt ở bên ngoài cửa sổ, phía những tiếng chim kêu, tiếng xe chạy, tiếng rì rầm huyên náo của cuộc đời mà những hàng cây và mấy lớp tường trắng không ngăn được hết. Roger vẫn kể lể với Chi hàng giờ về người vợ trẻ yểu mệnh ngày xa xưa của lão, một người con gái gốc Ý, mắt đen và tóc đen như Chi, một người dáng thanh tú mảnh mai như một cây hoa đào nhỏ mùa xuân đứng trên đỉnh ngọn đồi. Có lẽ ngày xưa lão cũng làm thơ... *Tao sắp chết rồi... Tao sắp chết rồi...* Những lời lẽ thê thiết của lão dội vào tai Chi, lùng bùng trong đầu làm nàng đến một lúc có cảm tưởng như mình cũng sắp chết mất. Nàng cũng đang nằm bệnh, đang đếm đang đo đang đọc được tên của cái chết dần mòn từng phần thân thể, từng phần giác quan tế bào. Cái chết đang chiếm đoạt dần, đang bước tới dần, tới thật chậm bằng những bước chân chắc nịch lên trên óc não. Cái thảm thiết của lão Roger không phải ở chỗ đau đớn, vì những vết thương của lão đã lành từ lâu, mà là ở chỗ lão không phải chờ đợi một điều gì ngoài cái chết, và lão đã chờ quá lâu, trong một trạng thái tỉnh táo đáng sợ. Dường như có một lần lão đã nói với Katrina, như thể tâm sự, rằng lão thèm có cái nhanh nhẹn và sự điên dại của mụ. Katrina, kỳ diệu thay, cũng bắt được rất nhanh những tín hiệu của một cõi lòng vừa thoáng mở, và mụ đeo riết lão từ đó. Còn Roger thì lại xoay ra đóng cái vai tuồng của một chàng Trương Chi mặt mũi kinh dị nhưng mải miết yêu bóng hình yêu kiều của một nàng Mỵ Nương nào đó cho đến khi mang xuống tuyền đài. Đầu óc càng tỉnh táo thì quá khứ vây quanh lại càng dầy đặc, hỗn độn mớ kỷ niệm dày vò của yêu ghét hận thù, của ân oán say mê. Cả một cuộc đời lãng đãng ở chung quanh như những bóng ma kêu gào được sống lại. Thật sự, Chi nghĩ, đến cái lúc phải vào nằm bệnh ở đây thì những kẻ mất trí như Katrina vẫn dễ chịu hơn vì không có gì đáng sợ cho bằng tỉnh giữa những người điên, những khối thịt lăn lộn câm lặng. Cái chết cảm được và đếm được như hơi thở ngày một mòn mỏi, trí óc mỗi ngày một váng vất những giấc hôn mê, mắt nhìn mỗi ngày một nhòe nhoẹt những hình dáng người qua lại, tiếng nói lao xao... Những chiếc giường trống rồi đầy, đầy rồi trống, người ta theo nhau chết, theo nhau rụng xuống giản dị như lá mùa thu theo nhau rụng từng cơn xuống đất để mùa sau chồi xanh mọc lại trên cành khô. Mỗi khi nghĩ đến những điều đó Chi lại thấy sợ hãi, thấy tê liệt hết một vùng nữa trong óc não, thấy những tế bào trong cơ thể đang già đi theo từng phút giây. Thấy muốn chết ngay bây giờ, ngay bây giờ chứ không đợi đến cái chết 50 tuổi như Henrietta vừa vẽ ra cho Grace có hoa hồng và nước mắt rơi trên mộ. Đêm ở đây thật sự đã đắp chồng chất lên thêm

cho lòng Chi những nấm mộ không hương khói. Chi lại nghĩ tới những điều mà mọi người chung quanh đã nói về công việc mà nàng đang theo đuổi. Thật là một cái ngành rất hợp với cõi lòng đầy mộ chí của em. Ở nói như vậy thì em phải làm nghề tống táng, *đại lý tô bia* mới phải chứ. Cần gì, vì em đâu thích quảng người xuống huyệt, em chỉ thích đặt tay lên những trái tim thoi thóp thôi mà, phải không? Mười mấy năm đã qua rồi mà em vẫn còn yêu cầu chuyện *Những-người-áo-trắng* hay sao? Ôi cái câu chuyện đã làm mềm lòng những cô bé ngây thơ ôm mộng cứu chuộc cuộc đời biết mấy... Chi bước tới kéo màn cửa, vịn tay lên chốt cửa kính toan tìm chút hơi lạnh nửa đêm ở bên ngoài, chợt khựng người nhìn cái bóng trắng toát của mình đột ngột hiện ra trên mặt kính. Tóc tai mặt mũi này, những người áo trắng này, mười một năm đã qua rồi. Bao nhiêu năm nữa thì mình sẽ vào đây, không phải để đêm đêm đi qua những cánh cửa phòng này, lắng nghe những nhịp tim thoi thóp này mà là để nằm trên chính những chiếc giường kia, sống giữa những cơn mộng du trở lại cuộc đời những đêm thâu tràn dãi hay ngủ những giấc ngủ triền miền của những thân xác không tiếng than?

Ở ngoài kia, trăng treo cao ngất trên đỉnh ngọn cây, trời trong và xanh đục những sương mù. Ánh sáng vàng như thấm lạnh đến từng chân tóc. Trăng đầy. Trăng cũ. *Một đàn con trai rủ đàn con gái ra ngồi nhìn trăng*. Tiếng kim đồng hồ nhích từng giây gõ vào đêm. Gõ vào đầu. Những tế bào già đi theo từng sát na. Chi chợt nghe người rờn rợn như muốn lên cơn sốt. Ở dưới đường phố, một chiếc xe vừa lao vút qua, tiếng bánh xe nghiến rợn trên đường nhựa đánh thức một con chim ngủ đâu đó giữa những lùm cây bên cửa sổ kêu lên thảng thốt như tiếng trẻ con khóc giật mình. Giữa những tiếng động ấy là tiếng nấc của mụ Edna nghe rõ mồn một từng chập từng chập. Mụ này có cái tật mỗi lần thấy mụ May cùng phòng có con cháu đến thăm lại quay mặt vào tường khóc nức nở không cách gì dỗ được, và bao giờ cũng vậy, trận khóc ban ngày kéo theo những cơn nấc dồi từng chập ban đêm nghe như nghẹt thở. Ánh trăng, theo tay kéo màn cửa của Chi, lùa vào phòng, dọi trên khuôn mặt quắt queo như gẫy gục xuống ngực của mụ Trina, cái miệng há hốc không răng thở phì phò như một cái hang gió lùa của mụ Amy. Con búp bê gẫy tay của mụ Carla nằm lăn dưới chân giường giữa vùng ánh sáng của ánh trăng, cái miệng nó ngoác cười đến tận mang tai trông như mặt một con quỉ nhỏ.

Chi bất giác đứng dừng lại ở một phòng mà nàng vừa nhận ra là có đến hai giường trống. Nàng bước vào nhìn đăm đăm hai chiếc giường đã được làm sạch trải phẳng phiu để chờ đón những con bệnh mới,tự nhiên cảm thấy như nghẹt thở. Ai vừa chết mất vậy?

Những cái tên lùng bùng trong đầu. Những khuôn mặt xác chết y hệt như nhau ở mức độ già nua và sầu thảm. Marian. Barbara. Joanna. Những khuôn mặt da trắng khi tắt thở lại càng trắng bệch như vôi. Tiếng Henrietta gọi ơi ới ở ngoài đầu hành lang kéo Chi ra khỏi cơn nghẹt thở lùng bùng đầu óc, Chi kéo nhanh màn cửa, quay vào gọi nó:

— Henrie, Henrie, lại đây...

Henrietta quay lại theo tiếng Chi, đứng dừng trên ngưỡng cửa, bóng nó đổ thành một vệt dài cắt khoảng trăng chiếu mờ trên tường ra làm đôi:

— Gì vậy ?

Chi chỉ tay về hai chiếc giường trống:

— Tao nghĩ hoài không ra tên hai mụ nằm đây... Tao nhớ cả hai còn khá lắm mà...

Henrietta trừng mắt:

— Mày có mê ngủ hay không? Mụ Janette đổi qua Station 1 hôm qua, còn mụ Louise thì chết ngay trong Beauty Room trong lúc đang uốn lại mớ tóc đỏ để mừng sinh nhật thứ 83 sáng này; mày vừa mới nghe Report đây mà, quên rồi à? Mày làm sao vậy?

Chi thừ người :

— Không biết nữa... Không hiểu sao tao nghe nói Louise này mà cứ nghĩ đến Louise ở phòng bên kia...

Henrietta tỏ ra rất quen thuộc với những cơn lơ đãng bất thần của Chi, nó tiến tới, tát nhẹ vào một bên, rồi cả hai bên má Chi, riễu cợt:

— Tỉnh chưa em? Thôi dù sao mụ cũng chết rồi, để lát nữa khóc cũng được. Bây giờ nghe tao hỏi đây. Mày thấy mụ Gloria của tao đâu không?

Chi không bỏ lỡ cơ hội lên giọng lại :

— Mụ ngủ gục bên TV Room chứ đâu. Mày sang đó thì biết.

Henrietta khoát tay:

— Mày đi với tao đi.

Chi nheo mắt:

— Mày... sợ ma à?

Henrietta lại chồm tới, chĩa những ngón tay sơn móng đỏ trước mặt Chi:

— Mày lộn rồi, tao chứ đâu phải con Sandy, tao thì trị cả người lẫn ma. Tao chỉ e mình tao lôi mụ Gloria về phòng thì hơi khó vậy thôi. Có đi hay không thì bảo?

Chiếc TV lớn ở TV Room vẫn còn mở với âm thanh vừa đủ một người nghe. Mụ Gloria kéo ghế ngồi gần như sát với khung kính màn ảnh nhỏ, gục đầu vào thành ghế thở nặng nhọc, cặp kính trễ xuống sống mũi khoằm, một giòng nước dãi chảy chảy từ bên

mép xuống đọng lại ở một ngấn trũng của chiếc cổ da nhăn nhúm, Henrietta lay nhẹ vai Gloria:

— Gloria, Gloria, dậy đi thôi... Đêm nào mụ cũng ngủ gục ngoài này vậy sao? Nào, Gloria, về phòng nào, khuya lắm rồi... Oh, sao hôm nay mụ mặc cái áo đẹp thế này...

Gloria cựa mình ậm ừ rồi lại gục đầu xuống ngủ tiếp. Henrietta gỡ cặp kính cũ vàng ệch buộc dây lòng thòng bỏ vào túi áo mụ rồi xốc nách mụ dậy. Gloria bước lê theo Henrietta và Chi, lúc thì ngã đầu vào vai nàng, lúc thì đổ sang bên Henrietta, đôi slipper cũ bay hết lớp nhung mịn trên đầu mũi kêu lẹp xẹp theo bước chân mụ. Gloria là một trong những bệnh nhân lâu đời nhất ở đây, mụ được đưa vào đây từ mười hai năm về trước. Hồi ấy mụ còn rất khỏe mạnh, chẳng cần đến ai săn sóc và cũng không muốn bị săn sóc, ít khi nào mụ chịu ở yên trong phòng. Suốt ngày mụ quanh quẩn ngoài phòng ăn, xếp đi xếp lại những cuốn sách trên kệ, tỉ mỉ lau từng chiếc lá của những chậu cây cảnh, vui vẻ giúp nhà bếp dọn bàn trong giờ ăn, xông xáo và hoạt bát nhất trong những buổi nói chuyện được tổ chức hàng ngày giữa các bệnh nhân... Nhưng theo thời gian, sức khỏe mụ suy yếu dần và từ khi Chi đến làm việc ở đây, nàng chỉ thấy mụ lủi thủi ngồi ngoài TV Room suốt ngày. Và cũng vì phải vào ở đây khá sớm nên trong tình thương, trong niềm mong nhớ mà mụ dành cho con cháu luôn luôn pha lẫn một nỗi buồn tủi vô biên. Lũ con cháu Gloria thì mỗi năm vào thăm mụ được khoảng ba lần, lễ Giáng Sinh, Sinh nhật mụ và Mother Day. Chúng mang vào cho mụ những gói quà buộc nơ xanh đỏ, những tấm thiệp, kẹo Chocolate, phần gà tây và cây thông giả buộc đồ chơi lủng lẳng. Gà tây thừa mứa cộng với phần gà tây được dọn đặc biệt trong những ngày lễ ở đây thì mụ dúi cho tất cả mọi người chung quanh tầm tay mụ, kẹo chocolate thì mụ nhai suốt ngày đêm bằng tất cả niềm vui của một cô bé lên mười. Những gói quà, những dây nơ xanh đỏ bạc màu từ nhiều năm dồn lại được mụ xếp cẩn thận phẳng phiu để đầy chung quanh đầu giường. Cây thông nhỏ treo những đồ chơi giả ngớ ngẩn chỉ làm vui mắt trẻ con thì mụ giữ hết từ mùa đông sang đến mùa xuân, mùa hạ, mùa thu rồi mùa đông sang năm. Cho đến khi góc phòng và tủ dành cho mụ không còn đủ chỗ nữa, mụ mới tiếc rẻ đưa cho người con những cây cũ nhất, dặn đi dặn lại rằng phải đem về nhà, cất kỹ cho mụ ở trong một chiếc tủ nào đó. Bà con gái mụ cau có ôm những cây thông bụi bám ra khỏi phòng, vất ngay vào chiếc thùng rác bên hông hành lang. Mụ khóc rồi cười tíu tít, kể lể huyên thuyên những câu chuyện của ba, bốn tháng dồn lại để thỏa niềm hờn tủi nhớ mong, để cầm chân lũ con cháu ngồi lại thêm được phút nào hay phút nấy. Nhưng những câu chuyện huyên thuyên

của mụ, cố gắng lắm thì cũng không đi xa hơn được cái không gian buồn rầu mà lũ con cháu mụ hết sức không muốn nghe nhiều hơn, thuốc men bệnh tật, bác sĩ, y tá, những bữa ăn hàng ngày, mụ già cùng phòng mới được đưa vào tháng trước đến hôm qua đã chết... Lũ con cháu, dường như yên tâm thấy mụ chưa chết, tự cảm thấy đã làm tạm đủ bổn phận, bấm nhau ríu rít rút về. Lâu dần, có lẽ mụ cũng cảm thấy mình còn may mắn hơn nhiềungười khác, những người không bao giờ có ai vào thăm, không bao giờ có cây thông giả để bày trên tủ ngoài những tấm thiệp của nhà thờ gửi tới cho mỗi bệnh nhân vào mùa Giáng Sinh kèm theo cuốn Kinh Thánh, và một vài tấm thiệp của những người thân còn sót lại trên cõi đời được gửi tới thằng hoặc mỗi năm vài lần mang con dấu những tiểu bang xa xôi nào đó. Những tấm thiệp màu mè, lời lẽ in sẵn, ký tên nghuệch ngoạc kèm theo một vài chữ vội vàng và máy móc đến nực cười, ... *We love you, Think about you, Care about you, You are my love*... Cho đến gần nửa năm nay thì cuộc sống hàng ngày của Gloria thay đổi hẳn. Người con rể mụ chết vì một tai nạn xe hơi, bà con gái đột nhiên trở thành góa bụa, trơ trọi vì những đứa con lớn đã bỏ đi xa. Bà này vào khoảng 50 tuổi, không còn đủ trẻ và đẹp để lấy được chồng khác, không đủ giàu để được tán tỉnh và bị allergy với chó mèo nên cuối cùng, bao nhiêu tình thương có dịp dồn lại hết cho bà mẹ già. Có lẽ cho đến lúc ấy bà ta mới chia chung được hết nỗi buồn của cảnh già hiu quạnh, thấm thía được hết lẽ phù du của kiếp người. Bà ta vào thăm Gloria mỗi ngày một lần vào giờ ăn buổi trưa hoặc chiều, thường thì vào buổi chiều là cái giờ khắc mà người ta dễ cảm thấy âu sầu nhất trong ngày, đút thức ăn cho mụ, dắt mụ đi dạo quanh ngoài vườn, ngồi lại thủ thỉ với mụ cho đến khi trời tối. Cái cảnh hai mẹ con mà người con gái cũng đã xế bóng quanh quẩn san sẻ tình thương cho nhau trông rất dễ mũi lòng. Nhưng không may, cái cảnh êm đẹp mũi lòng ấy không kéo dài được lâu, người con gái Gloria lại không sống lâu bằng mụ. Bà ta chết sau một cơn đau tim ba tuần lễ trước. Các cháu Gloria quyết định không cho mụ hay vì để một mụ già 80 tuổi khóc con thì cũng chẳng có ích gì hơn là để mụ sống thêm được ngày nào hay ngày ấy trong niềm tin tưởng rằng con mụ còn sống ở đâu đây. Khoảng một tuần lễ sau khi tang lễ xong xuôi, một cô bé xinh đẹp mười sáu tuổi, con út của bà này, cháu ngoại Gloria, vào thăm mụ với một bó hoa màu tím. Cô ta nói mẹ cô bận đi thăm các anh chị cô ở đâu đó trong ít lâu. Gloria không thắc mắc gì vì con hay cháu gì thì cũng thế, miễn là có người vào thăm để mụ tin rằng mụ còn được nghĩ tới là đủ. Dường như mụ còn có chiều hãnh diện khi nói với mọi người chung quanh rằng cô gái tươi trẻ xinh đẹp như một cây thông non kia chính là cháu mụ. Nhưng tiếc thay, cái tình thương

của một cô bé mười sáu tuổi đối với bà ngoại già giống như một cơn mưa bóng mây tưới không đủ thấm vầng đất hạn và cái cảnh giới buồn rầu trong Nursing Home không giữ được cô bé quá ba buổi chiều mùa đông, là cái khoảng thời gian rộn ràng xao xuyến nhất của năm. Cô ta vừa mất cả cha lẫn mẹ thì lại càng có quyền đi tìm các nguồn an ủi khác chứ đâu có bổn phận phải trở thành nguồn an ủi của ai. Thế là từ sau ngày cô bé biến mất, mỗi ngày vào giờ ăn chiều, khi các con bệnh tương đối khỏe đã được đưa ra phòng ăn và các bệnh nặng nằm trên giường đã có khay ăn trước mặt, chỉ còn Gloria chống cái *walker* đứng lẻ loi tựa cửa phòng, mắt đăm đăm dõi về phía tít cuối dãy hành lang, nơi có cánh cửa ra vào dành cho khách thăm viếng. Tất cả mọi lời khuyên nhủ đều được mụ từ chối một cách buồn rầu: "Tao phải chờ con tao, cháu tao... Thế nào tụi nó cũng tới mà..." Cuối cùng, khi thức ăn đã nguội lạnh, nhịn mãi cũng đói, mụ lủi thủi ngồi xuống chiếc ghế của mụ, chiếc ghế trống dành cho người con gái kê sát bên cạnh. Hờ hững nhìn khay ăn được ân cần đưa tới trước mặt, mụ đẩy ra hết các phần thịt, rau, trứng.. lóng cóng xúc từng muỗng cereals vào miệng, nuốt như nuốt phải độc dược, nước mắt trào ra từ hai khóe mắt loà, chảy dài xuống khuôn mặt nhăn nhúm như một trái táo tàu khô. Trông mụ giống như một đứa bé đợi mãi không thấy mẹ về chợ để vòi quà, phải ngồi ăn một mình trong lẻ loi và hờn tủi. Quần áo của mụ, trong những tháng sau này, được người con gái đem về nhà giặt hàng tuần sau khi mua sắm cho mụ một loạt mới, thải hết những quần áo cũ mà trong mười hai năm trời bà ta đã không quan tâm cho lắm. Bây giờ thì Laundry Room lại đảm nhận trở lại việc giặc giũ cho mụ như cũ, và chỉ cái việc phải ghi tên và số phòng vào mặt lưng trái những chiếc áo của mụ cũng làm Gloria ngồi kể lể hàng giờ với con gấu xám mà người con gái đem vào để bên gối mụ hồi lễ Tạ Ơn. Gloria héo hắt đi nhanh chóng như một cái cây vừa bị đốn gốc, mái tóc xám lơ thơ cũng vừa uốn lại hồi dịp lễ rụng tơi tả, mụ ngủ những giấc ngủ chập chờn cả đêm lẫn ngày. Có lẽ mụ không còn sống được bao lâu nữa. Nhưng mụ chết đi thì cũng chỉ có nghĩa là một hồ sơ nữa được đóng lại, ở đây, và cô bé xinh đẹp mười sáu tuổi kia không chắc sẽ nhỏ được một giọt lệ u buồn nào. Thời gian mà Gloria sống ở đây dài gần bằng tuổi đời cô ta, và có lẽ ở trong trí nhớ mới lớn của cô gái nhỏ ấy không giữ được một chút kỷ niệm nào về bà ngoại già. Cô ta cũng đã không được dậy cho về lòng yêu thương, tình hiếu thảo và bổn phận, không kịp thừa hưởng chút nào cái di sản tinh thần từ tình thương muộn màng mà mẹ cô ta đã đem đến cho Gloria những ngày cuối cùng của cuộc đời, nên bó hoa màu tím và một vài buổi chiều đến thăm mụ đối với cô ta chỉ có nghĩa là một trong những công việc

phải làm sau khi mẹ mất. Sau đó, cây thông tươi non lại tiếp tục hối hả lăn vào cuộc đời, chờ đợi những mùa vui để Gloria, cây thông tàn úa trở về với góc phòng của mụ, sống tiếp phần đời của mụ cho đến khi thực sự chết đi.

Vốn tính hiền lành, buồn rầu và lặng lẽ, không trở tật trái chứng, nói năng lúc nào cũng như cầu khẩn van xin nên ai cũng thương mến Gloria, và bây giờ người ta chịu đựng những lời kể lể than trách rì rầm ngày đêm của mụ như chịu đựng một thứ kinh cầu nguyện. Một thứ kinh cầu nghe não nuột lê thê nhưng ai cũng cố nhủ mình phải nghe để cứu rỗi cho phần hồn mai sau. Cái mảnh linh hồn nhỏ nhoi lắt lay tội nghiệp như đốm lửa tàn của một ngọn đèn mà dầu đã cạn khô tới đáy. Những đốm lửa tàn cháy chẳng soi sáng được cho ai mà cho chính nỗi buồn rầu thảm thiết, cho lòng oán trách cuộc đời bội bạc vô tâm.

Gloria được đặt lên giường, quay úp mặt ngay xuống gối, đôi vai rung động theo một nhịp thở yếu ớt đứt quãng. Chi biết mụ chưa ngủ say, tần ngần không biết nên đứng lại hay bước ra ngay để tránh cơn khóc giật mình của mụ thì mụ đã chồm dậy, nắm lấy tay áo Henrietta đang đứng ngay bên đầu giường, ghì mạnh:

— Nancy, Nancy hả?... Sao con đi lâu quá vậy?... Mẹ chờ con lâu quá, Nancy...

Henrietta đưa mắt nhìn Chi, buông tay đứng sững, nhún vai cười nhưng mắt nó thì không. Chi nhẹ gỡ từng ngón tay Gloria ra, đặt duỗi cánh tay mụ xuống dưới lớp chăn, chận thêm hai chiếc gối hai bên đầu vì Gloria ngủ hay lăn lộn va đầu vào thành giường, đoạn kéo Henrietta bước ra, hi vọng mụ sẽ ngủ lại mau chóng với giấc mơ hiền lành có người con gái cuối đời cũng không hạnh phúc nên đem hết tình thương muộn màng về giành cho bà mẹ già trăm tuổi. Đi bên cạnh nàng, Henrietta thì thầm, giọng thật buồn, thật khẽ, Chi Chi, tao thấy Gloria đã quá già nua để phải sống thêm nữa, chờ đợi thêm nữa và mộng thêm nữa những giấc mộng đẹp buồn rầu như vậy.

*
* *

*H*enrietta buông mình nặng nề xuống chiếc ghế dài, thuận chân đá luôn vào đùi Grace, bên mà chiếc vớ nylon đã rách xoạc từ lúc nãy:

— Sao, mày có định cởi vớ ra không hay là định mặc luôn đến sáng mai đây?

Grace ngước lên, lắc đầu:

— Tao cũng không biết nữa, cởi ra bây giờ thì lạnh chân, mà để đến sáng mai, trước mắt tất cả mọi người thì lại càng không ổn

hơn nữa.

Henrietta đắc ý cười rộ lên:

— Tao đã nhắc mày nhiều lần rồi, cả con Chi nữa, những đứa cứ chuyên môn mặc váy đó. Đi làm ban đêm thì mặc quần cho nó tiện, lại ấm nữa, ai vào đây mà ngắm đùi mày đâu. Còn đã quen tật mặc váy thì lúc nào cũng phải mang sẵn một đôi panty hose nữa, một áo khoác nữa, để khỏi phải mò xuống Laundry Room mà giặt áo như con Sandy hôm nay vậy. Tao thì lúc nào cũng có sẵn cả một bộ uniform để ngoài xe, tiện lợi cho những khi cần thiết.

Grace toan nói gì đó, nhưng lại ngưng bặt, nghiêng đầu lắng nghe. Từ phía hành lang dẫn ra dãy phòng đàn ông, tiếng lão Monpavio vọng ra lồng lộng: *"... Number one... Number one... Number one..."* Henrietta lại rũ ra cười:

— Đến lượt mày đó Chi. Lão cũng tử tế đấy chứ, lão đợi đến lúc tụi mình thong thả một chút rồi lão mới lên tiếng đấy.

Chi nhìn khuôn mặt bung ra như một bông hoa vì trận cười dòn của Henrietta, lại một lần nữa thấy thèm được cười hết miệng như nó, dù thật ra thì nụ cười hết miệng ấy cũng không làm Chi quên được ánh mắt buồn sững khi mụ Gloria nắm lấy tay áo mà gọi nó là Nancy lúc nãy. Và cũng rất nhanh, khi Chi liên tưởng tới đôi mắt buồn của nó, Henrietta vụt thở dài ảo não:

— Bây giờ tao lại đâm ra nhớ thằng Dick quá. Thật là điên mới không đi chơi với nó đêm nay để chui đầu vào đây nghe cái thứ *moon-language* này... Oh... Dick...

Chi chận nó lại:

— Thôi đừng giả bộ màu mè nữa Henrie, mày mà nhớ nhung gì thằng Dick, đừng có lôi tên nó ra mà gọi ầm ĩ ở đây, không át được giọng lão Monpavio đâu.

Grace tiếp:

— Lão Monpavio thì lão vẫn hét *Number one* đêm ngày mà. Đêm này thì lão chỉ hét lớn hơn chút đỉnh thôi. Mày đâu có lạ gì cái thứ *Moon-language* của lão đâu mà vờ ngây thơ, *Henrietta Lobster*, ... Oh... không, *Henrietta Lopez*...

Henrietta chụp cái ống nghe trên bàn ném luôn vào Grace. Grace nghiêng người chụp lấy, khúc khích cười. Henrietta cau có:

— Tao chẳng có ngây thơ gì, nhưng thỉnh thoảng chắc tao cũng ngây thơ hơn mày chút đỉnh vì tao sống đến đâu nghĩ đến đó, còn mày thì mày nghĩ trước và nghĩ nhiều hơn là sống, đôi khi tưởng tượng nhiều quá đi trước cả sự thật... Oh, tao không ưa những cái loại như mày... Ê Chi, mày có ưa cái loại như nó không?

Chi cười nụ:

— Mày có biết rằng khi mày nói như vậy là mày đang nói cả tao đấy không?

Henrietta ngồi dựng dậy nhìn Chi. Grace có thêm vây cánh, lại càng cười dòn hơn, vung cánh tay thon mượt lông măng vàng ném trả cái ống nghe lại cho Henrietta:

— Có thật là mày sống đến đâu nghĩ đến đó không? Hay là sống mà chẳng nghĩ quái gì hết? Oh, tao cũng chúa ghét những cái loại như mày...

— Loại tao thì sao? Loại tao thì sống tự nhiên thôi chứ sao. Cái loại khoác bên ngoài lớp thiên thần áo trắng như mày mới là đáng ngờ đấy.

Grace hứ lên:

— Mày làm như là mày không mặc áo trắng vậy!

— Nhưng tao la lớn cho mọi người biết là tao đen. Còn mày hả? Thí dụ nghe, lão Monpavio đó. Lão la *Number One* ít, tao khó chịu ít, lão la nhiều, tao khó chịu nhiều. Còn mày thì có quỉ biết được là lão dội vào trong đầu mày những gì. Bọn thục nữ ở thời này thì một là điên, hai là bệnh hoạn, ba là đạo đức giả, bốn là xấu đến nỗi không thằng nào thèm ngó tới. Mày không thuộc loại thứ tư, vậy thì chỉ có thể là một trong ba loại trên...Em ơi, mày làm tao nhớ tới *Madonna, just like a virgin.*

Grace đứng bật dậy, Chi tưởng nó sẽ nổi giận đến nơi, nhưng không, nó chỉ đỏ mặt, toan bước đi, rồi lại ngồi xuống, với tay lấy một tờ tạp chí, lật giở lơ đãng như thể không quan tâm tới câu chuyện với Henrietta nữa. Dáng nó nhỏ nhẹ buồn buồn, mái tóc vàng không cuốn chải thả hết về sau lưng, khuôn mặt nhìn nghiêng đẹp như một pho tượng trắng. Chi ưa nhìn cái vẻ dịu dàng của Grace mỗi khi nó cúi xuống giường bệnh nhân hỏi han bệnh tình, giọng nó ngọt ngào như mật, trong vắt như suối. Cái vẻ đẹp của thập niên 50 chứ không phải thập niên 80 như Henrietta, vậy mà hai đứa vẫn cứ chơi thân với nhau mới hay. Cảm thấy đã bắt đúng mạch Grace , Henrietta lại nhào tới ôm lấy con nhỏ như nó đã ôm Chi lúc nãy. Grace hất tay Henrietta, quay đầu về phía khác :

— Mày nói sai rồi Henrie. Nhưng thôi, bỏ chuyện cái lão mù đó đi.

— Bỏ sao được khi mà lão vẫn hét vang bốn bề kìa. Mày muốn nói tao nên nhét bông gòn vào tai hả ?

Grace nhìn sang Chi:

— Mày nói đã có sẵn mấy cái *urinal* trên giường lão rồi phải không Chi?

— Ừ, cứ nghe tiếng lão thì biết mà. Lão hét theo một điệu đều đều chứ không khẩn cấp gì. Nếu tụi mày muốn thì tao sẽ... dán miệng lão lại cho, nhưng với điều kiện, nếu bà Beth mà thấy thì một trong hai đứa tụi mày phải nhận nghe.

Henrietta càu nhàu:

— Con Grace có muốn thì nhận, không có tao à. Trước sau tao vẫn không tán thành cái kiểu bà Beth không cho khép cửa các phòng ồn ào như phòng lão Monpavio lại. Để những đứa điên cứ hét lồng lộng như vậy thì ảnh hưởng tới những đứa tỉnh luôn chứ ích gì. Mỗi đứa một câu nghe phát điên lên được... — *Tao không cột mày... — Sao mày cột ta... ao — Hàm răng tao đâu?... Hàm rằng tao đâu?... Number one... Number two...* Ê Chi, tại sao mày lại chui vào cái nghề này? Ở xứ mày có những chuyện như vậy không?

Chi quay lại nhìn Henrietta, rồi quay nhìn đôi mắt trong vắt của Grace, đột nhiên thấy giọng mình trĩu xuống.

— Mày muốn biết hả, nghe tao đây. Suốt đời tao không biết đến chữ Nursing Home cho đến khi bước chân sang đây. Và tao không thể hình dung ra được Nursing Home như thế nào cho đến khi bước chân vào đây. Bà ngoại tao, bà nội tao đã sống nhọc nhằn suốt cả đời, mòn mỏi suốt cả đời vì loạn lạc, vì chiến tranh, vì đưa hết chồng đến con trai đi ra trận, nhưng đến lúc chết thì bà tao đã chết trong toại nguyện...

Cả Henrietta lẫn Grace cũng im lặng nhìn Chi, nàng tiếp:

— Vì bà tao đã chết giữa tình thương vây bọc chung quanh, vì cho đến giây phút cuối cùng, bà vẫn sống như một người có ích cho con cháu, vẫn là bài học của sự kiên nhẫn, lòng hi sinh, vẫn là hình ảnh tiêu biểu để hi vọng về một tương lai tốt đẹp hơn.

Henrietta lắc đầu chồm tới Chi rồi lại bật trở ra, chiếc ghế dài như oằn lại dưới cử động nặng nề của thân hình nó:

— Làm sao người ta có thể sống được như thế, khi người ta đã già mất rồi?

Chi lập lại từng tiếng:

— ... Người ta vẫn sống như thế, và người ta sẽ còn sống như thế...

Henrietta chợt cười khặc lên:

— Oh, oh, tao hiểu rồi. Tại vì ở xứ mày, người ta luôn luôn phải mơ tưởng về một tương lai tốt đẹp hơn chứ gì? Còn ở đây, ở trên đất nước giàu có với một nền văn minh nhất thế giới này thì tụi tao đâu có cần phải mơ tưởng gì tới một tương lai nào khác nên cũng đâu cần phải ngả mũ chào quá khứ một cách quá ân cần làm chi. Cái tình thương yêu mà tụi mày dành cho ông bà cha mẹ, cho thế hệ trước chung qui chỉ có nghĩa là sự biến dạng đẹp đẽ của lòng thương xót về sự nhọc nhằn nghèo đói bệnh tật chiến tranh và chậm tiến mà đời họ đã phải trải qua thôi....

Chi cảm thấy rõ hai má mình đang nóng bừng lên, cơn giận dâng lên nghẹn cổ. Cơn giận mà nàng biết rằng đến một mức nào đó thì mớ ngôn ngữ của nàng sẽ không đủ để ném trả lại Henrietta.

Rất nhanh, Chi muốn bật cười, đồng thời, kỳ quặc thay, nàng lại thấy thương xót cho Henrietta như chưa bao giờ thương xót nó đến thế. Chưa bao giờ Henrietta hiện ra dưới mắt nàng với đầy đủ tính chất Mỹ trong cuộc sống và cách nhìn cuộc đời như thế. Giọng Chi khàn lại, nàng lựa từng chữ một:

— Tội nghiệp mày Henrie. Cách lý luận của mày không những tối tăm mà lại còn bội bạc nữa. Tao nhắc lại, đó là một sự bội bạc khi mày nói rằng tụi mày không cần phải mơ tới một tương lai nào khác nên cũng không cần phải ngả mũ chào quá khứ quá ân cần làm chi. Kế đó là một sự tối tăm vì mày không hiểu rằng đối với chúng tao, tình yêu thương dành cho cha mẹ già đặt trên căn bản thiêng liêng của huyết thống, của một nền tảng gia đình nó ràng buộc chặt chẽ từng người lại với nhau, như những mắt xích không rời, từ lúc sinh ra cho đến khi chết đi. Nhưng nói cho cùng, mày cũng không có lỗi gì đâu Henrie, vì cả một xã hội mà mày đã sinh ra và lớn lên đã được tập thành như vậy mà. Và dường như là mày cũng không định có con làm gì cho mệt vì dẫu cho có nuôi nổi đến mười đứa rồi thì mày cũng phải chết già chết héo một mình ở đây như tất cả mọi người đang ở đây mà thôi. Ồ, Henrie, tụi mày đang tìm cách xóa bỏ đi càng nhiều càng hay những món nợ tinh thần, những mối dây ràng buộc đời trước với đời sau. Người ta đẩy con cái ra khỏi nhà rất sớm, nói là để chúng tự làm ra tiền, tự hiểu giá trị củađồng tiền,tự rèn luyện tinh thần độc lập. Người ta cũng đẩy cha mẹ vào Viện dưỡng lão rất sớm, nói là để họ được chăm sóc chu đáo, được sống trong môi trường thích hợp giữa những người đồng tuổi, được thoát khỏi mọi phiền toái của cuộc đời bon chen. Đó là một *sự man trá về tinh thần và là sự tự hủy về xã hội,* mày có biết không, Henrietta?

Chi thở ra rất dài như một con cá bị ném ra khỏi mặt nước. Đúng hơn, như một con cá sống trong dòng sông bị cuốn trôi ra biển rộng. Với cái ý tưởng đó, nàng cựa quậy trong chiếc ghế như bị ngộp thở vì nước mặn. Đôi mắt Henrietta mở to nhìn nàng như không khép lại được nữa. Chi nghĩ, mặc nó, mặc nó. Nó có man trá hay tự hủy gì thì cũng mặc nó. Đất của nó đời của nó, nó muốn sống như thế nào thì mặc nó. Ai bảo mình trôi dạt đến đây làm gì. Chi nhắm mắt lại, lặng nghe cái cảm giác nóng ấm của những dòng nước mắt chảy vổ về xuống má. Henrietta và Grace cũng im lặng. Chung quanh cả ba chỉ có tiếng hét đều đặn của lão Monpavio vọng lại và tiếng kim đồng hồ treo trên tường điểm từng tiếng tích tắc tích tắc. *Tiếng chân của tử thần,* Henrietta vẫn gọi thế, và Grace sửa là *Tiếng thời gian,* để nghe cho rõ đỡ sợ. Một lúc lâu, lâu lắm, Henrietta bước đến ngồi bên cạnh Chi, đặt lên tay nàng:

— Tao xin lỗi mày, Chi. Có lẽ... Tao chưa hiểu hết những điều

mày nói đâu, nó làm tao mệt trí cũng y như là khi mày nói về tụi cộng sản ở nước mày vậy, nhưng tao cảm thấy là mày nói đúng và sau này tao sẽ hiểu nhiều hơn. Có lẽ mày nói cũng đúng nữa Grace, nhiều khi tao sống mà chẳng nghĩ gì cả. Tao không muốn nghĩ, thật đó, nó làm mệt óc quá...

Chi quay lại nhìn Henrietta, nhìn Grace, nhìn hai khuôn mặt thân thiết đã chia chung với nàng những đêm dài ở đấy. Những đêm dài rất dài, những giờ khắc khi tất cả mọi người, tất cả cuộc đời đều ngủ kỹ thì *những nàng áo trắng điên rồ và cao cả* này ở đây, đi qua những cơn đau, nhìn xuống những nỗi buồn dài, thấm thía nỗi chết lặng lẽ vào tâm hồn, và rồi gây gỗ nhau, giận hờn nhau, yêu mến nhau. Chi thấy mình mỉm cười, cảm giác ngộp thở biến mất. Grace vươn vai đứng dậy:

— Thôi tao đi xuống phòng Monpavio đây, đêm nay mà nghe lão hét thêm nữa thì nhức đầu điên lên mất. Mày có đi với tao không Chi?

— Chi nhìn đồng hồ tay, lắc đầu:

— Thôi, tao đợi hai mươi phút nữa xuống dãy C luôn thể. Mày coi lại sổ xem lão có còn thuốc không thì order thêm cho lão.

Grace với tay lấy chùm chìa khóa đi về phía tủ thuốc, mở ngăn thuốc của lão Monpavio ra rồi quay lại:

— Yên tâm, lão còn đủ thuốc uống cho đến... sang năm...

Henrietta tiếp luôn:

— Chỉ sợ lão không còn sống đến sang năm để mà uống thôi...

Grace nguýt Henrietta rồi bỏ đi vào Utility Room, một lát sau, lại có tiếng những cái *thermometers* lao xao trong tay nó. Grace có cái tật trẻ con một cách đáng yêu là chuyên môn dùng những cái thermometers thủy ngân để lấy nhiệt độ bệnh nhân. Không phải vì loại này chính xác hơn mà vì nó thích nghịch với hàng chục chiếc thermometer vừa dùng trong ngày được ngâm trong chiếc khay nhôm đổ ngập .....alcohol, nghe vui tai như tiếng những chiếc khánh reo ngoài vườn cây trong những buổi chiều đầy gió, nó nói. Và y như Chi đoán, trong vườn nhà Grace có treo đến năm bảy chiếc khánh nghe lao xao ríu rít ngày đêm. Chi đã cười bảo nó, mày thật là một em gái Hoa Kỳ mà tâm hồn đầy tiếng chuông khánh nhã nhạc Đông phương, chắc tao phải tìm cho mày một chàng boyfriend Việt Nam, không thôi mày lại rơi vào một tay một anh quân tử Tàu nào đó thì thật uổng.

Henrietta vẫn ngồi bên cạnh Chi, dựa đầu vào thành ghế, nhỏm dậy nói với theo Grace:

— Ê, mày làm sao cho lão câm họng lại được mới hay. Bằng không thì đừng bầy đặt êm ái, bày đặt lương tâm nghề nghiệp, mất công lắm nghe.

Grace không nói gì nữa, tiếng chân nó xa dần. Một lúc sau, lão Monpavio im bặt, có lẽ Grace đang nói năng gì đó. Được một lát, lão lại bật lên nói hàng tràng dài bằng tiếng mẹ đẻ. Thứ tiếng Ý có toàn vần O ở cuối âm phát ra từ cuống họng đặc sệt của lão nghe khục khặc khó chịu như tiếng một con vẹt chửi bới khách qua đường.

Monpavio Gustavo thuở còn trẻ có lẽ cũng nói chút ít tiếng Anh, nhưng từ ngày lão được đưa vào đây thì số lượng Anh ngữ mà lão dùng để tiếp xúc với loài người gần như chỉ còn gom vỏn vẹn vào hai câu bất hủ: *"Number one"* và *"Number two"*. *Number one* có nghĩa là lão muốn đi tiểu và *Number two* khi lão muốn đại tiện. Dĩ nhiên lão nói *number one* thường xuyên hơn dù thật ra lão cũng chẳng cần phải nói năng gì khi làm cái công việc đó, lại cũng không cần phải hét vang dội khắp cùng như thế. Bên thành giường lão lúc nào cũng được máng sẵn ít nhất là một cái *urinal* ngay trong tầm tay lão để lão có thể dùng cả những lúc cần lẫn những lúc không cần. Đối với một người khách lạ mới đến thăm viện thì *number one number two* có vẻ như là một lối đếm nhịp cho buổi tập thể dục hàng ngày cho các bệnh nhân. Lâu ngày rồi nó cũng trở thành bình thường và nhàm tai như vô số điệp khúc kỳ dị của các bệnh nhân khác đã trở thành bình thường và nhàm tai vậy. Mỗi người một câu riêng, một cách la hét khác nhau, một nguyên nhân do tâm lý hay sinh lý lặng thầm. Mỗi người là một câu chuyện dài buồn rầu và nhiều chuyện dài buồn rầu sống lẫn nhau trong một không gian, gọi tên la lớn hàng ngày trở thành những chuyện buồn cười những chuyện phát điên. Riêng với Monpavio thì chỉ khi nào điệp khúc của lão được hét lên với một giọng hốt hoảng khẩn cấp lắm thì người ta mới chạy đến vì như thế có nghĩa là cái *urinal* đã tuột khỏi tay lão, ở cuối chân giường hay rơi dưới đất, đâu đó. Cũng có lúc người ta nghe giọng lão gần như nghẹt thở, chạy vào thì thấy lão đang úp cái *urinal* vào miệng mà hét như một đứa trẻ chơi trò hét vào trong ống bơ có luồn dây để truyền tiếng nói rền rền cho một đứa trẻ khác ở đầu giây bên kia. Tấm thân khô đét của lão như chìm mất hẳn giữa đống chăn mền tràn ngập không đắp chăn như vậy thì lão không chịu. Cả chiếc đầu lưa thưa vài sợi tóc xám của lão cũng được trùm quanh năm suốt tháng bằng một chiếc mũ len không rõ ngày xưa vốn là màu nâu, xanh dương hay xám. Ngoài trái thận được cắt bỏ từ hai năm trước, lão liệt hai chân, lãng tai và mù nên cử động của đôi bàn tay tương đối còn khoẻ mạnh của lão rất chậm chạp. Đứng nhìn lão, người ta sẽ có cảm tưởng sẽ không bao giờ lão rút xong đôi cánh tay từ trong lớp chăn ra ngoài hay từ ngoài trở vào trong chăn. Tuy vậy, mọi sự săn sóc muốn dành cho lão phải dừng lại ở đó vì lão sẽ nổi giận với bất

cứ ai tự tiện mở lớp chăn hôi như tổ cú của lão ra mà không mất khoảng từ mười lăm phút đến nửa tiếng để xin phép và năn nỉ lão trước. Và như thế, thay giường cho lão hàng ngày là cả một cực hình mà không ai muốn làm. Mỗi khi hét *Number one* xong, lão cầm lấy cái *urinal,* luồn vào dưới lớp chăn, rờ rẫm rất thận trọng, đoạn miệng lão nói: *"Go"*. Một câu Anh ngữ nữa, như thể không nói thì lão sẽ không *go* được vậy. Xong xuôi, vui vẻ lắm thì lão máng cái *urinal* trở lại vào thành giường, nhưng hiếm có khi nào lão chịu tử tế như thế. Thường thì lão lại từ từ, thận trọng giơ cái bình qua khỏi thành giường, dốc miệng bình xuống, đổ ào hết nước tiểu xuống sàn nhà. Tuy mù nhưng lão đổ rất khéo, không để lại chút gì trong bình cũng không bao giờ để rơi một giọt vào trong chăn. Sau đó, lão lại từ từ máng cái *urinal* trở lại vào thành giường để lại tiếp tục từng ấy điệp khúc và động tác cũ, khoảng mười lăm phút sau. Do cái tật quái ác đó mà góc phòng lão nằm giường A, sát cửa ra vào, nhưng khi phát giác ra được cái tật bất trị trời cho ấy, lão được chuyển vào nằm giường trong cùng để nước tiểu lão có đổ thì cũng chỉ đọng vào góc phòng chứ không tràn trề ra từ ngoài cửa. Ban ngày bọn housekeepers phải lau phòng lão hàng chục lần nên không đứa nào ưa lão, và càng lau thì người ta lại càng thấy rõ rằng nước gạch đã bị chết màu, không thể nào đánh bóng lên được nữa. Việc đầu tiên của con Marita mỗi lần phải xách đồ nghề vào lau góc phòng kinh khiếp của Monpavio là dứ dứ đầu cây lau nhà vào mặt lão, nguyền rủa: "Quỉ bắt lão đi, lão sống làm chi mãi vậy, có ích lợi cho ai nữa đâu..." Đám housekeppers, aides và đám nhà bếp phần lớn là dân Mễ vượt biên giới sang đây, lén lút làm chỗ này một job, chỗ khác một job, đàn ông trông bẩn thỉu và dữ dằn, đàn bà có cái thứ nhan sắc lồ lộ say mê và chóng tàn như một thứ hoa nở một đêm thì không thiếu gì ngôn ngữ tục tằn để nói về lão Monpavio, nói riêng, cũng như về tất cả mọi câu chuyện khác xảy ra trong phạm vi của Nursing Home, nếu không được nhìn dưới cái nhìn đòi hỏi kiến thức tổng hợp của y học, khoa học, tâm lý học và tính nhân bản. Nhưng rất may, những người bệnh khốn khổ ở đây, nói chung, và lão Monpavio, nói riêng thì không nghe được những câu chuyện tục tằn vẫn được nói, được kể hàng ngày trong giờ break, giờ lunch, ở ngoài Employees Lounge, nên lão vẫn tỉnh bơ, vẫn tiếp tục hét *Number one* và vẫn tiếp tục đổ nước tiểu xuống sàn mỗi ngày trung bình năm lần. Cuối cùng, bọn Marita phải tự an ủi là cũng còn may vì lão chỉ đổ *Number one* chứ không đổ *Number two*. Không hiểu vì cái *bed pan* kềnh càng quá đối với lão, lão không thể giơ qua thành giường mà đổ được, hay vì lão cũng nhận thấy rằng đổ *Number two* xuống sàn nhà thì thật dơ dáy quá. Cứ như thế, ban ngày tiếng lão tương đối chìm lẫn

giữa mọi tiếng động ồn ào khác, nhưng giữa đêm khuya, khi mà mọi tiếng động của đời sống trở nên rì rầm mơ hồ và những tiếng động không hẳn của đời sống mà cũng không hẳn của cõi chết, những tiếng rên la mê sảng dội vào trí óc thảng hoặc chập chờn như những cơn mơ kinh dị thì những tiếng hét lồng lộng của lão Monpavio dội giữa những dãy hành lang hun hút nghe vừa quái đản vừa khó chịu đến rợn người. Có lần, trong một lúc bận rộn vì nhiều case bệnh nặng dồn dập xẩy ra, tiếng hét của lão cất lên tức khắc làm Chi nghĩ tới cái mùi nước tiểu nồng nặc chát lên đến tận óc của góc phòng lão, nghĩ tới những cái *urinal* máng thành hàng dài bên thành giường lão trông vừa khôi hài vừa tục tằn như thách đố lòng nhẫn nhục của con người áo trắng.

Nàng tự nhiên thấy giận dữ và khổ sở đến muốn làm bất cứ một điều gì đó để bắt lão phải im miệng, bất cứ một điều gì đó, chẳng hạn như chận một chiếc gối lên mặt lão, chích cho lão một mũi thuốc để lão không bao giờ có thể hét được nữa... Những ý nghĩ vụt qua đầu Chi trong một chớp mắt làm nàng sợ hải đến lạnh lẽo cả người. Một lúc sau đó, đến giờ phải cho lão uống thuốc, Chi bước vào phòng lão, nhìn cái khuôn mặt khô đét chìm khuất giữa lớp chăn ấy bằng cái nhìn sợ hải của một kẻ phạm tội. Cái tội giết người tư tưởng, dù là một loại *Mercy Killing* cũng ở lại trong đầu như một vệt đen không cách gì tẩy xóa. Chi đã dày vò mình về cái vệt đen mà nàng tự vẽ lên trong đầu ấy trong rất nhiều đêm dài. Chi khổ sở vì đó là một điều mà nàng không thể nói với ai, kể cả với Henrietta và Grace. Nàng cứ tự hỏi, có khi nào, có một giây phút nào chúng nó có những tư tưởng tương tự như vậy trong đầu không? Chẳng hạn như khi Henrietta, một con nhỏ táo bạo, hành động trước khi suy nghĩ, nói rất khẽ bên tai nàng, tao thấy Gloria đã già quá già quá rồi để phải sống thêm nữa và mộng thêm nữa những giấc mộng đẹp buồn rầu như vậy.

Con Marta có một lần ghé sát tai Monpavio hỏi: "Hey, Monpavio, còn Number three là cái gì vậy?" Không biết lão có hiểu câu hỏi hay không mà chỉ biết rằng lão lồng lộn lên chửi rủa bằng tiếng Ý, hai tay lão quơ múa tứ phía, lão chửi xối xả như nước chảy, chửi dữ dội đến nỗi cuối cùng Marta hoảng sợ chạy lên báo rằng nó lỡ đùa làm Monpavio giận và bây giờ không biết cách gì để làm lão nguôi. Đáng tiếc rằng Marta lại báo cáo với một cô Y tá trời đánh như Henrietta, Henrietta cười ha hả: "Có gì đâu, để mặc cho lão chửi cho nó... nở phổi. Mày chỉ cần coi chừng bà Beth thôi chứ tao thì dễ lắm. Mày không hỏi lão câu đó thì cũng có lúc sẽ có đứa khác hỏi. Tao hiểu mà..."

Grace ngồi bên cạnh nghe Henrietta, giơ hết hai tay lên kêu trời, Henrietta quay lại:

— Mày sợ lão la lối quá sẽ lăn ra mà chết mất hả? Đừng có ngốc quá đi. Coi, suốt ngày lão có được nói năng gì đâu ngoài mấy cái *numbers* dơ dáy của lão. Shift ban ngày tụi nó đâu có thì giờ để chọc cho lão nói đâu, mà tụi Therapist thì cũng chịu thua không tới gần lão được. Chỉ có tụi mình là tương đối... hiểu lão thì cũng nên làm phước tập cho lão nói không thôi sẽ có ngày lão quên mất cả tiếng Ý luôn thì khổ. Lão có xuống địa ngục hay lên thiên đàng thì cũng phải biết nói một thứ tiếng gì đó để người ta còn phân biệt được quốc tịch lão chứ.

Không cãi lại được Henrietta, Grace quay ra đe dọa:

— Mày có dám nói như vậy trước mắt bà Beth không?

Henrietta nhún vai bỏ đi:

— Bộ mày cho là tao... ngu lắm sao!

*
* *

Ở phòng 120, Marie và Edna đang bắt đầu chương trình cãi nhau hàng đêm của hai mụ. Phòng ấy có ba người nhưng Cecile coi như không đáng kể vì mụ không gây ra phiền hà rắc rối gì ngoài cái tật nghêu ngao hát và hát thật lớn suốt cả ngày. Mỗi sáng sau khi được đánh răng rửa mặt thay quần áo rồi thấy lên xe lăn, đẩy ra phòng ăn chờ bữa điểm tâm, mụ bắt đầu hát vang rền cho đến bữa trưa. Sau bữa trưa, mụ được đẩy trở về phòng ngủ một giấc ngắn cho đến khoảng 2 giờ chiều, rồi từ đó mụ lại tiếp tục hát cho đến 9 giờ tối là giờ lên giường ngủ. Mụ không những được gọi là con chim Sơn ca, đối với Chi thì đây là một loại Sơn ca bị nhốt trong lồng nhưng vẫn hót cho đến khi nhổ hết giọt máu cuối cùng ra khỏi buồng phổi héo khô, mụ còn được gọi là người nhạc sĩ có khả năng sáng tác nhanh nhất và khỏe nhất vì tất cả mọi lời lẽ người ta nói vào tai mụ, chẳng hạn: "Cecile, hôm qua mụ ngủ ngon không?" hay: "Cecile, mụ chưa ăn hết phần điểm tâm mà!"... đều được mụ lập tức lập lại nguyên văn và phổ thành nhạc với âm giai du dương trầm bổng. Nhưng với Marie và Edna thì cuộc đời không du dương với đầy nhạc điệu như thế. Hai mụ này, ban ngày là đôi bạn khắn khít nhất đời, có mặt bên nhau ở bất cứ mọi nơi, bất cứ mọi lúc, ngồi cạnh nhau trong phòng ăn, đẩy về phòng ngủ cùng lúc, trả lên giường ngủ cùng giờ. Nếu ở trong phòng thì Marie bấm đèn liên tu bất tận, không phải để đòi hỏi điều gì cho mụ mà là để cho Edna: "Edna nó cần thêm một ly sữa nữa". "Thay tã thay váy cho Edna đi, nó mới tiểu ướt hết nữa rồi đó!" "Không, không được đút thức ăn cho Edna như vậy, nó sẽ mắc nghẹn cho mà coi, phải đút từng muỗng nhỏ thôi, và đút vào bên mé trái, vì cái răng hàm bên mặt của nó đang đau."... Marie không những là bạn, là chị, là cô

giáo, là mẹ Edna mà mụ còn kiêm luôn cả công việc làm luật sư cho Edna nữa: "Con *Step-daughter* của Edna vừa bán mất cái nhà của chồng nó để lại, con nhỏ đó nó không có quyền gì về cái nhà đó hết. Thằng cha Luật sư làm ẩu. Tao sẽ gọi luật sư của tao kiện vụ này cho nó..." .... Nhưng đến khi đêm xuống, khi cả hai đã được đem lên giường ngủ và bắt đầu thiu thiu ngủ thì hai mụ biến thành hai mụ hàng xóm không thể đội trời chung. Edna ngủ hay trở giấc, hay khóc nỉ non gọi tên con gái mụ trong giấc ngủ; "Victoria Victoria..." và tệ hơn nữa, mụ hay bấm đèn để hỏi bây giờ là mấy giờ, bây giờ là ngày hay đêm, bây giờ Victoria nó ở đâu... Marie choàng dậy hét lên: "Con Victoria của mày nó đang ngủ, nó đang ở nhà, nó đang ở nhà nó, mày im đi, im đi, im miệng đi... "Cứ như thế khoảng mười lăm phút thì câu trả lời của Marie sẽ là: "Con Victoria khốn kiếp nó chết rồi, nó chết lâu rồi... "Edna tức khắc gào lên ầm ĩ và Marie thì tiếp tục hét với cái giọng the thé của mụ, im đi, im đi, im miệng đi... Cứ như thế hai mụ kéo dài cho đến khi nào một trong hai mệt ngủ lịm đi thì trận chiến được coi như tạm chấm dứt để lại bắt đầu bằng một buổi sáng ngày mai thắm thiết tình chị em. Henrietta thì cực chẳng đã mới chịu bước chân vào phòng này, nó luôn miệng lập đi lập lại, mai mốt tao lấy chồng mà mụ mẹ chồng tao có cái giọng the thé như Marie thì tao thề sẽ chỉ nói với mụ hai câu trong đời: *Hi* và *Bye!*

Trông thấy Chi bước vào, Marie vớ lấy:

— Chi Chi, tao phải được đổi qua phòng khác mới được. Tao không thể nằm thêm ở cái phòng này với Edna thêm một đêm nào nữa. Nó làm tao điên mất... Chi...

Chi vói tay tắt ngọn đèn đầu giường soi chói chang trên sống mũi khoằm và những nếp nhăn như những lượn sóng nhấp nhô trên trán Marie:

— Sao mụ không tắt đèn đi. Để thế này chẳng trách mụ không ngủ được. Đổi đi phòng khác thì rồi mụ cũng lại đòi đổi trở về vì mụ nhớ Edna, mụ lo không có ai khuyên lớn nhắc nhở Edna. Mụ cứ đổi đi đổi về như vậy mấy lần rồi nhớ không?

Marie nhỏm dậy:

— Tao thề lần này tao sẽ không đòi trở về nữa. Tao chán nó lắm rồi, tao chán cái con Victoria khốn kiếp nào đó của nó lắm rồi.

Chi bật cười:

— Tốt hơn là mụ nên để cho Edna rên rỉ một chút rồi mụ sẽ ngủ lại ngay. Nếu mụ gây gỗ thì Edna cũng sẽ thức mà gây với mụ suốt đêm. Cứ như vậy hoài thì cả hai cùng mệt. Và mụ thì sẽ không được đổi phòng nữa đâu, cũng sẽ không có thuốc ngủ hàng đêm nữa đâu. Tôi lập lại, không đâu.

Marie tiu nghỉu như đứa trẻ không vòi được quà. Biết là không thay đổi gì được, mụ quay ra yêu sách:

— Tao muốn uống một ly sữa. Tao khát quá. Một ly nhỏ nữa thôi, và tao cần thêm một tấm chăn nữa, một tấm chăn mỏng thôi. Đêm nay trời lạnh quá Chi. Chi coi kìa, mày làm ơn kéo màn cửa sổ lại hết cho tao nghe. Tao không chịu được cái thứ ánh trăng này đâu. Nó lạnh tới tận xương tao, tới óc tao...

— Màn đã kéo kín hết rồi Marie. Mụ thử quay mặt vào trong đi. Đừng nghĩ tới trăng, cũng đừng nghĩ tới Edna nữa, nào đếm đi. Một, hai, ba. Marie, Marettie. Một hai ba. Marie, Marettie...

Marie đã quay mặt vào trong, bật lên cười; tiếng cười úp trong gối chận bớt cái âm the thé của mụ biến thành dễ thương như tiếng cười của một cô bé ngủ mơ. Mụ thì thào nói tiếp trong chiếc gối trong khi Chi rón rén bước ra:

— Sao có lúc mày hiền có lúc mày dữ. Có lúc mày thương tao cũng có lúc mày ghét tao... Chi Chi... Nhưng lúc nào tao cũng thương mày hết vì mày lo cho tao, mày nói chuyện với tao nhiều hơn là con cháu tao nói chuyện với tao. Có nhiều đêm thức dậy bấm đèn chỉ thấy mày tao buồn quá. Tụi nó bỏ tao hết rồi Chi Chi...

*
* *

*B*ên cạnh phòng Marie và Edna là một cặp hết sức tương xứng khác. Tính chất tương xứng thoạt đầu được xếp trên tính ngoan đạo của cả hai mụ, Madalena và Pamela. Hai mụ được xếp cùng phòng và cùng ra sức trang hoàng bày biện góc tủ đầu giường của mình để nói lên niềm tin tưởng về sự cứu rỗi của tôn giáo. Vì cùng tham lam trong việc bày tỏ niềm tin ấy và cũng không thống nhất với nhau về một giới hạn tối thiểu để giữ cho căn phòng một vẻ hòa hợp nhìn trên phương diện thẩm mỹ nên kết quả là căn phòng hai mụ có một vẻ bề bộn khó thở với tranh ảnh tượng Đức Mẹ, Chúa Hài Đồng, Thiên thần, kinh thánh tràng hạt và vòng hoa. Thêm vào đó, Madalena xếp bên cạnh giường mụ ba chiếc ghế, trên ba chiếc ghế ấy được chất khăn trải giường, khăn mặt và khăn tắm đủ dùng cho mụ trong vòng một tháng. Không có thế lực nào trên đời có khả năng dẹp bỏ của mụ đống khăn ấy đi, và cũng không ai có thể lén cất dẹp bớt đi của mụ, dù chỉ một chiếc khăn mặt nhỏ được thử cất giấu đi vào ban đêm. Mụ đếm đi đếm lại đống khăn ấy hàng đêm, sau giờ cầu kinh vào lúc hai giờ khuya của mụ. Mỗi ngày, sau khi phải dùng đi một bộ trải giường, một chiếc khăn nhỏ, mụ bấm đèn đòi cho được một bộ khăn khác mang tới, giống như bất cứ một kẻ đầu cơ biển lận nào trên cõi đời, lúc nào

cũng nơm nớp lo sợ đống của cải của mình sẽ hao hụt mất mát đi. Ngoài cái tật hơi phiền hà đó, nói chung Madalena là một mụ già vui tính, dễ thương và Chi thích nói chuyện với mụ hàng đêm, sau giờ kinh nguyện bất di bất dịch và lúc hai giờ khuya. Mụ Madalena nói rất quan trọng trong khi Chi chỉ đùa và mụ không hiểu ý nghĩa cách đùa của nàng nhưng cả hai vẫn nói chuyện với nhau hàng đêm và nếu đêm nào Chi tới trễ, mụ thức đợi nàng, bấm đèn gọi cho được Chi tới để lại nói với Chi từng ấy câu, từng ấy chữ và để Chi cười xòa chúc mụ ngủ lại cho ngon:

— *Mày tốt lắm, ngoan lắm, Chi, Good girl. Tao đã cầu nguyện và sẽ tiếp tục cầu nguyện mãi cho mày. Chúng ta sẽ gặp nhau ở trên thiên đàng.*

— *Cảm ơn Madalena, nhưng tôi mới vừa ở địa ngục trốn ra đây mà.*

— *Đừng có đùa, địa ngục như thế nào, kể tao nghe coi.*

— *Không được đâu, tôi mà kể ra thì mụ sợ chết mất. Thôi tốt hơn hết là mụ đừng biết vì mụ cũng sẽ không bao giờ có dịp xuống đó đâu.*

— *Tội nghiệp Chi nhỏ bé. Tao sẽ cầu nguyện cho mày lên nước thiên đàng.*

— *Cảm ơn mụ lần nữa, nhưng thiên đàng của mụ màu gì mới được. Đỏ hay xanh?*

— *Oh, Tao... tao không biết nữa. Có lẽ là nhiều mầu lắm...*

— *OK, màu gì cũng được hết, chỉ riêng có mầu đỏ là tôi chê nghe. Tôi biết rõ thiên đường đỏ lắm rồi...*

Mắt mụ mở to ngơ ngác nhìn Chi. Thoạt đầu thì mụ còn hỏi cố cho bằng được nhưng sau này thì cứ nói đến đấy là Chi lại cười ngặt nghẽo, ấn đầu mụ nằm xuống:

— Nhưng mà thôi, chuyện đó dài lắm, kể đến hàng ngàn đêm cũng không hết đâu. Mụ đi ngủ đi là hơn. Goodnight...

Bên cạnh giường Madalena, Pamela nằm ngửa, hai chân co lại chống trên nệm, hai tay chắp trước ngực với chuỗi tràng hạt, mụ ngủ say sưa. Kiểu ngoan đạo của mụ không ồn ào với những bài kinh nguyện nửa khuya như Madalena nhưng gây phiền toái cho người chung quanh hơn. Cuốn Tân ước và xâu chuỗi hạt không lúc nào rời tay, ban ngày ở trên xe lăn, ban đêm ở trên giường, một tay mụ lần chuỗi, một tay giở từng trang sách, mụ đọc rì rầm những hồi kinh bằng cái giọng đều đều đều đều. Lúc nào tìm được người nghe mụ nói, mụ nhanh nhẹn khoác tràng hạt vào cổ, cánh tay dang rộng, bàn tay ngửa lên trời. Mụ nói về cuộc đời, sự hi sinh và những phép lạ của Chúa. Dù người nghe mụ không tỏ ý phản đối hoặc nghi ngờ gì, thỉnh thoảng mụ vẫn ngưng lại, mở cuốn Tân ước mà mụ nói là mụ đã giữ từ 30 năm qua, lật đến đúng

một trang nào đó. Rồi cặp kính trễ xuống mũi, mụ bắt đầu đọc, mụ đọc cho đến lúc chợt nhận ra rằng mụ già ngồi nghe mụ nói, nạn nhân của mụ đã ngủ gà ngủ gật hay đã lẳng lặng đẩy xe bỏ đi nơi khác tự bao giờ. Thường thì những bài thuyết giảng của mụ bị chấm dứt một cách không lấy gì làm khích lệ như thế, và thường thì mụ lại nhún vai, hai cánh tay mở rộng, lắc đầu như tội nghiệp cho những tâm hồn chưa tìm thấy sự cứu rỗi, rồi lẳng lặng đẩy xe trở về phòng. Không hiểu sao Chi cứ cảm thấy trong cái kiểu thuyết giảng của mụ có một vẻ gì hết sức giả trá và nàng không đùa được với mụ như đùa với Madalena và những bài kinh nguyện ồn ào của mụ. Pam có cái dáng nằm ngủ không mấy đẹp đẽ, mụ luôn luôn nằm thẳng, hai chân co lại chống trên nệm dang rộng thành một góc khoảng 120 độ, có khi rộng hơn nữa. Cái kiểu nằm chống chân như thế cùng với tấm chăn phủ trùm lên tạo thành một vòm chăn gối kềnh càng làm cho giường mụ lúc nào cũng có cái vẻ bề bộn khác hẳn với vẻ phẳng phiu ngăn nắp vẫn thường gìn giữ ở mọi giường bệnh khác. Henrietta gọi kiểu nằm của mụ là kiểu *Woman at birth* và nó thách Grace tìm ra được cái tên nào thanh tao, chính xác và gợi hình hơn. Dĩ nhiên là Grace chịu thua. Chi nghĩ giá Henrietta là người Việt và sính dùng chữ Hán Việt chắc chắn nó sẽ đổi tên kiểu nằm của mụ Pam thành kiểu *"lâm bồn"*, nghe vẫn chính xác như thường mà lại có thừa thanh tao. Cho đến một đêm kia, như thường lệ, con Elsa giở chăn mụ ra để xếp hai chân mụ lại cho xuôi, hoảng hốt thấy mụ cầm cứng một vật gì đó đã được thọc sâu vào cửa mình, nét mặt ngủ mê tràn trề hoan lạc. Elsa cắm đầu cắm cổ chạy lên Nurse's Station báo cáo. Phải có Chi và Grace đứng hai bên giường giữ chặt chân tay mụ, Henrietta mới rút được vật ấy ra khỏi mụ và người ta nhận ra được đó là một điếu xì gà. Pam la hét vùng vẫy điên cuồng như một con thú dữ, không phải vì đau mà vì hổ thẹn quá hoá thành giận dữ. Bảy giờ sáng ngày hôm sau, Shift buổi sáng vừa vào, câu chuyện điếu xì gà của mụ Pam đã được truyền đi nhanh như điện giật. Nguyên một vùng Nurse's Station toàn đàn bà con gái rúc rích những tiếng kêu trời, những tiếng cười ha hả cười rúc rích cười ngặt nghẽo cười đỏ mặt tía tai. Bà Margaret có lẽ cũng đã cố giấu tia cười sau cặp kính dày cộm, đập tay xuống mặt bàn, đi thẳng vào vấn đề trách nhiệm: "Các cô nào trực phòng đó sáng và chiều hôm qua? Tại sao Pam lại có được điếu xì gà? Tại sao?" Đám con gái thoắt một cái ngưng bặt hết tiếng cười, lảng đi hết, ra cái điều bận rộn mỗi người một việc. Henrietta sau khi bấm thẻ ra về sớm hơn thường lệ, còn cố ném lại được một câu: "Tôi không có hút xì gà, Maggie. Có Chúa chứng giám." Phải vài ngày sau, khi được thân nhân Pamela xác nhận, người ta mới biết rằng chính ông con trai của mụ đã vào thăm vào

buổi chiều hôm trước đó, hôm sinh nhật mụ và để lại điếu xì gà vì mụ nằn nì rằng mụ thích ngửi cái mùi thơm dễ chịu của loại xì gà ngày xưa chồng mụ hay hút. Mụ hứa đi hứa lại với người con trai rằng mụ sẽ chỉ cầm ngửi chơi thôi chứ không đốt hút. Lại một lần nữa, Henrietta nói với Chi và Grace rằng từ nay nó đổi tên kiểu nắm của mụ Pam thành kiểu *"Xì gà"*, rằng Grace và Chi sẽ không thể phản đối gì được cả vì không ai có thể phủ nhận được cái mùi thơm nhẹ nhàng lịch sự và đắt tiền của xì gà. Trong vòng hai tuần lễ sau đó, Pamela ở trong tình trạng giận dữ kích động chưa bao giờ xảy ra trong suốt thời gian ba năm qua của mụ ở đây. Hình như mụ phẫn nộ với cả cuộc đời vì đời đã khám phá ra cái trò khoái lạc cuối đời của mụ. Sau đó thì mụ rút sâu vào trong góc phòng có tranh ảnh tượng, quyển Tân Ước, chuỗi hạt và những bài kinh nguyện rầm rì của mụ. Riêng những bài thuyết giảng lớn tiếng với mọi người chung quanh thì từ đó không bao giờ còn xẩy ra nữa.

Đối diện với phòng Pamela là phòng Ophelia và Oberg, Chi thích gọi tên Ophelia Ophelia. Cái tên nghe cổ kính, đẹp và buồn như tên một nhân vật kịch *Shakespeare*. Lần đầu tiên nghe Chi nói như thế, Ophelia rưng rưng nước mắt cầm tay Chi nói: "Cảm ơn Chi, lâu lắm rồi, kể từ năm chồng tao chết đi, không còn ai nói với tao những điều tương tự như thế cả. Chữ nghĩa mỗi ngày nó cũng một thay đổi đi, ở thời này, không còn ai đặt tên con gái như thế nữa..." Tuy không có cái vẻ đẹp trầm tư của *de Beauvoir* như Katrina nhưng Ophelia mới chính là người có những hoạt động tinh thần phong phú nhất. Mụ là một trong những bệnh nhân còn tỉnh táo và trí thức nhất. Sách vở tạp chí chất đầy trên tủ mụ. Những cuốn sách, những cuốn mẩu thêu, sách dạy móc Crochet, dạy nấu ăn, những cuốn album và cả những cuốn sổ chi tiêu tiền chợ, tiền điện nước... tất cả đều già hơn Chi hàng chục năm tuổi, đều xa lạ, xưa cũ, vàng úa và mỏng manh cơ hồ như sẽ tan mất thành bụi bất cứ lúc nào. Được hỏi rằng quả thật sách vở thì cũng nên giữ nhưng sổ chi tiêu thì còn giữ làm gì, mụ trân trối nhìn người hỏi tựa như kẻ ấy vừa hỏi một điều ngu xuẩn nhất đời rồi lẳng lặng lôi một trong những cuốn sổ ấy ra, lật giở đến một trang nào đó, dí sát tận mặt kẻ ngu xuẩn: *"... Ngày - tháng - năm - một hộp kẹo chanh 75 xu. Đưa Tommy đi học lần đầu... Ngày - tháng - năm - Billy quên trả tiền nước. Cúp nước nửa ngày. Cả nhà phải đi ăn tiệm. 8$47 xu... Ngày - tháng - năm - Bỏ quên hộp xà bông 20 lbs ở tiệm giặt. Quên luôn cây dù mới mua 3$28 xu. Trở lại tìm không thấy. Billy nói mình ngốc. Cãi nhau.... Ngày - tháng - năm - Billy nhặt hết tiền lẻ trong ví mình, nói để mua thuốc lá. Buổi chiều Kim điện thoại nói Billy mua cho con Sue một bông hồng. Cãi nhau...*

Ngoài ra, mụ còn giữ kè kè bên mình một chiếc ví da lớn và luôn luôn mang nó theo mỗi khi bước chân ra khỏi phòng, giống như bất cứ người đàn bà lịch sự nào trên cõi đời luôn luôn bước ra đường với chiếc ví nhỏ trong tay. Chỉ khác là trong chiếc ví của mụ không có giấy tờ tùy thân cũng không có tiền bạc mà chỉ có những cây son cụt đầu, những cây bút chì kẻ mắt gẫy, những lọ nước hoa cạn khô và vô số thứ giấy tờ lỉnh kỉnh, coupon, bill, thiệp Giáng sinh, Sinh nhật... lẫn giữa những mảnh giấy viết khoáy của chồng mụ, một ông Billy quá cố nào đó đã bỏ mụ mà đi từ mười mấy năm xưa. Bên cạnh chiếc ví gia bảo và đám sách báo mà Ophelia nói rằng mụ sẽ giữ cho đến chết, mụ còn giữ được một thói quen rất dễ thương và rất trí thức khác. Mụ viết nhật ký, Ophelia có một quyển sổ dày cộm rách mướp mà trong đó mụ ghi lại tất cả những điều, những sinh hoạt xảy ra hàng ngày. Người ta có thể rất dễ hình dung ra được rằng đó là một quyển nhật ký rất đáng chán vì tất cả những điều được ghi lại là những điều gói trọn giữa bốn vòng tường trắng, trôi đi theo một thời khóa biểu bất di bất dịch sáng trưa chiều tối ngày đêm. Cả những cơn buồn rầu chờ đợi thao thức cũng trôi đi như thế. Lẳng lặng không ngày tháng không thứ bảy chủ nhật thứ hai thứ ba, ngày nào cũng giống như nhau cũng tiếp tiếp không rõ rệt vì cũng dài hai mươi bốn tiếng...; ... *Ngày tháng năm... Điểm tâm có trà, sữa, nước cam, trứng và một miếng bánh mì. Buổi trưa nước cam, trà, súp, một miếng thịt chiên. Buổi tối chắc cũng sẽ không khác ngày hôm qua. Mong rằng họ sẽ dọn một thứ gì đó để nuốt, một thứ gì đó không khó nhai quá... Ngày tháng năm... Tommy và Elliot nói sẽ đến đây trước bữa ăn tối. Mong rằng chúng nó sẽ đến sớm. Mẹ mong các con. Cầu nguyện cho các con. Có lẽ... mình muốn có một chiếc gương nhỏ để trong ví, một đôi giày khác, hai đôi giày này cũ quá rồi... Mình còn muốn gì nữa không... có thể... thuốc lá chăng?... Nếu chúng nó không cấm mình... Ngày tháng năm... Tommy và Elliot đã không tới tối hôm qua. Có chuyện gì không? Hôm nay chúng sẽ tới không? Hãy tới, hãy tới Tommy. Mẹ cần con biết bao... Ngày tháng năm... món thịt cừu tối nay khó nuốt quá. Mình đã ăn cả trái táo của mình lẫn trái táo của Oberg. Hôm nay hình như lạnh hơn hôm qua vài độ. Chắc chắn mình sẽ nói Tommy mua cho mình một đôi giày mới... Tối mai chắc nó phải tới....*

Ophelia cao 5 ft 8, dáng gầy và lưng rất thẳng. Chứng bệnh *Osteoporosis* hành hạ và làm còng lưng một phần ba bệnh nhân phụ nữ ở đây không ảnh hưởng chút nào đến mụ. Mỗi tối mụ và Gloria thường ngồi cạnh nhau ở TV Room, bấm hết từ đài này sang đài khác nhưng cứ đến khoảng 11 giờ 30, khi mụ vừa chán phần tin tức hàng ngày ở các đài và Gloria cũng vừa cúi xuống ngủ

gục, Ophelia bỏ đứng dậy, một tay kẹp chặc chiếc ví dưới nách, một tay vịn vào tường, đi lần lần từng bước một trở về phòng... Cứ bị trêu chọc vì những thứ đựng trong ví, Ophelia rầu rầu nói một thôi một hồi:

— Tao không có tiền đâu. *Ở đây người ta không có tiền đâu mà chỉ có thì giờ thôi.* Mà thì giờ thì biết làm gì cho hết nên tao cất bớt vào trong ví này vậy. Các cô có cần thì cứ đến lấy mà dùng đi, dùng hết đi kẻo không kịp hối tiếc. Nào lại đây, lại đây, ta cho Grace thêm thì giờ để yêu, Henrietta thêm thì giờ để ca hát, Chi thêm thì giờ để thương nhớ về đất nước xa xăm của nó... Nào lại đây... Tất cả các cô gái non trẻ kia lại đây..

Với cái dáng cao gầy, tấm lưng thon thẳng trong những chiếc áo ngủ hoa dài lướt thướt, nhìn từ phía sau lưng trông Ophelia cũng còn cái vẻ đẹp của một thiếu phụ còn xuân với chiếc ví da đựng thời gian và những trang nhật ký như một nhân vật vừa bước ra từ những vở kịch Shakespeare ấy đã phải sống chung từ năm năm qua với Oberg. Thật ra Oberg năm nay 79 tuổi, trẻ hơn Ophelia nhưng vào đây từ trước Ophelia và bệnh hoạn hơn Ophelia. Mụ giống Sylvia ở chiếc bụng vĩ đại nhưng trông mụ nặng nề hơn cả Sylvia vì mụ thấp người hơn. Và, cũng như Sylvia, phải có ít nhất hai người mới trở mình được cho mụ ở trên giường và ít nhất ba người để đem mụ từ giường ra xe lăn hoặc từ xe lăn trở về. Từ dạo Giáng sinh, không biết có ai đó đem cho mụ một con búp bê và mụ ôm rịt nó bên người, đem theo nó vào phòng tắm, phòng ăn, ôm nó lên giường ngủ. Đó là một con búp bê mà mọi người đều xác định là con gái vì mái tóc bạch kim dài óng ả và chiếc váy đầm màu hồng của nó, nhưng Oberg thì có lẽ vì nghe Ophelia nhắc mãi đến ông con trai Tommy nên nhất mực gọi con búp bê là Tommy. Nó là Tommy của tao. Tommy như thế sớm trở thành một con búp bê bất hạnh. Chỉ trong một thời gian ngắn ngủi, mái tóc bạch him của nó biến thành vàng xỉn tả tơi, chiếc váy đầm hồng thì vì phải theo Oberg vào phòng tắm quá nhiều nên cuối cùng được bọn Aides cởi luôn ra cho tiện việc. Chiếc miệng hồng nhỏ với cặp răng cửa xinh xắn thì vì được Oberg đút cho ăn mỗi ngày ba lần nên không lúc nào được sạch sẽ, cereals khô dính lem luốc trên tóc trên má, vướng mắc vào trong kẽ răng hốc miệng nó. Buổi tối, khi lau rửa cho Oberg để đưa mụ lên giường ngủ, người ta cũng phải lau rửa luôn cho Tommy. Oberg xoay người nằm nghiêng ôm cứng lấy con búp bê nhỏ bé, vạch nhét chiếc vú nhăn nheo khô quắt vào miệng nó, bú đi bú đi bú đi con... Không thấy con búp bê phản ứng gì, một lúc sau, mụ đổi chiếc vú khác vào miệng nó, tiếp tục câu ru ơi hời, bú đi bú đi bú đi con... Oberg cho con búp bê bú như thế khoảng từ hai mươi phút đến nửa tiếng thì ngủ thiếp đi. Con

Tommy nằm bẹp dí dưới bụng mụ. Một tay mụ vẫn chận ngang người nó, tay kia mụ bỏ ngoặt về phía sau, ngón tay trỏ thọc vào hậu môn. Cứ mỗi hai tiếng đồng hồ thì người ta trở mình cho mụ một lần và mụ cũng đổi ngón tay trỏ trong động tác ấy một lần. Kết quả là gần như sáng nào hai ngón tay trỏ mụ và mắt mũi con Tommy cũng dính ít nhiều phân. Những biện pháp ngăn ngừa như chận tay mụ xuống dưới chăn hay mang bao tay cho mụ đều không mang lại kết quả gì. Chỉ có cách cột cổ tay mụ vào thành giường là tương đối có kết quả nhưng lại không có ai nỡ cột tay mụ hàng đêm và cũng không có ai có đủ kiên nhẫn để cột đi cột lại mỗi hai tiếng đồng hồ như thế. Sức nặng quá mức trung bình và những đầu ngón tay vấy phân tốn công tắm rửa của Oberg biến mụ thành một trong những *assignment* nặng nề mà sáng nào các cô Aides cũng tỵ hiềm nhau để khỏi phải nhận lãnh, và không ai trong những lúc phải lau rửa hai đầu ngón tay vấy phân ấy của mụ mà không kèm theo ít nhiều đay nghiến dằn vặt. Oberg lẳng lặng đón nhận những lời đay nghiến dằn vặt ấy bằng đôi con mắt lờ đờ vô cảm, chiếc cằm lởm chởm râu và chiếc miệng há hốc hít thở từng cơn như phân trần ai oán. Nhìn mụ người ta rất dễ dàng nhận ra tính chất tương đồng giữa những trẻ sơ sinh và những người rất già nua mà sinh hoạt hàng ngày giới hạn trong nhu cầu vận dụng những khả năng bình thường bằng năm giác quan, ăn ngủ đi đứng khóc cười hít thở. *Tất cả có vẻ như là một cái cớ để chờ đợi thời gian trôi qua.*

Có một lần, con búp bê Tommy trần truồng của mụ rơi từ trên xe lăn xuống đất đúng lúc Marita đẩy chiếc xô lau nhà đầy nước đi tới. Con búp bê bị cán dẹp đầu. Chiếc đầu cao su chỉ trong chốc lát lại tròn xoe như cũ nhưng Oberg ôm lấy con búp bê mà khóc lóc thảm thiết, Tommy Tommy con ơi. Tiếng khóc cũng kể lể ai oán như tiếng khóc bị tình phụ của Katrina. Hơn thế nữa, mụ đẩy con búp bê lên Nurse's Station đòi băng bó cho bằng được chiếc đầu và đòi khám bệnh chích thuốc cho nó. Bà Margaret bỏ công ngồi bên mụ khoảng nửa giờ, giải thích cho mụ hiểu rằng con Tommy chỉ là một con búp bê bằng nhựa, rằng chiếc đầu nó đã lành lặn như cũ không cần thuốc men gì hết. Vô ích. Mụ cứ khóc lóc nỉ non như đâm như chích vào tai từng người. Cuối cùng bà Margaret đành phải làm ngơ để cho một cô Y tá nào đó quấn vào đầu con búp bê mấy vòng băng trắng kín mít và chích vào tay nó mấy *cc* nước để mụ im miệng. Nhờ chiếc đầu băng bó ấy mà mụ không đem con búp bê vào phòng tắm trong khoảng một tuần lễ. Sau tuần lễ ấy mụ đem nó trở lên, đòi gỡ băng và khám bệnh lại. Margaret thì cứ lắc đi lắc lại mãi chiếc đầu đã xù tóc của bà ta..." Chúng ta có bổn phận phải đưa bệnh nhân trở về trạng thái bình thường bằng cách giải thích cho họ hiểu, bằng định nghĩa bình thường và với lý lẽ đơn

giản... Chúng ta đã không làm được như thế mà phải nghe theo mụ, quấn băng vào đầu con búp bê thì thật khôi hài. Thật là khôi hài..."

Căn phòng cuối cùng, căn phòng nằm xa tít tận cửa sau và ít cần tới sự chăm sóc nhất là phòng của mụ Rose. Nếu có lúc người ta đặt tên bệnh nhân theo một số cá tính hay bệnh trạng riêng của từng người như người này *điên* nhất, người kia *khó chịu* nhất, người nọ *tội nghiệp* nhất thì Rose được coi là bệnh nhân *hạnh phúc* nhất. Mụ có hai đứa cháu nhỏ. Không phải cháu mà là chắt mới đúng. Hai đứa bé một trai một gái khoảng năm, sáu tuổi mỗi tuần được mẹ chúng và bà ngoại chúng dẫn vào thăm Rose một lần. Những giờ thăm ngắn ngủi của hai đứa bé làm căn phòng tràn ngập những tiếng cười dòn tan, những câu chuyện ngây thơ và những tiếng hát non tươi bay cao vút như tiếng chim hót. Ngoài âm thanh, chúng còn mang theo cả một bầu trời màu sắc với những chiếc bong bóng hình trái tim xanh đỏ trắng vàng, những bức tranh vẽ trong lớp học họa hình người mặt mũi tròn xoe, cầu vồng bảy màu, chim chóc thú vật biết nói và hoa lá cây cỏ biết bay. Chi yêu thích nhất những câu thơ nhỏ viết bằng bút chì đỏ như: *Roses are Red. Violets are Blue. Sugar is Sweet. And so are You.* Rose sung sướng thấy Chi đứng nhìn ngắm những bài thơ và những bức vẽ trẻ con ấy. Mụ dúi vào tay Chi những viên kẹo cũng tròn to xanh đỏ tím vàng mà mụ để dành riêng cho hai đứa bé... Ăn đi ăn đi Chi... Người ta chỉ có thể ngậm những chiếc kẹo này khi người ta còn trẻ trung mà thôi. Chi bất đắc dĩ bỏ những viên kẹo vào túi để rồi khoảng mười lăm hai mươi phút sau, cần tìm kiếm một vật gì đó trong túi, chợt lôi ra những viên kẹo, nhìn ngắm cái màu sắc tươi tắn tròn trịa của chúng mà nghĩ đến Rose. Mụ nói đúng, Rose, người ta chỉ có thể ngậm những viên kẹo này khi lòng người ta còn trẻ trung thôi.

Đầu Rose rụng trơ không còn một sợi tóc nào. Ban ngày mụ luôn luôn đội một mái tóc giả màu hung điểm tô thêm bằng những chiếc kẹp cùng màu với màu áo mặc hàng ngày. Ban đêm mái tóc giả ấy được treo cẩn thận lên một chiếc móc ngay trên đầu giường, ở một chỗ vừa tầm tay để mụ có thể với lấy mà đội một mình từ sáng sớm, không để bất cứ ai trông thấy mụ trong chiếc đầu trọc khô. Lần đầu tiên bước chân vào phòng Rose, Chi đã rợn người bước tháo lui vì mái tóc giả treo lửng lơ trên tường: trong bóng đêm mờ trông y hệt như một chiếc đầu lâu lủng lẳng. Cái cảm giác rợn người muốn tháo lui đã được dẹp bỏ ngay nhưng cái cảm tưởng mái tóc giả giống y như chiếc đầu lâu lủng lẳng thì không khi nào buông tha Chi. Và cũng vì không có tóc nên Rose rất yêu quí mái tóc đen dầy dài mượt của Chi. Đi làm ban đêm, lười cuốn chải,

lại càng không thể xỏa tóc lướt thướt, Chi luôn luôn búi tóc lên thành một búi lớn sau gáy. Rose thì chỉ đợi dịp kéo Chi ngồi xuống giường, xổ tung mái tóc nàng ra, nâng niu những lượn tóc đen dài trong tay, miệng thì thầm: ngày xưa tóc tao cũng dài như thế này, mượt như thế này, óng ả như thế này... Thời bây giờ tụi con gái không có đứa nào chịu nuôi tóc dài nữa... Chi cố giữ lấy mái tóc này nghe Chi nghe Chi...

Tuy yêu mến Rose, tuy hiểu rằng tất cả mọi người, kể cả người được gọi là *hạnh phúc* nhất ở đây như Rose đều có ít nhất là một điều thiếu sót cần được bù đắp, tuy hiểu thấm thía cái mặc cảm của mái đầu sói trơ che đậy từ năm này sang năm khác bằng mớ tóc giả, Chi vẫn không thể nào chịu được cảm giác bàn tay mụ vuốt ve trên tóc nàng. Sống lưng Chi cứ rợn lên từng cơn mỗi khi những ngón tay mụ lần sâu trong gáy. Cái cảm giác vừa ghê sợ vừa buồn rầu vừa thương hại trộn lẫn vào nhau giữ Chi ngồi im lặng bên giường mụ hàng đêm. Cuối cùng Chi phải bỏ ra mười lăm phút mỗi tối trước khi đi làm để thắt bím chặt mớ tóc lại trước khi búi cao lên rồi gài thêm bằng một chiếc trâm bạc chạm trổ mua ở phố Tàu. Cái búi tóc kiểu cách cộng thêm hai lọn tóc mai buông lơi bên tai làm thành một kiểu làm dáng độc đáo và kiêu sa khiến mụ Rose không có can đảm xin xổ tóc Chi ra nữa, hình như mụ hiểu. Suốt mấy đêm sau khi thấy mớ tóc nai nịt chặt chẽ của Chi, mụ quay mặt vào trong tường giả vờ ngủ mỗi khi nàng bước vào. Nhưng chỉ được mấy đêm mà thôi. Mụ không có lý do gì để giận được Chi lâu. Còn Chi thì cố tìm cách để đền bù lại cho mụ nhiều hơn, ân cần và dịu dàng với mụ nhiều hơn. Thật ra thì phòng mụ vẫn là căn phòng mà Chi rất ưa bước vào, nhất là vào buổi sáng sớm trước khi ra về, để nhìn ánh sáng sớm mai rực rỡ trên những mầu sắc tươi hồng, khi mái tóc giả đã được đội gọn gàng trên đầu Rose, vào đúng vị trí bình thường của một mái tóc, những câu thơ trẻ nhỏ, quả bong bóng hình trái tim, mặt người tròn xoe, chim muông biết nói, hoa lá biết đi và bộ bàn ghế nhỏ xíu cũng hình trái tim xanh đỏ tím vàng xếp ở góc phòng. Kiểu bàn ghế thường thấy ở các *kindergarten* mà trên đó mụ Rose đặt đầy những chiếc khăn ăn bằng giấy màu xếp đủ kiểu rất đẹp mắt và công phu. Grace nói có lẽ ngày xưa mụ là một mệnh phụ thường xuyên đãi khách những bữa ăn không những ngon miệng mà còn rất đẹp đẽ và cầu kỳ. Henrietta trề môi: "Hứ, xếp khăn ăn đẹp, cầu kỳ và nhanh như chớp thế kia thì ngày xưa mụ chỉ có thể là... *waitress* mà thôi!"

*
* *

*K*hi Chi trở về Nurse's Station thì đồng hồ đã chỉ gần ba giờ

rưỡi sáng. Henrietta đang cắm cúi bên đống hồ sơ bệnh lý, tay nó chống lấy đầu tựa như để đỡ cho chiếc đầu khỏi rơi gục xuống. Chi khóa tủ thuốc, ném chùm chìa khóa lên mặt bàn, ngồi xuống bên cạnh nó:

— Có gì không Henrie?

Henrietta ngước lên, đôi mắt mệt mỏi:

— Mày có giữ hồ sơ của Roger đấy không?

— Có đây, tao cầm theo đây. Tao định đến 4 giờ cho lão uống thuốc luôn thể... Sao vậy?

Henrietta gặng lại:

— Nghĩa là từ lúc 2 giờ đến giờ mày chưa trở lại phòng lão phải không?

Chi gật đầu, sốt ruột:

— Ừ,... Mà sao?...

Henrietta lắc đầu:

— Không... Chắc cũng không có gì đâu... Mày coi lại coi Bác sĩ của lão đến thăm lần trước vào ngày nào... Tuần trước đứa nào viết lại *Patient Care Plan* cho lão... Coi có loại *PRN* nào thì cho lão uống thêm đi... khỏi đợi tới 4 giờ nữa. Sổ của lão mày cầm đi từ nãy đến giờ nên tao không biết.

Kiểu nói năng rối mù ngắt quãng của Henrietta làm Chi bắt đầu lo ngại. Nàng gằn nó:

— Mày thấy lão làm sao thì nói cho tao biết ngay để tao xuống đó khỏi mất thêm thì giờ, Henrie!

Henrietta lại lắc đầu nữa:

— Không... Tao chỉ muốn coi lại hồ sơ lão coi có gì lạ không... Lão cứ ngồi lên nằm xuống mãi không ngủ một chút nào. *Vital signs* thì bình thường thôi...

Thấy Chi còn đứng cau mày, nó nói tiếp:

— Lão hỏi mày đó. Đến ngay đi. Trời sắp sáng rồi còn gì. Mày cũng chưa lấy break nữa phải không?

*
* *

Chi ngừng bước trước cửa phòng Roger, lắng nghe tiếng thở nặng nề mệt nhọc và ngắt quãng của lão vọng ra. Nhịp thở ấy không giúp cho nàng đoán được rằng lão đang thức hay đang ngủ. Lối nói ngập ngừng của Henrietta tuy làm Chi lo âu nhưng nàng vẫn không muốn đánh thức Roger dậy trước giờ uống thuốc bình thường vì lão là người rất khó dỗ giấc, thêm vào đó, lão cũng không thể ngủ ngày để bù vào giấc ngủ thiếu ban đêm. Chi thận trọng bước vào. Roger đang ngủ ngồi trên giường, hai chiếc gối kê sau lưng, chân co chân duỗi như đang dãy dụa. Có lẽ Henrietta đã

đỡ lão dậy lúc nãy cho lão dễ thở. Đầu Roger gục xuống, lão thở toàn bằng miệng, hơi thở phì phò nóng hắp. Chi đặt tay lên trán lão, giật mình thấy trán lão, mặt lão và cả người lão đều ủ hơi nóng hổi ướt đầm. Nhìn xuống chiếc túi nước tiểu máng bên thành giường thấy màu nước tiểu trở vàng sậm, Chi vội vã kéo ngăn tủ tìm mấy chiếc ly nhựa nhỏ để lấy mẫu nước tiểu. Tiếng mở tủ gấp rút của Chi làm Roger choàng dậy, lão chồm tới chụp cổ tay Chi, thảng thốt: *Chi.* Chi đặt bàn tay còn lại lên tay lão, như muốn ủ bàn tay sần sùi to lớn ấy trong tay mình, cúi xuống dịu dàng:

— Lão thấy trong người thế nào, hả Rogie?

Roger cứ rướn tới, nói bằng hơi thở hớp hớp từ miệng như ngộp nước

— Có gì đâu Chi... Tao vẫn khoẻ... khoẻ...

Chi vuốt ngược những sợi tóc dính bệt trên trán lão:

— Henrie nói nãy giờ lão không ngủ được chút nào...

Roger lắc đầu:

— Tao có ngủ rồi mà... ngủ... ngủ... rồi hồi đầu hôm... Tao... tao mới nằm mơ Chi ạ...

— Lão mơ thấy gì nào? Mơ gì mà không ngủ được nữa vậy?

Roger co người lại:

— Tao thấy lửa. Lửa cháy. Lửa lửa lửa bốn bề... Trời ơi...

Chi giữ chặt lấy tay Roger hơn nữa, thương cảm:

— Rogie. Quên những giấc mơ ấy đi. Quên đi Rogie...

Giọng Roger đổi não nuột, lão thở ra từng tiếng một:

— ... Tao... sắp... chết rồi Chi...

— Sao lão cứ nói như vậy mãi. Lão đã hứa là lão sẽ sống để nhìn thấy tôi già kia mà Rogie...

Roger vùng tay ra, lão vươn chụp lấy hai vai Chi, lắc mạnh:

— Không Chi. Chi... Không kịp nữa rồi... Tao sắp chết mất rồi Chi... Tao biết mà Chi. Chi.

Mắt lão vụt đỏ ngầu. Hơi thở lão dồn bốc lên nóng hắp trên mặt Chi. Nàng hốt hoảng cố gỡ tay lão ra:

— Rogie. Rogie. Để tôi đi lấy thuốc cho lão uống nghe... Không có gì đâu... Chỉ là lão nằm mơ đấy mà...

Roger không cần nghe Chi nói thêm bất cứ điều gì nữa. Những cử động dằng co bấu víu bàn tay của nàng dường như chỉ đem tới tác dụng truyền thêm sức mạnh cho lão. Roger chụp vòng hai tay ra sau lưng Chi, kéo siết lại, mặt lão áp vào cổ nàng, rướn lên, tiếng lão rên nghẹn từ trong cổ họng. *Chi. Chi. Chi. Chi.* Những sợi râu xám lởm chởm trên bộ mặt sần sùi dúm dó, hơi thở khò khè dồn dập và cả thân hình ướt đẫm của lão đổ xấp vào người Chi. Chi chết cứng người. Cơn sợ hãi và kinh ngạc làm Chi tê điếng. Nàng nghe giọng mình lạc rợn. *Rogie. Rogie. Buông ra.*

Rogie. Roger hốt nghiêng đầu qua như để nghe cho rõ những tiếng kêu của nàng rồi nhắm vùi mắt lại, nét miệng với đường may dài bên mép trái như thoáng cười kéo xệch lên trên thái dương. Chi vùng mạnh ra bằng hết sức bình sinh nhưng vòng tay Roger ràng cứng như thép nguội. Chi bật khóc vùng vẫy mím môi luồn tay ra sau lưng, dùng hết sức mạnh của hai đầu ngón tay dồn xuống móng tay cái, bấm mạnh vào hai kẽ tay lão, giữa ngón cái và ngón trỏ. Roger kêu ối lên, hai cánh tay thả rơi khỏi vòng eo Chi nhưng mặt lão rớt đổ luồn xuống ngực nàng. Thoạt tiên môi lão chạm phải chiếc bảng tên Chi đeo trên ngực áo. Cái sắc lạnh của miếng kim khí chắc làm lão khựng lại. Môi lão rà qua chạm phải chiếc khuy áo nàng. Lão ngậm luồn lấy chiếc khuy, nhẩn nhẩn trong miệng nửa như muốn tháo bung nó ra, nửa như muốn cắn nó vỡ ngấu nghiến. Chi cố xoay ngang xoay dọc, ngửa cổ về phía sau tránh hơi thở càng lúc càng dồn dập nặng điếng của lão. Lòng tràn ngập giữa cơn ghê sợ và lòng giận dữ, Chi tát lia tát lịa vào mặt lão, tát bằng cả hai tay, vừa tát vừa khóc nức nở, nước mắt tuôn đầm đìa, vừa nhận thấy rõ ràng rằng mình đang làm một hành động có thể được gọi là *abuse* bệnh nhân. Nhưng vô hiệu. Roger vẫn ngậm chặt lấy chiếc khuy áo như thể chiếc khuy nhỏ bé ấy là điểm bấu víu cuối cùng của lão trước cuộc đời. Chi không biết rằng nàng sẽ còn tiếp tục khóc sướt mướt và tát dồn Roger như thế trong bao lâu nữa nếu không có tiếng mở cửa rít lên rồi tiếng chân những nhân viên nhà bếp đầu tiên vừa tới. Giọng Spanish lao xao làm Chi sực tỉnh. Nàng sực nhận ra rằng mình đã quên hết những phương pháp đơn giản nhất để đối phó với những cơn điên quẩn tương tự của bệnh nhân. Trời ơi. Trời ơi. Chi nghiến răng nắm lấy chóp chiếc mũi lõ khô hốc của lão, bóp mạnh. Vừa đau vừa nghẹt thở, Roger vội vàng há miệng hớp hớp hơi nhả chiếc khuy ra.

Cả thân hình lão đổ vùi xuống giường. Chi nhảy lùi lại, vịn vào chiếc ghế,sẵn sàng thủ thế trước một cơn điên tiếp theo. Chi lầm. Tất cả sức mạnh, tất cả sinh lực, tất cả những cơn ghê sợ và giận dữ của Chi tan biến mất. Nàng đăm đăm nhìn tấm thân tàn nằm xuôi trên giường bệnh. Trời ơi. Trời ơi. Khuôn mặt kinh dị thê lương nhìn trừng oán hận vì không làm gì được cả cuộc đời đang tiếp tục sinh sôi và đào thải sau lưng lão. Nước mắt Chi tiếp tục rơi lả chả. Chi vùng bỏ chạy miết về Nurse's Station. Tiếng chân nàng làm Henrietta hốt hoảng bước ra. *Chuyện gì vậy Chi? Chuyện gì vậy?* Chi không trả lời, chạy xô vào ngồi gục đầu trên bàn khóc lớn. Henrietta lắc mạnh hai vai Chi, vực đầu nàng dậy, la lên. *Chuyện gì? Nói cho tao biết chuyện gì?* Chi ngước lên, tay che ngang mặt nói qua màn nước mắt... *Roger... Lão Roger... Roger làm sao? Làm sao?* Chi nức nở... *Lão... Lão... Lão... ôm tao...*

Henrietta khựng lại. Hai bàn tay vịn vai Chi lỏng ra. Rồi nó buông Chi xuống, bật cười lớn, lớn hơn tiếng khóc Chi. *Vậy mà mày làm tao tưởng có động đất ở dưới đó. Ha ha. Đâu lão ôm mày chổ nào đâu cho tao coi có mất mát gì không? Ha ha ha...* Tiếng cười ha hả riễu cợt của nó làm Chi vụt thấy mình lố bịch. Vừa hổ thẹn vừa giận dữ vừa nghe khổ sở không đâu, Chi hét lên. *Im đi. Mày xuống mà coi lão đi. Trời ơi...* Henrietta ngưng cười. Nó nhìn khuôn mặt tái mét đẫm nước mắt của Chi, nhận ra tính chất nghiêm trọng của sự việc. Nó bước ra, tay với lấy chiếc ống nghe choàng lên cổ, tay kia thấy xâu chìa khóa tủ thuốc cho Chi rồi quày quã bước đi.

Chi không có thì giờ để tiếp tục khóc. Những công việc dồn dập vào buổi sáng sớm dựng nàng dậy. Những cú điện thoại liên tục. Những người làm việc ở nhà bếp, phòng giặt, những người lau chùi dọn dẹp phải đến từ tờ mờ sáng. Tiếng chân ra vào tiếng bấm thẻ tiếng chào hỏi nhau. Tiếng ho tiếng sổ mũi tiếng chửi thề khe khẽ lẫn với tiếng xe chạy ngoài đường và tiếng chim kêu vọng vào từ cửa sổ. Mùi cà phê thơm phức lẫn với mùi *donuts* mới mua từ một tiệm *fast food* nào đó. Mùi sương lạnh đẫm trên áo, mùi hơi người... Tất cả lôi Chi dậy, bắt Chi làm việc như cái máy. Chi không biết rằng Henrietta đã bỏ đi xuống phòng Roger trong bao lâu cho đến khi nó trở lại, lặng lẽ kéo chiếc ghế ngồi xuống bên cạnh Chi, vịn tay lên cánh tay nàng. Bàn tay nó mang găng. Chi thoảng thốt quay lại. Henrietta nói thật khẽ: *Lão đi rồi.* Chi vùng đứng dậy, đẩy ngược chiếc ghế về phía sau. Henrietta vươn kéo chiếc ghế lại, ấn Chi ngồi xuống. *Thôi xong rồi. Cứ ở đây đi. Mày không phải xuống đó nữa.*

Henrietta làm thật nhanh những công việc mà đáng lẽ Chi phải làm vì Roger là bệnh nhân của Chi. Gọi cho Bác sĩ của lão. Gọi sang nhà xác. Kiểm soát tất cả quần áo vật dụng tùy thân để giao lại cho thân nhân. Sửa soạn đóng hồ sơ. Đặt lão nằm lại ngay ngắn. Phủ lão bằng một tấm khăn sạch để sửa soạn đưa lão đi. Người Chi cứ đổi từ nóng bừng sang lạnh ngắt. Chân tay nàng lúng túng ôm chụp lẫn lộn đủ mọi thứ. Tới một lúc, Henrietta chận tay chân Chi lại. *Mày đuối lắm rồi đó Chi. Liệu có lái xe về được không? Thôi ra xe nằm nghỉ đợi tao đưa về cho. Để phần Report đó tao lo cho. Ra xe nằm đi.* Chi quắc mắt lên. *Đừng có nói chuyện với tao như là nói với bệnh nhân vậy. Để mặc tao.*

Chi quay ra cầm lấy hết mấy quyển sổ lên, sửa soạn cho phần *Report* với Shift sáng. Đúng lúc đó, chiếc băng ca đẩy xác lão Roger đi trở tới. Chi nghe tiếng Henrietta kêu rít lên. *Trời ơi sao lại đi cửa này?* Tiếng tên Alphonso đẩy băng ca lúng túng trả lời. *Cửa sau bị hai chiếc xe chở thức ăn chận nghẽn hết lối rồi.* Chi từ từ khuỵu xuống, còn nghe ra được tiếng mấy quyển sổ rơi ào dưới

chân. Mơ hồ những bóng người chạy đến. Tiếng kêu hốt hoảng của Grace. Bàn tay quen thuộc của Henrietta. Trong một tíc tắc Chi nhớ lại tất cả. Tất cả nỗi buồn của nàng niềm vui của nàng. Tất cả những người đã chết đi mà linh hồn còn vật vờ đâu đây. Tất cả những người nàng đã đem tới tình yêu dịu dàng như yêu nỗi buồn của chính mình, những lời thăm hỏi nâng giấc nửa khuya, bàn tay lặng lẽ vuốt mắt lúc chung thân. Chi vụt nhớ tất cả, tất cả những đêm thâu ra đi những sớm tinh mơ trở về, thức ngủ ngược lại với cuộc đời, giờ ăn giấc nghỉ xoay vần đảo lộn. *Nàng ngủ cùng một giờ với giấc ngủ của mẹ nàng ở Việt Nam.* Những đêm mưa lái xe đi làm mưa trắng xóa mưa dập vùi cảnh sắc. Những đêm mùa đông sương muối che sờ mặt kính lái xe đi mù mù trong một biển sương giăng. Những đêm trăng tỏ lộng bàng hoàng những xa lộ vắng đèn thắp hai hàng nhìn xuống thành phố long lanh thức ngủ. Những đêm đứng trước cánh cửa Viện hít một hơi dài không khí của trời đêm trước khi bước vào vì ở bên trong cánh cửa kia là cả một thế giới rầu rầu cả một cái mùi choàng ập vào khứu giác vào mặt mũi tay chân đầu tóc. Một cái mùi chạy rất nhanh vào tâm hồn làm chết khựng hết những niềm vui làm tê liệt hết hi vọng. Một cái mùi làm nên ảo giác bải hoải tràn khắp châu thân. *Em có đủ kiên nhẫn và dịu dàng không? Em có đủ tình yêu đối với con người và lòng can đảm trước sự chết không?* Ở đằng sau cánh cửa kia là những người đang nhặt nốt những bông lúa cuối cùng mà họ đã gieo trong đời. Những cơn điên dưới sức hút kỳ dị của mặt trăng. Những ngày rất dài và những đêm rất dài nghĩ đến niềm hạnh phúc đời sau, cảm nghiệm về nỗi bất lực trước một thế giới đã đang và sẽ còn tiếp tục sinh sôi nẩy nở mênh mông chung quanh. Nơi đó, tuổi thanh xuân vừa là quá khứ vừa là ước mơ vừa là cơn đau đớn triền miên. Nơi rất nhiều *Juliets* và rất ít *Romeos* đêm đêm ngủ những giấc ngủ mơ có kẻ đến kéo chân rủ đi ra tìm lại cuộc đời trẻ đẹp và ngày ngày trở dậy nhìn nhau nói cười ngẩn ngơ. Mỗi người trang bị theo riêng mình một số kỷ niệm một số hành trang từ dĩ vãng. Con búp bê mái tóc giả những cây thông xanh những bức tranh trẻ nhỏ cuốn nhật ký những bức ảnh tươi cười kêu lớn cùng cuộc đời rằng tôi đã trẻ đẹp như thế này đây. Chi nghe như những bàn tay ai đó nhẹ nhàng đỡ nàng nằm xuống. Những cái xác da vàng nằm dưới đáy biển xanh. Những cái xác da trắng da đen đắp khăn đi mất. Những cuộc đời ở bên lề cuộc đời. Một người chết là một người chết. Một trăm người chết, một ngàn người chết là một con số. Sự xúc động lặp đi lặp lại nhiều lần đáng lẽ phải đắp dầy lên thành thói quen vô cảm. *Khéo dư nước mắt nữa sao Chi. Chính cô đã băng qua một đại dương, đã nghiêng sát xuống cõi chết màu xanh thăm thẳm kia để đến đây mà. Rồi cô sẽ được sống ở đây được chết ở đây, y như thế*

này đây. Y như những cái xác da trắng da đen theo nhau đi ra đi ra. Chi cố chồm dậy. Cố quay đầu nhìn hút theo cái xác Roger vừa được đẩy ra khỏi cửa. Chi nhớ lại tiếng kêu *Lửa Lửa. Tao thấy lửa bốn bề.* Khuôn mặt Roger ướt đầm đìa giữa cơn mơ. *Tao sắp chết rồi Chi ơi.* Chi nhớ lại hết cơn vuốt ve kinh dị. Cái cảm giác của khuôn mặt nóng hổi méo mó đau đớn. Những sợi râu xám trắng khô cứng rờn rợn trên da thịt nàng. Bàn tay sần sùi nhớp nháp quơ bấu trên má nàng. Chiếc miệng ngậm cứng khuy áo trước ngực nàng và tấm thân đổ vùi xuống nệm. *Cả miệng ta trăng là trăng. Cả lòng ta vô số gái hồng nhan. Ta nhả ra đây một nàng* *. Chi nhớ lại hết những nụ cười lặng lẽ đêm đêm lão bật ngọn đèn chờ nàng đến bên, bàn tay nâng niu ủ lấy bàn tay nhỏ bé của nàng, tiếng thì thầm nhủ đi nhủ lại *Goodnight, Sweetheart,* nỗi đau đầm đầm trôi trên một con nước buồn rầu thê thiết. Chi quay đầu quay đầu mãi về phía cửa, thì thầm. *Chúa cứu rỗi linh hồn lão, Rogie. Cầu cho lão ngủ yên nơi miền vĩnh phúc, Rogie...* Nước mắt vẫn rơi đầm đìa trên má Chi. Chi biết rằng cái cảnh giới chập chùng mộ chí trong lòng nàng chỉ là một ảo giác. Chi biết rằng nàng sẽ còn tiếp tục thử thách mình về tình yêu đối với con người và lòng can đảm trước sự chết. Chi biết rằng, nàng vẫn thiết tha yêu cuộc đời biết bao.

Vũ Quỳnh Hương

* *Thơ Hàn Mặc Tử.*

ĐÓN ĐỌC :
NGÀY THÁNG BỆNH BỒNG
Tập truyện ngắn đặc sắc của nhà văn :
NGUYỄN VĂN SÂM

do VĂN KHOA xuất bản
trong một ngày rất gần đây.

Nguyễn Bá Trạc

Bản nháp vài trang tiểu thuyết của một người di cư nhức đầu vừa phải

(1)

Tôi chưa bao giờ có dịp đặt bút viết một cuốn tiểu thuyết nên tôi không thể bàn bạc ngay cả về những câu hỏi khá căn bản như tại sao người ta viết tiểu thuyết, việc cấu tạo các nhân vật thế nào, thủ pháp của tiểu thuyết ra sao. *Ông Nguyễn văn X. nói.* Như thế tôi lại càng không dám đụng chạm tới khuynh hướng hiện đại, sự khủng hoảng của tiểu thuyết, những chuyện một nhà tiểu thuyết phải khác với một công tư chức hay một người thợ thủ công khéo tay như thế nào.

Hơn 30 năm nay, thỉnh thoảng tôi cũng có đọc một vài cuốn tiểu thuyết cũ hay mới, nhưng đó không phải là một lý do để người ta có thể huyênh hoang tham dự vào sự vạch ra hay xóa đi các lằn ranh cho những hình thái khác nhau của thủ pháp văn chương. Tôi không thể cho phép tự đặt mình vào việc luận bàn về các phạm trù, các hệ tư tưởng sản sinh ra những phương cách biểu hiện rồi lôi kéo sau đó các toa tầu lớn nhỏ của hàng loạt các khoa học chuyên biệt như ngôn ngữ học, nhân chủng học hay xã hội học.

— *Tôi là một người di cư nhức đầu vừa phải.*

Ông Nguyễn văn X. nói.

Nếu tôi có ý định viết một cuốn tiểu thuyết, điều đó phải có nghĩa là nó không được phép làm cho tôi nhức đầu thêm.

Tôi không nhất thiết phải trở thành một người di cư nhức đầu quá độ.

Còn tiểu thuyết hiện thời đã chết hay đang biến hóa? Những xu hướng, những luật tắc, những thuật ngữ, những lớp mốc meo bám trên bìa các cuốn sách cũ, những bứt rứt trong các cuốn sách mới của thời đại chúng ta, những cãi cọ ồn ào về kỹ thuật, những sự đánh giá của các tay phê bình tài tử hay chuyên nghiệp, những

điều ấy liệu có quan hệ gì đến tôi?

— *Liệu những điều ấy có quan hệ gì đến tôi?*

Trong một đêm hai triệu người chung quanh say sưa ngủ.

Giả như ngay lúc này tất cả những cái đồng hồ nhất loạt reo lên đánh thức họ tỉnh dậy, họ cũng không đọc và không hiểu những gì tôi viết bằng thứ ngôn ngữ của một quốc gia vùng Đông Nam Á.

Và bây giờ, đêm mùa hè.

Bỗng dưng một bầu khí lạnh từ Bắc Cực kéo về làm cho tôi phải châm lửa bật lên cái lò sưởi.

Điều ấy quan hệ đối với tôi nhiều hơn chứ? Ít nhất, đối với cái sức khoẻ ốm o sa sút của tôi?

Lắng nghe một cô gái chụm chân lại ngửng mặt lên khóc lóc bằng một cây đàn vĩ cầm, hay bằng một bài thơ mềm mại ngắn gọn, cho dù bằng cả một tập thơ phẫn nộ tối tăm, điều ấy vẫn còn dễ chịu hơn và đáng chia sẻ hơn là gặm nhấm những tay phê bình chủ chốt hay không chủ chốt, tỉ mỉ soi mói về các trào lưu, truyện ngắn *dài,* tiểu thuyết *vừa,* về các nhà văn lỡ thời hay tiến bộ, về quyết tâm đoạn tuyệt với truyền thống cùng với các ước lệ. Hoặc về hiện thực. Hoặc về cấu trúc. Về phản tiểu thuyết, phản tự sự hay phản nghĩa.

Thực ra những vấn đề sáng tạo tiểu thuyết đôi khi cũng đến với tôi nhưng nó bước nhón trên đầu ngón chân, rồi lướt qua như những trang giấy rời rạc lật bằng các ngón tay tạm đủ tò mò nhưng hờ hững.

Vì sao? Vì cái thời điểm mà X. đang sống đây khá phức tạp, phải vậy không?

Các vấn đề đặt ra cho X. vây bủa khắp ba thì của thời gian. Tốc độ là ánh sáng. Trăng sao là những ngọn đèn. Cuộc đời trên xứ sở mới treo căng bởi một sợi dây thép dẫn mỏng. Không gian pha trộn khói và sương mù. Thời tiết nóng lạnh bất thường cùng những cây cỏ không biết tên làm cho X. và X. và X. nhức đầu sổ mũi.

Đó là căn bịnh bất phục thủy thổ. Y như căn bịnh của các binh sĩ Tàu trong lịch sử Việt Nam, phải vậy không? Muốn khỏi phiền phức, nhiều người phải uống thuốc chữa bịnh dị ứng. Phải vậy không?

(2)

Hai người ngồi nói chuyện.

Một người nói:

— Tôi Nguyễn văn X. có quyền viết một cuốn tiểy thuyết mà tôi, Nguyễn văn X. là nhân vật chính chứ chẳng phải ai khác.

Người kia nói:

— Đúng vậy.

— Tôi lại có quyền vay mượn những bộ dạng biểu trưng để đứng ngay trên sân khấu giữa các ánh đèn 5000 nến mà mô tả mình và các nhân vật khác chung quanh mình.

— Đúng vậy. Nhưng đó là kịch.

— Vậy sao? Khi tôi đi đứng trong tiểu thuyết thì bộ dạng tôi khác với lúc tôi đi đứng trên sân khấu sao? Khi tôi đi đứng trên sân khấu thì bộ dạng tôi khác với lúc tôi đi đứng ngoài đường sao? Cũng như khi tôi mỉm cười lúc chụp ảnh khác với lúc tôi mỉm cười với anh sao? Tiểu thuyết khác với kịch chỉ vì những ngọn đèn 5000 nến sao? Và cuộc đời khác với tiểu thuyết vì cái mặt trời treo lủng lẳng trên đỉnh đầu chúng ta sao? Nguyễn văn X. cười. Chúng ta không nên bắt đầu những tranh luận có tính kỹ thuật vì nó rườm rà, phức tạp, vô bổ và chuyên môn.

— Thôi đi. Nếu anh nối kết tất cả những đoản văn lại mà bảo đó là một truyện dài thì đó là một tập truyện dài đấy ư?

— Bạn ơi, cũng đúng vậy.

Tất cả những gì của một người viết ra dù dưới bất kỳ hình thức nào ngay cả một lá thư cũng chỉ thuộc về một truyện dài của người ấy cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Còn nếu bạn thích, bạn cứ gọi là tùy bút vì ngay cả những khi có sắp đặt nhất bạn vẫn tùy tiện mà phóng bút.

Cái vấn đề của tôi ở đây là những tùy bút một giọng của tôi bắt đầu làm cho người đọc kém kiên nhẫn. Những người bạn của tôi thở dài chán ngấy. Và chính tôi cũng sắp sửa nhức đầu quá độ với cái giọng than vãn của một người hát xẩm.

Nên tôi thay đổi.

Nguyễn văn X. dừng bút tìm điếu thuốc lá. Đồng hồ chỉ hai giờ 40 phút sáng. Hút thuốc lá nhiều thật có hại. X. nghĩ. Mối đe dọa là ung thư cổ họng. X. hít một hơi thuốc nói tiếp:

— Đúng hơn đó là những bài thơ. Tất cả những gì anh viết ra như chính cuộc đời của anh đã từng thành thật và láo khoét. Đã từng công bằng và bất công. Đã từng cao cả và nhỏ mọn.

Đã từng hằn học, thù hận, oán ghét.

Đã từng tha thiết yêu thương.

Đã sung sướng hay khốn khổ.

Có phải chính anh đã ngửng mặt ra nhìn một chân trời xa và xanh?

Có phải chính anh đã sưu tập những con tem và thủa nhỏ đã ao ước đặt chân lên những xứ sở xa lạ in hình trên các con tem xinh tươi đẹp đẽ?

Và bây giờ có phải chính anh trên một chân trời xa và xanh đã

đóng chặt cửa căn phòng tắm, mở ra những vòi nước dội tuột đi giòng lệ ảm đạm của hoang mang, luyến tiếc, nhớ nhung?

(3)

— Tất cả là tiểu thuyết. X. nói.

— Nhưng các nhân vật khác đâu?

— Về các nhân vật. Họ là những A.B.C.D.E.F.G.H. trong các đoản văn *quanh tôi*. Một số không có mặt đây. Họ qua đời rồi. Họ ở dưới biển. Họ đang ở trong các trại học tập. Họ đang chết dần hay đang đi đứng bên kia quả đất. Có người thích ẩn mặt sau những giòng chữ và những bài thơ. Trong kịch biểu trưng, cây gậy là một con ngựa. Trong tiểu thuyết, cái cây là một người đàn bà. Đàn bà là những cái cây lại là những con chồn.

Khi người ta mở ra một cuốn sách, người ta có thể là một người đọc thông minh và chọn lọc hay là một cậy bé khó nhọc đánh vần với những hình ảnh giải thích kế bên. Tôi Nguyễn văn X. không tin tưởng ở quy luật đa số. Quy luật này dẫu được thực hiện thẳng thắn vô tư trong một chế độ dân chủ nhất cũng chỉ nói lên ý chí của đa số và sự lựa chọn của họ. Không nói lên phán đoán về một vấn đề chính xác hay không chính xác. Hậu quả? Việc tiêu thụ cuốn sách chỉ là mối lo lắng của một nhà xuất bản hoặc một cơ quan điều hợp văn học. Không phải là mối lo lắng của tôi cùng với các nhân vật có mặt hay vắng mặt của tôi. Những cái cưu mang ẩn náu thế giới bên trong. Những cái bộc lộ bên ngoài và chung quanh. Cái gì là vĩnh cửu. Cái gì là hữu hạn đặt ra cho tôi.

Tôi yêu cái thiểu số biết đồng ý rằng cái gậy là một con ngựa,
Cái cây là một người đàn bà.
Còn con chồn là một người đàn bà có đuôi.

(4)

Nguyễn văn X. nói: Nếu tôi có ý định viết một cuốn tiểu thuyết, tôi không có nhiệm vụ phải trình bày với các bạn tại sao. *Tại sao?* Vì người viết hẳn có quyền giữ cho mình vài điều riêng tư như bất cứ ai có thể trao tận tay một lá thư tình ướt đẫm nước mắt, nài nỉ một người *hãy đọc và chia sẻ*. Vào một lúc khác, hẳn có thể chưa kiện một cách giận dữ trước toà án về một người đã lục lọi thư tín riêng tư của mình.

Đó là một cái quyền. Như quyền khai sinh các nhân vật làm cho họ đi đứng ăn ngủ vui buồn giận ghét. Làm cho họ *làm cho người đọc* vui buồn giận ghét lây. Đôi khi chưa kể còn *làm cho* những nhà phê bình đứng đắn vô tư trở nên cộc cằn, thô lỗ và bỉ ổi.

Tôi đã đọc ở đây về một nhà tiểu thuyết mà cái bóng đồ sộ chạy suốt từ Đông Âu sang Tây Âu, từ Tây Âu sang Mỹ châu, Úc

châu, Á châu, nhà tiểu thuyết cao lớn nọ đã khai tử một nhân vật của mình một cách có hơi vội vã ở trang số hai trăm lẻ tám. Nhân vật xấu số ấy thay vì than khóc trong địa ngục hay vỗ cánh bay lượn trên thiên đàng, lại chậm rãi quấn một cái khăn ăn phẳng phiu lên cổ, ngồi nhấm nháp cái phao câu vàng ngậy của một con gà tây nướng bơ và hành tỏi ở trang tám trăm chín mươi tư.

Đó vẫn là một cái quyền. Cái quyền của thiên nhiên mang đến sự lẫn lộn cho những nhà tiểu thuyết già nua. Đó vẫn là một cái quyền. Như cái quyền của một người di cư nhức đầu mơ về một chân trời cũ và tím. Ông ta mạnh mẽ vung nắm đấm như một thanh niên trai tráng trong buổi hội họp sôi nổi ban đêm, thảo luận những tương lai tươi sáng cho một quê nhà xám xịt. Ông ta đập tay một cái chát xuống mặt bàn xác định ngày về.

Sáng hôm sau ông ta rụt rè húng hắng ho.

Rót nước trà ngồi nói chuyện với người thông gia để kể lể về đứa con gái, con rể. Những đứa cháu. Những đồng xu. Các công việc làm nhàm ở cửa tiệm buôn bán bộ phận xe hơi cũ.

Về chuyện mua bán bảo hiểm nhân thọ.

Về vấn đề hội nhập.

Về các vấn đề của thế hệ thứ ba trên đất tạm dung.

(5)

Thư của anh Q. gửi anh T. San Pedro, ngày 12 tháng 7 năm 1986. Anh T. Tôi nhận được thư của anh. Vẫn *sì tin* viết kiểu Thời Luận ngày xưa (loại tỷ giảo). Nghĩa là cứ một câu hư lại một câu thực, một câu nói về cái tốt lại một câu nói về cái... tốt. Vế trước nói về khía cạnh đen tối của cuộc đời, vế sau nói về sự hướng thượng (bay vượt lên giời... như cánh chim) hoặc (bước chân qua vũng nước nông quèn), hoặc một câu tình cảm xen lẫn vào một câu toàn lý luận đơn giản (hoặc thuần lý trí)...

Loại văn chương này đã xưa rồi. Sẽ đi xuống. Mất *job*, trễ giờ... Tuần rồi, tôi đi hai đám tang. Rất nghiêm nghị. Lại thăm nhà bạn nghèo mà rất giữ lễ. Nghe tin bạn ly dị bỏ hết bài vở ra viết thư an ủi. Trông thấy đàn bà (lúc sắp hàng ở *DMV* đóng thuế) không nhìn. Lái xe qua nhà bạn gái đã đi quá mươi *bloc* rồi mà không biết. Không nói xỏ xiên ai, không khúm núm ai. Không đọc báo Việt. 95% các tư tưởng của tôi là những tinh hoa hoàn cầu mà tôi đang hướng đến. 5% còn lại dành cho lớp *Speech I* của *college*. 99% khi nói thì nghe tin *Tổng thống Reagan* nói, hoặc bình luận văn chương của đài số 28 tối thứ tư, thứ sáu. Ngoài ra 2, 3, 4, 5... đều làm bài và tập nói với các cử tọa người Mỹ. Đầu óc tôi không có vụn vặt như xưa. 1% thì dùng để vâng, dạ bằng tiếng Việt ở trong nhà với bà cụ.

Dĩ nhiên là tôi cũng cô đơn. các ông Napoleon — quân nhân — Montesquieu — nhà tư tưởng — Einstein — nhà khoa học — cũng rất cô đơn. Người ta không ai chết vì cô đơn, mà chỉ chết vì tụm năm tụm ba, vì nói xấu, vu khống nhau - chết vì không trả được nợ - và rất có thể chết vì trêu chọc (gây nên đánh nhau, ném xì dầu nước mắm vào đầu nhau hoặc vào chỗ hiểm).

Ngày tôi đi học, đi thi đúng giờ. Thuế trả sòng phẳng. Tối tôi nói chuyện với Mỹ. Đêm tôi học hỏi rất nhiều điều (Ngôn ngữ Anh do đâu mà có? Đạo *Calvin* và đạo *Luther? German* và *Dutch? Low German, High German* và tiếng Pháp liên quan ra sao?) Tôi đã hiến thân tôi cho thư viện. *Tutor* của tôi là người Mỹ đen, bạn tôi là người Equador, Nam Hàn... Thời tiết không xúc phạm đến tôi. Điện thoại *long distance* không làm tôi nói nhiều hơn. Hoa rơi, bướm lượn, đồi núi... tôi coi như pha. Còn đàn bà... tôi coi như đàn ông, lắm khi tôi còn mày tao... chứ không xun xoe kéo ghế lấy tăm, so đũa... như ngày xưa. Tôi không cần phân biệt muối vừng và rượu thịt. Lời nói tôi hiền hậu và đầy lòng nhân, bởi vì tôi đã bước qua khỏi giai đoạn tiểu nhân mà trở thành người quân tử: *Tiểu nhân ngôn hiểm, Quân tử ngôn nhân.* Tiểu nhân ăn nói thì xóc óc, hiểm độc. Quân tử thì hiền hậu mà yêu người. Giờ thì không ai dụ dỗ tôi được nữa. *Chào anh. Q.*

S.J. 30 th. 7. 1986
NBT

BÁC-SĨ NHA-KHOA
NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.
9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am. - 7pm
— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
— Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.
KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Thế Giang

Chỗ nước đọng

Ga Vinh một buổi tối trời mưa. Một túp nhà lá nằm nép bên vệ đường, phía sau là khoảng nước dở ao dở rãnh, muỗi và cỏ nhiều. Một ngọn đèn dầu run rẩy vì gió, cháy leo lét được treo trước cửa sổ. Một con chó già còm cõi bê bết bùn đất và lạnh, nằm in bóng đèn dầu dưới cửa sổ, tru ư ử trong họng mà không dám vào nhà vì sợ đòn. Gió hú rít xoáy quanh cửa tranh nhau luồn vào nhà. Có tiếng mái tranh cọ nhau xào xạc như van xin. Tiếng chẫu chuộc gọi cái làm nhịp cho mưa rơi...

Bên này cửa sổ :

— Khêu to đèn thêm tí nữa, không tốn dầu lắm đâu.

Bên kia cửa sổ :

— Thế này đủ rồi, khách xa thừa sức nhìn thấy.

Im lặng một lúc.

Bên này :

— Mấy giờ rồi nhỉ...?

Bên kia :

— Đồng hồ bán mất rồi... có lẽ khoảng 9, 10 giờ...

Bên này:

— Bán được bao nhiêu ?

Bên kia :

— Thằng khách đểu, đồng hồ giả, được có sáu chục, lỗ mất chín chục.

Bên này :

— Sao thế? Sao lại lỗ?

Bên kia :

— Mặc cả trăm tám, trừ tiền "đi" ba chục, phải trả lại nó chín chục.

Bên này :

— Đồ đểu... nhưng cứ vặn đèn to lên đi...

Bên kia :

— Đã bảo không cần mà !

Bên này :

— Nhưng... nhưng sợ ma nó về...

— Xì... bậy nào, nói nó về thật đấy.

Có tiếng chân rẽ nước đi tới, rồi một cái đầu đàn ông thò vào cửa sổ, nhổu nước lã chã xuống con chó.

— Bao nhiêu ?

Bên này :

— Năm chục.

— Đắt thế, gái Sài gòn còn chả tới nữa là...

— Thế muốn bao nhiêu ?

— Hai chục...?

— Thôi về ngủ với bò cho sướng, để hai chục đấy mai mà ăn cháo.

— Đồ đĩ rạc !

Tiếng chân dậm dựt bỏ đi.

— Ba chục được không ?

Có tiếng hỏi với lại.

— Ừ thôi, trời mưa mở hàng để lần sau lấy chỗ đi lại.

— ...

— Thanh toán trước đi !

— Gì mà vội thế, chả "tình" tí nào cả.

— Sao? Có tiền không?

— Lấy gạo nhé ?

— Gạo gì? Mậu dịch hay gạo mới ?

— Mới chia tiêu chuẩn tháng ở cơ quan về, chưa xem.

— Gạo mậu dịch rồi, tính bao nhiêu?

— Hai chục.

— Đắt quá, mà cũng không có cân nữa.

— Mười tám đồng vậy, đong đại bằng ống sữa bò đi...

— Ừ, thế cho tiện, cân mất công, gạo đi mua nặng ký... mà này, có trộn đá dăm vào không đấy?

— Mang đèn ra mà soi.

— Gạo này chỉ mười lăm đồng.

— Đong vun tay thế kia thành hai cân của người ta chứ còn gì...

Một thằng nhóc chừng chín tuổi thình lình hiện ra như chui từ dưới đất lên, đứng mút tay nhìn cảnh đong gạo. người đàn ông còn đang loay hoay cột lại cái bao của mình thì nó đã giật túi gạo nơi tay người đàn bà, chạy vụt ra cửa.

— Nấu cơm nhé, đừng nấu cháo... nhớ để phần cho chị đấy.

Người đàn bà dặn với theo.

*
* *

*L*ại một cái đầu nữa thò vào cửa sổ:
— Hình như đây là quán trọ?
Bên kia :
— Anh tìm đúng chỗ rồi đấy.
— Trọ nửa giờ hay qua đêm ?
— Tùy thích.
Khách thở phào bước vào nhà.
— Có nước rửa chân không ?
— Cái chum nằm ngoài thềm nhà đấy.
— Tối quá, làm ơn vặn đèn lớn lên một chút đi.
— Rồi... rồi đó, mắt đẹp như vầy mà bỏ phí trong bóng tối.

*
* *

*B*ên này :
— Buông màn xuống !
— Nhà dột, màn ướt hết rồi...
— Thế thì tắt đèn đi !
— Còn người khác nữa, hỏi xem họ có muốn không.
— ...
— Cởi quần ra cho thoải mái...
— Hư... ừm... hừm...
— Ái..., đau, cái khóa thắt lưng... cởi hẳn quần ra.

*
* *

*B*ên kia: tiếng thì thào trao đổi xen lẫn tiếng cười rên trong họng.
Bên này: Con ngựa gỗ cồng cộc lồng trong chuồng.
— ...
Im lặng... mưa lách cách vuốt mái tranh... căn nhà lá chứa no tiếng thở đều... Tất cả như muốn ngủ.

*
* *

*B*ên kia:
— Mệt không anh ?
— Đã không em ?
— Em biết gọi anh như thế nào nhỉ ?
— Em đi Sàigòn chơi lần nào chưa ?

— Tù cải tạo phải không ?
— Em tôi sao hay vậy ?
— Sao biết mà tới đây ?
— Mới được phóng thích, chờ tàu ngoài ga, xích lô chỉ.
— Lâu lắm anh mới được "làm" phải không ?
— Ừ, tám năm rồi, kể từ 75.
— Vợ con gì chưa ?
— Đi Mỹ cả rồi...
— Cho em đi Sàigòn với...?
— Cái thân anh không biết rồi sao nữa đây, đâu có bao bọc em được...

Thôi ra ga ăn cháo gà với anh cái đã, rồi tính sau.

*
* *

*B*ên này :
— Thu nhập hàng tháng bao nhiêu?
— Thất thường lắm, không tính được.
— Có chồng con gì chưa?
— ...
— Quê quán ở đâu ?
— Đô Lương.
— Sao trôi giạt ra tận đây thế ?
— Ở quê khổ quá...
— Khổ một chút nhưng cuộc sống lương thiện, có chồng con đàng hoàng có thoải mái hơn không?
— Đảng viên phải không ?
— Sao biết ?
— Chơi bao nhiêu lần rồi ?
— Ừ... mới tham quan một lần cho biết...
— Có thích không ?
— ...
— Không sợ chi bộ biết sao ?
— Chỉ sợ quần chúng, cảm tình đảng thôi.
— Bí thư phải không ?
— Chưa, mới phó thôi.
— Sao biết mà mò đến?
— Bí thư giới thiệu... ấy không phải, bà con quen biết...
— ...
— Hành nghề bao lâu rồi ?
— Sáu năm.
— Đúng dân chuyên nghiệp, có bệnh không? Có không?
— Cải tạo mới ra chưa kịp có.

— Vẫn ngựa quen đường cũ, phải cố gắng đè nén những đam mê thấp hèn mà nghĩ đến tương lai chứ! Chết, chết, ai đấy?

— Đừng sợ, con chó nằm ngoài lạnh, cào cửa đòi vào nhà đấy.

— Ba chục... đắt quá, mất đứt 1/4 tháng lương rồi còn gì?

— ...

— Cái gì đấy ?

— Ngô nướng...

— ...

— Bẻ một nửa thôi, chưa được ăn tối đâu.

— Tiếng khóa thắt lưng kêu lách cách, người đàn ông kiểm soát lại cái ví của mình rồi đi ra cửa, nách cắp bao gạo.

Từ buồng trong, một bà già tay chống đầu gối, tay đấm lưng lò dò bò ra. Cầm miếng giấy đang cháy, bà múa mấy vòng tròn như đuổi vía, rồi ráng sức bê chậu nước hắt toẹt ra đường.

Căn nhà lại chìm trong bóng tối.

Thế Giang

Tôn Nữ Ngộ Khê

Giọt lệ này

Ta giữa cơn lốc này
Biết tỉnh hay là say
Và những giọt lệ này
Thương mình hay thương ai ?
Ôi nước mắt hồng !
Sao giống giọt cường toan
Thiêu tàn lòng kiêu hãnh
Đốt cháy cuộc đời ngoan
Hãy rót đầy trái tim
Những giọt cường toan tím
Hãy chất đầy tâm hồn
Những điêu ngoa ngất lịm
Hãy đắm mình quên lãng
Quên thực tế phũ phàng
Vì còn chi nhân tính
Khi đời đầy dối gian ?

Thế Giang

Ba thằng cuội giời

*M*àn sương mù buổi sớm mai tan dần. Nắng loe hoe lách qua tầng tầng lớp lá cây sưởi ấm nền đất ẩm ướt và ngai ngái mùi củi mục. Núi rừng Sơn La đã trút bỏ được phần nào tai tiếng rừng thiêng nước độc. Ấy là nhờ con chẽo quẹt đậu vắt vẻo trên cành cây nhìn ba thằng tù đang lúi húi nhóm lửa nướng củ sắn vừa ăn trộm được và leo lẻo gọi bầy.

— 182, mày đang mơ gì thế?

Thằng đầu trọc đeo số 181 ngồi xổm, hai cái đầu gối củ lạc chổng quá mang tai, xoa xoa hai bàn tay vào nhau một cách hài lòng như con chó nhắng nhít trước bát cơm và hỏi bạn.

— Tao đang mơ sau này, nếu có ngày được ra tù...

— Chứ không phải là đang nghĩ cách chia ba củ sắn sao có lợi cho mình phải không?

Thằng đầu trọc 182 cười bẽn lẽn như con gái:

— Bậy nào; chia gian cái gì cho đáng chứ củ sắn nó lù lù ra đấy qua mặt hai thằng mày sao được. Nếu là cơm thì coi chừng!

— Thôi đi, tao bỏ quên đôi guốc mộc trong bụng mày từ hai chục năm nay rồi còn lạ gì nữa.

Thằng đầu trọc 182 không thèm trả lời, tiếp tục cười lâng lâng trong giấc mơ.

— Này; mày có bầy mưu ma chước quỉ gì đi nữa thì tao vẫn "chấn" phần giữa đấy nhé, hai đầu cho hai đứa mày.

182 vẫn cười mơ màng. 181 không yên tâm, tiếp tục vặn vẹo:

— Cái ngữ mày thì bao giờ được ra tù mà mơ?

— Vậy mới cần phải mơ...

— Tao hỏi thật, mày mơ cái gì đấy?

— Nó đang soạn một món đặc biệt cho bữa ăn "hàm thụ" để lừa tụi mình đấy.

Thằng đầu trọc 179 trả lời thay cho bạn.

— Chúng mày quá đáng lắm, tao mơ những điều cao quí mà chỉ chực vu khống. Ờ mà quả thực cũng là loại "hàm thụ", nhưng không phải đồ ăn đâu.

182 trả lời, giọng đầy bất mãn.

— Ừ thì "cao quí", mày ngồi xa ra khỏi củ sắn và thố lộ thử xem nào?

181 ỡm ờ khơi chuyện.

— Tao mơ... Tao mơ...

— Sẽ đãi cả làng một con hươu?

181 nháy mắt với 179 và nói chặn.

— Không.

— Sẽ cưới ba con vợ một lúc?

— Còn hơn nữa kia!

— Cưới cả làng à?

— Không, tao sẽ làm thủ tướng, có nghĩa là chính quyền về tay tao...

— Thì mày sẽ chuyển án khổ sai chung thân của chúng tao thành tử hình?

— Tao tử hình những thằng sống chứ chúng mày là lũ chết từ lâu rồi đ... ai đi tử hình những cái xác.

— Ờ... tao biết mày tử hình ai rồi...

179 lấm lét nhìn quanh như con cáo đứng trước chuồng gà rồi nói tiếp:

— ... đầu tiên là mấy thằng quản giáo?

— Không! — 182 gạt nhẹ-Công an là giống chó, đ... ai đi đánh chó làm gì. Tao đánh thằng chủ!

— Ừ... phải rồi, phải đập mấy thằng trung ương đảng mới đáng!

179 vỡ lẽ đối tượng.

— Mày vẫn còn thông minh đấy nhỉ... Theo mày thì nên đập kiểu nào?

182 ban khen bạn. 179 thò tay vào nách gãi ghẻ sồn sột để lấy cảm hứng:

— Đợi tao mơ một lúc rồi mới có thể đẻ ra kiểu được.

179 năn nỉ bạn.

— ... 200 thằng ủy viên trung ương với 15 thằng bộ chính trị mỗi thằng một xà lim. Cơm độn sắn..., không, sắn độn cơm thì mới đúng, ngày hai bát như tụi mình; bốn thước khối đá khuân xa hai trăm mét mỗi ngày.

— Một thước khối thôi mày ơi, cái giống đó không quen lao động như tụi mình, bắt nó khuân nhiều quá chết mất sớm thì uổng.

181 can gián bạn.

— Ờ... Mày nói phải. Nhưng để tao mơ tiếp đã... 90 cây nứa

mỗi ngày vào mùa mưa, cho vắt nó hút hết máu và sốt rét như tụi mình.

— Rồi sẽ nổi lửa đốt hết thành quả lao động một ngày trước mắt chúng nó?

181 thêm vào.

— Dã man quá... Tao không thể làm như chúng nó được.

179 áy náy trả lời.

— Mẹ kiếp, mày đúng là tinh thần tiểu tư sản nửa vời như chúng nó kết tội. Đối với chúng nó phải xử như tụi Tây ngày xưa ấy!

— Mày thì biết cái gì mà nói, đã ở tù Tây ngày nào chưa? Tây có còn nhân đạo với tụi nó gấp mười lần tụi nó đối với mình!

— Ừ thì thế, nhưng mơ tiếp đi nào.

181 giục bạn.

— Mỗi khi chúng vi phạm kỷ luật trại, sẽ nhốt xà lim 24 giờ/24, vừa khóa chân vừa ăn vừa ỉa, phân để một tuần mới cho đổ.

— Tao đã nói với mày là chúng nó già lắm, không quen chịu đựng như tụi mình đâu, chúng sẽ chết sau một tuần.

181 sợ giấc mơ tuyệt lộ nên can tiếp.

— Trước mỗi bữa ăn phải đọc một bài tự chửi mình và ghi nhớ công ơn đối với lãnh đạo.

— Ừ; hay hay, thế mà tao không nhớ ra.

181 cười thán phục.

— Ngày mùng một Tết cho ăn mỗi đứa một đĩa thịt trâu chứ không phải hai ba miếng lòng như tụi mình...

— Để rồi ngày mùng hai Tết đi ỉa chảy cả đám vì không quen ăn thịt như tụi mình vẫn bị!

181 lên mặt thông thái nói hớt ý của bạn. 179 im lặng cau mày suy nghĩ rồi lầu bầu nói:

— Chết mất... chúng nó giờ này còn sống là nhờ sâm. Thằng nào cũng thế, bấm vào mặt một cái là sâm phọt ra. Chả cần phải tù đầy, chỉ cần cắt tiêu chuẩn cung cấp "Tông Đản", miễn đi cho xuất sâm là báo *Nhân dân* đăng cáo phó không kịp.

— Quả có thế thật. Chấm dứt êm ái như vậy thì uổng quá, phải nghĩ cách làm sao để chúng nó đi đủ một vòng địa ngục như tụi mình rồi mới được hưởng cái kiếp chết không bia mả, chả có tên gọi lẫn ngày về với đất. Hay là ta vừa tẩm bổ cho tụi nó có sức, vừa đắt chúng nó đi một vòng Phố Lu, Bảo Hà, Tuyên quang, Lao Kay, Sơn La? (tên các trại giam tù)

181 lo lắng gợi ý. 179 không trả lời ngay. Con mắt mơ màng khi nãy lúc này chợt ngả xám và buồn rầu nói với bạn:

— Nói chơi thế thôi chứ mình không đủ can đảm để tàn nhẫn như chúng nó đâu...

— Mày lại sợ mất chính quyền chứ gì? Thiếu lòng nhân mà chúng nó vẫn sống nửa thế kỷ nay rồi. Mình chỉ *"chuyên chính vô sản"* với một nhúm thành phần lãnh đạo vô sản thôi.

179 nổi cáu sừng sộ bạn:

— Tao chỉ có thể nghĩ được như vậy thôi, còn mày, sao mày không nghĩ ra cách gì hay hơn đi xem nào?

— Tao á? Ừ, sao nãy giờ tao không soạn cho chúng nó một cách kết thúc nhỉ? chỉ mải lo nói theo mày thôi.

181 bóp đầu bóp trán trả lời. Sau khi gãi ghẻ đủ tứ chi đành buột miệngthở dài:

— Tao thấy chỉ có cách đơn giản nhất cho lương tâm nhẹ gánh mà nhân dân cũng hết nợ là tống tất cả xuống tầu thủy chở sang giao trả cho tụi Nga, để mặc cho tụi nó muốn làm gì thì làm, nuôi như lợn, hoặc tống tất cả vào trường đảng Lê nin học tiếp cho thành thánh cả lũ.

— Không được đâu. Mày chả biết gì về tụi nó cả!

182 từ nãy đến giờ ngồi im tủm tỉm cười giễu cợt các bạn chợt lên tiếng.

— À mày; mẹ kiếp thằng khốn nạn, khơi khơi vẽ trò rồi ngồi đợi chúng ông nấu cho ăn hả. Có điều gì uyên bác hơn kể xem nào?

182 khề khà lấy giọng cắt nghĩa:

— Nếu tống tất cả sang Nga tụi nó chả dại gì rúc vào trường đảng Lê nin để học chủ nghĩa Mác đâu. Chúng nó cũng sợ cái món đó như mình vậy. Bởi thế mỗi thằng sẽ xoay sở để chuồn sang Pháp, Thụy điển, dám đi cả Mỹ nữa để vận động cách mạng, cuối tháng mới trở về Mạc tư khoa lĩnh lương một lần để đầu tháng lại đi tiếp.

— Làm sao mày biết điều đó?

181 bực bội ngắt lời.

— Mày không thấy bác Hồ đấy hả, 3/4 cuộc đời cách mạng lưu vong tại Paris. Sang Nga đâu có hai tháng là nhớ kinh đô ánh sáng lại lộn về liền. Mà chả cứ gì thằng cha đó, thằng cộng sản nào cũng vậy, toàn chọn những nước tư bản giầu có mà tị nạn chứ đâu chịu ở Nga. Bọn Cộng Nam dương chạy sang Hòa Lan, bọn Chi-lê thì sang Tây Đức, bọn Argentina thì chạy sang Mỹ. Đấy, tụi mày thấy chưa, cho ra khỏi nước là hỏng bét hết cả.

179 tức tối vặn vẹo:

— Thế mày có sáng kiến gì hay không nào?

— Tao á? Tao thì nghĩ rằng không nên nhốt tù tụi chúng nó làm gì, làm cái chuyện thất đức ấy là không nên...

— Ai bảo mày nhốt tù chúng nó? *"Cải tạo"!* phải bắt chước chúng nó mà làm cái chuyện cáo ấp trứng gà nghe chưa!

— Thì cũng vậy thôi, theo tao điều đó không cần thiết, vả lại

cũng đừng đứng từ thân phận mình mà đòi nợ. Phải đứng từ nhân dân, từ 60 triệu con người đói khổ cắn xé lẫn nhau vì miếng cơm hàng ngày. Chúng nó phải trả nợ cho 60 triệu thằng tù ở ngoài chứ không phải 2, 3 trăm ngàn thằng tù ở trong như tụi mình..

— Trả làm sao nào? Mày sẽ cho chúng nó xơi món gì nào?

179 hăm hở dồn bạn.

— Tao sẽ... tao sẽ... cho chúng nó đi kinh tế mới...

Hai cái đầu trọc ngồi đối diện cùng xì ra một tiếng thở dài chán nản:

— Mẹ kiếp! mày lại lừa chúng ông à, giảm án cho tụi nó để nhỡ có lộ chuyện còn có đường chạy tội phải không?

— Khoan khoan... chúng mày nóng tính quá, mất khôn. Tao sẽ cho hơn 200 thằng đó cộng vợ con giòng giống khoảng trên ngàn đứa chọn một miếng đất, miếng nào màu mỡ nhất, cạnh Sài gòn, cạnh Hà nội, giữa vựa lúa Nam bộ cũng được. Diện tích thì tùy thích, sức cầy đến đâu khoanh đến đấy để xây dựng thiên đàng Cộng sản...

— Đồ bịp bợm, mày tiếp tục lừa chúng ông đấy hả?

— Ấy ấy, chưa xong... Tao sẽ cho chúng nó đầy đủ hạt giống, phân bón thuốc trừ sâu...

— Sao mày không cho chúng nó cả máy cầy nữa đi!

— Đúng đúng! cái đó tao chưa kịp nghĩ ra thì mày đã nói. Tao sẽ cho chúng nó máy cày nghĩa là đầy đủ những thứ có trong bánh vẽ về chủ nghĩa xã hội...

— Không được đâu mày ơi... chúng nó sẽ làm hỏng hết máy móc vì có thằng nào biết được nghề ngỗng gì đâu. Từ thằng tổng bí thư trở xuống, giở lý lịch chỉ thấy chức vụ hai chấm... nghề nghiệp hai chấm: *cán bộ lãnh đạo*. Hết!

— Mày nói đúng, chính vì không sống được như những con người bình thường với một nghề nghiệp bình thường nên chúng nó mới đi làm cách mạng. Nhưng con cái chúng nó toàn đi Nga, đi Đức, đi Tiệp học hết, chúng sẽ giúp đỡ cha mẹ chúng về mặt khoa học kỹ thuật.

— Ừ cũng có lý!

179 gật gù tán đồng. 182 nhăn mặt:

— Để im tao nói, đừng ngắt lời làm tao mất hứng... Tao sẽ cung cấp đầy đủ sách vở lý luận nghiên cứu về chủ nghĩa Mác cũng như văn học cách mạng cho chúng nó đọc.

— Mày phải bắt chúng nó đọc sách vở của thế giới tự do như chúng nó bắt mình học tập về văn hóa vô sản chứ!

— Không không... chúng nó không xứng đáng để đọc sách của con người... mà thế thì còn gì là cải tạo nữa. Tao biết sách vở chúng nó viết ra là để cho quần chúng đọc và sống theo, chứ riêng

cho mình, chúng chỉ đọc truyện chưởng, tiểu thuyết lãng mạn, nghe nhạc vàng thôi. Chúng không tiêu hóa nổi cái chính chúng nó đẻ ra đâu. *"Đọc sách địch để tìm hiểu địch"* mà!

— Như vậy thì chúng nó cũng chả cần đọc cái gì hết, ăn cho no ngủ cho yên...mày định biến cái khu *kinh tế mới* đó thành một khu hồi hưu dưỡng lão cho chúng nó sau cả một cuộc đời âm mưu tội ác ?

—Bình tĩnh nào! Bây giờ mới đến nút thắt của vấn đề. Mày bảo là chúng nó sẽ chả cần đọc hả? Tao, sẽ bắt chúng nó phải đọc! Tao sẽ bắt chúng nó phải phân tích trao đổi ý kiến với nhau rồi báo cáo. Sau mỗi ngày lao động chúng nó sẽ phải bình bầu lao động tiên tiến, sẽ phải góp ý xây dựng nhau để cũng trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa và nhất là... nhất là cho chúng nó phấn đấu để vào đảng như những thằng cảm tình đảng khốn nạn ở ngoài đời dẫm đạp lên anh em bạn bè để chứng tỏ lòng trung thành tuyệt đối. Thằng nào đạt được tiêu chuẩn rồi, tao sẽ cho ra ngoài và nhường chính quyền lại cho.

— Ồ... không ổn rồi mày ơi. Chúng nó sẽ móc ngoặc với nhau để cùng báo cáo láo, cùng bỏ phiếu cho nhau để vào đảng, rồi sẽ cùng kéo nhau ra ngoài đời tiếp tục kiếm cháo kiếm cơm của dân mất thôi.

— Hì hì... — 182 cười khẩy ranh mãnh—Sẽ chả thằng nào lọt được ra ngoài đâu. Chúng nó sẽ cắn xé lẫn nhau, con cái sẽ lại tố cha mẹ, bạn bè sẽ lại phản bội nhau, vợ chồng chúng nó sẽ bỏ nhau để tìm kẻ hôn phối " tiến bộ" hơn. Sau ba năm chúng nó sẽ mở một cuộc cải cách ruộng đất để chém giết nhau, sau bốn năm chúng sẽ tự lập cho chúng một cái nhà tù, sau năm năm tất cả sẽ hóa điên như 60 triệu thằng dân điên hiện nay...

— Mày ác quá.. Ai làm nấy chịu, tống vợ con chúng nó vào làm gì?

181 buồn rầu nói.

— Không! tao không ác đâu, tao chỉ trả lại chúng nó những gì mà chúng nó bắt người dân phải chịu mà thôi. Mày không thấy gần phân nửa số tù trong các trại mình đi qua là phụ nữ và trẻ em? Đàn ông, con trai chia nhau nửa đi lính, nửa đi tù. Phụ nữ thì "giỏi việc nước, đảm việc nhà", lao động vừa để xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa để nuôi tù chồng con?

182 chợt ngừng lời. Con chẽo quẹt khi nãy đã trở lại mang theo con trống và cả hai cùng leo lẻo hót.

— Hy vọng kiếp sau chúng sẽ sống khá hơn, hoặc không bao giờ còn dám đầu thai làm người nữa...

Hắn thở dài buông lửng câu kết luận.

Cả ba cái đầu trọc cùng im lặng miên man suy tưởng.

— 179, 181, 182 đâu, hết giờ giải lao rồi, đi chặt nứa tiếp!

Tiếng anh cai tù Nghệ an the thé rít lên. Ba cái đầu trọc giật thót người thoát khỏi cơn mơ cùng bật dậy đồng thanh hô:

— Có tôi!

Tiếng rẽ lá cây soàn soạt, rồi giọng xứ Nghệ lại trọ trẹ cất lên nghe thật gần.

— Ngồi làm gì ở đây? Lại họp bàn nhau để tìm cách trốn trại phải không?

— Dạ dạ... không dám đâu ạ. Thưa cán bộ, tụi em đang bàn cách với nhau để làm sao có thể tăng năng suất lao động đấy ạ!

182 nhanh nhẩu trả lời, rồi ba cái đầu trọc cùng xếp hàng một xuống núi. Đi được vài bước, 181 sực nhớ ra điều gì vội quay lại bới đống tro tàn.

— Thôi chết rồi... tiên sư thằng 182, bịa chuyện ra để chúng ông bỏ cháy mất toi củ sắn!

Thế Giang

Bắc Phong

Nhục nước

Bốn nghìn năm Tiên Rồng
Dựng nước chống xâm lăng
Thịt xương tan vào đất
Máu lệ chảy vào sông
Sao ta chịu để mất
Công đức của tiền nhân

Y thơ

Gói ân cần vào mắt
Gói buồn bã vào đêm
Gói hận thù vào lửa
Gói bản ngã vào thiền
Gói quê vào chữ nghĩa
Gói em vào buồng tim

Phạm Duy

Thời kỳ thành lập Xu Hướng Nhạc Hùng

Nhạc cách mạng

*V*ào khoảng đầu của thập niên 40, trong khi Tân Nhạc Việt Nam vừa mới được thành lập chưa được bao lâu thì **Xu Hướng Nhạc Hùng** đã chen chân **Xu Hướng Nhạc Tình** để ra đời với loại *thanh niên lịch sử ca,* thoát thai từ những *bài ca hướng đạo.* Xu hướng này đã được hoan nghênh dữ dội trong đám học sinh, sinh viên, thanh niên. Lúc đó cũng là lúc chế độ thực dân đang khởi sự lung lay, vì tại chính quốc, nước Pháp đã bị bại trận ngay từ khi Thế Chiến II mới mở màn.

Một không khí Cách Mạng bao trùm trên đất nước và được thể hiện ngay trong phạm vi Tân Nhạc. Lòng yêu nước được nung nấu một cách mạnh mẽ và bền bỉ bằng những bài hát kéo tuổi trẻ về với quê hương tổ quốc qua những **Lời Vọng Ngàn Xưa** do Hoàng Quý thét lên từ **Nước Non Lam Sơn** hay **Trên Sông Bạch Đằng**... hoặc qua **Tiếng Gọi Sinh Viên** của Lưu Hữu Phước, chàng này đang khuyên họ hãy **Xếp Bút Nghiên** để **Lên Đàng** tranh đấu. Không một nhạc sĩ trẻ tuổi nào vào lúc đó mà không muốn soạn một vài bài **ái quốc ca.** Văn Cao đã vung vẩy tài hoa của mình qua những bài **Tiếng Địch Sông Ô, Gò Đống Đa**... Bài hát thứ hai trong đoạn đầu đời sáng tác của tôi là một bài theo kiểu *anh hùng ca, bài* **Gươm Tráng Sĩ**, trong đó tôi muốn nói lên tiếng nói của *cây gươm thần đang nằm trong lòng Hồ Hoàn Kiếm, và mong chờ tráng sĩ thời nay hãy nâng cây kiếm thần này lên để đánh đuổi quân xâm lăng*... Quân xâm lăng là ai? Là thực dân Pháp chứ còn là ai nữa!

Những tổ chức Cách Mạng vào lúc đó đã thấy ngay được khả năng thu hút của Tân Nhạc và họ đã vận động được một số nhạc sĩ

trẻ đi vào tổ chức của họ. Mặt Trận Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh, gọi tắt là Việt Minh, sau khi đã dùng những điệu hát miền núi (như điệu **hát lượn** của người Tày chẳng hạn) để chuyên chở tinh thần cách mạng rồi, thì mượn ngay Tân Nhạc để làm vũ khí cho toán Tuyên Truyền Xung Phong. Võ Nguyên Giáp, trong cuốn Hồi Ký **NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ**, đã kể ra một câu hát Tân Nhạc trong thời kỳ Cách Mạng.

Cờ Giải Phóng phất cao, mau thẳng tiến
Trời phương Nam, dân chúng đang chờ ta.

Gần đây, tôi có đọc những sách báo của Hà Nội nói về **nhạc cách Mạng**, tôi thấy các người mà Nhà Nước giao cho công tác ghi lại lịch sử Tân Nhạc đã không trung thực vì đã cố tình không nói kỹ càng đến một trong những tác giả của cái gọi là *"Âm Nhạc của những ngày Cách Mạng thành công"* đó!

Trong số những bà mà họ kể ra như **Tiếng Gọi Thanh Niên, Lên Đàng** của Lưu Hữu Phước, **Diệt Phát Xít** của Nguyễn Đình Thi, **Du Kích Ca** của Đỗ Nhuận, theo tôi thì những bài của Văn Cao mới xứng danh được gọi là **nhạc Cách Mạng.**

Nhạc Hùng của Lưu Hữu Phước thì, như tôi đã khẳng định trong một bài trước đây, là những bài **nhạc hùng** rất có giá trị về phương diện khai phá, nhưng nó lại thiếu một tính chất rất cần thiết để mê hoặc lòng người là *tính chất lãng mạn* mà tôi sẽ đề cập đến rất kỹ trong đoạn sau. Bài **Diệt Phát Xít** của Nguyễn Đình Thi cũng như bài **Du Kích Ca** của Đỗ Nhuận thì chỉ thấy phổ biến ở trên mạn thượng du Bắc Việt, trong những nhóm tổ chức Cách Mạng để họ hát tác động tinh thần lẫn nhau và chỉ có giá trị là những bài hát tuyên truyền.

*

*B*ản **Diệt Phát Xít** nghe như một bài hát ngoại quốc vì giai điệu và tiết điệu hoàn toàn bị ảnh hưởng nhạc Tây Phương. **Lời ca** bình thường, nghe như là **lời hét** chứ không phải là **lời thơ**, có thể rất có tác dụng trong phạm vi tuyên truyền, vận động. Ta thấy bài hát thiếu hẳn bàn tay hay con tim, khối óc của nghệ sĩ. Nó là lời nói tuyên truyền của một cán bộ chính trị, điều trị, điều này cũng không hẳn là dở nếu ta bắt buộc phải quan niệm rằng **đã là nhạc Cách Mạng thì không được phép thơ mộng nữa :**

trích Diệt Phát Xít — **Nguyễn Đình Thi**

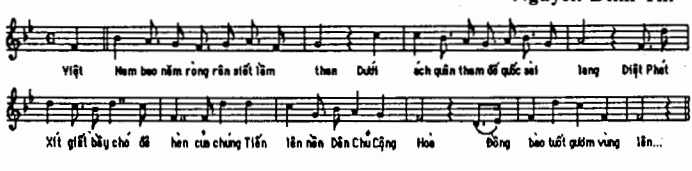

VN bao năm ròng rên xiết lầm than
Dưới đách quân tham tàn đế quốc sài lang
Diệt phát xít, giết bầy chó đê hèn
Của chúng, tiến lên nền Dân Chủ Cộng Hòa (*)
Đồng bào tuốt gươm vùng lên...

---

*(*) lúc khởi đầu không phải là câu: **"Nền Dân Chủ Cộng Hòa"***

*
* *

Du Kích Ca của Đỗ Nhuận còn giản đơn hơn nữa, nếu không nói là nghèo nàn, vì nói cho ngay ra, ông này làm chính trị và ở tù, nhiều hơn là làm nhạc. Tuy nhiên những bài hát của ông cho ta thấy ông làm Cách Mạng thật:

trích Du Kích Ca

Đỗ Nhuận

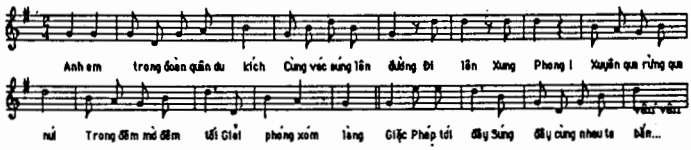

Anh em ta trong đoàn quân du kính
Cùng vác súng lên đường
Đi lên! Xung Phong!
Xuyên qua rừng qua núi
Trong đêm mờ đêm tối
Giải phóng xóm làng

Nhưng khi bài **Tiến Quân Ca** của Văn Cao ra đời, nó liền chinh phục ngay được cả quần chúng Việt Nam trong toàn quốc. Văn Cao cũng như Nguyễn Đình Thi và Đỗ Nhuận đã đi theo Việt Minh ngay từ lúc này khi Việt Minh thấy rằng có thể lợi dụng được Tân Nhạc cho cuộc Cách Mạng và tiếp súc với các nhạc sĩ trẻ này. Với sự đam mê rất thành thực của mình và với một tài năng thiên phú, Văn Cao đã tạo ra những nét nhạc hùng rất Việt Nam, tuy vẫn là **nhạc ngũ cung** nhưng nghe ra vẫn thấy có cái gì mới lạ. Đề tài và cảm hứng rất gần gũi với chúng ta vào lúc đó:

trích Tiến Quân Ca

Văn Cao

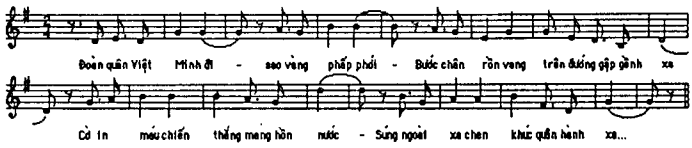

Đoàn quân Việt Minh đi, sao vàng phấp phới...
Bước chân rồn vang trên đường gập gềnh xa...
Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước
Súng ngoài xa chen khúc quân hành ca...

Tuy rằng chỉ ít ngày sau Cách Mạng Tháng Tám năm 1945, trong dân chúng đã có câu ca dao:

Xe xanh, cờ đỏ sao vàng
Đi đâu tới đó hai hàng lụy rơi...

... khi mà Cộng Sản ẩn mình trong Mặt Trận Việt Minh khởi sự cuộc khủng bố nhân dân, leo lên xe hơi *mầu xanh* có cắm lá *cờ đỏ sao vàng* để đi bắt giết những người làm chính trị theo đường lối quốc gia... nhưng vào khoảng thời gian trước Cách Mạng khi mà cả nước đang mong muốn lật đổ được chế độ Thực Dân Pháp thì ai ai cũng đều mê say với hình ảnh một nước Việt Nam độc lập tự do, với lá cờ cứu quốc mầu máu đỏ, tung bay trước gió, trong khi tiếng súng vang lên cùng khúc hát hành quân trên nẻo đường xa gập gềnh... thể hiện qua **bài tiến quân** của chàng nhạc sĩ đang nổi danh với những bài ca lãng mạn như **Buồn Tàn Thu, Thu Cô Liêu, Cung Đàn Xưa**... Cũng cần ghi lại một hành động rất tích cực của Văn Cao trong những ngày đi theo Cách Mạng. Không phải ông chỉ soạn nhạc cho Việt Minh mà thôi, ông còn nhận lệnh của họ để hạ sát một người được coi như thân Nhật là Đỗ Đức Phin ở Hải Phòng, quê hương của chàng nhạc sĩ cực kỳ lãng mạn này. Và ghi lại một chi tiết khá lý thú: Văn Cao soạn bài **Tiến Quân Ca** trong một bài nhà hát cô đầu ở Khâm Thiên, nơi ông gọi là **phường dạ lạc.**

*
* *

Cuộc Cách Mạng năm 45 mà ai cũng thích gọi là Cách Mạng Mùa Thu, theo tôi, đúng là một cuộc **Cách Mạng Lãng Ma8n.** Nhạc Cách Mạng lôi cuốn được người dân đi theo phải là *nhạc cách mạng lãng mạn.* Về phương diện này, ai là người có thể qua mặt được Văn Cao? Ngay liền sau bài **Tiến Quân Ca**, lãng mạn hơn hai bài **Diệt Phát Xít, Du Kích Ca** nhiều lắm, ông tung ra bài hát lãng mạn nhất trong dòng nhạc cách mạng lãng mạn, bài **Chiến Sĩ Việt Nam.**

Mở đầu, Văn Cao đưa ra hình ảnh mà tuổi trẻ Việt Nam đang mê mẩn: *những chiến sĩ lạnh lùng ra sa trường nghe theo lời gọi của hồn thiêng sông núi:*

trích Chiến Sĩ Việt Nam

Văn Cao

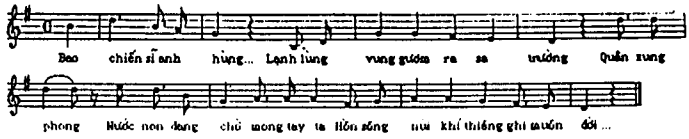

Bài **Chiến Sĩ Việt Nam** tiếp tục, và với tài năng tuyệt vời của một họa sĩ, Văn Cao vẽ ra cảnh *chiến sĩ Việt Nam phi ngựa trên đường xa, thúc giục bởi tiếng súng, tiếng kèn... chỉ mong thân thể trai được chết nơi sa trường để lấy da ngựa bọc xác như trong truyện anh hùng cổ xưa...* Tòa soạn nhạc của anh tới lúc này đã bỏ xa những nhạc sĩ chuyên nghiệp khác, đừng nói gì tới những tay soạn nhạc tài tử như Nguyễn Đình Thi hay Đỗ Nhuận. Trong khi **nhạc hùng** của Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước dù hay đến mấy thì cũng không vượt ra ngoài khuôn khổ của những ca khúc rất chân phương, rất cân đối, rất sách vở, rất nhàm... .thì Văn Cao trổ tài soạn **hành khúc** như bài Chiến Sĩ Việt Nam này. Câu nhạc thứ hai này dài dằng dặc, với nhịp điệu rồn rập, thay đổi hơi thở luôn luôn khiến cho câu ca có sức sống mãnh liệt.

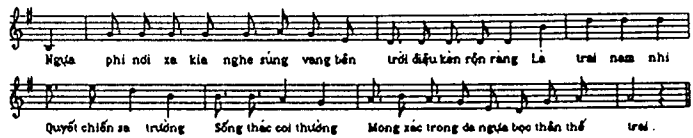

Tiếp tới là sự nhắc lại **nhạc đề** đó với lời ca phác họa ra một đoàn **chiến mã lên đường** khi nghe thấy **dư âm mênh mông** của **khúc anh hùng ca...** Cái hay của tác giả là đã chuẩn bị để vào cuối câu nhạc sẽ chuyển qua một nhạc đề khác, chứng tỏ sự phong phú của bàn tay sáng tác:

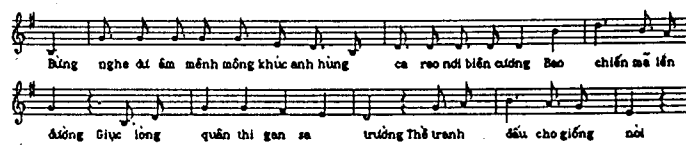

Nhạc đề này mang giọng mineure với nét nhạc chạy rất nhanh từ SI dưới lên MI trên để nói lên sự **hận thù** đã từng sôi sục **bao năm, căm lòng** vì **đất nước tan tác** và bây giờ là lúc phải: **Thề phục quốc, tiến lên Việt Nam! Lập quyền dân, tiến lên Việt Nam**!!! Bản nhạc kết thúc với lời thề son sắt đó.

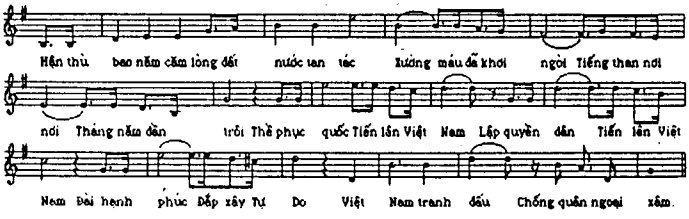

(còn tiếp)

Ngô Nguyên Dũng

Chia nhau những tờ thu phong

Gió đuổi lá trên đồi khuôn viên đại học
Mỗi nhánh lá như mảnh đời ta rướm máu khóc
Trời bên này đã vào thu em ơi mùa thu Lưu-trọng Lư
Em có nghe xào xạc giữa đêm trằn trọc

Đã chia nhau những nhọc nhằn bôn ba
Giờ tiếc làm chi mấy tờ thu phong héo lả
Vàng run rẩy chết nhớ màu xanh tháng bảy
Vàng ngan ngát ôi màu của chia xa

Trời tháng mười tiết thu lành lạnh
Như tháng giêng âm lịch ngày cận Tết
Thấy người quét lá đứng nghỉ mệt hút thuốc bên kia nhà
hốt sao hết những tờ thu phong tương tư ủ rũ

Ta chia em một nhánh thời gian
Chia đường chỉ quyện lấy bàn tay khô
Chia những động từ chia luôn quá khứ
Cả màu chủ nghĩa trong trời chơ vơ.

Tây Đức 1.9.86

Vũ Huy Quang

Trưa nắng, thưa các anh

Tặng Nguyễn Văn Sâm, Tôn Thất Niệm

*B*uổi trưa nắng quá. Tôi lãng mạn vặt, tôi ngồi đọc báo cọp trong một tiệm cà phê Mỹ trên Hollywood. Ở đấy cũng có báo (Mỹ) biếu. Tình cờ được đọc những đoạn viết về Henry Miller. Được đọc một đoạn văn của ông ta. Tự nhiên lúc ấy tôi bồi hồi, bởi vì có những tiềm ẩn mà tôi vẫn man mác lâu nay, tự nhiên có người diễn ra, lồ lộ trước mắt tôi. Ông ta hiện rõ ra là một người dễ thương; thật thà mà lại sâu sắc: Ông ta dửng dưng, ông ta yêu đời, ông ta tinh ma và ông ta hồn hậu...

Tôi vừa đọc thêm. Nghĩ thêm nữa. Tôi có một trăm, một nghìn ý nghĩ ngộ nghĩnh về tác giả này, một-cách-rất-bỗng-nhiên tôi cảm được, trong buổi trưa nóng hôm nay, cũng như là mình vẫn đọc "Cô vọng ngôn chi, cô thính chi" lâu nay rồi đột nhiên mình cảm và sống với câu "Nói láo mà chơi, nghe láo chơi" một cách rất tha thiết ấy mà.

Nhưng mà tôi nói thế thôi. Tôi không viết chi tiết những điều về ông này, tôi không phải là nhà khảo cứu. Vả lại còn cái khoản "copyright". Tôi đành chia cái vui thoắt đến này với các anh một chút như vậy.

*
* *

.....

HỎI: *Có cái hiện tượng đáng chú ý về ông, qua những người biết rất ít về những điều ông viết, người thì coi ông như một kẻ bị bệnh hoạn, văn chương cường dương, và những người khác thì lại coi ông như một ông thánh vậy.*

HENRY MILLER: Mọi người nói chung chỉ chú ý đến khía cạnh tình dục trong các sách của tôi. Kinh nghiệm tình dục nơi tôi chỉ là một phần con người tôi. Cũng có những người khác đến nói với tôi "phải chăng ông cũng từng tha thiết với Đông Phương? Ông từng nhắc đến Ấn Độ và Tây Tạng, ông có tin nơi các Đạo sư?..." (Như vậy) có rất nhiều cách nhìn về (con người) tôi. Và tất cả đều đúng. Nhưng khía cạnh xác thịt, tính dâm đãng, cứ gọi là vậy đi, thì lại được người ta chú ý nhiều hơn cả.

HỎI: *Thưa ông, ông có còn dâm đãng ở cái tuổi 81 bây giờ không?*

H.M. Không! Không! Thật ra, tôi chưa từng dâm đãng gì lắm. Tôi không phải loại người dâm dục; tôi không hề đi săn gái với cái lưỡi thè ra, thèm thuồng...

HỎI: *Trong cuốn "The World of Sex", ông từng viết là tổng số các cuộc phiêu lưu tình cảm của ông cũng chỉ bằng một người bậc trung bình. Chắc ông cũng có ý đùa...*

H.M. A, khi tôi nói "người trung bình" có nghĩa là tôi so sánh với những người bạn quanh tôi, những người tôi biết. Bọn họ siêu đẳng hơn tôi xa. Bọn họ mới thực là những tay từng .Thế mà, những người ấy có viết gì ra đâu. Bởi chỉ tôi viết ra, nên mọi người đều hiểu nhầm. Nếu tôi có thật thà kể ra chừng hai, ba mươi người đàn bà tôi biết, viết trên giấy, in thành sách, thì lập tức mọi người tưởng như tôi lột truồng được tới hàng ngàn quý bà quý cô. Tôi không lấy gì làm trung trinh, hiền nhiên là thế rồi. Tôi không muốn ai lờ mờ về điểm này. Nhưng tôi cũng không hề khoác lác chút nào. Cuộc đời tình dục của tôi thuần là ngẫu nhiên, hên xui. Và cũng không được coi là tội lỗi cho lắm. Nếu chúng ta cứ thử gạt bỏ ý niệm các tội, quăng đi các lỗi, thì tôi tin là vẫn có lắm lắm các điều khác thế vào, để đè nặng lên con người, để con người được phân vân với các sự thường và bất thường, mà thực ra, chả có cái quái gì quan trọng...

HỎI: *Thưa ông, cuốn "Tropic of Cancer", sau khi được giải tỏa lệnh cấm đã được quay thành phim màu là khác...*

H.M. Tôi không chú ý lắm đến việc này. Có nghĩa là không chú ý tới cái người ta vẫn gọi là "một bước tiến bộ"! Như cái quả lắc đồng hồ, xã hội không ngừng chuyển từ thái cực này sang thái cực khác,từ chủ trương sống kiểu luân lý thời Victoria, qua luân lý Thanh giáo, lại trở về kiểu buông thả. Chính ra ở chỗ giữa, tôi mới cho rằng sống trung đạo. Ngày nay (1972) xã hội quá chú trọng đến tính dục, mà lơ là với vẻ đẹp của tương quan tình dục. Sách vở và phim ảnh ngày nay cứ khai khác một chiều, thật là vô lý. Qua sự bãi bỏ kiểm duyệt, thế là mọi sự tung kê hết. Kết quả là chúng ta thấy toàn những quan niệm sống tồi tệ. Đấy là khía cạnh rất bết.

Nhưng rồi, tình trạng này không kéo dài lâu đâu. Con lắc trào lưu sẽ vẫn đong đưa, và sẽ đẩy trào lưu qua phía đối cực. Mọi sự sẽ được hoàn chỉnh.

HỎI: *Về sự thánh thiện nơi ông?...*

H.M. Tôi tuyệt không bao giờ có tham vọng làm ông thánh. Có những người tôi biết xứng đáng là một ông thánh...

(Tiếp theo là những lời phát biểu về Rimbaud, về thánh Francis bên Châu Âu)

.....

.....

HỎI: *Tức là ông có tính nghiêng về thể tính lưỡng phân, tội lỗi và thánh thiện đồng thể.*

H.M. Tôi không dám đoan chắc. Có lúc người ta xem tôi như một nhà văn viết dở nhất. Những chỉ trích (từ thế giới văn chương Anh-Mỹ), coi tôi như là một gã viết lê thê, dài dòng, mè nheo... và chỉ biết nói về mình mãi, ích kỷ. Thực ra tôi vẫn cố bức ra ngoài triền sống để thấy một nhãn quan phải hơn. Thế là người ta chỉ trích tôi là khoa trương, và kiêu ngạo và tự phụ. Tôi vẫn thích nói như sảng và đầy hư trương, dĩ nhiên: Thật ra, chưa bao giờ mà thế giới được sống với lý tưởng thỏa đáng. Có lẽ, chúng ta sẽ không bao giờ thấy một xã hội như vậy. Do đó chả có lý do gì mà một người không được phép mơ tưởng đến một thế giới khác, một cách sống khác. Ta sẽ học để sống còn trong một xã hội mà ta vẫn không thuộc về xã hội ấy. Nhưng ta không phí sức chống lại xã hội đương thời làm gì (điều mà tôi mất công làm hồi tôi còn trẻ). Hồi ấy, tôi thực tâm cho là tôi có thể làm điều gì đó để mang lại sự thay đổi. Và tôi thấy ngay là chả ai đổi được thế giới . Tốt nhất là tập sống trong xã hội chung quanh. Chả một nhóm nào, dù là siêu tuyệt, chả một cá nhân nào đổi được thế giới, ngay cả cá nhân ấy tự nhận là đấng cứu rỗi. Tôi cho là thế giới tự cải biến do tập thể nhân loại, tự cải biến do từng nếp sống mỗi cá nhân. Sự cải biến lại do từ những sự mà nhân loại không hề làm: Do quán tính (lý tính) của nhân loại. Cố mong sự tiến triển lại tạo ra những điều kiện tệ hại. Chúng ta cứ quy trách cho Hitler..., quy trách cho những ác quỷ... (Bọn họ) chỉ là kết quả, chứ không là căn nguyên. Có những "động lực và tử lực", và đa số chúng ta sống như những cái thây ma.

HỎI: *Như vậy, con người nên làm gì.?*

H.M. Có sự khác biệt lớn lao giữa việc sống trong một khung cảnh và sự chấp nhận việc đó. Người ta có thể sống ở trong hoặc với sự nghẹn ngào hoặc với sự khoan khoái của tâm trí và linh tánh. Nếu không, cứ lại chiến tranh và... cách mạng. Kẻ nào cũng có thể tự sống còn được nếu biết, hiểu ra. Hiểu ra, rồi người ta sẽ tự miễn dịch với mọi phiền phức. Người ta vẫn có thể sống cuộc đời

người ta có, mà không hề phải xung đột với kẻ khác.

HỎI: *Ông* cảm nhận như người đã đạt được lẽ đời...

H.M. Tôi tin như thế, suốt đời. Nhưng vẫn chưa mãn nguyện. Tôi vẫn còn tìm kiếm...

Tái bút: Dĩ nhiên là còn dài lắm, nhưng tôi đọc ông H, Miller tới đây, tôi vui vẻ mà phân vân quá. Thật là đẹp đẽ biết bao, ông đã sống thật, đã can đảm chịu búa rìu dư luận, đã từng nghèo khổ... nhưng ông đã được hưởng cuộc đời. Đã được tự do nghĩ, nói, và viết.

Ông cũng tuyệt vời ở câu chót là "vẫn chưa mãn nguyện" và "vẫn còn tìm kiếm" (I'm still searching). Chứ gì nữa? Nếu ông ta sống trong một xã hội giả trá, dối lừa từ đầu đến cuối coi như là một thứ Đạo, áp buộc cả đến tư tưởng, lời nói..., liệu ông còn ung dung mà bảo "you won't have the conflicts others go through"? Khuôn mặt thanh thản, hiền hậu của ông những năm cuối đời, tôi trông hình mà thấy ông ta tốt phước hơn cả những người thân của tôi gửi hình từ Hà Nội, Sàigòn qua.

*
* *

Có lẽ vì thế mà đồng bào tỵ nạn của ta, hồi ở VN thì hay nói về ông Sartre, ông Malraux, ông Miller, ông N. Mailer, ông Lamartine lẫn ông Rimbaud... như những ngưỡng vọng, thế mà nay ở ngay những xứ của các ông ấy, thư viện thì gần, sách báo thì rẻ... (cũng chả phải vì cái quyền copyright, có thể xin phép cũng không khó khăn gì lắm), mà chả ai buồn nhắc đến các tư tưởng văn chương Âu Mỹ cả. Lâu lâu có các bản tin về văn chương, xem ra cũng chỉ là những biến cố không hơn gì các tin tức về túc cầu, hay tin phát minh ra cái máy đánh chữ tối tân mà thôi.

*
* *

Có lẽ người Việt Nam mình mỗi người có những lo lắng đau buồn, những kinh qua, và những cảm nhận... đầy mới lạ, phi thường... mà tôi nghĩ một cách chủ quan là, lắm khi, còn lớn hơn cả những dằn vặt, những đau khổ, những đối kháng... của những tâm hồn lớn trên thế giới cảm thấy nữa. Hình như các vấn nạn lớn của các tư tưởng gia thế giới đều lui xa trước sự đau khổ của dân VN...

Chả thế, mà báo chí Việt Nam mỗi ngày một ra nhiều. Nhưng chúng ta vẫn chỉ nói-với-nhau, nghe-nhau... tuy đôi lúc bực dọc có

vu cho nhau là cộng sản chả hạn, mà chúng ta vẫn tự tin, cóc cần lý tới các tư tưởng danh nhân đương thời thế giới như hồi trước nữa?

*
* *

Giống như một người vừa bị cháy nhà, người ấy hơi nào mà chú ý tới gia chủ nào đó đem ra khoe sập gụ, tủ chè... Với đầu óc một nam nhân đầy dẫy bi thương, tuy có nghe thấy tiếng kêu than của một người khác bị cái dằm ở tay, nhưng đành chịu, không chia sẻ hoàn toàn được. Người Việt Nam đang âm thầm trong lòng những bận bịu khắc khoải không nguôi ngoai, quá to lớn, đến đỗi mình cười khẩy trước bất cứ sự lãng mạn, can đảm, khôn ngoan, triết lý, văn chương... nào chăng? Tôi cũng đành chỉ biết "nói một mình" thế thôi... Tôi "ghé thăm" ông Henry Miller một chút ở Hollywood, "ghé thăm" ông ấy một chút nữa ở Thư Viện... xong rồi tôi lại lủi thủi trở về các tiệm phở, các tiệm cà phê bánh cuốn ở đường Bolsa, ở đường Westminster, tôi ngồi nói chuyện với các bạn tôi, mắt tôi thấy tóc người nào nay cũng hoa râm cả, tai tôi nghe thấy những tiếng lào xào của đồng hương nói chuyện với nhau đây đó, chung quanh... tôi tự nhủ, chút nữa về nhà tôi nhớ viết thư thăm hỏi những thân hữu ở quê nhà đã lâu lắm bặt tin...

VŨ HUY QUANG
8/86

ĐÓN ĐỌC
HAI THI PHẨM ĐẶC SẮC
DO NHÀ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

HOÁ RA NÉT CHỮ
LÊN ĐÀNG QUẨN QUANH
Tập thơ đầu của NGU YÊN

THƠ HIỀN
Tập thơ đầu của NHƯ CHI
PHÁT HÀNH VÀO THÁNG 11.1986

Ngu Yên

Thuật ký pháp của thơ.

Tạp ghi về thơ

- ***Thuật ký pháp.***

Thuật hiểu như là nghệ thuật. Kỹ thuật chỉ là một phần của nghệ thuật. *Ký* là ghi lại. *Pháp* là cách thức. Thuật ký pháp không phải chỉ là nghệ thuật trong phương pháp ghi lại chân thiện mỹ, mà còn bao gồm cả tinh thần và cá tính của tác giả.

Phương pháp ký hiệu tự nó là một cái xác không hồn, phương pháp sống động hay không là tùy vào *cái thần*. Cái thần có sinh khí hay héo hon là do cá tính. Cá tính của mỗi người, một phần do bẩm sinh, một phần do kinh nghiệm, kiến thức và tu dưỡng.

Tìm kiếm, sửa đổi hay tu bổ một phương pháp diễn đạt tình ý vào tác phẩm luôn luôn là câu hỏi được suy nghiệm trong tâm tưởng của người nghệ sĩ. Khám phá ra đường lối thích hợp với cá tính của mình để thể hiện nghệ thuật theo ý muốn, người nghệ sĩ đã tạo cho mình một vị trí cá biệt trong cõi nghệ thuật. Trước hết, người nghệ sĩ đã thành công đối với chính họ. Cách nhìn ngắm và diễn đạt đối tượng có quy tắc hơn, có mục đích hơn, có thứ tự hơn, do đó lòng tin vững mạnh hơn. Đó là khởi điểm, là trọng điểm. Ví như một người ở trong căn nhà tối chỉ nhìn cái đẹp của ánh nắng qua cửa sổ gương, nay đã tìm thấy cánh cửa để có thể đi ra ngoài. Người này chẳng những đã thấy mà còn tiếp xúc, cảm nhận, kinh nghiệm về ánh nắng. Điều ngược ngạo là có người tìm thấy cánh cửa nhưng chẳng bao giờ mở ra ngoài. Người ấy vẫn tiếp tục ở trong nhà để bàn luận về ánh nắng.

Ngoài ra, thuật ký pháp là trung gian chuyển đạt toàn thể đối tượng và tinh thần của tác giả đến cảm nhận và thông cảm của người thưởng ngoạn. Tùy vào cường độ thành đạt của thuật ký pháp mà tác giả thành công hay không đối với người khác.

Không có thuật ký pháp không có tác phẩm, không có lưu truyền nghệ thuật. Nếu Lão tử không viết Đạo Đức kinh, Lão tử chỉ là huyền thoại. Chẳng phải vì viết Đạo Đức kinh mà người ta biết đến Lão tử, mà chính vì tinh thần của Lão tử ghi lại qua Đạo Đức kinh.

- ***Thuật ký pháp của thơ.***

Trong địa hạt thi ca, nhà thơ cũng không ngừng tìm tòi và khám phá cho mình một đường lối cá biệt, bằng cách sử dụng ngôn từ, bằng cách kết cấu lời thơ, bằng cách khám phá các thể thơ khác nhau. Đặc biệt nhất là nghệ thuật xử dụng ý và tứ thơ để diễn đạt tâm tình.

Những nhà thơ đã thành danh hoặc đã có một vị trí độc đáo trong văn chương đều là những người có đường nét đặc biệt, phương pháp đặc thù diễn đạt tình ý vào thơ. Hiện tượng thơ Bùi Giáng trong thi ca Việt Nam là một ví dụ điển hình. Nghệ thuật dùng chữ và tứ thơ của ông rất đặc biệt. Nhiều người dùng chữ "thơ điên" để chỉ thơ Bùi Giáng. Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền gọi là "thơ ngộ" (1)

Hãy mang tôi tới bất ngờ
Giết tôi ngẫu nhĩ trong giờ ngẫu nhiên

Hoặc là :

Con chim thì ta biết nó bay
Con cá thì ta biết nó lội
Thằng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ
Nhưng thơ là gì
Thì đó là điều
Ta không biết.

(Bùi Giáng)

Thuật ký pháp của thơ là nghệ thuật ghi nhận thi tính, tinh thần và cá tính thi sĩ vào ngôn ngữ thơ.

Tại sao là ngôn ngữ thơ. Trực giác khám nhận thi tính chuyển vào tình cảm sinh cảm xúc. Không nghiên cứu, không suy lý, không áp dụng lý luận khoa học, thi sĩ ghi nhận lại thơ tính trong cảm xúc. Trực giác đem đến thi sĩ những ý tứ và ngôn từ. Thi sĩ không khảo cứu năm này tháng nọ, không vào phòng thí nghiệm rồi mới làm thơ. Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ của trực giác. Vì vậy mà lời thơ cô đọng. Trong khi nhà văn phải lui cui viết cả một bài để nói về nỗi buồn bao la, nỗi buồn không chỗ chứa thì thi sĩ chỉ thơ rằng :

Trời buồn đã có mưa ngâu
Người buồn chẳng biết để đâu hết buồn

(Nguyễn Việt An)

Vì vậy mà óc tưởng tượng của nhà thơ hoạt động và trực giác đem đến những tứ thơ, ý thơ, lời thơ ra ngoài sự suy lý khoa học,thực tế. Lời thơ lắm khi không có lý nhưng lại thể hiện được điều thi sĩ muốn nói.

...
Dưới ánh sáng ngày, chuyện gì trời cũng láo
Đêm thì thào sự thật vào ta ngủ say
Sáng dậy ta tưởng là giấc mơ hư ảo.
(Khi cơn gió lớn - Tanikawa Suntarò) (2)

- ***Những nguyên nhân thúc đẩy thi sĩ tìm kiếm một thuật ký pháp riêng biệt.***

1) Sáng tạo. Làm thơ là sáng tạo. Sáng tạo chẳng những bao gồm tinh thần, tình cảm, ý tứ mà còn thể hiện qua cách diễn đạt. Thi sĩ có nhiệm vụ đi tìm cái gì mới. Cái gì khác lạ.

2) Giới hạn của ngôn ngữ. Ngôn ngữ là cái gì có giới hạn. Tâm ý thì vô hạn. Đem cái vô hạn nhốt vào cái giới hạn, tâm linh buộc lòng phải gò mình trong ngôn ngữ. Thi sĩ muốn giải phóng tâm linh bằng cách tìm một phương pháp có thể ghi nhận đầy đủ nhất theo ý họ.

Thư quê hương như tên hề ốm nặng
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười.

(Cao Tần)

"Thư quê hương" và "tên hề ốm nặng". "Hồn tang thương" và "mặt nạ tươi cười". Ý tứ ẩn trong hình ảnh làm độc giả cảm nhận được cái khôi hài tan nát của thi sĩ.

Thư quê hương viết lời cợt diễu
Mà ẩn tàng những tiu nghỉu đau thương
Nỗi khổ đau không dám tỏ tường
Phải che đậy bằng lời vui sướng

Tôi phải làm bốn câu thơ mà vẫn không đạt hết những sâu sắc của hai câu thơ của thi sĩ Cao Tần. Cái tài hoa của thi sĩ là sử dụng thuật ký pháp.

3) Biến chuyển theo trào lưu tư tưởng và thời đại. Để tránh những ý tưởng hay ngôn ngữ lỗi thời, tư tưởng và tâm tình con người càng ngày càng khúc mắc, thi sĩ phải tìm cách ghi nhận thích hợp với sự chuyển hướng.

Thì vượt tuyến là phân thân, bản ngã đã nhị trùng?
Tôi ném lại cái tôi xưa đã diệt ?
Tôi đem theo cái tôi mới lên đường ?
Như quy luật: Hạ thủy thế cho mầm sinh từ hạt

Đoạn thơ này trích trong tập thơ của Nguyễn Công Trứ thì lạ thật. Bởi vì thời của Nguyễn Công Trứ làm gì có "phân thân", "bản

ngã", với " nhị trùng". Phải đợi đến thời triết học Âu Châu du nhập vào Việt Nam thì nhà văn Mai Thảo mới xử dụng ngôn từ, tư triết vào thơ.

4) Nguyên nhân quan trọng nhất là nội tâm của thi sĩ. Thi sĩ là nhân vật bất mãn, thường không chấp nhận những điều đa số chấp nhận. Dù là đồng nghiệp. Thi sĩ này bị ảnh hưởng của thi sĩ khác nhưng sẽ có lúc không đồng ý thần thái và cách diễn đạt của thi sĩ khác. Có bất mãn thì nhà thơ mới đi tìm sự thỏa mãn. Trên con đường đơn độc ấy, thi sĩ phải tìm cho họ một phương pháp thích nghi để ghi nhận rung cảm riêng của họ. Ví dụ như chỉ chuyện uống rượu mà thi sĩ Tàu, Tây, Nhật đã sáng tác hàng trăm bài thơ. Riêng thi sĩ Việt Nam thì có người uống mặt hóa xanh, người hóa đỏ, người uống hoài không say, người lại nài nỉ uống rượu, người uống nửa chừng đã hết, chung quy cũng chỉ để tả cái bất đắc chí ở đời.

Uống chưa xanh mặt tức chưa say
Đưa ly đây ta sẽ rót đầy
Cạn đi mai sáng người đi mất
Ta đến bao giờ chia men cay ...

(Bắc Phong)

Đất say đất cũng lăn quay
Trời say trời cũng đỏ gay ai cười ...

(Tản Đà)

Uống thì uống chớ ngại chi
Đôi ly rượu có quái gì mà say
Không say thì cũng bó tay
Say thì cũng chẳng bớt cay đắng gì ...

(Luân Hoán)

Rượu nửa chừng sớm cạn
Làm sao say với đời ...

(Trần Huyền Ân)

Đêm nay lửa tắt bình khô rượu
Đời vắng em rồi say với ai ...

(Vũ Hoàng Chương)

Mười năm không mở một chai
Đi vào cửa Đạo cười nài nửa ly ...

(Cao Tiêu)

Có người quá chén sinh điên cuồng
Mặc ai tỉnh mặc ai say
Chí ta ta biết
Lòng ta ta hay.

(Nguyễn Bá Trác)

- ***Những yếu tố trong bản chất thuật ký pháp của thơ***

Tạo cho mình một thuật ký pháp riêng biệt, không có nghĩa là thi sĩ sẽ thành công với người đọc hoặc thành công với văn học. Không thiếu gì những nhà thơ có thuật ký pháp biệt dị mà không được sự ủng hộ của đọc giả hoặc đã chìm vào quên lãng.

1) Phân tích riêng về thuật ký pháp của thơ, tiên quyết phải là đức thành thật. Ký hiệu phải diễn đạt được tư tưởng. Nói được điều muốn nói. Làm thơ không có nghĩa là chơi trò văn chương chữ nghĩa. Có thành thật diễn cái mà tác giả rung động thì người đọc mới cảm được tinh thần của tác giả. Thật không có nghĩa là phải mộc mạc, bình dân. Thật nằm trong ý mà lời chỉ dùng chuyên chở ý. Thật ở trong ý muốn và tâm thần của tác giả.

.....

Có phải em mang trên áo bay
Hai phần gió thổi, một phần mây
Hay là em gói mây trong áo
Rồi thở cho làn áo trắng bay ? ...

(Nguyên Sa)

Người đọc thơ không nghĩ là thi sĩ nói xạo mà còn khen hay. Sự tưởng tượng làm ý, tứ thơ không hợp thực tế nhưng có như vậy mới tả được cái đẹp cái hay của tà áo bay và gói ghém sự mơ màng lãng mạn.

2) Thuật ký pháp của thơ phải trọng về mỹ thuật, phải *đẹp* vì thơ là đẹp. Tuy vậy, đẹp không có nghĩa là phải bóng bẩy, văn hoa. Đẹp đến từ đối tượng thơ và tinh thần của thi sĩ. Đem cái thần thái của thi tính vào thơ như thế nào để người đọc có thể cảm nhận cái thần thái ấy như tác giả hoặc gần giống như tác giả. Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, ý tứ phối hợp được với mỹ thuật là tài năng của thi sĩ.

Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối

(Xuân Diệu)

Chữ "lướt thướt" tạo cho câu thơ nét bóng bẩy mà còn tả được cảnh đẹp của cỏ bay trong gió.

Ngược lại lối sử dụng chữ đơn giản, tự nhiên cũng mang lại cái đẹp của thi tính.

Đói thì ăn mệt thì nằm
Nam mô di Phật bằn tăng cả cười ...

(Thõng tay vào chợ - Nguyễn Bá Trạc)

3) Một yếu tố khác của thuật ký pháp của thơ là đức trong sáng. Mặc dù phải cô đọng trong ngôn ngữ và tư tưởng hoặc sử dụng một loại kỹ thuật diễn đạt nào, thơ phải có thể cảm và hiểu được. Dễ hiểu không có nghĩa là không gói ghém tư tưởng thâm sâu. Dùng lời dễ hiểu để ghi nhận tư tưởng khó hiểu là nghệ thuật cao

độ của ngôn ngữ. Làm thơ mà không muốn cho độc giả hiểu thì giá trị về thơ phải đặt lại. Ví dụ, bài thơ Quadrille của thi sĩ Carlos Drummond de Andrade, ngôn ngữ dễ hiểu mà không thiếu ý tưởng về cuộc sống lẩn quẩn. Nguyên văn :

John loved Teresa who loved Raymond
Who loved Mary who loved Jack who loved Lily
Who didn't love anybody.
John went to the United States. Teresa to a convent,
Raymond died in an accident, Mary became an old maid,
Jack committed suicide and Lily married T. Pinto Fernandez
Who didn't figure into the story. (3)

Thuật ký pháp của thơ là kết tinh của cá tính. Người vui vẻ, người thâm trầm, người giảo hoạt, người hào hùng, người lập dị, người nghiêm trang, vân vân... sẽ có những thuật ký pháp khác nhau. Chính cá tính và tinh thần vô hình thúc đẩy thi sĩ chọn lựa một loại thuật ký pháp thích hợp. Kinh nghiệm, kiến thức và tu dưỡng là những yếu tố trưởng thành của cá tính. Thuật ký pháp thành tựu khi nó diễn được cá tính và tinh thần của thi sĩ vào thơ. Bởi vậy, nhiều người kết luận thơ là người. Thơ chính là thi sĩ.

- ***Một vài kỹ thuật trong thuật ký pháp của thơ.***

I/ Cách dùng chữ.

Đêm mưa gợi niềm nhớ
Lạnh qua lòng run run
Nghe mưa rơi trên mái
Nghe trong ta buồn buồn.

Đọc bốn câu thơ của tôi ở trên mới thấy tài làm thơ của thi sĩ Huy Cận :

Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la
Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn

(Buồn đêm mưa - Huy Cận)

1) Một trong những kỹ thuật về ngôn ngữ thơ, thi sĩ dùng những chữ tượng hình, tượng thanh. Những chữ đem đến độc giả cảm xúc qua âm thanh hoặc hình ảnh mà tác giả đã cảm xúc.

Nghệ thuật nói bỗng hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều, thằng ấy tay to

(Bài học lớm - Cao Tần)

Không ít thì nhiều, người tị nạn nào cũng gặp khó khăn với ngôn ngữ mới. Đọc những chữ "trò lao động", "tay to" thì mới cảm hết cái vất vả của đời tị nạn học ngoại ngữ.

Sử dụng nhiều động từ trong thơ, sẽ làm cho thơ dễ sống

động, có sinh khí, linh hoạt :

.....
Không gian như có dây tơ
Bước đi sẽ đứt, đồng hồ sẽ tiêu...

(Huy Cận)

.....
Ông trăng ngẩn mặt ra trông
Mày mà không thích thì ông không cười ...

(Ngọn Cỏ Bồng - Nguyễn Bá Trạc)

Xử dụng nhiều tĩnh từ trong thơ, sẽ làm cho người đọc có nhiều cảm giác. Lời thơ dễ gây tâm trạng của người đọc gần gũi người viết.

Trong chiều nắng mỏng phai tan
Cành nghiêng ngày xế điêu tàn dưới sâu
Tôi đi lặng một vũng sầu
Phất phơ hồn mộng biết đâu là mình...

(Những chiều tiếng súng - Hoài Khanh)

Những loại tự khác như chủ từ, đại danh từ, trạng từ, liên từ v.v... mỗi loại được sử dụng để mang cho lời thơ một sắc thái riêng. Ví dụ, liên từ xuất hiện nhiều trong thơ làm ý tưởng được kết cấu chặt chẽ.

Em bảo anh không đợi
Nhưng anh phải đợi chờ
Vì yêu gió yêu mưa
Hay là yêu mong đợi ?

(Đợi chờ - Đổ Tấn)

2) Thi sĩ còn sử dụng những chữ không thường dùng trong thơ, hoặc những chữ mới lạ do thi sĩ ghép tiếng Hán, tiếng Nôm mà thành.

Lưu tồn khuyên giải thấp cao
Chưa xong tồn lý đã dào tồn lưu

(Mùa thu trong thi ca - Bùi Giáng)

Hoặc là chữ "Hắn", nhân vật thường thấy trong thơ của nhà văn Nghiêm Xuân Hồng.

Trong trường hợp muốn dùng những chữ với ý nghĩa đặc biệt, tác giả áp dụng lối chữ ghép trong triết học :

Thiên-hạ-sự vô-thường
Cho thế nhân rầu rĩ !

(Trung Thứ I - Đan Quế)

3) Thi sĩ còn sử dụng một chữ có nhiều nghĩa khác nhau, trí óc của độc giả phải làm việc mới thưởng ngoạn hết tình thơ.

Mai em mai ngụ trong nhà
Để mai hái lá cho là đơm bông

Mai thành em phố khi không
Cánh tay mỹ nữ vàng khung cửa ngoài
Mai em mai cỏ mai hoa ...

(Mai ngủ trong nhà - Cao Đông Khánh)

II/ Ngoài cách sử dụng ngôn từ trong thơ, thi sĩ còn sử dụng cách đặt câu, cách kết cấu lời thơ. Nhất là loại thơ mới với ảnh hưởng thơ Tây phương, bài thơ có những hình thức kỳ lạ. Ví dụ bài thơ "mưa rào" sắp hình quả trám của thi sĩ Nguyễn Vỹ(4). Hiện nay lối thơ lục bát phá thể rất được ưa dùng trên thi đàn.

Ba sinh hương lửa có gần
Gửi em đầy đủ
Thân
Tâm
Ý
Lời.

(Ẩn Mật - Viên Linh)

Lối đặt những câu thơ dài thành những đoạn ngắn như trong trường ca về hạnh phúc của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên hoặc trong bài "Gọi em" của thi sĩ Nguyên Sa :

"Một buổi sáng tỉnh dậy không thấy em tôi chạy ra cửa sổ gọi tên em rất to. Những tiếng kêu thất thanh vang trên hè phố.

Tôi nghĩ thầm: Nếu còn làm vua ở một triều đình thịnh trị thời xưa tôi sẽ không ngại ngần mặc mũ áo, cân đai ra đứng giữa cửa thành bắt loa mời em về làm hoàng hậu."

(Gọi em - Nguyên Sa)

Thơ biến hóa theo mỗi giai đoạn, mỗi thời đại, mỗi thi sĩ. Ngôn ngữ và hình thức thơ cũng biến hóa theo. Nhất là khi bàn về thuật dùng ý và tứ thơ. Không có một góp nhặt, nghiên cứu nào có thể liệt kê hết mọi trường hợp.

III/ Ý và Tứ thơ.

Kỹ thuật dùng ý và tứ thơ là cả một thế giới thiên biến vạn hóa của thi sĩ. Nếu thơ là sáng tạo, thì thuật dụng ý và tứ thơ sẽ vô hạn. Những điều tôi trình bày chỉ là phần nhỏ trong cõi thơ vô tận.

1) Một trong thuật chính yếu là sử dụng những ý mới, tứ lạ. Những tư tưởng ít ai dùng hoặc chưa ai dùng vào thơ. Nếu là ý đã được dùng, khi dùng lại thì khác hơn, mới hơn, vượt lên cái đã được nói. Đó là tính sáng tạo của thơ.

Năm thằng đứng tắm giữa trời
Ông buồn thì khá, ông cười thì quê
Bây giờ hết cả trời mưa
Ta nhìn ta tắm thấy trơ trụi đời.

(Nhớ tắm mưa ở quê cũ - Nguyên Sa)

Hoặc là :

Mầy có linh thiêng qua đây tao cúng
Một đĩa xôi gà, mấy quả cây tươi.

"Đĩa xôi gà", "quả cây tươi", tứ thơ xoàng quá. Nghe như má tôi nói trong ngày giỗ kỵ. Bởi vậy thi sĩ Cao Tần mới được độc giả ưa chuộng vì ông xử dụng tứ khác lạ hơn.

Mầy có linh thiêng qua đây tao cúng
Một chầu phim X, một quả tắm hơi...

(Kẻ trở về - Cao Tần)

2) Áp dụng luận lý vào thơ. Có nhiều loại luận lý khác nhau như tam đoạn luận, lưỡng nghịch luận, liên châu luận, phản đề luận v.v... Nhưng sự khác biệt là lý luận trong thơ không cần hợp lý. Thơ là sản phẩm của tình cảm. Lý luận của tình cảm thường chỉ cảm được, không giải thích :

Người ta bảo mẹ chàng hay khóc
Chia gia tài cho con quỷ: lệ đau
Chàng là con một người mẹ hay sầu
Nên trọn kiếp mắt chàng thường đẫm lệ

(Mai Sau - Huy Cận)

Mai tôi ra đi chắc trời mưa
Tôi chắc trời mưa mau
Mưa thì mưa chắc tôi không bước vội
Nhưng chậm thế nào thì cũng phải xa nhau...

(Paris - Nguyên Sa)

3) Áp dụng thuật phân tích tâm lý vào thơ. Kỹ thuật này thường thấy trong lối viết truyện :

Hướng có chú chim sâu rủ rỉ ban mai
Tinh nghịch đánh rơi một giọt phân
Đủ làm bật cười đôi trai gái ngượng ngùng
Bối rối chưa tìm ra lời đầu tình ái...

(Một thời huyền thoại - Nguyễn Mộng Giác)

4) Áp dụng trí tưởng tượng. Tưởng tượng là bản chất của thơ. Thi sĩ dùng những hình ảnh để diễn đạt những trạng thái tâm tình hay những tư tưởng mà lời lẽ thông thường khó diễn giải. Bắt gặp những hình ảnh trên, trí tưởng tượng của độc giả hoạt động để cảm nhận điều thi sĩ muốn trình bày :

Cả miệng ta trăng là trăng
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan
Ta nhả ra đây một nàng

(Một miệng trăng - Hàn Mặc Tử)

Trên thi đàn quốc tế, nhiều thi sĩ nổi tiếng thường dùng hình ảnh hay hoạt cảnh do trí tưởng tượng để diễn đạt tư tưởng như Henri Michaux, Octavio Paz, Julio Cortázar, Italo Calvino v.v...

Once upon a time there was a triangle
It had three sides
The fourth it dept hidden
In its burning center.

By day it climbed its tree peaks
And admired its center
At night it rested
In one of its three angles... (5)

(Prudent Triangle - Vasko Popa)

5) Áp dụng sự so sánh. Sự so sánh càng ý vị, sống động chừng nào thơ càng đẹp càng hay chừng nấy.

Nắng mưa là bệnh của trời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng

(Xuân Diệu)

Tôi đứng như cột đèn gãy gập
Và một con đường cúp điện rất lâu
.....
Tôi đứng như căn nhà nám lửa
Và những người thân trốn chạy vội vàng
.....
Tôi đứng như dòng sông yên lặng
Và những cánh buồm kiệt sức lang thang...

(Thiên Thu - Nguyễn Tất Nhiên)

6) Áp dụng sự liên tưởng. Gây mối tương quan liên hệ giữa hai ý để gợi lên ý thứ ba. Đặt mối liên lạc từ ý này để nghĩ đến ý khác.

Thèm ăn một chút hoa sim tím
Và nuốt hồn em vô trái tim

(Ngọn cỏ bờng. Nguyễn bá Trạc)

Người con gái áo đen xõa tóc ngất
Hai cánh tay dài quần quại hai con trăn hiền lành

(Đêm - Thanh Tâm Tuyền)

So sánh tự nó đã đầy đủ ý nghĩa, nhưng thường so sánh mang đến sự liên tưởng. Nhiều thi sĩ sử dụng phối hợp những kỹ thuật vào thơ. Ví dụ, bài thơ dưới đây là lối hỗn hợp so sánh, liên tưởng và lý luận :

Tôi không đủ kiên nhẫn đọc hết cuốn truyện dài
Vì truyện dài không thể đọc vội vã
Người chắc cũng không đủ kiên nhẫn yêu tôi
Vì tôi dễ chán hơn truyện dài
Tôi là một kịch bản
Trường thiên.

(Phác Họa - Nguyễn Tất Nhiên)

7) Áp dụng sự tích hay điển cố. Lối dùng này lắm khi thành khó hiểu vì nó đòi hỏi người đọc có trình độ và kiến thức về sự tích hay điển cố.

Mình như cá-vượt-vũ-môn
Ngược dòng nước xiết, vướng cồn đá xanh
(Chợt thấy tiền thân — Trần Thiện Hiệp)

8) Áp dụng sự nghịch ý hoặc đối ý để tô đậm tư tưởng hoặc tình cảm muốn trình bày.

Nửa đêm ngồi hỏi bóng
Sao giấu nỗi buồn riêng
Bóng trốn vào chăn ấm
Ta lên tường nằm im...

(Ẩn Mật - Viên Linh)

9) Ẩn ý. Thi sĩ chỉ trình bày để người đọc tự giải.

Có ai oai vệ hơn thằng tôi
Nghĩ kỹ xem ra chỉ kém trời
Nước rót cơm bưng: bầy quỉ sứ

(Oai - Thích Cao Đăng)

Thi sĩ trình bày cảnh ở nơi tù ngục cộng sản. Ví mình như một oai tướng. Ngược lại, người đọc cảm thương những khổ nạn gánh chịu của tác giả.

Ngày xưa, các cụ có lối làm thơ Tiệt Hạ, câu thơ nào cũng bỏ lửng như bị ngắt ở cuối để người đọc đoán hiểu.

Thúc bức rèm châu chợt thấy mà...
Chẳng hay người ngọc có hay đà...
Nét thu dợn sóng hình như thể...
Cung nguyệt quang mây nhác ngỡ là... (6)

(Vô Danh)

Nhà thơ Hạ Quốc Huy kết thúc bài thơ *"Cũng hết tang bồng"* bằng ba câu thơ :

.....
Lạy mẹ già tóc bạc
Con đi đã bao năm
Mẹ không rời ngưỡng cửa.

Mẹ già ở ngưỡng cửa, quét nhà? lau cửa? đứng khơi khơi? Không, mẹ đứng ở cửa chờ đợi con trở về. Một trong thú đọc thơ là giải đoán những điều thi sĩ để lửng lơ. Điều càng khó giải chừng nào thì càng thú chừng nấy khi tìm tòi và nhất là khi hiểu được. Trường hợp "Thiên nga phi minh" trong bài "Thu vịnh" của Nguyễn Khuyến và nhà văn Quyên Di (7). Khuyết điểm của lối thơ ẩn ý là nếu làm người đọc khó khăn quá, người đọc dễ nản chí. Nếu người đọc không hiểu thì không cảm được tinh thần tác giả.

10) Tả chân. Cảm như thế nào thì ghi nhận lại như vậy. Không

chải chuốt, chỉ cốt đem hết điều đã cảm xúc vào thơ. Lối này dễ làm độc giả trở thành gần gũi với tác giả. Tâm tình của tác giả dễ cảm động độc giả. Lối tả chân nếu không ghi nhận sâu sắc dễ gây cho người đọc cảm tưởng đang đọc ca dao, tục ngữ. Ưu điểm của lối tả chân là chất thật biểu lộ trong thơ và chất sống linh hoạt nếu sự nhận xét và ý tứ bén nhọn.

Tưởng ta nhớ chú lắm sao
Này cây bông giấy bên rào năm xưa
Chẳng qua trời đổ cơn mưa
Thì thương cành mọn đong đưa một mình

(Cao Tần)

Bàn phấn về đêm tôi viết thơ
Mặt mày đã xóa hết kiêu sa
Suy tư còn lại trên vầng trán
Tôi thấy tôi già, ôi ngẩn ngơ...

(Vi Khuê)

Tháng sáu mười hai - từ đấy nhé
Chung đôi - từ đấy nhé lìa đôi
Em xa lạ quá - đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa Tố của tôi...

(Vũ Hoàng Chương)

It rains on my Friends' Faces,
On my live Friends' Faces,
Those who cover their heads with a blanket
And it rains on my dead Friends' Faces
Those who are covered by nothing
(Rain on a Battlefield — Yehuda Amichai.) (4)

Trên đây là một ít khía cạnh của kỹ thuật. Thơ là cõi mênh mông vô cùng. Thơ biến hóa trong tinh thần sáng tạo. Vì vậy, kỹ thuật trong thuật ký pháp của thơ sẽ còn được các thi sĩ khám phá và khai triển. Chưa biết sẽ về đâu ?

Kỹ thuật làm thơ có cần thiết hay không ?

Viết mà thiếu kỹ thuật, văn chương sinh rườm rà, ý tưởng dễ lộn xộn, dễ gây khó hiểu và nhàm chán. Nhất là khi sử dụng những thể thơ có nhiều quy luật.

Viết mà chú trọng quá nhiều về kỹ thuật, văn chương dễ bị mất sinh khí, thần thái tự nhiên. Kỹ thuật dễ làm phai mờ cá tính của tác giả. Kỹ thuật viết dùng để phát huy tâm ý, không phải để cản trở.

Tìm hiểu về thuật ký pháp, đối với người làm thơ, là để giúp cách diễn đạt thi tính và tinh thần theo cá tính. Kỹ thuật phải tiềm nhiễm, ăn sâu vào tiềm thức, khi cần diễn tả tư tưởng, kỹ thuật tự nhiên đến.

Đối với người đọc, tìm hiểu về thuật ký pháp để thưởng thức thơ và tài năng của thi sĩ. Càng biết nhiều về kỹ thuật thì mức giám thức về thơ của người đọc càng cao.

Ngu Yên

Ghi chú:

(1) Một hồn thơ bị vây khổn - Thanh Tâm Tuyền. Văn số 26, trang 15.

(2) ... In the daylight, the blue sky tells lies.
While the night mutters the truth, we are asleep.
And in the morning, we all say we dreamed
(When the wind is strong - Tanikawa Shuntarò
Translated by G. Bownas and A. Thwaite.)

(3) Dịch: "Rời lẩn quẩn."
Bởi Hùng yêu Thúy
Nhưng Thúy yêu Tài
Nhưng Tài yêu Huệ
Nhưng Huệ yêu Lai
Nhưng Lai yêu Liễu
Mà Liễu chẳng yêu ai.

Hùng bỏ đi Mỹ
Thúy đi tu xa
Tài chết vì tai nạn
Huệ thành người tớ già
Lai đã tự tử
Liễu lấy chồng tên Kha
Người bất ngờ không có trong truyện.

(4) Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại. Bàng Bá Lân. Trang 149

(5) Tôi thiết tưởng không cần phải dịch bài thơ này ra tiếng Việt. Tôi chỉ muốn ghi chú Vasko Popa là một nhà thơ có nhiều ảnh hưởng hiện nay, sử dụng nhiều hình ảnh biểu tượng trong thơ. Nhất là tác phẩm The Little Box (1970).

(6) Việt Nam Văn học sử yếu. Dương Quảng Hàm. Trang 135.

(7) Thiên nga phi minh. Quyên Di. Văn Học số 1 . Trang 18

(8) Yehuda Amichai, sinh ở Đức, năm 1924. Một trong những người tiêu biểu cho thi ca Âu châu thuộc trường phái lịch sử. Hiện đang sống và dạy học ở Jerusalem.

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

CHƯƠNG HAI
ĐƯỜNG RA BẮC

Đoạn X: Trên đường mòn Hồ Chí Minh

Đoàn người tiếp tục xuyên rừng suốt một ngày hôm nay nữa. Lúc mặt trời đã lặn sau mấy ngọn núi cao, và bóng tối bắt đầu phủ xuống khu rừng già, chúng tôi ngừng lại ở lưng một ngọn đồi thoai thoải. Dưới tán cây rậm rạp, ẩn hiện mấy chòi tranh nhỏ. Nhưng trái với sự chờ đợi của chúng tôi, Thuần không dẫn toán lữ hành mệt mỏi vào những căn nhà thấp lè tè ấy, mà đưa chúng tôi đến một khoảng đất trống lố nhố mấy ụ đất:

— Đêm nay, chúng ta phải ngủ trong hầm. Vùng này, chúng nó ném bom ác liệt lắm.

Trong bóng hoàng hôn mờ nhạt, từng người một, dò dẫm mỗi bước chân, chúng tôi chui vào miệng hầm đào sâu vào lòng đất. Một người bộ đội bấm đèn pin, rút một sợi dây cao su, bật lửa đốt lên, rồi nhen một đống lá khô:

— Các anh tranh thủ ăn nhanh đi, rồi ngủ luôn ở trong này.

Chúng tôi bị dồn vào cuối căn hầm chật chội, để dành phía ngoài cho cán bộ và bộ đội. Trong ánh lửa chập chờn, Thuần khom người, bước và quan sát căn hầm:

— Không đủ chỗ để mắc võng. Các anh khắc phục, ngủ tạm một đêm vậy.

Lợi dụng ánh lửa, chúng tôi vội vàng nuốt nắm cơm vắt chấm với một nhúm muối vừng bọc trong một ngọn lá, hớp một ngụm nước, rồi ngả lưng trên lớp lá khô ai đã trải từ bao giờ. Không khí tù hãm của căn hầm như đông đặc lại, đè nặng lên ngực, làm cho nó khó thở. Trong không gian ngột ngạt ấy, mùi nước tiểu xông lên nồng nặc. Ngọn lửa mong manh đã tàn, nhưng khói còn đọng lại, quanh quẩn ở trong hầm. Và khi đám lửa tắt hẳn, thì đàn muỗi bắt

đầu hoạt động. Chúng nhiều vô kể, đưa tay ra quơ là bắt được.

Nằm án ngữ ngoài miệng hầm, mấy người bộ đội lấy lá cây quạt lịa lịa để xua đuổi những bầy muỗi đang vo ve liên tục tấn công. Một giọng nói vang lên, tức giận:

— Mẹ kiếp mấy thằng Mỹ! Cứ tạo ra khó khăn hoài!

Bộ đội suy nghĩ như vậy vì họ được giải thích rằng cuộc chiến tranh này do đế quốc Mỹ gây ra, và họ đang chiến đấu để bảo vệ đất nước, chống xâm lăng. Họ được tuyên truyền rằng họ hành quân vào miền Nam với mục đích giải phóng một nửa giang sơn khỏi ách đô hộ của đế quốc và họ phải chịu đựng cuộc chiến tranh này. Một người khác đáp lại:

— Cũng chẳng đi đến đâu!

Đó là luận điệu quen thuộc: ngoài mặt, cán bộ, bộ đội luôn luôn tỏ ra xem thường khả năng quân sự của đối phương.

Chúng tôi nằm sát nhau, bất động. Có lẽ ai cũng đang cố gắng xác định vị trí của trạm dừng chân này. Một lúc sau, Lộc thì thầm:

— Vùng này thuộc quận Vĩnh Linh, và chúng ta tiến gần đến vĩ tuyến 17. Tôi nghĩ rằng anh nhận xét đúng, vì anh đã từng giữ chức Phó tỉnh trưởng Quảng Trị:

— Thuần cho biết, vì lý do an ninh, kể từ đây, không thể di chuyển vào ban ngày được nữa.

— Đi đêm thì vất vả lắm.

— Nhưng có lẽ được an toàn hơn.

— Cũng chưa chắc!

Trong căn hầm ám khói và hôi hám, chúng tôi mơ màng nửa thức nửa ngủ, bỗng nghe những đợt tiếng động ầm ầm từ xa cuồn cuộn dội lại như tiếng sóng biển gầm dữ dội. Mấy người bộ đội bảo nhau rút vào phía trong hầm. Tiếng máy bay rít lên trong không gian mỗi lúc một gần hơn, rồi một loạt tiếng nổ làm rung chuyển cả khu rừng. Cây đổ ào ào, tới tấp. Căn hầm như chao đảo, lắc lư. Có lẽ bom nổ gần lắm; ngồi trong hầm, chúng tôi vẫn cảm thấy áp lực của không khí bị dồn ép. Lần đầu tiên, một cách cụ thể, chúng tôi ý thức được cường độ của cuộc chiến tranh. Tôi nhìn vào chiếc đồng hồ dạ quang: 3 giờ sáng. Trong tình trạng căng thẳng giữa hai đợt bom, tiếng nói của Hiền nghe lạc hẳn đi:

— Các anh cứ ngồi yên, và không được ra khỏi hầm, nếu không có lệnh. Chưa hết đâu, thế nào cũng còn đợt khác nữa.

Ngồi bó gối co ro trong bóng tối dày đặc, tôi cảm thấy hơi lạnh từ lòng đất thấm dần vào cơ thể, và nhớ lại những câu thơ mô tả nỗi lạnh lẽo cô đơn của những thi hài nằm trong những cỗ quan tài chôn sâu dưới đất. Nhưng không hiểu sao, ý nghĩ về sự chết chỉ thoáng qua tâm trí trong một giây phút ngắn ngủi, mặc dù tôi biết rằng căn hầm này không đủ chắc chắn để bảo vệ chúng tôi một

cách hữu hiệu. Chết tan xác tại nơi trú ẩn này, thì mọi đau khổ sẽ chấm dứt, nhưng chết vì bom đạn của quân đội đồng minh thì thật chua xót... Và tôi linh cảm rằng chưa đến lúc tôi rũ được những lớp bụi phũ phàng của cuộc sống lưu đày.

Trong không khí yên tĩnh lạ thường sau những tàn phá và đổ vỡ tan tành, chúng tôi chờ đợi một đợt không tập khác, một sự chờ đợi căng thẳng với cảm giác rõ rệt là mình bất lực trước tai họa do vũ khí tối tân gieo rắc. Nhưng không một tiếng động cơ nào, không một tiếng nổ nào từ xa dội lại. Trong sự vắng lặng của rừng thẳm, mấy tiếng gà gáy đâu đây vọng về căn hầm nghe rõ mồn một: những âm thanh ấm ức, bị dồn ép và như bế tắc trong cổ họng. Một con gà khác gáy tiếp, trong khi tiếng của Hiên vang lên:

— Chỉ có bấy nhiêu thôi! Sức mạnh của không lực Hoa Kỳ chỉ đến thế. Chẳng làm gì được ai.

Ánh sáng yếu ớt của một buổi sáng hè lặng lẽ lọt vào miệng hầm, nhưng chưa ai dám bước ra ngoài để thoát khỏi bầu không khí ngột thở của căn hầm dơ dáy. Mọi người im lặng đợi chờ. Riêng tôi, tiên đoán những nỗi bất trắc mà chúng tôi sẽ gặp trên bước đường lưu đày về sau này, và nghĩ đến những phương thức đối phó. Mãi đến 7 giờ, hai người bộ đội mới ló đầu ra nghe ngóng rồi chui ra khỏi hầm. Khoảng một giờ sau, họ trở lại với một soong cơm và mấy miếng cá kho. Đặc biệt, người phụ bếp biếu Weaver vài múi mít. Vùng này nổi tiếng là một nơi trồng nhiều mít và chè. Weaver gật gù:

— Lần đầu tiên, tôi được ăn loại trái cây này. Ngon lắm. Mùi vị không khác phó mát.

Không biết anh khen thật hay khen xã giao, nhưng tôi phải vất vả giải thích, các bộ đội mới hiểu cheese là món ăn gì.

*

* *

Từ một lối mòn, chúng tôi rẽ ra một con đường lớn uốn khúc quanh co dưới chân những ngọn núi cao chạy dài đến tận chân trời, bên cạnh những vực sâu thăm thẳm. Quang cảnh khoáng đạt; tầm mắt không bị hạn chế bởi những lùm cây san sát. Trong bóng chiều đang ngả dần, hai bên đường, những cây đại thụ trụi lá, khô đét như những bộ xương thú khổng lồ thời tiền sử, đứng sững trên nền trời xám với những nét quằn quại đau thương gợi nhớ đến một bức tranh của họa sĩ Van Gogh. Bị nhiễm hóa chất làm rụng lá, cây đã chết khô. Đó đây, bên phải, bên trái con đường, rải rác những hố bom hình nón, rộng và sâu, cũng một cỡ như nhau, đều đặn như có ai cắt xén. Dưới đáy hố, nước đọng đục ngầu. Gió mạnh nổi lên, thổi tung những đám bụi bay mù mịt. Chúng tôi đang bước vào khung cảnh chiến trường với những tàn phá dữ dội

của những kỹ thuật tân kỳ.

Ngồi bệt xuống mặt đất, Lộc ghé mặt vào tai tôi:

— Đây là con đường mòn Hồ Chí Minh.

— Rồi nghe hoặc thấy quân xa chạy sẽ biết.

Hoàng hôn xuống dần, và trong không gian khô ráo, cơn gió lạnh từ thung lũng đưa về tiếng kêu lạc lõng và ghê rợn của loài ác điểu tìm mồi. Anh Tứ duỗi thẳng hai chân, nắn bóp đầu gối, rồi ngả người, tựa mình vào một phiến đá lớn:

— Không biết đêm nay sẽ ngủ lại ở đâu. Xung quanh đây toàn là núi cả.

— Nếu đêm nay không đi được, đành ngủ ngoài trời vậy. May mà không mưa.

Chúng tôi đang chia nhau hớp nước cuối cùng còn đọng lại trong bi đông thì chợt nghe tiếng động cơ xe hơi vẳng lại mỗi lúc một gần: một đoàn quân xa xuất hiện, từ từ bò lên con dốc dài. Đã tối sẩm, mà tài xế chỉ mở đèn cốt mờ mờ, vừa đủ chiếu ra một vệt sáng dài khoảng 4 thước để lọt ánh sáng ra ngoài. Đoàn xe đỗ lại trên bãi đất trống đằng trước mặt chúng tôi. Xe nào cũng được ngụy trang kỹ lưỡng: cành lá còn tươi phủ kín khoang xe ở phía sau, và ở phía trước, lá cây được trải đều trên một cái dàn bằng tre che kín từ chỗ người ngồi lái cho đến hết mũi xe. Bộ đội gọi đùa đó là dàn mướp. Không thể đoán biết xe chở những gì.

Mấy người tài xế và áp tải hấp tấp nhảy xuống xe, giành nhau cái điếu cày, châm đóm hút thuốc lào liên tục. Một người trong bọn họ bỗng la lên:

— Cẩn thận lửa đấy! Nó phát hiện ra là chết cả nút.

"Nó" là những chiếc máy bay OV10 mà mấy ngày vừa qua, chúng tôi thấy lượn dọc theo các con đường, các nhánh sông, như theo dõi mãi chúng tôi. Đặc biệt nguy hiểm là khi, ở nơi trống trải, đoàn người đang sang sông, chậm rãi đếm từng bước một trên một thân cây treo chìm dưới mặt nước, tay vịn vào một sợi dây căng ngang từ bờ bên này qua bờ bên kia. Ban đêm, chúng thả những hỏa châu xuống. Những chiếc hỏa châu sáng rực đong đưa trong không trung, từ từ rơi xuống đất, soi rõ cả một vùng rộng lớn, làm cho Việt Cộng khó mà che giấu những hoạt động quân sự của họ trên mặt đất. Họ rất sợ loại máy bay thám thính này, nhưng vẫn nói cứng, và gọi chúng là OV mù, ngụ ý chúng không nhìn thấy những gì mà họ muốn che giấu.

Thuần và Hiên dẫn chúng tôi đến một chiếc cam nhông còn trống chỗ, bứt bớt cành lá ngụy trang xuống đất, và bảo chúng tôi lên xe. Tay vẫn bị trói, chúng tôi níu vào hông xe, chân đặt lên bánh xe để lấy đà, rồi trèo lên, ngồi bệt xuống sàn, giữa những phuy xăng. Chúng tôi cố gắng thu xếp chỗ ngồi cho được thuận tiện trên

sàn xe trơn ướt lầy lụa những dầu mỡ và những phuy xăng để ngổn ngang. Nhưng chờ đợi mãi vẫn chưa thấy có lệnh khởi hành. Weaver bực tức nhận xét:

— Quân đội ở nước nào cũng vậy: họ rối rít giục chúng ta, rồi bắt chúng ta đợi.

Nửa đùa nửa thực, tôi đáp:

— Có lẽ Việt Cộng muốn tập cho chúng ta có tính kiên nhẫn, vì kiên nhẫn là một đức tính cần thiết cho cuộc sống lao tù.

Hiên và mấy người bộ đội lên xe, và một lúc sau, đoàn xe chuyển bánh, từ từ vượt con đường đất gồ ghề, đầy những ổ gà. Chiếc quân xa lắc mạnh, chồm lên, tụt xuống, xô đẩy những phuy xăng vào người, và như muốn hất chúng tôi ra ngoài. Chúng tôi mệt lả, đầu choáng váng, ngồi không vững, và buồn nôn. Đêm đã bắt đầu lạnh, nhưng mồ hôi cứ vã ra. Như thế này, thì đi bộ đỡ mệt hơn. Tôi nhắm mắt, cầu mong cho xe bị hỏng để được ngừng lại một lúc. Nhưng sau vệt ánh sáng lù mù của đèn cốt, những chiếc quân xa nối đuôi nhau leo dốc, đổ dốc, lắc lư trườn đi trong đêm tối.

Khoảng một giờ sau, chúng tôi bỗng nghe tiếng súng nổ ở phía trước. Đoàn công-voa dừng lại. Thuần nhảy xuống đất:

— Đường bị nghẽn rồi!

Tiếng súng vừa rồi báo hiệu đường bị bom, không sử dụng được. Chúng tôi ngồi yên, chờ đợi. Những ngọn đèn cốt đã tắt. Trong bóng đêm, cán bộ, bộ đội vội vã xuống xe, lại tranh nhau chiếc điếu cày:

— Thế nào chẳng có bom bi, bom nổ chậm.

— Liệu có phải ngủ đêm tại đây không?

Họ không nói rõ ra, nhưng ai cũng hiểu rằng họ rất sợ các loại bom nguy hiểm ấy. Thuần chạy đi một lúc, rồi trở lại trấn an chúng tôi:

— Không phải đợi lâu đâu. Đám Thanh Niên Xung Phong làm việc tích cực lắm.

Dọc theo con đường mòn Hồ Chí Minh, rải rác có những trạm công binh chuyên trách việc sửa chữa đường sá sau mỗi đợt bom. Thanh Niên Xung Phong cộng tác với công binh. Khi cần đến, họ được điều động đến tại chỗ để đào đất, lấy đất đổ vào các hố bom, nện lại cho chặt, hoặc nắn lại những đoạn đường bị sụt lở. Nhưng những phi công Mỹ — mà Việt Cộng gọi là "giặc lái" — hình như cố ý chọn những nơi khó sửa chữa nhất để ném bom. Họ thường phá hoại những quãng đường cheo leo bên vực thẳm, làm cho đường lở và sụt thấp hẳn xuống. Khi nhận thấy không bồi đắp lại được, các toán công binh phải mở một con đường vòng khác để quân xa có thể xử dụng kịp thời. Cho nên con đường mòn chiến

lược này, trước hết, không phải là một con đường mòn nhỏ hẹp, mà khá rộng lớn, và không phải là một con lộ duy nhất, mà có nhiều chi nhánh nối liền nhau.

Tôi nhìn lên phía trước. Trong đêm tối, dưới ánh sao mờ mờ..., những bóng người rộn rịp lao động. Tiếng cuốc xẻng, tiếng đổ đất, tiếng chân người bước thình thịch, tiếng gọi nhau, quát tháo, tạo nên một không khí khẩn trương.Công binh và Thanh Niên Xung Phong có nhiệm vụ, như Việt Cộng thường nói, "giải phóng" sinh lộ này càng sớm càng tốt. Lâu lâu, chúng tôi nhìn lên bầu trời đầy sao, và lắng nghe các tiếng động: ai cũng thấp thỏm sợ máy bay oanh tạc sẽ trở lại địa điểm này. Nhưng những ngôi sao vẫn lạnh lùng lấp lánh như mỉa mai các hoạt động của những con người đang tranh chấp với nhau. Với những phương tiện tối tân mang từ bên kia bờ Thái Bình Dương qua, một bên thi hành một kế hoạch phá hoại có tính cách khoa học để ngăn chặn sự xâm nhập của nhân lực và vật lực; một bên dùng sức người và những dụng cụ thô sơ để hàn gắn những vụ phá hoại ấy, hầu tiếp tục cuộc xâm nhập. Đối với cả hai bên, công trình Penelope ấy đến bao giờ sẽ chấm dứt? Tính chất kiên trì đã trở thành một yếu tố cần thiết và quan trọng của cuộc chiến tranh.

Mấy người bộ đội ngồi bên đường nghỉ ngơi và nói chuyện vặt. Họ không có nhiệm vụ sửa đường, và họ cũng không đến tiếp tay giúp đỡ đám công binh. Giữa những câu đùa nghịch, một người phá lên cười hô hố. Một giọng nói cố làm ra vẻ nghiêm trang vọng lên:

— Cười khẽ chứ! Máy bay nó nghe được thì khốn!

Dĩ nhiên, đó chỉ là một câu nói diễu cợt, nhưng nó mô tả được một tâm trạng: họ bị máy bay ám ảnh, và luôn luôn nơm nớp lo sợ đối phương phát hiện những hoạt động của họ.

Giữa những âm thanh hỗn độn, bỗng dội lên một tiếng nổ chát chúa: đó là tiếng súng báo hiệu đường đã thông. Mọi người vội vàng trở lại vị trí cũ. Đèn pin lập loè soi sáng bước chân đi. Một lớp giấy bóng màu đỏ đậm bọc mặt đèn để giảm bớt cường độ, thế mà họ không dám bấn đèn lâu, chỉ cho đèn chớp chớp như những con đom đóm li ti.

Đoàn quân xa lại ì ạch trườn lên con dốc dài. Gió hắt hiu gây gây lạnh. Đêm đã về khuya, mà chúng tôi không biết tựa đầu vào đâu để chợp mắt một lát. Thuần và mấy người bộ đội, mệt mỏi, cũng không rôm rả chuyện trò nữa...

*
* *

Đến gần sáng, đoàn xe ngừng lại ở ven một khu rừng. Ở đây

không có những cây lớn cao ngất và rậm rạp, mà chỉ có những khóm tre mọc san sát nhau. Đất không đỏ mà vàng nhạt, tơi ra dễ dàng dưới bước chân. Đây không phải là một khu bình nguyên, hay một thung lũng, vì đồi núi vẫn nối tiếp nhau, và bên cạnh bãi dừng chân, một dòng suối nhỏ chảy róc rách. Nhưng quang cảnh khác hẳn những vùng sơn lâm mà chúng tôi đã đi qua từ mấy hôm nay: chỉ có tre, những bụi tre dày đặc, ngoài ra, lác dác vài loại thảo mộc khác.

Nhảy xuống đất, đứng theo dõi những chiếc xe lần lượt đổ cách xa nhau trong khu rừng rậm và được cành lá che kín, chúng tôi lại nhìn nhau như muốn hỏi:

— Đây là vùng nào?

Nhìn kỹ đám cỏ dưới chân, thấy có nhiều vết bánh xe. Có lẽ đây là một địa điểm dừng chân kín đáo và thuận tiện trên con đường tiếp tế lương thực và chuyển vận vũ khí, và chắc trạm giao liên, tiếp vận cũng gần đâu đây. Chúng tôi đang nhận xét và tìm hiểu thì Thuần bước lại gần:

— Các anh có mệt không? Đi đường trong hoàn cảnh hiện tại, thì nhất định phải vất vả. Được an toàn là quý nhất. Chúng ta sẽ ở lại đây, có lẽ hết ngày hôm nay. Các anh vào phía trong chút nữa, cạnh bờ suối, chọn chỗ mắc võng.

Mấy người bộ đội đã nhanh chóng bố trí ở phía ngoài bìa rừng. Họ xuống suối rửa ráy, rồi treo võng nằm. Còn sớm quá, họ chưa chuẩn bị nấu ăn. Chúng tôi cũng thu xếp chỗ nằm để nghỉ ngơi sau một đêm mệt nhọc và mất ngủ. Thuần giúp Weaver treo võng vì anh loay hoay mãi không buộc được dây vào gốc cây. Tôi nhờ Thuần đốt một điếu thuốc:

— Đi xe bị dằn nhiều, nhưng được nhanh. Có lẽ chúng ta đã vượt qua vĩ tuyến 17.

— Chưa đâu. Các anh không biết à? Tối hôm qua chúng ta đi dọc theo đèo Lao Bảo, và hiện đang ở trên đất Lào.

Tôi đoán có lẽ vì lý do an ninh, đoàn xe phải theo đoạn đường ấy.

Nắng đã lên, lấp lánh trên những ngọn tre đong đưa theo làn gió sớm. Nằm trên võng, dưới bóng cây, lắng nghe tiếng suối thì thầm trong buổi sáng yên tĩnh và mát mẻ, tôi có cảm tưởng đang sống một ngày thanh bình, xa hẳn những sôi động của chiến trường. Tôi nhìn qua Weaver: gối đầu trên hai bàn tay chắp lại, anh bình thản nhìn lên nền trời, qua những cành tre đan chằng chịt. Tôi gọi anh:

— Anh có mệt không? Có buồn ngủ không?

— Mệt lắm! Tôi chưa bao giờ phải di chuyển trên một con đường tồi tệ như thế này.

— Chính B52 đã làm cho con đường xấu hơn, tôi nói đùa.

Anh có thể cho biết cảm tưởng sau mấy ngày đường vừa qua không?

— Như tôi đã nói với anh, kế hoạch oanh tạc của không quân Mỹ là một mối đe dọa thường xuyên đối với chúng ta. Ngoài ra, tôi nghĩ rằng sau một thời gian sống kham khổ, thiếu thuốc men, sức đề kháng trong cơ thể chúng ta giảm sút, chúng ta dễ nhuốm bệnh lắm.

Tôi nghĩ rằng, đối với anh, cũng như đối với các anh Tứ, Lộc và tôi, cái chết đột ngột của Godwin còn là một ám ảnh chưa xua đuổi được. Anh Tứ đang lim dim cặp mắt với đôi mi nặng trĩu, nghe tôi nói chuyện với Weaver, vụt đứng lên, đến gần:

– Đi xe như thế này mãi e chết mất!

Tôi trêu anh một câu:

– Hôm kia, anh mong được đi xe...

– Thì ai có ngờ...

— Từ nay trở đi, chúng mình còn gặp nhiều chuyện bất ngờ nữa.

— Đồng ý. Và chúng mình cần nhận định sự việc cho sát với thực tế mới: chẳng hạn đi xe vất vả hơn đi bộ.

Không ai khai triển thêm ý nghĩ của mình, nhưng ai cũng cảm thấy rằng, trên miền Bắc, các danh từ, sự kiện, thái độ, quan niệm... đều phải được nhận thức dưới một nhãn quan khác hẳn với nhãn quan cố hữu.

Mặt trời đã lên cao; ánh nắng len lỏi qua cành lá, điểm những chấm vàng tươi trên bãi cỏ non. Mọi người cố tìm giấc ngủ để lấy lại sức khoẻ. Anh Lộc úp chiếc nón lên mặt, thân hình mảnh khảnh lọt hẳn vào giữa chiếc võng ny-lông. Là một người thuộc hoàng tộc nhà Nguyễn, có lẽ anh không ngờ có ngày theo dấu bước chân vua Hàm Nghi lưu lạc qua Lào trong cố gắng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp của Nguyễn triều. Mà vùng Tây Bắc tỉnh Quảng Trị này quả có tính cách chiến lược. Của là địa điểm được vua Tự Đức lựa chọn để xây thành Tân Sở, hầu làm hậu thuẫn cho kinh đô, và lâm thời để sử dụng như một căn cứ rút lui và tập trung lực lượng để tiếp tục cuộc kháng chiến, vạn nhất Huế thất thủ. Và cả ngày nay nữa, Khe Sanh là một vị trí nóng bỏng, trung tâm điểm của cuộc tranh chấp giữa Việt Cộng và chúng ta ở phía Nam vùng phi quân sự.

Tôi không ngủ được, nằm nghe tiếng suối chảy không ngừng trên mảnh đất lập nghiệp đầu tiên của Chúa Đàng Trong, nhớ đến người xưa, và những giai đoạn lịch sử đau thương trong đó dân tộc bị chia rẽ, nhất là thời kỳ phân tranh Bắc Nam dai dẳng giữa hai họ Trịnh, Nguyễn. Thống nhất và độc lập, mục tiêu tối hậu của dân tộc, đến bao giờ mới đạt được?

Suy nghĩ miên man, tôi lại ước mơ có một tờ báo, một cuốn sách để đọc. Từ sáu tháng nay, tôi không có lấy một dòng chữ in nào dưới mắt. Đối với một người có thói quen học hỏi, đó là một thiệt thòi lớn. Tôi có cảm tưởng chua xót và rõ rệt rằng mình đã trở thành lạc hậu. Có sống trong hoàn cảnh đặc biệt của chúng tôi mới nhận thấy rằng những món ăn tinh thần, đối với trí óc, cũng cần thiết như những món ăn vật chất đối với cơ thể, điều mà trong cuộc sống bình thường tràn ngập những sách báo và những phương tiện truyền thông khác, ta ít khi ý thức một cách sâu sắc.
(còn tiếp kỳ sau)

COIFFURE D ' ART

UỐN TÓC & HỚT TÓC

SĂN SÓC MÁI TÓC
VÀ DA MẶT CHO CÁC BẠN
VÀ GIA ĐÌNH BẠN

14798 Buildamerica Dr (RT 1)
Woodbridge VA, 22 191
(gần Woodbridge Nissan)

Phone : 491. 7788

Giờ làm việc :
Từ thứ hai đến thứ sáu : 10 AM — 8 PM
Thứ bảy : 8 AM — 5 PM
Chủ nhật : 10 AM — 2 PM
ĐẾN TIỆM HAY LẤY HẸN TRƯỚC

Hộp thư toà soạn

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Chương 12 Ánh sáng và bóng tối của HL; Huế, Một lần, Gửi chút bụi quê nhà trước giờ rong ruổi, thơ NĐBN; Kiếp xưa, thơ HST; Vậy mà cũng đã xong ba năm , thơ NBS; Nước chảy xuôi, Ngắm sao, Nước đục bụi trong, truyện của MKN; Vùi dập, truyện LDC; Bên kia rừng, truyện NND; Cái nhà trong một cái nhà, truyện của PTN; Vợ Mỹ, truyện của HĐ; Giáng sinh của người già, Câu chuyện một giờ, truyện dịch của LDL; Cõi tình trăm năm, thơ PTD; Tiếng Việt, một trong 40 ngôn ngữ quan trọng trên thế giới, tin văn hoá của Gs NĐH; Sinh hoạt văn nghệ LV; Một quyển sách, công trình của một thành phố, tin của HL; Truyện ngắn NVS; Đoàn du ca con sáo, Bước chân chim...truyện NTNL.

Trân trọng cảm tạ quí bạn, các bài sẽ đăng, chúng tôi sẽ liên lạc với tác giả bằng thư riêng, hoặc loan trước trên hộp thư này để quí bạn khỏi gửi cho báo khác.

NHẮN TIN QUÍ VĂN HỮU VỀ SỐ TẾT

Số Tết tạp chí Văn Học năm nay sẽ ra vào đầu tháng 1.1987. Xin quí bạn gửi bài số Tết trước ngày 10.12.1986 để toà soạn kịp thời chuẩn bị số Văn Học Tết Đinh Mão 1987 cho được chu đáo.

SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Toà soạn Văn Học nhận được các tác phẩm mới sau đây do nhà xuất bản và tác giả gửi tặng :

* *Vietnamese Short Stories,* tập truyện ngắn Thạch Lam, Khái Hưng, Nhất Linh, Nguyễn thị Vinh, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Duyên Anh, Nhã Ca, Lê Tất Điều, Nhật Tiến, do *James Banerian* dịch sang Anh ngữ, với lời giới thiệu của giáo sư Nguyễn Đình-Hoà , sách dày 162 trang, giá 8.00 MK. Đã có bày bán ở các hiệu sách.

* *Một ngày tất đến,* tập nhạc của *Khúc Lan,* do Phong trào Hưng

Ca Việt Nam xuất bản, lời tựa của Hà Thúc Sinh, gồm 36 ca khúc, phụ bản tranh Võ Đình và Lê Tài Điển. Giá 5.00 MK. Muốn mua xin liên lạc : Khúc Lan, 11661 Gary St, Garden Grove, CA, 92640 USA.

* *Hơi thở Việt Nam*, tập thơ của *Luân Hoán*, Sông Thu và Nhân Văn xuất bản, gồm 40 bài thơ , bìa của Nghiêu Đề. Dày 100 trang. Giá 6.00 MK. Địa chỉ liên lạc : Lê ngọc Châu, 4655 Bourret # 21 . Montreal PQ H3W 1K9. Canada.

* *Mật tông và Kinh Đại thừa*, của *Tịnh Liên Nghiêm xuân Hồng*. Ức Trai xuất bản, tiểu luận về Kim cang thừa, dày 316 trang. Giá 12.00 MK. Địa chỉ nhà Ức Trai : 3542 Pine Creek Dr San Jose, CA, USA, 95131.

* *Thi hữu bốn phương với Độc Cước*, tập thơ quay roneo lưu niệm của tác giả , xuất bản ở Houston. Không bán.

* *Màu cỏ úa*, tiểu thuyết của *Nguyễn ngọc Ngạn*, Chiêu Dương xuất bản tại Úc đại lợi, Làng Văn phát hành tại Mỹ và Canada. Giá 9.00 MK, hiện có bán tại các hiệu sách.

* *Phấn Bướm* , tiểu thuyết của *Hồ Trường An*, Làng Văn xuất bản. Sách in đẹp, hiện có bán tại các hiệu sách. Giá 12.00 MK.

* *Mùa Biển Động tập 3* của *Nguyễn mộng Giác*, tập thứ ba trong bộ trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động, do Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 346 trang. Giá 12.00 MK.

* *Mùa Biển Động bộ 1* gồm 3 cuốn đã xuất bản đóng chung, dày tất cả 770 trang. Sách đóng bộ hạn chế chỉ dành bán riêng cho các bạn chơi sách mua qua bưu điện. Giá 25.00 MK. Liên lạc với địa chỉ nhà xuất bản Văn Nghệ : PO Box 2301 Westminster, Ca, USA, 92683.

* *Hai mươi năm văn học Miền Nam 54-75*, biên khảo của *Võ Phiến*, Văn Nghệ xuất bản. Dày 370 trang. Giá 13.00 MK.

* *Ký thác*, tập truyện của *Bình Nguyên Lộc*, Văn Nghệ xuất bản, dày 160 trang. Giá 7.00 MK.

CÁO LỖI

Vì bài vở số báo này quá nhiều vượt quá số trang dự tính, nên Văn Học số 8 & 9 tạm hoãn mục thường xuyên ***Điểm sách*** và ***Thời sự văn học nghệ thuật*** lại một kỳ.

Cả hai bài dự định đăng trên số này cuối cùng cũng phải gác lại số sau là :

Dạy tiếng Việt theo phương pháp tự nhiên của Phạm văn Hải.

Thoáng mây truyện ngắn của Hồ đình Nghiêm.

Trân trọng cáo lỗi cùng quí bạn đọc và các văn hữu đã có lòng ưu ái gửi tin và bài về. Một số sách hẹn điểm trên số này cũng xin khất lại số sau, tháng 11.1986.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

P O Box 2301
Westminster, CA USA. 92683
Phone : (714) 838 8432

NHỮNG SÁCH NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

**** Đời viết văn của tôi***
của Nguyễn Hiến Lê. Dày 280 trang. Giá 10.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Tùy Bút 1***
của Võ Phiến. Dày 340 trang. Giá 12.00MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Mùa Biển Động tập 3.***
của Nguyễn Mộng Giác. Dày 346 trang. Giá 12.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Những Đợt Sóng Ngầm***
tức Mùa Biển Động tập 1 của Nguyễn Mộng Giác, tái bản lần thứ nhất. Dày 180 trang. Giá 8.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

**** Bão Nổi***
tức Mùa Biển Động tập 2 của Nguyễn Mộng Giác. Dày 246 trang. Tái bản lần thứ nhất. Giá 9.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

**** Ngựa Nản Chân Bon***
tập truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác. Tái bản lần thứ hai. Dày 202 trang. Giá 8.50 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

**** Hai mươi năm văn học Miền Nam***
Biên khảo của Võ Phiến. Dày 370 trang. Giá 13.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 2.00 MK

**** Ký Thác.*** Tập truyện của Bình Nguyên Lộc. Dày 160 trang. Giá 7.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

Ngân, chi phiếu xin đề ***Văn Nghệ***
(ngoài Hoa Kỳ xin gửi bằng international money order)
Thư từ liên lạc xin gửi về Ông ***Võ Thắng Tiết***

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn phòng Los Angeles
304 S Broadway St # 534
Los Angeles, CA, 90013
(Góc Broadway và đường số 3rd, Downtown)

(213) 621. 7622
Mở cửa cuối tuần theo hẹn

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA, 92 641
(Góc Chapman và Brookhurst)

(714) 537. 8771
Chúng tôi mở cửa ngày thứ Bảy

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA
Xin vui lòng gọi Bà
THƯƠNG NGUYỄN BARASCH
(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771
BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường các tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L.A County xin gọi Collect.*

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu, Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- **THĂM THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.**
- **BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.**
- **HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN**
- **GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÁ SỬA ÂM ĐẠO**
- **TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...**

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: *(714) 531-5505*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

Tạp-chí **The Vietnam Forum.** Văn-hóa, văn-nghệ, lịch-sử. Chủ-bút: Huỳnh Sanh Thông. [Bản The N.Y. Times giới-thiệu khen ngợi, May 19, 1985.] Một năm (2 số): 10 Mỹ-kim ở Hoa-Kỳ và Canada; 12 Mỹ-kim ở các nơi khác.

Tủ sách Lạc-Việt

1. Nguyễn Chí Thiện. **Hoa địa-ngục / Flowers from Hell** (song-ngữ). Giải thưởng Poetry International (Thi-ca Quốc-tế) năm 1985. 7 Mỹ-kim.
2. John K. Whitmore. **Vietnam, Hồ Quý Ly, and the Ming (1371-1421).** 10 Mỹ-kim.
3. Đặng Trần Côn & Phan Huy Ích. **Chinh phụ ngâm / The Song of a Soldier's Wife** (song-ngữ). Bản dịch Huỳnh Sanh Thông. Minh-họa Trùng Dương. 7 Mỹ-kim.

Chi-phiếu, ngân-phiếu để trả cho và gửi về:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

TUỔI TRẺ VIỆT NAM THẬP NIÊN 80
NGHĨ GÌ ? LÀM GÌ ? VIẾT GÌ ?
ĐỜI SỐNG VÀ CÂY BÚT CHÌ
CỦA TRẦN TRÚC GIANG

Đọc Trần Trúc Giang
Để tìm hiểu những cuốn hút của chính mình
Để thở với nỗi quay cuồng và đối kháng của tư tưởng, để hoà với nét viết tự nhiên không gò bó
Nét viết đầy âm thanh và hoạ tính
THẾ GIỚI LƯU VONG HÔM NAY ẤN HÀNH

CỦA TIN, GỌI MỘT CHÚT NÀY LÀM GHI

* *

Sau ngày Miền Nam sụp đổ :

– Hàng chục văn gia, trí thức Miền Nam bị bức tử trong tù và ngoài tù.

– Hàng trăm văn nhân thi sĩ ký giả Miền Nam bị đọa đày trong ngục tối.

– Tất cả báo chí của Miền Nam đều đóng cửa.

– Tất cả văn nghệ phẩm của Miền Nam bị cấm lưu hành, tàng trữ.

– Tất cả các nhà cầm bút tự do của Miền Nam nhất loạt ngưng bút.

– Hàng mấy chục triệu ấn phẩm bị tịch thu, tiêu hủy.

Tóm lại, hết thảy mọi dấu vết sinh hoạt tinh thần của 20 triệu đồng bào Miền Nam trong 20 năm tự do bị xóa bỏ.

BÂY GIỜ CÒN LẠI GÌ ?

Họa chăng còn một cố gắng cứu vớt, thu gọn trong một cuốn sách :

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM

của Võ Phiến

Mua sách ấy :

– Là góp tay bảo tồn đời sống tinh thần của chúng ta vào một thời kỳ bất hạnh đáng thương.

– Là níu lại những cảm nghĩ buồn vui, những tiếng khóc nụ cười của một thời kỳ không thể quên.

Cuốn sách thứ 3 của nhà xuất bản VĂN NGHỆ.

Phát hành vào tháng 8.1986

Sách dày 370 trang. Giá 13.00 Mỹ kim

Ngoài nước Mỹ thêm 2.00 Mỹ kim cước phí.

Thư và chi phiếu xin gửi về : Ông Võ Thắng Tiết

Po Box 2301 Westminster, Ca , USA, 92683.

Phone : (714) 838 8432

ĐẶC BIỆT : BẠN ĐỌC MUỐN CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ, XIN GỬI THƯ CHO NHÀ XUẤT BẢN BIẾT

KÝ THÁC

Tập truyện của Bình Nguyên Lộc

Sáng tác hồi 30 năm trước, vừa được tái bản tại Hoa Kỳ (đây là lần in thứ nhất tại hải ngoại, sau hai lần in ở Saigon). Thanh niên Bình Nguyên Lộc đã ký gởi những gì trong đó? Những mối tình của anh ấy chăng? Những trác táng của thanh niên đó? Những *"bước truân chuyên"* của *"thuở trời đất nổi cơn gió bụi"*? Đọc xong mới rõ.

Đặc biệt trong tập này có truyện *"Rừng mắm"* đã được dịch ra ba ngoại ngữ. Giáo sư đại học kiêm luật sư tòa thượng thẩm Nghiêm-Xuân-Việt dịch ra Pháp văn, nhà văn J. Banerian ở San Diego dịch ra Anh văn, in trong tập Vietnamese Short Stories vừa xuất bản, bản dịch thứ ba ở Tây Đức, chưa thu lượm được tin tức về dịch giả, vì bản dịch này không có xin phép của tác giả. Truyện *"Ba con cáo"* do nhà văn Lê-văn-Hoàn ở San Francisco dịch ra Anh Văn, được giải nhất truyện ngắn quốc tế tại Manila. Truyện *"Ăn cơm chưa"* được Nghiêm-Xuân-Việt dịch ra Pháp văn ở Pháp truyện *"Người tài xế điên"* được 12 tờ báo ở Saigon xin phép đăng lại.

Sách dày 160 trang giá 7.00 MK
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX.2301, Westminster, ca 92683
Phone (714) 838-8432

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

*Sáu tháng..... $13.00 US
*Một năm..... $25.00 US
*Hai năm..... $45.00 US
*Mỗi số ..... $2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số..... $2.50 US
Tàu thủy mỗi số ..... $1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số..... $3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA. 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

Di's Printing

Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
. . . . . .
đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
đã phát hành khắp nơi :

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3

của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Sách dày 346 trang. Giá 12.00 MK.
Phần thứ ba của bộ trường thiên tiểu thuyết ghi lại tâm trạng của một thế hệ thanh niên trong giai đoạn lịch sử gay cấn nhất của Miền Nam, từ 1963 cho đến ngày nay. Cuốn tiểu thuyết mọi người đang theo dõi và trông đợi.

Ngoài ra, nhà xuất bản Văn Nghệ cũng đã cho phát hành :

* Tập 1 Mùa Biển Động (Những đợt sóng ngầm). Dày 180 trang. Giá 8.00 MK

* Tập 2 Mùa Biển Động (Bão Nổi). Dày 246 trang. Giá 9.00 MK.

* Ngựa Nản Chân Bon, tập truyện ngắn. Dày 202 trang. Giá 8.50 MK.

* Mùa Biển Động đóng bộ 3 tập , dày 770 trang. Sách quí đặc biệt dành cho các bạn chơi sách. Giá 25.00 MK có chữ ký của tác giả.

Tìm mua ngay ở các hiệu sách gần nơi bạn ở.
Nếu chưa thấy bán, xin liên lạc với

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
PO Box 2301
Westminster , Cali, USA 92 683
Phone (714) 838 8432

Những giá trên đây là giá bán tại Hoa Kỳ. Ngoài Hoa Kỳ, muốn mua sách theo đường bưu điện xin thêm mỗi cuốn 2 MK bưu phí.

Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

Số đôi : 210 trang.
Giá bán lẻ : US $ 4.00